



## CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

TÀI LIỆU DÀNH CHO HỌC VIÊN  
NGÀNH HÀNH PHÁP VÀ TƯ PHÁP VIỆT NAM

**Hà Nội, 2011**  
(Tái bản lần 2)





# CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

TÀI LIỆU DÀNH CHO HỌC VIÊN  
NGÀNH HÀNH PHÁP VÀ TƯ PHÁP VIỆT NAM



# UNODC

United Nations Office on Drugs and Crime

## Lời cảm ơn

Tài liệu này được xây dựng thử nghiệm và chỉnh lý trong khuôn khổ dự án của Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm Liên Hiệp quốc (UNODC) “Tăng cường năng lực cho các cơ quan hành pháp và tư pháp chống bạo lực gia đình ở Việt Nam” (VNM/T28) dựa trên bản thảo tài liệu của UNODC “Giáo trình tập huấn: Xử lý hiệu quả bạo lực đối với phụ nữ của cảnh sát”.

Dự án của UNODC được tài trợ bởi Cơ quan Hợp tác và Phát triển Thụy Sĩ (SDC), Chính phủ Hoa Kỳ và Quỹ phát triển thiên niên kỷ Tây Ban Nha thông qua Chương trình chung của Liên Hiệp quốc về bình đẳng giới.

UNODC xin bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đến bà Eileen Skinnider về việc xây dựng tài liệu. Bà Skinnider cũng đã được sự giúp đỡ của các chuyên gia đến từ Bộ Công an (Ông Lê Hữu Anh), Bộ Tư pháp (Bà Đỗ Thúy Vân) và Trường cán bộ tòa án (Ông Cao Việt Hoàng) trong quá trình xây dựng bản thảo về những đóng góp rất quý giá của họ.

Nhóm điều phối dự án của UNODC Việt Nam đã đóng góp cho việc xây dựng tài liệu gồm có Bà Jenni Viitala, Ông Nguyễn Tuấn Anh, Bà Nhữ Thị Minh Nguyệt, Ông Nguyễn Hoa Chi, Bà Daria Hagemann, Bà Phan Minh Châu và Bà Trần Thị Thanh Vân.



## **NỘI DUNG**



## Nội dung

<b>MÔ-ĐUN 1:</b> .....	<b>9</b>
<b>GIỚI THIỆU: TẬP HUẤN VỀ BLGD CHO CÁC CÁN BỘ HÀNH PHÁP VÀ TƯ PHÁP TẠI VIỆT NAM</b> .....	<b>11</b>
Mục 1: Xuất phát điểm và mục đích của tài liệu .....	11
Mục 2: Xác định bối cảnh .....	13
<b>MÔ-ĐUN 2:</b> .....	<b>19</b>
<b>TÌM HIỂU VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ BẠO LỰC GIA ĐÌNH</b> .....	<b>21</b>
Mục 1: Hiểu về mối liên hệ giữa bất bình đẳng giới và BLGD .....	21
Mục 2: Khái niệm giới và bình đẳng giới .....	21
Mục 3: Định nghĩa bạo lực gia đình.....	24
Mục 4: Quan niệm sai lầm và sự thực về bạo lực gia đình .....	28
Mục 5: Tìm hiểu về Vòng tròn bạo lực .....	30
Mục 6: Hậu quả của bạo lực gia đình .....	31
Mục 7: Tóm tắt ý chính .....	33
<b>MÔ-ĐUN 3:</b> .....	<b>35</b>
<b>KHUNG PHÁP LÝ CỦA VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH</b> .....	<b>37</b>
Mục 1: Tiêu chuẩn quốc tế liên quan .....	37
Mục 2: Khung pháp lý của Việt Nam .....	40
Mục 3: Thủ tục pháp lý .....	51
Mục 4: Các cơ quan có trách nhiệm .....	55
<b>MÔ-ĐUN 4:</b> .....	<b>83</b>
<b>XỬ LÝ BAN ĐẦU ĐỐI VỚI CÁC VỤ BẠO LỰC GIA ĐÌNH</b> .....	<b>85</b>
Mục 1: Giải quyết bạo lực gia đình với tư cách là cơ quan xử lý ban đầu-Tổng quan .....	85
Mục 2: Xử lý bạo lực gia đình – Tiếp nhận thông tin ban đầu .....	86
Mục 3: Đến hiện trường vụ việc bạo lực gia đình .....	87
Mục 4: Công tác thu thập chứng cứ .....	88
Mục 5: Đánh giá ban đầu về vụ việc bạo lực gia đình .....	97
Mục 6: Lập và quản lý hồ sơ .....	100
Mục 7: Bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân .....	103
<b>MÔ-ĐUN 5:</b> .....	<b>109</b>
<b>HỆ THỐNG XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ VẤN ĐỀ BẠO LỰC GIA ĐÌNH</b> .....	<b>111</b>
Mục 1: Khái quát về hệ thống xử lý vi phạm hành chính về bạo lực gia đình.....	111
Mục 2: Xử phạt hành chính trong các vụ việc bạo lực gia đình .....	114
Mục 3: Các biện pháp khác liên quan tới vi phạm hành chính .....	118
<b>MÔ-ĐUN 6:</b> .....	<b>123</b>
<b>HỆ THỐNG TƯ PHÁP HÌNH SỰ VÀ CÁC VỤ BẠO LỰC GIA ĐÌNH</b> .....	<b>125</b>
Mục 1: Khái quát về hệ thống tư pháp hình sự trong giải quyết các vụ án bạo lực gia đình .....	125
Mục 2: Tiến hành điều tra vụ án hình sự .....	129
Mục 3: Quyết định khởi tố vụ án hình sự .....	132
Mục 4: Các biện pháp ngăn chặn phù hợp.....	141
Mục 5: Tiến hành phiên tòa .....	142
Mục 6: Kỹ thuật làm việc với nạn nhân .....	146
<b>PHỤ LỤC</b> .....	

## Lời nói đầu

Bạo lực đối với phụ nữ là hiện tượng mang tính toàn cầu nhưng mức độ ảnh hưởng và hậu quả của nó vẫn thường bị đánh giá thấp. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến 1/3 số phụ nữ trên thế giới vì cứ 3 người phụ nữ thì có một người đã từng bị đánh, cưỡng bức về tình dục hay các hình thức lạm dụng khác trong cuộc đời. Hệ thống tư pháp hình sự có vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn bạo lực gia đình. Ở Việt Nam, một khuôn khổ pháp lý đã cho phép cảnh sát và các cơ quan tư pháp ngăn chặn có hiệu quả các vụ bạo lực gia đình. Tuy nhiên, để thực hiện được nhiệm vụ này đòi hỏi phải có những kỹ thuật đặc biệt và đó là điều mà tài liệu tập huấn của UNODC muốn truyền tải.

Tài liệu tập huấn này được xây dựng thử nghiệm và chỉnh lý trong khuôn khổ dự án “Tăng cường năng lực cho các cơ quan hành pháp và tư pháp chống bạo lực gia đình ở Việt Nam” (VNM/T28) của UNODC. Dự án nhằm đóng góp cho mục tiêu phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ một cách hiệu quả thông qua tăng cường năng lực cho các cơ quan hành pháp và tư pháp. Trên cơ sở mục tiêu của dự án, lực lượng công an và tư pháp sẽ được tập huấn về các nguyên tắc bình đẳng giới, các đặc điểm của bạo lực gia đình và phương pháp thực tiễn tốt nhất để áp dụng đối với nạn nhân, người làm chứng và thủ phạm.

Dự án tổ chức khóa tập huấn theo thể thức “tập huấn giảng viên nguồn”. Với mục đích đó, những tài liệu tập huấn riêng biệt cho giảng viên và học viên đã được xây dựng. Chúng tôi hy vọng rằng những công cụ tập huấn dành cho lực lượng công an và tư pháp này sẽ hỗ trợ đắc lực các cán bộ địa phương trong việc trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình tiếp cận các dịch vụ tư pháp.



Zhuldyz Akisheva  
Giám đốc quốc gia

Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm LHQ tại Việt Nam

Bạo lực gia đình có nguồn gốc từ lâu đời trong xã hội phong kiến Việt Nam và diễn ra ở tất cả các tầng lớp xã hội, ở cả nông thôn và thành thị Việt Nam. Hậu quả của bạo lực gia đình là rất lớn không chỉ đối với nạn nhân và người thân của họ mà còn gây tổn kém về chi phí cho công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, chữa trị thương tích và công tác trợ giúp nạn nhân của bạo lực gia đình.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã rất quan tâm đến công tác đấu tranh phòng chống bạo lực gia đình. Từ năm 1980, Chính phủ Việt Nam đã ký kết gia nhập Công ước về loại bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW). Luật phòng chống bạo lực gia đình đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào tháng 11/2007 và có hiệu lực từ ngày 1/7/2008. Quá trình thực hiện đã đạt những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên tình hình bạo lực gia đình vẫn diễn biến phức tạp cả về số vụ và mức độ nghiêm trọng.

Công tác tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho các cơ quan hành pháp và tư pháp chống bạo lực gia đình ở Việt Nam là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Chúng tôi hy vọng tập tài liệu này sẽ góp phần tăng cường khả năng phòng ngừa, phát hiện, điều tra xử lý nghiêm khắc và hạn chế hậu quả, tác hại của các vụ bạo lực gia đình.



Thiếu tướng  
Nguyễn Văn Ba

Phó Tổng cục trưởng, Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm



**MÔ-ĐUN 1**

**GIỚI THIỆU: TẬP HUẤN VỀ PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH  
CHO CÁC CÁN BỘ HÀNH PHÁP VÀ TƯ PHÁP TẠI VIỆT NAM**



**UNODC**

**United Nations Office on Drugs and Crime**



## Mô-đun 1

### Giới thiệu: Tập huấn về phòng chống bạo lực gia đình cho các cán bộ hành pháp và tư pháp tại Việt Nam

#### **Mục 1: Xuất phát điểm và mục đích của Tài liệu**<sup>1</sup>

Bạo lực gia đình (BLGD) là một vấn đề phổ biến ở khắp nơi trên thế giới, ở tất cả các nền văn hóa và nhóm xã hội. Nó có ảnh hưởng nghiêm trọng về thể chất, tinh cảm, tài chính và xã hội đối với các nạn nhân, các gia đình và cộng đồng. Các nạn nhân phần lớn là phụ nữ, những người gặp phải rất nhiều khó khăn khi tiếp cận các dịch vụ pháp lý và các biện pháp bảo vệ. Ở nhiều xã hội trong đó có Việt Nam, bất bình đẳng giới từ bao đời và nền văn hóa phụ hệ đã khiến người phụ nữ phải chấp nhận, cam chịu và thậm chí giải thích một cách duy lý BLGD và giữ im lặng khi bị BLGD. Quốc tế đã nhận thấy sự cần thiết phải có phương pháp tiếp cận toàn diện và đa ngành để giải quyết vấn đề xã hội phức tạp này, trong đó các cơ quan hành pháp và tư pháp có vai trò vô cùng quan trọng.

Luật Phòng, chống BLGD mới được thông qua gần đây của Việt Nam nêu lên một thông điệp rõ ràng rằng BLGD là không thể chấp nhận được và không còn được coi là “chuyện riêng tư”. Ở Việt Nam, nhiều cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội có trách nhiệm cùng phối hợp để giải quyết BLGD một cách toàn diện, đồng bộ. Các cơ quan hành pháp và tư pháp là những cơ quan chủ chốt, có thể phát huy hiệu quả trong việc bảo vệ nạn nhân, xử lý người gây bạo lực, giúp nạn nhân tiếp cận với các dịch vụ tư pháp và được bồi thường, đáp ứng những nhu cầu đặc biệt và tính dễ tổn thương của các nạn nhân là phụ nữ trong hệ thống pháp lý.

Tài liệu tập huấn này dành cho các cán bộ trong cơ quan hành pháp và tư pháp. Nó được thiết kế chủ yếu cho những người tiếp cận đầu tiên khi bạo lực xảy ra. Tuy nhiên tài liệu cũng sẽ có ích đối với những cán bộ khác trong ngành tư pháp như kiểm sát viên, thẩm phán, nhân viên hành chính của tòa và các cán bộ tư pháp tham gia phòng ngừa, điều tra, truy tố và xét xử các vụ BLGD. Tài liệu tập huấn này được xây dựng bởi Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm Liên Hiệp quốc (UNODC) tại Việt Nam, với sự hỗ trợ của Bộ Công an và Bộ Tư pháp. Đây là một trong những hợp phần quan trọng nhất trong dự án của UNODC “Tăng cường năng lực cho các cơ quan hành pháp và tư pháp chống BLGD ở Việt Nam” (VNM/T28), và là một phần trong Chương trình chung về Bình đẳng giới của Cơ quan LHQ.

#### **1.1 Mục tiêu của Tài liệu tập huấn**

Cuốn tài liệu này nhằm:

- Tăng cường hiểu biết cho cán bộ Công an, Ủy ban nhân dân (UBND), các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án về động cơ của BLGD, nguyên nhân gốc rễ của bạo lực và khái niệm về bình đẳng giới.
- Giới thiệu đến cán bộ cảnh sát và tư pháp các luật của Việt Nam và chuẩn mực quốc tế liên quan đến những vấn đề chính trong việc giải quyết BLGD, nhất là bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình.
- Phát triển kỹ năng cho cán bộ Công an và UBND địa phương - những người tiếp cận đầu tiên khi BLGD xảy ra; cho cán bộ Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án để có thể giải quyết hiệu quả vấn đề BLGD, đảm bảo an toàn cho nạn nhân đồng thời buộc người gây bạo lực phải chịu trách nhiệm.

#### **1.2 Các đối tượng đích**

Đối tượng tham gia tập huấn là cán bộ hành pháp và tư pháp, trong đó chủ yếu bao gồm:

- Những người tiếp cận đầu tiên, bao gồm cán bộ Công an và UBND địa phương
- Cán bộ điều tra hình sự;
- Kiểm sát viên;
- Các thẩm phán và cán bộ Tòa án.

<sup>1</sup> Tài liệu tập huấn này chủ yếu dựa trên các tài liệu tập huấn từ trước của UNODC, nhất là dự thảo tài liệu của UNODC “Giáo trình tập huấn: Phản ứng hiệu quả của cảnh sát trước bạo lực đối với phụ nữ” do Mark Lalonde xây dựng; dự thảo tài liệu của UNODC “Số tay về Trình tự quốc gia trong việc xác định và điều tra các vụ buôn bán người ở Việt Nam”.

Thành phần dự tập huấn còn có thể bao gồm cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam vì cán bộ Hội là thành viên các tổ hòa giải và có trách nhiệm phối hợp với Cảnh sát trong vấn đề này. Ngoài ra, cán bộ tư pháp của xã hoặc huyện là người hướng dẫn các tổ hòa giải nên cũng rất có lợi nếu được tham gia tập huấn.

### 1.3 Phạm vi của tài liệu tập huấn

Tài liệu tập huấn này chủ yếu tập trung vào bạo lực đối với phụ nữ trong quan hệ gia đình và quan hệ tình cảm, bao gồm bạo lực từ chồng hoặc bạn tình, chồng cũ hoặc bạn tình cũ, đồng thời gồm cả bạo lực từ các thành viên khác trong gia đình như con trai, bố mẹ chồng, hoặc những người thân khác.

Mặc dù các hình thức khác của bạo lực gia đình cũng nghiêm trọng, song trong khuôn khổ dự án tài liệu này tập trung để cập tới những đặc thù của bạo lực đối với phụ nữ trong quan hệ tình cảm. Thực tế cho thấy nạn nhân của BLGD phần đông là phụ nữ. Mặc dù các số liệu có khác nhau, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng số nạn nhân là phụ nữ chiếm tới 95% tổng số các vụ BLGD<sup>2</sup>. Sự bất bình đẳng giới ăn sâu bám rễ và nền văn hóa phụ hệ vẫn là nguyên nhân khiến những nạn nhân nữ dễ bị tổn thương và hạn chế trong việc thực hiện quyền của mình. Các nạn nhân nữ cần có sự hỗ trợ và bảo vệ đặc biệt do tính chất quan hệ tình cảm mà trong đó bạo lực xảy ra.

Tài liệu này không đề cập chi tiết tới trường hợp trẻ em là nạn nhân trực tiếp của BLGD bởi việc này đòi hỏi các kỹ năng chuyên biệt trong việc xác định, đánh giá và tương tác với trẻ em bị bạo lực. Tuy nhiên, ngày nay người ta ngày càng khẳng định việc trẻ em chứng kiến bạo lực với mẹ mình cũng được coi nạn nhân và bởi vậy các biện pháp can thiệp để bảo vệ và hỗ trợ các bà mẹ cũng cần xem xét đến nhu cầu của con cái họ.

### 1.4 Cấu trúc của tài liệu tập huấn

Tài liệu bao gồm các mô-đun sau:

1. Giới thiệu: Tập huấn về phòng chống BLGD cho cán bộ hành pháp và tư pháp tại Việt Nam
2. Hướng dẫn cho giảng viên về cách tiếp cận hiệu quả trong tập huấn phòng chống BLGD
3. Kiến thức về Bình đẳng giới và BLGD
4. Khung pháp lý phòng chống BLGD tại Việt Nam
5. Những người tiếp cận đầu tiên khi bạo lực xảy ra
6. Hệ thống xử lý hành chính và các tình huống BLGD
7. Hệ thống tư pháp hình sự và các tình huống BLGD

Các mô-đun được thiết kế để mang tính thực tế, cụ thể và hữu dụng. Mỗi mô-đun bao gồm tóm tắt các nội dung chính của vấn đề, tài liệu tham khảo về luật pháp, chính sách và thực tế liên quan của Việt Nam; ví dụ về những thực tiễn tốt và chuẩn mực quốc tế.

Chương trình tập huấn sử dụng phương pháp học tập trải nghiệm và cùng tham gia trong đó có nhiều kỹ thuật tập huấn khác nhau như các hoạt động khởi động và “phá băng”, thuyết trình và thảo luận, làm việc theo nhóm, động não, xử lý tình huống, đóng vai và mô phỏng.

Chương trình tập huấn này kéo dài 3 ngày. Ngày đầu tiên được thiết kế nhằm tăng cường kiến thức và sự hiểu biết cho học viên về khái niệm giới và BLGD. Buổi sáng ngày thứ hai sẽ giới thiệu khung pháp lý phòng chống BLGD ở Việt Nam. Buổi chiều ngày thứ hai và ngày cuối cùng được thiết kế để nêu bật lên vai trò và kỹ năng của Công an địa phương với tư cách người tiếp cận đầu tiên khi bạo lực xảy ra, đồng thời cũng được thiết kế có hiệu quả cho các Điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán.

<sup>2</sup> Tài liệu tập huấn của tổ chức Vận động về Quyền con người của Minnesota. Theo thống kê của Canada, phụ nữ là nạn nhân của BLGD chiếm 83% tổng số vụ việc: Thống kê Canada “Bạo lực gia đình ở Canada: Hồ sơ thống kê năm 2008”.

## Mục 2: Xác định bối cảnh

### 2.1 Bạo lực gia đình ở Việt Nam

BLGD là vấn đề thường xuyên và nghiêm trọng trong cuộc sống của nhiều phụ nữ ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Các phương tiện thông tin đại chúng chỉ đưa tin về một số ít các vụ việc gây chấn động, thường là những vụ mà hệ thống tư pháp hình sự biết đến, nhưng đa phần các vụ BLGD không được trình báo và không được biết đến. Nhiều nạn nhân không trình báo với Công an hoặc chia sẻ với người khác vì thấy xấu hổ, bối rối hoặc sợ hãi. Đặc biệt việc cưỡng bức tình dục trong hôn nhân thường rất ít được biết đến, có chăng cũng rất ít vụ được trình báo. Những nạn nhân BLGD có trình báo với Công an có thể lại được Công an cơ sở khuyên nên tiếp tục sống với người chồng bạo lực để giữ gìn gia đình hoặc giới thiệu sang tổ hòa giải, nơi có thể cho rằng phụ nữ cũng có lỗi trong vụ việc bạo lực. Nạn nhân của những vụ việc được xử lý hành chính hoặc hình sự có thể bị tổn thương thêm lần nữa trong quá trình đó.

Cũng như ở nhiều xã hội khác, BLGD ở Việt Nam là một vấn đề phức tạp. Nó được tiếp sức bởi truyền thống văn hóa và niềm tin mạnh mẽ về gia đình và vai trò giới trong quá khứ. Ở Việt Nam, quyền bình đẳng giữa nam và nữ được chính thức thừa nhận trong Hiến pháp đầu tiên năm 1946. Tuy nhiên, nam giới tiếp tục giữ vai trò lãnh đạo trong và ngoài gia đình trong khi phụ nữ chịu trách nhiệm chính về việc nhà và chăm sóc con cái. Quan niệm cho rằng người chồng có thể dùng vũ lực như một cách hợp pháp để giáo dục hoặc chấn chỉnh vợ mình thường được đưa ra để hợp lý hóa hành vi bạo lực thành một cách hữu hiệu để duy trì sự kiểm soát đối với phụ nữ.

Ở Việt Nam, tầm quan trọng của gia đình được nhấn mạnh trong Hiến pháp. Cũng như trong tất cả các xã hội, gia đình được xem là đơn vị cơ bản và tự nhiên của xã hội. Để xây dựng các gia đình lành mạnh, hôn nhân tiến bộ và hạnh phúc, các thành viên trong gia đình cần đối xử với nhau bằng sự tôn trọng và phẩm giá. Thông thường, công tác hòa giải BLGD thường chú trọng việc lập lại hòa khí và duy trì gia đình chứ không vì sự an toàn của người phụ nữ. Nếu nguyên nhân gốc rễ của bạo lực không được giải quyết thì bạo lực sẽ còn tiếp diễn và điều đó đe dọa sự ổn định của gia đình và ảnh hưởng tiêu cực đến tất cả các thành viên trong gia đình, bao gồm cả những trẻ em phải chứng kiến bạo lực.

Hiện nay chưa có dữ liệu toàn diện về tình trạng BLGD tại Việt Nam. Tổng cục Thống kê với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) vừa qua đã tiến hành một cuộc khảo sát toàn quốc về tình hình bạo lực gia đình đối với phụ nữ và báo cáo khảo sát dự kiến được công bố vào cuối năm 2011. Một số nghiên cứu trên diện hẹp đã góp phần nâng cao hiểu biết về tình trạng BLGD phổ biến ở Việt Nam<sup>3</sup>. Các nghiên cứu cho thấy BLGD đang diễn ra ở mọi vùng miền, từ thành thị đến nông thôn, ở mọi giai cấp, thành phần kinh tế và tầng lớp xã hội. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng BLGD có thể bao gồm việc bỏ bê, chửi bới, đánh đập và bắt ép quan hệ tình dục; dạng bạo lực phổ biến nhất là bạo lực của chồng đối với vợ<sup>4</sup>.

Các nghiên cứu cũng cho thấy một số khó khăn chủ yếu đối với phụ nữ là nạn nhân của bạo lực<sup>5</sup>:

- BLGD thường được nhìn nhận như một “vấn đề gia đình” mà sự can thiệp của người ngoài chỉ là giải pháp cuối cùng.
- Cả nam giới và phụ nữ đều coi việc đàn ông chửi bới hoặc đánh vợ để phạt hoặc dạy vợ là có thể chấp nhận nếu người vợ xúc phạm chồng hoặc hành xử trái với ý chồng, trái với gia pháp nhà chồng hoặc các tiêu chuẩn xã hội.
- Nhiều người quan niệm rằng đàn ông đánh vợ là do những đặc điểm tự nhiên của nam giới như nóng nảy, thiếu kiên nhẫn hoặc say rượu.
- Rất ít người nhận thấy BLGD đối với phụ nữ bắt nguồn từ quan hệ bất bình đẳng và những định kiến giới.

<sup>3</sup> TS. Vũ Mạnh Lợi, TS. Vũ Tuấn Huy, TS. Nguyễn Hữu Minh và Jennifer Clement, Bạo lực trên Cơ sở Giới: Trường hợp của người Việt Nam (Ngân hàng Thế giới, Việt Nam: 1999).

<sup>4</sup> Trần Quốc Tú, BLGD với Phụ nữ: Thực trạng và các biện pháp can thiệp, báo cáo chưa xuất bản, được trích dẫn trong Bộ công cụ về Giới của UNDP: Việt Nam, tháng 12 năm 2000.

<sup>5</sup> La Thu Meng Phing, Báo cáo nghiên cứu về BLGD trên cơ sở giới ở tỉnh Điện Biên (ActionAid: 2007).

## Số liệu thống kê của Việt Nam

- Tại một làng của Việt Nam, ước tính có 70% các ông chồng thường xuyên có hành vi bạo lực về thể chất đối với vợ <sup>6</sup>.
- Tại một làng khác, khoảng 40% những người vợ thường xuyên bị đánh đập.
- Chỉ 3,5% số nam giới và 23% số phụ nữ tham gia một khảo sát của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam coi việc đánh vợ là không thể chấp nhận được <sup>7</sup>.
- BLGD là nguyên nhân của 66% tổng số các vụ ly hôn <sup>8</sup>.
- Một nghiên cứu cho thấy hơn 32% các vụ BLGD có nạn nhân phải hứng chịu một hoặc nhiều hành vi kiểm soát của bạn đời/bạn tình <sup>9</sup>.
- Tại một bệnh viện ở Việt Nam, mỗi ngày có trung bình 5-6 phụ nữ nhập viện do hậu quả của BLGD. 50% các ca nhập viện là do chấn thương đầu; 40% có vết thương khắp cơ thể; 15% bị bạo lực hơn 10 năm <sup>10</sup>.
- Trung bình 2-3 ngày có một trường hợp tử vong vì nguyên nhân BLGD <sup>11</sup>.

UNODC đã tiến hành một nghiên cứu về chất lượng dịch vụ tư pháp cho nạn nhân BLGD ở Việt Nam. Một số phát hiện chính bao gồm <sup>12</sup>:

- Hầu hết nạn nhân (65%) thấy việc trình báo các vụ BLGD tới Công an là dễ dàng và cho rằng Công an đã lịch sự với nạn nhân (76%), tuy nhiên nhiều người chưa hài lòng với kết quả xử lý của Công an (47%) và cho rằng các biện pháp xử lý của Công an chưa đủ nghiêm minh (54%).
- Trong 83% các vụ việc thì Công an có đến nhà nạn nhân; tuy nhiên, 34% được Công an yêu cầu tự giải quyết vụ việc trong nội bộ gia đình hoặc liên hệ với các cơ quan khác như Hội Phụ nữ hoặc tổ hòa giải.
- Chỉ có 8% các nạn nhân sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý.
- Trong 77% các vụ BLGD được hòa giải, bạo lực vẫn tiếp diễn sau hòa giải.

## Dữ liệu về tình hình thế giới <sup>13</sup>

- Trên toàn cầu, tính trung bình, cứ 3 phụ nữ thì ít nhất có 1 người trong đời từng bị đánh, bị ép buộc quan hệ tình dục hoặc bị bạo lực theo hình thức khác bởi chồng/bạn tình\*
- Theo số liệu của Ngân hàng thế giới, phụ nữ tuổi từ 15 - 44 có nguy cơ bị hãm hiếp và BLGD cao hơn nguy cơ bị ung thư, tai nạn xe máy, chiến tranh và bệnh sốt rét.
- Các nghiên cứu chỉ ra rằng trên thế giới, khoảng ¼ đến ½ phụ nữ từng bị chồng/bạn tình bạo lực.
- Một vài nghiên cứu trên thế giới cho thấy ½ trong tổng số phụ nữ bị sát hại đã thiệt mạng dưới tay chồng hoặc bạn tình hiện tại hoặc trước kia của họ. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, ở Australia, Canada, Israel, Nam Phi và Mỹ, 40% - 70% số phụ nữ nạn nhân của các vụ giết người đã bị sát hại bởi chồng/bạn tình của mình.
- Ở nhiều nước, trong các tiêu chí phân loại phụ nữ đến điều trị ở các phòng cấp cứu của bệnh viện thì nạn nhân của BLGD là đồng nhất.
- Hậu quả của bạo lực do chồng/bạn tình gây ra ở Mỹ vượt quá US\$5,8 tỉ đô la mỗi năm: \$4,1 tỉ đô la chi phí trực tiếp cho y tế và chăm sóc sức khỏe, còn thiệt hại về năng suất lao động là gần \$1,8 tỉ đô la.
- Ở Canada, một nghiên cứu năm 1995 đã ước tính rằng chi phí trực tiếp hàng năm do bạo lực với phụ nữ là 684 triệu đô la Canada cho hệ thống tư pháp hình sự, 187 triệu đô la cho cảnh sát và 294 triệu đô la cho chi phí tư vấn và đào tạo, tổng cộng hơn \$1 tỉ đô la Canada mỗi năm.

<sup>6</sup> Từ Các cơ quan tài trợ cho Chính phủ Việt Nam – Nhóm các tổ chức phi chính phủ hoạt động giảm nghèo, năm 2000.

<sup>7</sup> Nghiên cứu của Hội LHPN năm 2001 và 2006.

<sup>8</sup> Tòa án Nhân dân Tối cao công bố một báo cáo thống kê giai đoạn từ tháng 1/2000 đến tháng 12/2005, trong đó cho thấy các tòa án địa phương trong toàn quốc đã thụ lý và xét xử 186.954 vụ ly hôn do BLGD. BLGD là một nguyên nhân chính của ly hôn (53% các vụ ly hôn). Báo cáo năm 2006 của Vụ các vấn đề xã hội của Quốc hội cũng cho thấy một xu hướng tương tự: chỉ riêng năm 2005 đã có 39.730 vụ ly hôn do BLGD, chiếm 60% tổng số 65.929 vụ ly hôn: đã trích dẫn tại chương 1 “Tình hình BLGD ở Việt Nam” của báo cáo khảo sát chưa công bố của UNODC.

<sup>9</sup> Từ Gunilla Krantz và Nguyen Dang Vung “Vai trò của hành vi kiểm soát trong bạo lực đối với bạn tình và các hậu quả về sức khỏe: một nghiên cứu cộng đồng ở nông thôn Việt Nam (2009) Sức khỏe cộng đồng BMC.

<sup>10</sup> Từ một bài báo trong Der Spiegel, Ngôi nhà của Bà Thủy (8/2009).

<sup>11</sup> Báo cáo năm 2006 của Bộ Nội vụ được trích dẫn trong chương 1 “Tình hình BLGD ở Việt Nam” của báo cáo khảo sát chưa công bố của UNODC.

<sup>12</sup> “Nghiên cứu về chất lượng dịch vụ tư pháp cho nạn nhân BLGD ở Việt Nam” do UNODC thực hiện với sự hợp tác của Trung tâm Phụ nữ và Phát triển, Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển (RCGAD) ở Hà Nội và Viện Châu Âu về phòng chống tội phạm (HEUNI) ở Helsinki.

<sup>13</sup> Ủy ban LHQ về Địa vị của Phụ nữ, 2000 và Đoàn kết nhằm Chấm dứt Bạo lực Đối với Phụ nữ: Báo cáo Chiến dịch của Tổng thư ký Liên hợp quốc.

## 2.2 Phương pháp giải quyết đa diện

BLGD là hành vi không phải sinh ra đã có mà hình thành trong cuộc sống, trong đó sự áp bức thể chất và tâm lý được dùng để xác lập và duy trì sự kiểm soát đối với bạn tình/vợ chồng. Đây thường là một dạng hành vi theo chu kỳ, ngày càng leo thang về mức độ nghiêm trọng, đe dọa cuộc sống và sự bình yên của nạn nhân và con cái. BLGD cần được xem xét nghiêm túc và cần được Nhà nước xử lý một cách quyết liệt.

Việt Nam đã có những nỗ lực nghiêm túc nhằm giải quyết vấn đề BLGD, ví dụ thể hiện qua việc ban hành Luật phòng, chống BLGD năm 2007. Cả Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng chống BLGD. Điều này đòi hỏi phải có một phương pháp tiếp cận toàn diện, đa chiều và có sự phối hợp tốt, bao gồm cả việc xây dựng một nền văn hóa không dung thứ cho bạo lực đối với phụ nữ dưới bất kỳ hình thức nào. Tất cả các cơ quan liên quan của Chính phủ và xã hội dân sự đều phải tham gia phòng chống BLGD, bao gồm cả chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân, các ngành y tế, xã hội, giáo dục, tư pháp, cơ quan hành pháp, các tổ chức xã hội như Hội Liên hiệp Phụ nữ và các cơ quan thông tin đại chúng.

Như đã đề cập, BLGD đối với phụ nữ gắn chặt và được củng cố bởi những giá trị xã hội cũ, những khuôn mẫu và thói quen văn hóa. Những nhà chuyên môn trong các cơ quan chính phủ và các ban ngành khác nhau cũng không miễn nhiệm với các giá trị đó và vì vậy không phải lúc nào cũng nhìn nhận BLGD một cách nghiêm khắc như với các loại bạo lực khác. Phòng chống BLGD đòi hỏi những thay đổi dài hạn đối với những thái độ, quan điểm văn hóa truyền thống về bình đẳng giới và vai trò giới.

### Sự vào cuộc của cả cộng đồng

Để chấm dứt vòng tròn BLGD, cần có sự phối hợp cộng đồng cùng giải quyết. Mỗi một bộ phận trong cộng đồng đều có một vai trò riêng: các tổ hòa giải, hệ thống tư pháp hình sự và hành chính, hệ thống luật dân sự, UBND, các dịch vụ y tế bao gồm cả sức khỏe tâm thần, hệ thống giáo dục, các phương tiện thông tin đại chúng và các nhóm dân sự xã hội

Cơ quan tư pháp phải phối hợp với các cơ quan khác để giải quyết vấn đề BLGD một cách hiệu quả, tuy nhiên cơ quan tư pháp có thể đóng một vai trò rất quan trọng trong phòng ngừa BLGD khi đảm bảo an toàn cho các nạn nhân của bạo lực và buộc người gây bạo lực phải chịu trách nhiệm, giúp các nạn nhân tiếp cận tốt hơn với hệ thống tư pháp và thay đổi cách đối xử của cán bộ hành pháp và tư pháp với nạn nhân.

## 2.3 Nhu cầu cần có biện pháp hiệu quả từ các cơ quan hành pháp và tư pháp

Hiện đã có một khung pháp lý giúp các cơ quan công an và tư pháp có những biện pháp chính thức để phòng ngừa BLGD và can thiệp hiệu quả khi bạo lực xảy ra. Các biện pháp đó bao gồm xử lý hình sự, xử phạt hành chính và xử lý theo Luật dân sự, lệnh cấm tiếp xúc và hòa giải. Tuy nhiên, dù hệ thống tư pháp hành chính và hình sự đã được thành lập từ lâu nhưng các biện pháp xử lý BLGD của cơ quan này hiện còn hạn chế. Thông thường các cơ quan này chỉ vào cuộc khi xảy ra những vụ rất nghiêm trọng. Hệ thống tư pháp thường chỉ tập trung xử lý bạo lực xã hội, do người lạ gây ra. Việc xử lý các mối quan hệ gia đình trong các cách giải quyết truyền thống đặt ra nhiều thử thách cho Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và tòa án.

Nhiều người hiện vẫn coi BLGD là chuyện riêng của gia đình. Các biện pháp xử lý của hệ thống tư pháp hành chính và hình sự phản ánh đúng quan niệm này. Phương pháp chung của Công an Việt Nam là làm trung gian hòa giải và làm dịu những mâu thuẫn trong gia đình, không bắt giam người gây bạo lực trừ những vụ rất nghiêm trọng.

Kiểm sát viên chỉ thụ lý những vụ BLGD nghiêm trọng nhất và thường ngại xử lý các vụ BLGD bởi tính phức tạp của vụ việc và cho rằng khó truy tố thành công. Tòa án thường có quan điểm cho rằng các vụ việc này không thuộc phạm vi của tòa hình sự và cách giải quyết tốt nhất là hòa giải. Những cách tiếp cận truyền thống này khiến nạn nhân, trẻ em và cộng đồng rơi vào tình trạng không được bảo vệ trước những hậu quả to lớn của BLGD.

Phương pháp thông thường của ngành tư pháp để đánh giá một vụ bạo lực là vi phạm hành chính hay cấu thành tội phạm thường chỉ xem xét các hành động bạo lực một cách tách biệt chứ không đặt trong mô hình bạo lực và trong bối cảnh người gây bạo lực đã áp đặt quyền lực và sự kiểm soát trong quan hệ gia đình như thế nào. Ngoài ra, độ nghiêm trọng của vi phạm thường được đánh giá dựa trên tỷ lệ thương tật, không xem xét đến bản chất và các động cơ của bạo lực trong những mối quan hệ tình cảm.

Sẽ có nhiều phụ nữ trình báo Công an khi bị BLGD nếu họ được Công an tôn trọng, lắng nghe họ trình bày sự việc. BLGD càng được trình báo nhiều, các cơ quan chức năng và cộng đồng càng xem xét vấn đề này một cách nghiêm túc. BLGD bị xem nhẹ sẽ chỉ càng làm cho vòng tròn bạo lực tiếp diễn. Các nghiên cứu đã cho thấy nếu không được xử lý, BLGD sẽ tăng cả về tần suất và mức độ nghiêm trọng. Vì vậy Công an can thiệp sớm là cách tốt nhất để bảo vệ nạn nhân, ngăn không cho bạo lực leo thang, giảm các vụ bạo lực nghiêm trọng và giết người liên quan đến BLGD, giữ cho gia đình ổn định trong phạm vi có thể.

Nghiên cứu trên thế giới cho thấy hệ thống tư pháp có vai trò then chốt trong việc chặn đứng BLGD; một số nghiên cứu cũng cho thấy việc bắt giữ có tác dụng ngăn ngừa BLGD. Để có thể can thiệp hiệu quả, các cán bộ hành pháp và tư pháp cần có những kỹ năng chuyên biệt để bảo vệ nạn nhân khỏi bị người gây bạo lực trả thù, giảm bớt lo ngại của nạn nhân đối với hệ thống tư pháp hình sự và khuyến khích nạn nhân hợp tác với công an, kiểm sát viên và tòa án.

Can thiệp hiệu quả có thể giúp:

- Giảm BLGD một cách đáng kể;
- Bảo vệ nạn nhân khỏi những hành động bạo lực tiếp theo của người gây bạo lực;
- Bảo vệ trẻ em hoặc các thành viên khác của gia đình không bị bạo lực hoặc không phải tiếp xúc với bạo lực;
- Bảo vệ an toàn cho cộng đồng nói chung;
- Bắt thủ phạm phải chịu trách nhiệm về hành động bạo lực của mình;
- Tạo sự phản đối chung với BLGD trong cộng đồng;
- Giúp người gây bạo lực tái hòa nhập.



## Chương trình dự kiến của khóa tập huấn

Ngày	Thời gian	Nội dung tập huấn	Mục tiêu
<b>Chương trình tập huấn 3 ngày</b>			
Ngày 1	Sáng	<p>Khai mạc</p> <p>Mô-đun về bình đẳng giới</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Giải thích lý do vì sao cần trao đổi về bình đẳng giới trong một khóa tập huấn về BLGD</li> <li>Phân biệt giới tính và giới</li> <li>Thảo luận về tình hình bất bình đẳng giới và định nghĩa về bình đẳng giới</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Làm quen với khái niệm bình đẳng giới</li> <li>Có thể phân biệt 2 thuật ngữ "giới tính" và "giới"</li> </ul>
	Chiều	<p>Mô-đun kiến thức chung về BLGD</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Định nghĩa BLGD</li> <li>Các quan niệm sai lầm và thực tế</li> <li>Quyền lực và vòng tròn kiểm soát</li> <li>Những nguyên nhân gốc rễ và hậu quả của BLGD</li> <li>Vòng tròn bạo lực</li> <li>Lý do nạn nhân ít trình báo, những trở ngại đối với nạn nhân</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Biết định nghĩa BLGD</li> <li>Xác định được những quan niệm sai lầm và thực tế về BLGD</li> <li>Hiểu được sự khác biệt giữa BLGD và bạo lực do người lạ gây ra</li> </ul>
Ngày 2	Sáng	<p>Mô-đun về khung pháp lý</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Bài giảng về khung pháp lý của Việt Nam</li> <li>Bài tập điển cứu</li> <li>Bài giảng về thủ tục pháp lý</li> <li>Bài tập điển cứu</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Làm quen với pháp luật về BLGD của Việt Nam</li> <li>Điểm lại những biện pháp có thể áp dụng đối với BLGD</li> </ul>
	Chiều	<p>Chọn chủ đề trong số các chủ đề dưới đây để xây dựng kế hoạch tập huấn, bao gồm bài giảng và bài tập dựa trên các mô-đun. Lựa chọn chủ đề cho phù hợp với đặc điểm của học viên.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Xử lý ban đầu tại hiện trường;</li> <li>Thu thập chứng cứ (tập trung vào các dạng chứng cứ khác nhau của các vụ BLGD);</li> </ol>	
Ngày 3	<b>Tập trung nâng cao kỹ năng cho cán bộ hành pháp và tư pháp</b>		
	Sáng và chiều	<p>Ôn lại ngày 2</p> <p>Chọn chủ đề trong số các chủ đề dưới đây để xây dựng kế hoạch tập huấn, bao gồm bài giảng và bài tập dựa trên các mô-đun. Lựa chọn chủ đề cho phù hợp với đặc điểm của học viên.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kỹ thuật lấy lời khai của nạn nhân;</li> <li>Ghi chép và quản lý hồ sơ</li> <li>Kỹ thuật đánh giá sự đe dọa với nạn nhân</li> <li>Đánh giá những phương án xử phạt và bảo vệ (xử phạt hành chính, xử lý hình sự).</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng cường kỹ năng của cán bộ các cơ quan hành pháp và tư pháp khi xử lý các vụ BLGD</li> </ul>



**MÔ-ĐUN 2**

**TÌM HIỂU VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ BAO LỰC GIA ĐÌNH**



**UNODC**

**United Nations Office on Drugs and Crime**



## Mô-đun 2

### Tìm hiểu về bình đẳng giới và bạo lực gia đình

#### Mục đích:

Kết thúc phần này, học viên sẽ có thể:

- Hiểu được vì sao cần nắm được khái niệm bình đẳng giới khi xử lý các vụ BLGD và có thể phân biệt các thuật ngữ “giới” và “giới tính”;
- Nắm được định nghĩa về BLGD và biết được các loại hành vi lạm dụng trong BLGD
- Xác định được những quan niệm sai lầm và sự thật liên quan đến BLGD
- Mô tả được một số điểm khác nhau giữa BLGD và bạo lực do người lạ gây ra.

#### **Mục 1: Hiểu về mối liên hệ giữa bất bình đẳng giới và bạo lực gia đình**

Như đã nêu ở phần giới thiệu, trọng tâm của cuốn tài liệu này là BLGD đối với phụ nữ. Trên thực tế số nạn nhân của BLGD hầu hết đều là nữ. Dù số liệu thống kê có khác nhau nhưng nghiên cứu cho thấy phụ nữ có thể là nạn nhân của 95% các vụ BLGD. BLGD đối với phụ nữ thường được gọi là “bạo lực trên cơ sở giới” vì nảy sinh một phần do địa vị giới còn thấp của phụ nữ trong xã hội. Ở hầu hết các nền văn hóa, mối quan hệ bất bình đẳng về quyền lực giữa nam và nữ, được tạo ra và duy trì bởi những khuôn mẫu giới, là nguyên nhân cơ bản sâu xa của bạo lực đối với phụ nữ.

Ở Việt Nam, Chính phủ đã quan tâm xây dựng khung pháp lý để giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới và BLGD. Năm 2006, Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã thông qua Luật Bình đẳng Giới và năm 2007 đã thông qua Luật phòng, chống bạo lực gia đình. Việc ban hành 2 luật này cho thấy sự quan tâm ngày càng tăng của Việt Nam đối với vấn đề bình đẳng giới và bạo lực gia đình và vai trò quan trọng của bình đẳng giới đối với các mục tiêu phát triển của đất nước.

Mặc dù đã có khung pháp lý, bạo lực trên cơ sở giới là một vấn đề phức tạp có nguyên nhân gốc rễ từ những thái độ và hành vi khó thay đổi. Ở Việt Nam cũng như nhiều nước khác, thái độ và quan điểm lâu nay coi phụ nữ là thấp kém hơn nam giới và nền văn hóa gia trưởng khiến cả nam giới và phụ nữ đều chấp nhận, chịu đựng và thậm chí hợp lý hóa BLGD và nạn nhân thì tiếp tục im lặng khi bị BLGD. Các cán bộ hành pháp và tư pháp cần hiểu rõ những thái độ và quan điểm văn hóa truyền thống ăn sâu nói trên về quan hệ giới và vai trò giới khi xử lý vấn đề BLGD. Mô-đun này nhằm nâng cao hiểu biết về những hình thức của BLGD, nguyên nhân gốc rễ của bạo lực và khái niệm bình đẳng giới.

#### **Mục 2: Khái niệm giới và bình đẳng giới**

##### 1.1 Những thuật ngữ chính

Giới<sup>1</sup>:

Nói đến quan hệ giữa nam và nữ trong xã hội xuất phát từ những vai trò mà họ nắm giữ. Những vai trò này được thiết lập về mặt xã hội<sup>2</sup> và không phải do thể chất quyết định. Chúng có thể thay đổi theo thời gian.

Giới tính<sup>3</sup>:

Nói đến đặc tính sinh học và thể chất của nam giới và phụ nữ.

<sup>1</sup> Định nghĩa về “giới” tại Điều 5, Luật Bình đẳng Giới.

<sup>2</sup> Thiết lập về mặt xã hội có nghĩa: việc là nam giới hay phụ nữ được gắn với những suy luận và giá trị xã hội khác nhau. Bản sắc của nam giới và phụ nữ trong mỗi xã hội đều được quy định bởi những yếu tố xã hội và tâm lý. Khi con người chung sống trong xã hội, văn hóa sẽ nảy sinh, con người sẽ xây dựng những giá trị chung và những quy tắc để duy trì những giá trị đó. Vai trò giới là nói đến những vai trò mà xã hội chờ đợi từ nam giới và phụ nữ. Tương tác trong xã hội phổ biến và củng cố những quy tắc này. Các vai trò giới không phải là không thể thay đổi. Chúng có thể thay đổi theo thời gian và là khác nhau ở những xã hội khác nhau.

<sup>3</sup> Định nghĩa về “giới tính” tại Điều 5, Luật Bình đẳng Giới.

## Sự khác nhau giữa “giới” và “giới tính”

Giới	Giới tính
Vai trò và khía cạnh xã hội khác nhau giữa nam và nữ. Có thể thay đổi	Khía cạnh sinh học và thể chất khác nhau giữa nam và nữ. Không thể thay đổi.
Là sản phẩm của xã hội, văn hóa, truyền thống, hình thành do việc dạy và học	Bẩm sinh
Khác nhau giữa các khu vực, giai đoạn lịch sử	Có tính chất toàn cầu: giống nhau trên khắp thế giới

Giới tính phản ánh sự khác biệt về mặt sinh học giữa phụ nữ và nam giới từ khi sinh ra. Chúng ta thường không thể thay đổi được giới tính.

Vai trò giới không có từ lúc sinh ra và không phải không thể thay đổi. Nó được định hình qua sự giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội, bạn bè và môi trường xung quanh. Ví dụ, nuôi dạy trẻ em thường được coi là vai trò của phụ nữ, tuy nhiên đó là vai trò của giới nữ chứ không phải của giới tính nữ vì cả nam và nữ đều làm được việc này. Chính xã hội đã gán cho những vai trò này. Vai trò có thể được linh hoạt thông qua quan sát và chỉ dẫn. Xã hội khiến người ta phải tuân thủ thông qua các hình mẫu, hình phạt hoặc thuyết phục. Người nào không tuân thủ có thể bị phạt, bị xa lánh hoặc tẩy chay theo một cách nào đó. Quan điểm truyền thống về vai trò của nam và nữ đã hình thành từ xa xưa và sẽ tiếp tục tồn tại. Những giá trị liên quan đến giới sẽ thay đổi theo thời gian, với sự tuyên truyền tích cực và thay đổi về nhận thức. Giới, cũng giống như giai cấp, chủng tộc và tôn giáo, là một tiêu chí để nhìn nhận, đánh giá con người.

### Ví dụ:

Giới	Giới tính
Chăm sóc trẻ em	Mang thai và sinh con
Nam giới thì lý trí, phụ nữ thì cảm tính	Cơ bắp/khỏe về thể chất
Nam giới là trụ cột kinh tế của gia đình	Đẻ rêu

## 1.2 Khuôn mẫu giới và bất bình đẳng

### Khuôn mẫu giới là gì?

Khi chúng ta yêu cầu hoặc mong muốn một người hành xử theo một cách nào đó vì người ấy là nam hay nữ thì đây được gọi là “khuôn mẫu giới”. Khuôn mẫu giới là quan điểm về những tính cách, đặc tính và hoạt động được coi là “phù hợp” đối với nam và nữ. Ví dụ ở Việt Nam, với quan điểm Nho giáo truyền thống, nam và nữ được coi là phải có một số phẩm chất nhất định<sup>4</sup>.

Quan niệm truyền thống về phụ nữ	Quan niệm truyền thống về nam giới
Phụ nữ phải có tứ đức: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Công – chăm chỉ;</li> <li>• Dung – ngoại hình tươi tắn;</li> <li>• Ngôn – nói năng đúng cách;</li> <li>• Hạnh – có phẩm hạnh.</li> </ul>	Nam giới được coi: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Là người trên;</li> <li>• Có nhiệm vụ giáo dục người dưới là người vợ, dạy vợ để gìn giữ gia phong</li> </ul>
Tính “âm” – gắn liền với tiêu cực, bóng tối và tính mềm	Tính “dương” – gắn liền với tích cực, ánh sáng và tính cứng
Tính cách “thụ động”, “hiếu thảo”, “dễ bảo”, “giữ gìn sự hòa hợp trong gia đình”.	“Nóng tính”, “hùng hổ”, “quyết đoán”, “dễ nổi giận”

Khuôn mẫu giới được thể hiện trong nhiều lĩnh vực như hôn nhân, gia đình, chính trị và kinh tế.

<sup>4</sup> Diane Gardsbane, Vũ Song Hà, Kathy Taylor, “Bạo lực trên cơ sở giới: báo cáo chuyên đề” do Nhóm Điều phối Chương trình Giới của Liên hợp quốc, tháng 5/2010.

## Bất bình đẳng giới

Giới hoàn toàn không phải là trung tính. Sự khác biệt đặt ra giữa nam và nữ có xu hướng gắn những giá trị và tầm quan trọng cao hơn cho những tính cách và hoạt động gắn liền với nam giới, từ đó tạo ra mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng. Trong hầu hết các xã hội, giới nữ đều có ít quyền hành, ít quyền và đặc quyền hơn giới nam. Không phải sự khác biệt về thể chất đã tạo nên tình trạng bất bình đẳng mà chính là các quy tắc và giá trị xã hội.

## Bạn có biết?

Trên thế giới, phụ nữ:	Ở Việt Nam, phụ nữ:
<ul style="list-style-type: none"><li>• Làm 70% khối lượng công việc của thế giới</li><li>• Kiếm được dưới 30% giá trị thu nhập của thế giới</li><li>• 70% công việc của phụ nữ không được trả công</li><li>• Sở hữu dưới 1% giá trị tài sản thế giới</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đại diện cho 75% lực lượng lao động nông nghiệp ở nông thôn</li><li>• Làm việc 14 giờ mỗi ngày, cả trong gia đình và ngoài xã hội</li><li>• Được trả công ít hơn 20-40% so với nam giới<sup>5</sup></li></ul>

Luật Bình đẳng Giới đã nêu: “Định kiến giới là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ” (Điều 5). Luật cũng quy định, phân biệt đối xử về giới là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

## 1.3 Bình đẳng giới

Bình đẳng giới là gì?

Bình đẳng giới có nghĩa là phụ nữ và nam giới bình đẳng về vị trí và cơ hội làm việc và phát triển. Bình đẳng không có nghĩa là chỉ đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ mà tập trung vào cả 2 giới. Phụ nữ và nam giới phải có điều kiện bình đẳng để thực hiện đầy đủ các quyền con người và phát huy hết tiềm năng, để tham gia đóng góp vào sự phát triển chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá cũng như thụ hưởng các thành quả.

*Công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình.*  
Điều 63 của Hiến pháp

*Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.*  
Điều 5 của Luật Bình đẳng Giới

Thúc đẩy bình đẳng giới

Hiện nay hầu hết các xã hội đều dựa trên những hệ thống mà trong đó nam giới có nhiều quyền lực về tài chính và chính trị hơn phụ nữ. Đây được gọi là “xã hội gia trưởng”. Ở những xã hội này, hầu hết các nhà lãnh đạo chính trị và kinh tế đều là đàn ông và đàn ông được coi là người cầm trịch, người ra quyết định trong gia đình. Quyền lực của nam giới được duy trì bởi quan điểm cho rằng nam giới mạnh mẽ hơn, có năng lực hơn và phù hợp với cương vị lãnh đạo một cách tự nhiên. Bất bình đẳng trong tiếp cận với giáo dục, đào tạo kỹ năng, các cơ hội nghề nghiệp và nguồn lực tài chính cũng góp phần duy trì quan hệ quyền lực bất bình đẳng. Bạo lực đôi khi cũng được sử dụng để duy trì quyền lực và sự kiểm soát.

Hiện tại, phụ nữ gặp nhiều bất lợi hơn nam giới ở mọi cấp độ xã hội. Vì thế, hành động vì bình đẳng giới có xu hướng quan tâm đến phụ nữ nhiều hơn nam giới nhằm giải quyết những mất cân bằng về giới. Thúc đẩy bình đẳng giới có nghĩa là đảm bảo có những cơ hội như nhau cho cả nam và nữ và xã hội gán những giá trị như nhau cho cả sự tương đồng và khác biệt giữa nam và nữ và cho những chức năng khác nhau của mỗi giới. Có thể phải có những biện pháp khác nhau cho nam và nữ để đảm bảo rằng nam nữ được đối xử công bằng.

<sup>5</sup> Công cụ Giới của Liên hợp quốc.

### Mục 3: Định nghĩa bạo lực gia đình

#### 3.1 Định nghĩa bạo lực gia đình

Bạo lực gia đình là bất kỳ việc sử dụng vũ lực hay cưỡng ép tình dục, dù đã sử dụng hay đe dọa sử dụng, trong quan hệ tình cảm hoặc quan hệ gia đình. Bạo lực gia đình:

- Có thể bao gồm một hành động đơn lẻ; hoặc
- Bao gồm một số hành động tạo nên một kiểu lạm dụng trong đó có những hành vi tấn công hoặc kiểm soát.

Bạo lực gia đình là hành vi cố ý. Mục đích của bạo lực gia đình là để thiết lập và áp dụng quyền lực và sự kiểm soát đối với người khác. Bạo lực được sử dụng để đe dọa, xúc phạm hoặc làm nạn nhân khiếp sợ. Nam giới thường sử dụng bạo lực nêu trên với vợ/bạn tình, bao gồm vợ hiện tại hoặc vợ cũ, bạn gái hoặc đối tác hẹn hò.

#### Bốn dạng bạo lực gia đình

<b>Thể chất:</b>	VD đấm, đẩy, cắn, véo, bóp cổ
<b>Tình cảm/Tâm lý<sup>6</sup>:</b>	VD chửi thề, chửi bới, làm tổn thương lòng tự trọng, đổ lỗi, chỉ trích suy nghĩ và tình cảm, đe dọa; ném, đập phá, giấu đồ đạc; đấm vào tường
<b>Tình dục:</b>	Bất kỳ hành động hoặc hành vi nào trong tình dục mà không được sự chấp nhận của người kia
<b>Kinh tế:</b>	VD không cho người kia đi làm, kiểm soát chặt chẽ thu nhập của gia đình, hạn chế tiếp cận với thu nhập của gia đình

GHI NHỚ - BLGD thường là một tập hợp những ép buộc và kiểm soát của một người với một người khác. Nó không chỉ là một hành động tấn công về thể chất và thậm chí có thể không liên quan đến thể chất. Nó bao gồm việc sử dụng lặp đi lặp lại một số phương thức như dọa nạt, đe dọa, cướp đoạt về kinh tế, cô lập, bạo lực về tâm lý, bạo lực về tình dục. Một số hành vi lạm dụng của thủ phạm làm tổn thương đến nạn nhân cả về thể chất lẫn tinh thần. Thủ phạm cũng sử dụng những phương thức khác bao gồm cả hành vi bạo lực về tinh thần. Các hành vi này có thể không gây ra thương tích về thể chất nhưng lại gây ra tổn thương về tâm lý cho nạn nhân.

**Luật phòng, chống bạo lực gia đình của Việt Nam** quy định các hành vi sau là hành vi bạo lực gia đình (khoản 1, Điều 2):

- Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;
- Lãng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
- Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng,
- Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;
- Cưỡng ép quan hệ tình dục;
- Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;
- Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình;
- Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính;
- Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

<sup>6</sup> Trên thế giới hiện chưa thống nhất về định nghĩa bạo lực tinh thần. Bạo lực tinh thần hoặc tâm lý thường là dạng bạo lực khó xác định nhất vì một số lý do. Thứ nhất, không có biểu hiện tổn thương bên ngoài do bạo lực tinh thần. Thứ hai, những hành vi như “xúc phạm” hoặc “đổ lỗi” có thể xảy ra trong bất kỳ mối quan hệ nào và có thể chưa tới ngưỡng “lạm dụng”. Để xác định loại hành vi này có phải là một dạng BLGD hay không thì cần xem xét xem nó có dựa trên quyền lực và sự kiểm soát hay không. Nhìn chung bạo lực tâm lý hoặc tinh thần thường phải là những hành động như thường xuyên đe dọa, hạ nhục hay kiểm soát chứ không phải là hành vi gây sức ép tâm lý hoặc xúc phạm đơn thuần.



### **Bạo lực thể chất**

- Bao gồm những hành vi như đánh đập, ngược đãi, tra tấn hoặc các hành động cố ý khác làm nạn nhân bị thương tích, ảnh hưởng đến sức khỏe hoặc bị thiệt mạng.
- Những nghiên cứu quy mô nhỏ của Việt Nam cho thấy bạo lực thể chất là dạng bạo lực phổ biến nhất trong các vụ bạo lực trên cơ sở giới đã được trình báo – 16-73% phụ nữ cho biết họ đã từng bị bạo lực về thể chất <sup>7</sup>.
- Nghiên cứu 465 cặp vợ chồng cho thấy 50% of nam giới cho biết họ có đánh vợ, 37% người vợ cho biết đã từng bị bạo lực, điều này cho thấy việc trình báo của phụ nữ về các vụ BLGD là thấp hơn thực tế <sup>8</sup>.

### **Bạo lực tâm lý/tinh thần**

- Bao gồm những hành vi có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe tâm thần của phụ nữ - những hành vi như lăng mạ, chửi bới, đe dọa hoặc các hành vi xúc phạm khác, kiểm soát và ngăn cấm người phụ nữ tham gia các hoạt động xã hội hoặc kinh tế.
- Những nghiên cứu quy mô nhỏ cho thấy bạo lực tinh thần xảy ra với tỷ lệ cao hơn bạo lực về thể chất, chiếm **19% đến 55%** <sup>9</sup>.
- Nghiên cứu năm 2006 trên 2.000 phụ nữ có gia đình cho thấy 25% các phụ nữ này bị bạo lực tinh thần trong gia đình <sup>10</sup>.
- Bạo lực tâm lý là khó xác định vì không có biểu hiện tổn thương bên ngoài.
- Đôi khi khó phân biệt giữa những cãi cọ có thể gây xúc phạm và bạo lực tinh thần.
- Mỗi tình huống phải được đánh giá dựa trên thực tế cụ thể. Một yếu tố cần xem xét là giữa chồng với vợ có sự bất bình đẳng hay không và mối quan hệ quyền lực và kiểm soát giữa vợ chồng ra sao.

### **Bạo lực tình dục**

- Bao gồm những hành động như cưỡng ép quan hệ tình dục.
- Hiện có ít nghiên cứu về dạng bạo lực này, tuy nhiên theo khảo sát năm 2006 của Ủy ban Các vấn đề Xã hội của Quốc hội tại 8 tỉnh/thành, có tới 30% những phụ nữ được hỏi cho biết họ bị chồng cưỡng ép quan hệ tình dục <sup>11</sup>.
- Số liệu của một trung tâm tư vấn ở Cửa Lò, Nghệ An cho thấy 42 trong số 107 các vụ là có bạo lực tình dục.

### **Bạo lực kinh tế**

- Các hành động như cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính.
- Ở Việt Nam hiện có ít nghiên cứu làm về dạng bạo lực này. Tuy nhiên theo số liệu của một trung tâm tư vấn ở Đức Giang cho thấy 11% (165/1884) các nạn nhân bị bạo lực kinh tế.

<sup>7</sup> Vung và đồng nghiệp 2008, Luke và đồng nghiệp 2007, UNFPA 2007, Lợi và đồng nghiệp 1999, trích dẫn trong Báo cáo chuyên đề, đã nêu ở chú thích số 4.

<sup>8</sup> Mai và đồng nghiệp 2004, trích dẫn trong Báo cáo chuyên đề, đã nêu ở chú thích số 4.

<sup>9</sup> Vung và đồng nghiệp 2009, UNFPA 2007, Thi và Hà 2006, trích dẫn trong Báo cáo chuyên đề, đã nêu ở chú thích số 4.

<sup>10</sup> Tờ trình số 2330 TTr/UBXH 2006 trích dẫn trong UNFPA 2007:22, trích dẫn trong Báo cáo chuyên đề, đã nêu ở chú thích số 4.

<sup>11</sup> Nguyễn và đồng nghiệp 2008, trích dẫn trong Báo cáo chuyên đề, đã nêu ở chú thích số 4.

UNODC đã tiến hành một nghiên cứu về chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự cho các nạn nhân BLGD ở Việt Nam<sup>12</sup>. Phỏng vấn 900 phụ nữ nạn nhân của BLGD đã ghi nhận các dạng bạo lực sau:

Hình thức bạo lực	%
Dọa đánh	83
Ném đồ đạc vào người hoặc dùng vật gì đó đánh, làm nạn nhân đau hoặc sợ hãi	69
Xô đẩy hay vịn tay, túm tóc, làm nạn nhân đau hoặc sợ hãi	64
Tát, đá, đánh, đấm	90
Bóp cổ làm ngạt thở, cố ý làm bị bỏng	29
Dùng hay dọa dùng dao/kiếm/súng để tấn công chị	37
Có những hành động bạo lực khác	38
Cưỡng ép hoặc tìm cách cưỡng ép quan hệ tình dục	36
Đụng chạm sinh lý mặc dù nạn nhân không đồng ý	20
Bóc lột về kinh tế	32
Làm hại hay đe dọa làm hại/dọa giết con hoặc người thân của nạn nhân	33

Hầu hết các nạn nhân này đều bị bạo lực thể chất, phổ biến nhất là tát, đá, đánh, đấm (90%). Hơn 1/3 các nạn nhân bị cưỡng ép hoặc tìm cách cưỡng ép quan hệ tình dục. Làm hại hay đe dọa làm hại/dọa giết con hoặc người thân cũng phổ biến (33%). Gần 1/3 các nạn nhân cho biết họ bị bóc lột về kinh tế. Khi được phỏng vấn, họ kể rằng nhiều ông chồng đi làm nhưng không đưa tiền cho vợ để nuôi con. Một số nam giới thậm chí còn đòi vợ đưa tiền và đánh vợ nếu dám từ chối.

## 2.2 Nguyên nhân của bạo lực gia đình – quyền lực và sự kiểm soát

BLGD thường là một tập hợp những hành vi khác nhau của người gây bạo lực để tạo quyền lực và kiểm soát đối với nạn nhân.

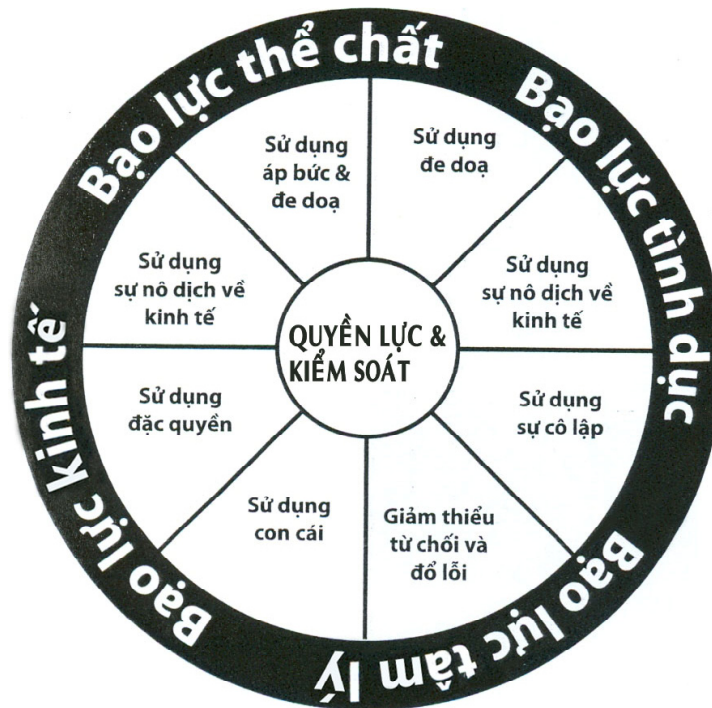
- Đe dọa:** Làm nạn nhân sợ hãi bằng ánh mắt, hành động, cử chỉ, đập vỡ đồ vật, phá hủy tài sản của nạn nhân, trưng vũ khí ra.
- Bạo lực tinh thần:** Làm nạn nhân bẽ mặt, tự cảm thấy xấu hổ, chửi bới, làm nạn nhân tự nghĩ mình là điên rồ, chơi trò tâm lý, lăng mạ, làm nạn nhân cảm thấy có lỗi.
- Cô lập:** Kiểm soát xem nạn nhân làm gì, gặp gỡ và nói chuyện với ai, đọc cái gì, đi đâu, hạn chế sự tham gia ngoài xã hội, lấy lý do ghen tuông để bào chữa cho những hành động đó.
- Giảm nhẹ, phủ nhận và đổ lỗi:** Giảm nhẹ sự lạm dụng và không nghiêm túc khi nạn nhân lo lắng về tình trạng bạo lực, nói rằng bạo lực không hề xảy ra, đổ trách nhiệm trong hành vi bạo lực, nói rằng đó là do nạn nhân.
- Sử dụng con cái:** Làm cho nạn nhân cảm thấy có lỗi với con cái, sử dụng con cái để gửi thông điệp đe dọa, lấy cơ thăm nom để quấy rầy nạn nhân, đe dọa mang con cái đi.
- Dùng đặc quyền của nam giới:** Đối xử với nạn nhân như người hầu, quyết định mọi vấn đề quan trọng, hành động như “lãnh chúa”, quyết định đâu là vị trí của nam, đâu là của nữ.
- Sử dụng bạo lực kinh tế:** Không cho nạn nhân kiếm việc hoặc đi làm, buộc nạn nhân phải xin tiền, cho nạn nhân tiền tiêu vặt, lấy tiền của nạn nhân, không cho nạn nhân được biết hoặc được tiếp cận với thu nhập gia đình.

<sup>12</sup> “Nghiên cứu về chất lượng dịch vụ tư pháp cho nạn nhân BLGD ở Việt Nam” do UNODC thực hiện với sự hợp tác của Trung tâm Phụ nữ và Phát triển, Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển (RCGAD) ở Hà Nội và Viện Châu Âu về phòng chống tội phạm (HEUNI) ở Helsinki.

**Ép buộc và đe dọa:**

Đe dọa hoặc ra tay thật làm tổn thương nạn nhân, dọa bỏ, buộc nạn nhân tự tử, tố giác nạn nhân với cơ sở trợ giúp xã hội, ép buộc nạn nhân phải từ chối khai báo, buộc nạn nhân phải làm những việc trái pháp luật.

**Vòng tròn quyền lực và kiểm soát**<sup>13</sup>



Các hành vi mô tả ở trên, minh họa cho những thủ đoạn trong vòng tròn quyền lực và kiểm soát, là chưa đầy đủ. Còn có nhiều ví dụ khác về các thủ đoạn của người gây bạo lực.

Vòng tròn Quyền lực và Kiểm soát cho thấy mối quan hệ giữa bạo lực thể chất và bạo lực tinh dục với sự đe dọa, ép buộc và điều khiển vợ con – những hành vi phổ biến của người gây bạo lực. Người gây bạo lực sử dụng những thủ đoạn này để củng cố quyền lực và kiểm soát thông qua bạo lực thể chất và tinh dục. Chỉ cần một hành vi về bạo lực thể chất hoặc đe dọa sử dụng bạo lực thể chất cũng đủ để thiết lập quyền lực và kiểm soát đối với vợ/bạn tình. Quyền lực và sự kiểm soát này được củng cố và tăng cường sau đó bằng những hành vi bạo lực phi thể chất và những hành vi ép buộc. Ví dụ, bạo lực bằng lời nói diễn ra sau một hành vi bạo lực thể chất có tác dụng đe dọa về một hành vi bạo lực thể chất tiếp theo và vì thế đủ để đảm bảo cho người gây bạo lực có được quyền lực và sự kiểm soát mà không cần sử dụng thêm bạo lực thể chất.

Bạo lực gia đình là một tập hợp các hành động. Tự thân những hành động được mô tả trong Vòng tròn Quyền lực và Kiểm soát có thể mang tính bạo lực hoặc có thể không. Tuy nhiên, khi những hành vi này được sử dụng kết hợp với nhau, chúng tạo thành một tập hợp các hành vi để đảm bảo sự kiểm soát của thủ phạm đối với vợ/bạn tình. Việc thủ phạm sử dụng hoặc đe dọa sử dụng bạo lực thể chất hoặc bạo lực tinh dục đã tạo sức nặng cho những hành vi này. Ví dụ, sự công kích bằng lời nói của một người chưa từng gây bạo lực thể chất sẽ có một tác động khác hẳn với sự công kích bằng lời nói của một người đã từng hành hung hoặc đe dọa hành hung vợ/bạn tình về thể chất. Một số hành vi có thể cấu thành tội phạm hoặc vi phạm hành chính, một số hành vi khác không vi phạm hình sự hoặc hành chính. Một số hành vi có vẻ nhằm vào con cái hoặc tài sản, tuy nhiên những hành vi đó được thực hiện chủ ý để tạo quyền lực và sự kiểm soát đối với người vợ/bạn tình.

<sup>13</sup> Do chương trình Can thiệp Gia đình của Duluth xây dựng.

#### **Mục 4: Quan niệm sai lầm và sự thực về bạo lực gia đình**

Những nỗ lực phòng chống BLGD đôi khi bị hạn chế bởi những quan niệm sai lầm, lệch lạc về BLGD. Quan niệm sai lầm là những niềm tin và quan niệm phổ biến nhưng không đúng. Những quan niệm sai lầm đó hình thành một phần là do người ta thấy khó hiểu vì sao một người lại có thể làm tổn thương người khác, nhất là những người thân yêu của mình. Những quan niệm sai lầm làm người ta hiểu sai về lý do vì sao BLGD xảy ra. Nhiều quan niệm sai lầm là phổ biến trên thế giới.

Hiểu được những quan niệm sai lầm và sự thực về BLGD là rất quan trọng nhằm nâng cao khả năng phòng chống BLGD một cách hiệu quả.

**Phát biểu: Bạo lực gia đình là do đói nghèo hoặc thiếu giáo dục.**

Trả lời: Sai. BLGD diễn ra ở mọi tầng lớp xã hội, cả giàu và nghèo, có giáo dục hay thiếu giáo dục, thành thị hay nông thôn. Các nghiên cứu đều nhận thấy bạo lực xảy ra ở tất cả các kiểu gia đình, không phân biệt thu nhập, nghề nghiệp, tôn giáo, dân tộc hay trình độ học vấn. Bạo lực xảy ra không phải do nghèo đói hoặc thiếu giáo dục; trái lại nó bắt nguồn từ quan hệ quyền lực bất bình đẳng từ lâu nay giữa nam và nữ.

**Phát biểu: Bạo lực gia đình là vấn đề riêng tư của các gia đình.**

Trả lời: Sai. Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em là vi phạm pháp luật. Khung pháp lý của Việt Nam về vấn đề này gồm có: Bộ luật Hình sự, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Luật phòng, chống bạo lực gia đình. Điều này có nghĩa là BLGD là hành vi không được cộng đồng chấp nhận. Một điều rất quan trọng là thủ phạm nhận được thông điệp từ cộng đồng rằng họ sẽ không dung thứ BLGD và hệ thống luật pháp sẽ can thiệp cho đến khi bạo lực chấm dứt.

**Phát biểu: Bạo lực gia đình chỉ là hành vi đẩy, tát hoặc đấm – nó không tạo ra các tổn thương nghiêm trọng.**

Trả lời: Sai. BLGD là một tập hợp những ép buộc và kiểm soát của một người với một người khác. Nó không chỉ là một hành động tấn công về thể chất và thậm chí có thể không liên quan đến thể chất. Nó bao gồm việc sử dụng lặp đi lặp lại một số phương thức như dọa nạt, đe dọa, cướp đoạt về kinh tế, cô lập, bạo lực về tâm lý, bạo lực về tình dục. Bạo lực về thể chất chỉ là một trong những phương thức. Nam giới sử dụng nhiều dạng bạo lực khác nhau để duy trì quyền lực và kiểm soát đối với vợ và bạn gái. Các nghiên cứu chỉ ra rằng thủ phạm thường có hành vi bạo lực gia tăng về tần suất và cường độ theo thời gian<sup>14</sup>.

**Phát biểu: Người vợ được coi là tài sản của người chồng và người chồng có quyền “đay” vợ.**

Trả lời: Sai. Câu nói này phản ánh cách nghĩ cũ của nhiều xã hội trong đó nam giới được coi là cao hơn phụ nữ và nam giới có trừng phạt vợ con về thể chất. Bây giờ mọi thứ đã thay đổi. Từ khi có Hiến pháp năm 1946, Việt Nam đã bảo vệ quyền bình đẳng giữa nam và nữ. Phụ nữ và trẻ em không còn được coi là tài sản của người đàn ông nữa.

**Phát biểu: Một người vợ bị bạo lực gia đình có nhiều lý do hợp lý khi vẫn ở lại với người chồng bạo lực.**

Trả lời: Đúng. Có nhiều lý do về xã hội, kinh tế, văn hoá để người phụ nữ quyết định ở lại với người chồng bạo lực. Những lý do đó là hợp lý. Thông thường, người phụ nữ không biết đi đâu. Họ có thể không có cách kiếm sống cho bản thân và con cái nếu bỏ ra đi; họ cảm thấy xấu hổ và mất thể diện về việc bạo lực; họ cũng sợ bị bạn bè, gia đình và cộng đồng coi là có lỗi trong việc bạo lực đó. Họ có thể không muốn ra đi vì những lý do về tình cảm và tôn giáo. Ngoài ra, việc rời bỏ người chồng cũng đi kèm với những nguy cơ đáng kể. Họ sợ chồng sẽ thực hiện lời đe dọa trước đó là làm hại đến họ, tự làm hại mình, làm hại con cái, bạn bè và gia đình. Nghiên cứu chỉ ra rằng các nạn nhân có nguy cơ bị tấn công nghiêm trọng nhất thậm chí có thể giết khi họ định bỏ đi, và nạn nhân là người duy nhất có thể xác định lúc nào là lúc an toàn để bỏ đi.

<sup>14</sup>Theo số liệu của Liên hợp quốc, 22-35% những phụ nữ vào phòng cấp cứu là vì những vết thương liên quan đến bạo lực của bạn tình hiện tại và 30% nạn nhân nữ của các vụ giết người là do chồng hoặc bạn tình giết, so với 6% ở nam giới.

- Phát biểu:** **Sử dụng rượu và ma túy là nguyên nhân chính của bạo lực gia đình.**  
**Trả lời:** Sai. Mặc dù rượu và ma túy thường liên quan đến BLGD nhưng không gây ra BLGD. Như đã nói ở trên, BLGD đối với phụ nữ bắt nguồn từ quan hệ quyền lực bất bình đẳng có từ lâu giữa nam và nữ và được sử dụng để nắm quyền lực và sự kiểm soát đối với người khác. Nhiều người đàn ông đánh vợ không có thói quen uống rượu. Những người đàn ông uống rượu và đánh vợ thường không đánh người qua đường, cha mẹ hoặc chủ lao động/thủ trưởng. Họ chỉ bạo lực với vợ mình. Đàn ông đánh vợ thường vẫn tiếp tục đánh ngay cả sau khi đã thôi uống. Thủ phạm có thể dùng rượu để bào chữa cho bạo lực và rượu có thể khiến họ không nhận thức được đầy đủ mức độ bạo lực của mình nhưng rượu không phải là nguyên nhân. BLGD và nghiện ngập cần được nhận biết và xử lý như những vấn đề độc lập.
- Phát biểu:** **Phụ nữ bị bạo lực gia đình là do "lỗi" của họ - nếu họ cư xử tốt hơn thì bạo lực đã không xảy ra.**  
**Trả lời:** Sai. Không ai đáng bị bạo lực cả. Bạo lực là không thể bào chữa bằng những gì người vợ đã nói hay đã làm. Phụ nữ bị đánh vì những lý do nực cười như đồ ăn bị nguội, TV bật sai kênh hoặc con nhỏ khóc. Ngay cả khi người chồng có lý do chính đáng để tức giận thì anh ta cũng không được phép thể hiện sự tức giận bằng bạo lực. Quan điểm cho rằng người vợ có trách nhiệm trong việc bạo lực xảy ra và người vợ phải thay đổi hành vi để bạo lực chấm dứt là một quan điểm sai lầm vì chỉ người gây bạo lực mới có thể chấm dứt bạo lực. BLGD là một sự lựa chọn hành vi mà người gây bạo lực phải chịu trách nhiệm. Nhiều nạn nhân đã rất cố gắng để thay đổi hành vi với hy vọng bạo lực sẽ chấm dứt. Phụ nữ cũng thường tự trách mình vì xã hội luôn nói rằng bạo lực xảy ra là hoàn toàn do lỗi của họ.
- Phát biểu:** **Đàn ông cũng bị bạo lực gia đình nhiều như phụ nữ.**  
**Trả lời:** Sai. Nghiên cứu chỉ ra rằng phụ nữ là nạn nhân đến 95% các vụ BLGD. Đối với những phụ nữ dùng bạo lực, thông thường cũng chỉ là tự vệ. Báo cáo về bạo lực đối với nam giới thường được phóng đại vì người gây bạo lực thường buộc tội bạn đời sử dụng bạo lực để lảng tránh hoặc giảm nhẹ trách nhiệm của mình. Cụ thể khi nói về bạo lực tinh thần, nam giới thường nói họ là nạn nhân vì bị vợ "chì chiết". Để đánh giá xem liệu có BLGD xảy ra hay không, một yếu tố cần cân nhắc là có sự bất bình đẳng giữa vợ chồng hay không và quan hệ quyền lực và kiểm soát giữa hai vợ chồng như thế nào.
- Phát biểu:** **Bạo lực gia đình đối với người vợ có ảnh hưởng đến con cái.**  
**Trả lời:** Đúng. Thực tế là những trẻ em chứng kiến BLGD thường bị ảnh hưởng như chính chúng bị bạo lực thể chất vậy. Trẻ bị sang chấn tinh thần khi chứng kiến bạo lực ở nhà, chúng có thể lo lắng, trầm uất và học hành sút kém. Các nghiên cứu cho thấy trẻ em sống ở những gia đình bạo lực có nguy cơ cao hơn trở nên nghiện rượu và ma túy, trở thành trẻ em phạm pháp hoặc trở thành nạn nhân BLGD. Chúng cũng học cách không quan tâm tham gia khi thấy người này bạo lực với người khác.
- Phát biểu:** **Đàn ông sử dụng bạo lực vì họ không kiểm soát được sự giận dữ và bực dọc.**  
**Trả lời:** Sai. BLGD là một hành vi cố ý và người gây bạo lực không phải là mất kiểm soát. Bạo lực của họ đã nhằm vào một người cụ thể ở một thời gian và địa điểm cụ thể. Thông thường, dù có tức giận đến thế nào thì họ cũng không tấn công chủ lao động hoặc người đi đường. Người gây bạo lực thường tuân thủ những quy luật nội tại về các hành vi bạo lực. Họ thường bạo lực với vợ/bạn tình ở nơi kín đáo hoặc thực hiện sao cho không để bằng chứng rõ rệt về bạo lực. Họ sử dụng các hành động bạo lực và một loạt những hành vi như đe dọa, hăm dọa, bạo lực về tâm lý, cô lập... để ép buộc và kiểm soát người khác. Họ lựa chọn các phương thức một cách cẩn thận – một số người thì đập phá tài sản, một số người khác đe dọa bạo lực, một số người khác nữa thì đe dọa con cái.
- Phát biểu:** **Sẽ là tốt nhất nếu gia đình được duy trì.**  
**Trả lời:** Sai. Cũng như ở tất cả các xã hội khác, Việt Nam đề cao giá trị của một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên khi bạo lực đã xảy ra trong gia đình thì ngôi nhà lại trở thành một nơi rất không an toàn cho nạn nhân. Nhiều trường hợp phụ nữ và trẻ em bị buộc ở lại trong một ngôi nhà bạo lực đã dẫn đến hậu quả chết người. Nếu nguyên nhân gốc rễ của bạo lực không được giải quyết và người gây bạo lực không phải chịu trách nhiệm về hành động của mình thì bạo lực rất có khả năng tái diễn, đe dọa sự bền vững của gia đình và tác động tiêu cực tới mọi thành viên trong gia đình, kể cả con cái khi phải chứng kiến bạo lực.

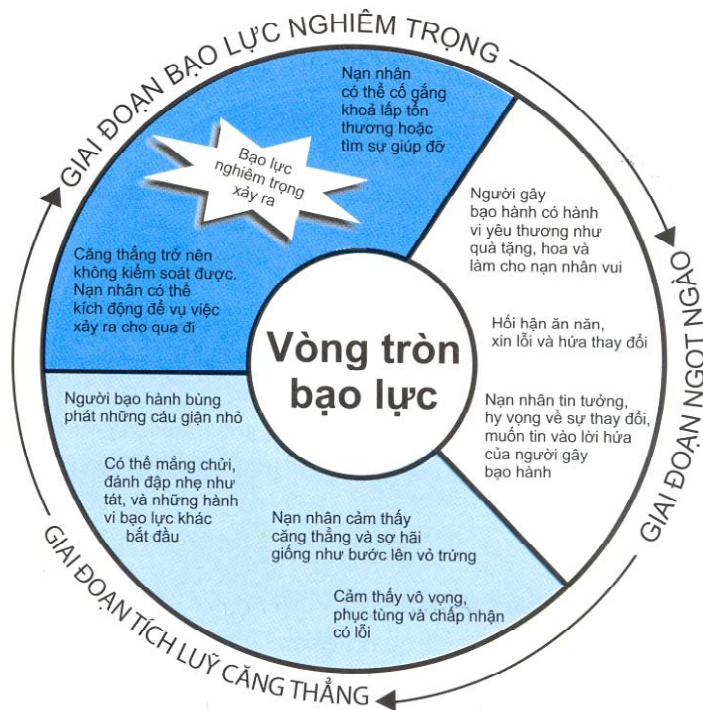
Như chúng ta đã thấy, có rất nhiều quan niệm sai lầm về BLGD và những quan niệm này có xu hướng củng cố các khuôn mẫu. Để giải thích nguyên nhân của BLGD, các quan niệm sai lầm thường đổ lỗi cho nạn nhân hoặc một vài nhân tố khác như là rượu, nóng giận hoặc thiếu giáo dục. Kết quả là những quan niệm sai lầm này làm khuất đi trách nhiệm của thủ phạm về hành vi của mình. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng BLGD là một hành vi cố ý nhằm mang lại quyền lực và sự kiểm soát đối với người khác. Người chống bạo lực sử dụng hoặc đe dọa sử dụng bạo lực - những hành vi này được củng cố bằng các phương thức điều khiển và ép buộc khác - để đảm bảo rằng vợ anh ta xử sự theo cách anh ta muốn.

Một nạn nhân có nhiều lý do để mong muốn hoặc thấy cần duy trì quan hệ hôn nhân, vì vậy chúng ta cần nghiên cứu về khả năng hoàn chỉnh hệ thống pháp luật để giúp đỡ những người phụ nữ bảo vệ được bản thân trong khi họ vẫn có thể duy trì được hôn nhân. Tập trung vào trách nhiệm của người gây bạo lực là một phần quan trọng của bất kỳ chiến lược hiệu quả nào để có thể bảo vệ nạn nhân và buộc thủ phạm chịu trách nhiệm.

**Mục 5: Tìm hiểu Vòng tròn Bạo lực**

**Vòng tròn Bạo lực**

Hiểu biết tổng thể về vòng tròn bạo lực sẽ rất có ích cho cán bộ công an và tư pháp khi họ trợ giúp nạn nhân. Thông thường, trước khi xảy ra lần tấn công đầu tiên về thể chất, người gây bạo lực sử dụng các phương thức kiểm soát như cô lập nạn nhân khỏi các mối quan hệ xã hội hoặc gia đình, đe dọa, bắt phụ thuộc về tài chính, và bằng những cách này người gây bạo lực đã hạ thấp nạn nhân đến độ cô ấy tin vào những lời chỉ trích mình và thiếu sự tự tin cần thiết để bỏ đi hoặc có phản ứng thích đáng đối với bạo lực.



**Giai đoạn tích lũy căng thẳng** bắt đầu bằng sự giận dữ, trách mắng và căng thẳng gia tăng. Người gây bạo lực trở nên cáu kỉnh, dễ bị kích động, ích kỷ, khó tính và dễ phản ứng tiêu cực với bất kỳ vấn đề nhỏ nhất nào. Nhiều phụ nữ nhận ra giai đoạn tích lũy căng thẳng này đã cố gắng kiểm soát bằng cách trở nên chu đáo và tìm cách "gìn giữ hòa bình". Bạo lực về lời nói và thể chất có thể nổ ra. Căng thẳng cũng tăng nhanh trước khi xảy ra bạo lực. Người phụ nữ có thể sử dụng nhiều biện pháp như rút lui, cố gắng chịu đựng người gây bạo lực, lánh khỏi gia đình hoặc không tranh luận để tránh sự căng thẳng ngọt ngào.

*“Chồng giận thì vợ bớt lời  
Cơm sôi nhỏ lửa không đời nào khê”  
Tục ngữ Việt Nam*

Thông thường giai đoạn này không được trình báo với công an hoặc nếu có trình báo thì cũng bị giấu cợt. Điều này đã khuyến khích người gây bạo lực chuyển sang giai đoạn tiếp theo. Vì vậy công an cần xem xét một cách nghiêm túc tất cả các vụ việc liên quan đến bạo lực khi được trình báo, cho dù vụ việc có vẻ rất nhỏ nhặt. Ngoài ra, người phụ nữ thường coi sự giận dữ ngày càng gia tăng của chồng là nhằm vào mình và xác định trách nhiệm của mình là phải giữ cho tình hình không bị bùng nổ. Nếu cô ta làm tốt thì anh ta sẽ bình tĩnh, còn nếu cô ta thất bại thì đó là lỗi của cô ta.

Giai đoạn bạo lực là sự bùng nổ bạo lực của thủ phạm. Đối với những phụ nữ đã từng bị bạo lực trước đó thì chỉ bị đe dọa bạo lực thôi cũng đã khiếp sợ. Bạo lực có thể bao gồm những lời dọa dẫm, tát, đấm, đe dọa bằng vũ khí, đe dọa con cái, bạo lực tình dục hoặc cưỡng bức quan hệ. Bạo lực có thể kết thúc nhanh chóng hoặc kéo dài nhiều phút, nhiều giờ. Có thể có những chấn thương nhìn thấy được nhưng những người gây bạo lực có kinh nghiệm thường không để lại dấu vết thương tích. Hầu hết phụ nữ đều thấy cực kỳ nhẹ nhõm khi bạo lực kết thúc. Họ có thể thấy may mắn vì mọi việc đã không tệ hơn, dù họ bị thương tích nặng đến đâu. Họ cũng thường phủ nhận sự nghiêm trọng của thương tích và từ chối đi khám y tế ngay lúc đó.

Giai đoạn ngọt ngào là giai đoạn ăn năn và yêu thương trong vòng tuần hoàn bạo lực. Tiếp theo sự bùng nổ bạo lực, thủ phạm tỏ ra yêu thương và bình tĩnh. Người gây bạo lực xin lỗi và hứa sẽ thay đổi. Người gây bạo lực thuyết phục nạn nhân và bản thân mình rằng những hứa hẹn này là chân thật. Đằng sau đó là niềm tin rằng họ đã được bào chữa cho hành động của mình. Nạn nhân muốn tin rằng đây là lần cuối cùng. Phụ nữ đôi khi rút lại yêu cầu truy cứu với một hy vọng sai lầm rằng người gây bạo lực sẽ không làm như vậy nữa. Cảnh sát nên nhận ra bản chất tạm thời của “giai đoạn ngọt ngào” và tư vấn để nạn nhân có đầy đủ thông tin trước khi quyết định. Hầu hết các trường hợp, sự căng thẳng lại gia tăng trở lại.

Bạo lực ở nhiều gia đình có chu kỳ theo một kiểu nào đó, tuy nhiên cần ghi nhớ rằng không phải quan hệ bạo lực nào cũng trải qua tất cả các giai đoạn của vòng tròn bạo lực như miêu tả ở trên.

## **Mục 6: Hậu quả của bạo lực gia đình**

### **6.1 Hậu quả của bạo lực gia đình**

BLGD có thể ảnh hưởng vô cùng to lớn đến nạn nhân, gia đình và xã hội. Các nạn nhân có thể bị tổn hại về thể chất, tinh thần và tài chính. Bạo lực còn đe dọa sự bền vững của gia đình và ảnh hưởng tiêu cực đến tất cả các thành viên gia đình, kể cả những trẻ em phải chứng kiến bạo lực và lớn lên trong một môi trường xung đột, không hạnh phúc. BLGD ảnh hưởng tiêu cực đến sự an toàn, sức khỏe và trật tự xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế bởi chi phí y tế, nghỉ ốm và giảm năng suất lao động của nạn nhân.

Hậu quả đối với nạn nhân:

- Ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất, sức khỏe tâm thần và cuộc sống bình thường của nạn nhân.
- Bạo lực càng tiếp diễn lâu ngày thì càng có nguy cơ xảy ra thương xuyên và nghiêm trọng hơn.
- Bạo lực có thể dẫn đến tử vong.
- Nạn nhân có thể gặp khó khăn trong việc đưa ra chứng cứ hoặc tố giác người gây bạo lực vì tính phức tạp của BLGD.

Hậu quả đối với gia đình:

- Gánh nặng tài chính cho gia đình.
- Tổn hại đến mối quan hệ gia đình.
- Làm giảm khả năng lao động của người phụ nữ.
- Ảnh hưởng đến trẻ em khi phải chứng kiến bạo lực.
- Làm giảm chất lượng sống của phụ nữ và trẻ em.

Hậu quả đối với cộng đồng:

- Làm giảm đóng góp của nạn nhân cho xã hội.
- Tăng áp lực lên hệ thống y tế.
- Nếu cộng đồng không buộc người gây bạo lực phải chịu trách nhiệm thì có nghĩa là hành vi bạo lực này được chấp nhận và dẫn đến bạo lực càng nghiêm trọng hơn.

Hậu quả đối với người gây bạo lực:

- Phạt hành chính hoặc xử lý hình sự.
- Mất uy tín với cộng đồng.
- Bạo lực có thể dẫn đến cái chết của người chồng (hội chứng người vợ bị đánh đập<sup>15</sup>)

Từ nghiên cứu của UNODC <sup>16</sup>

Do hậu quả của bạo lực, 83% các nạn nhân bị thương tích về thể chất. Những thương tích phổ biến nhất là thâm tím, bầm dập, rách da, xây xước, bông và chấn thương đầu. Hầu hết các nạn nhân (98 %) đều bị các hậu quả về tâm lý. Những hậu quả tâm lý phổ biến nhất là trầm uất, sợ hãi, lo lắng, hoảng loạn và mất ngủ.

## 6.2 Những lý do không trình báo về bạo lực gia đình

Vì sao nạn nhân không trình báo khi bị bạo lực

Chúng ta khó có được bức tranh đầy đủ về quy mô của BLGD vì nó thường ẩn. Một người vợ bị bạo lực có thể phải chịu đựng cảnh đó trong một thời gian dài trước khi tìm kiếm sự giúp đỡ, một số nạn nhân thậm chí không bao giờ kể cho ai biết về việc bị bạo lực. Một người phụ nữ bị bạo lực có thể không muốn, không thể kể ra hoặc từ chối trình báo việc bị bạo lực do nhiều lý do khác nhau.

Cô ta có thể <sup>17</sup>:

- Gắn bó về tình cảm với người gây bạo lực.
- Có niềm tin mãnh liệt về sự cần thiết duy trì hôn nhân và gia đình.
- Sợ hãi rằng người gây bạo lực sẽ trả thù mình hoặc người thân của mình.
- Sợ bị người khác coi thường.
- Bị phụ thuộc về kinh tế vào người gây bạo lực.
- Sống ở khu vực tách biệt.
- Bị cô lập về mặt xã hội với mọi người.
- Gặp những trở ngại về giao tiếp, ngôn ngữ và văn hóa.
- Không muốn thủ phạm bị đưa ra khỏi nhà, vào tù hoặc có tiền án.
- Không tin rằng công an hoặc hệ thống tư pháp hình sự có thể giúp chấm dứt bạo lực.
- Không tin rằng công an hoặc hệ thống tư pháp hình sự có thể giúp đỡ, bảo vệ họ.

Khi bị bạo lực, nạn nhân có thể có những phản ứng như sau:

- Giảm nhẹ hoặc phủ nhận rằng bạo lực đã xảy ra.
- Coi bạo lực xảy ra là trách nhiệm của mình.
- Sử dụng rượu và ma túy để trốn tránh hoàn cảnh.
- Tự vệ.
- Tìm kiếm sự giúp đỡ
- Vẫn duy trì quan hệ với người gây bạo lực để tránh bạo lực leo thang.
- Châm ngòi bạo lực để tìm cách kiểm soát tình hình.

<sup>15</sup> Hội chứng người vợ bị đánh đập là hội chứng của những người phụ nữ bị bạo lực thường xuyên khiến trầm uất và mất khả năng làm bất cứ hành động gì để trốn chạy khỏi người chồng bạo lực, họ từ chối tố cáo chồng hoặc từ chối những đề nghị giúp đỡ.

<sup>16</sup> “Nghiên cứu về chất lượng dịch vụ tư pháp cho nạn nhân BLGD ở Việt Nam” do UNODC thực hiện với sự hợp tác của Trung tâm Phụ nữ và Phát triển, Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển (RCGAD) ở Hà Nội và Viện Châu Âu về phòng chống tội phạm (HEUNI) ở Helsinki.

<sup>17</sup> Danh sách này được trích từ Sổ tay về Bạo lực Gia đình dành cho Cảnh sát và Công tố viên vùng Alberta. Tư pháp Alberta 2008.



## **Rào cản làm nạn nhân khó tiếp cận sự giúp đỡ**

Nạn nhân của BLGD thường gặp một số rào cản trong việc thoát khỏi người gây bạo lực và tìm kiếm sự giúp đỡ, kể cả hỗ trợ của hệ thống pháp luật.

Nạn nhân có thể không trình báo việc bị bạo lực mà chịu đựng trong im lặng.

- Bạo lực xảy ra khi hai người vẫn đang trong quan hệ hôn nhân/tình cảm và nạn nhân có thể không muốn tìm kiếm sự giúp đỡ của công an hoặc các cơ quan chức năng khác vì thấy xấu hổ, tủi nhục, vì phụ thuộc kinh tế vào người gây bạo lực hoặc sợ bị trả thù.

Nếu nạn nhân có tìm kiếm sự giúp đỡ của công an hoặc chính quyền địa phương thì thông thường việc trình báo của họ cũng không được xem xét một cách nghiêm túc.

- Khi đó, công an hoặc chính quyền địa phương đã thể hiện những giá trị truyền thống và họ không muốn can thiệp do những quan điểm truyền thống (phổ biến trên thế giới) rằng BLGD là vấn đề nội bộ của gia đình.
- Thường thì công an không xem xét đầy đủ bản chất và động cơ của BLGD.
- Từng hành động bạo lực được xem xét một cách đơn lẻ, thay vì được xem xét trong bối cảnh những áp đặt quyền lực và kiểm soát của một quan hệ hôn nhân đầy bạo lực.
- Công an và chính quyền địa phương có thể có những quan niệm sai lầm về BLGD và điều này ảnh hưởng đến cách công an lấy lời khai, giải quyết vụ việc và trao đổi với nạn nhân.

Nếu nạn nhân có tìm kiếm sự giúp đỡ và vụ việc được điều tra thì người phụ nữ cũng có thể rút đơn kiện.

- Do bản chất và động cơ của BLGD nên nhiều nạn nhân đã rút đơn ngay sau khi gửi đơn. Khi bạo lực xảy ra, nạn nhân có thể trình báo để mong bạo lực chấm dứt. Trong giai đoạn ngọt ngào, nạn nhân có thể rút đơn do người gây bạo lực thể hiện sự ăn năn hối hận, do áp lực, lo lắng về tình hình tài chính của mình hoặc sức ép của các thành viên trong gia đình.

Để xác định và phản ứng thích đáng với các vụ BLGD đòi hỏi phải hiểu và xem xét đầy đủ những động lực đặc biệt của bạo lực và sự tổn thương đặc biệt của nạn nhân. Khi nạn nhân tìm kiếm sự giúp đỡ, cần có một đáp ứng có hiệu quả từ phía pháp luật trong đó ưu tiên bảo vệ nạn nhân và đảm bảo rằng nạn nhân được đối xử theo cách thức nhạy cảm. Nếu người gây bạo lực không phải chịu trách nhiệm về hành động của mình, ý thức thống trị và quyền lực của anh ta sẽ được củng cố và nạn nhân sẽ chịu nguy cơ bị bạo lực gia tăng trong tương lai.

## **Mục 7: Tóm tắt ý chính**

1. BLGD là một hành vi chủ ý và là hành vi có thể học.
2. BLGD là một dạng bạo lực trên cơ sở giới, bắt nguồn từ thái độ và quan điểm có từ lâu coi phụ nữ là thấp kém hơn nam giới.
3. Phụ nữ là nạn nhân của tới 95% các vụ BLGD.
4. BLGD thường bao gồm những hành vi lặp đi lặp lại; bao gồm những dạng bạo lực khác nhau.
5. Có 4 dạng bạo lực: thể chất, tinh thần, tình dục và kinh tế.
6. Người gây bạo lực sử dụng những hành vi khác nhau để nắm quyền lực và sự kiểm soát đối với nạn nhân.
7. Chính bản thân thủ phạm là người gây ra bạo lực – không phải việc nghiện rượu, không phải nạn nhân hay mối quan hệ giữa hai người.
8. Hành vi của nạn nhân thường là chỉ là cách để đảm bảo an toàn tính mạng.
9. BLGD ít được trình báo do một số các nguyên nhân phức tạp.
10. Hiểu được các động cơ của BLGD và rào cản khiến nạn nhân khó tiếp cận giúp đỡ sẽ giúp cán bộ các cơ quan hành pháp và tư pháp xử lý các vụ BLGD hiệu quả hơn.



**MÔ-ĐUN 3**

**KHUNG PHÁP LÝ CỦA VIỆT NAM VỀ PHÒNG,  
CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**



**UNODC**

**United Nations Office on Drugs and Crime**



### Mô-đun 3

## Khung pháp lý của Việt Nam về phòng, chống bạo lực gia đình

### Mục đích:

Kết thúc phần này, học viên sẽ có thể:

- Có thể liệt kê các văn bản pháp luật trong nước liên quan đến BLGD;
- Nắm được các thủ tục pháp lý hiện hành để có thể phòng chống BLGD một cách có hiệu quả;
- Nắm được vai trò và trách nhiệm của các cơ quan trong phòng chống BLGD.

### Mục 1: Những chuẩn mực quốc tế liên quan

BLGD là vấn đề quyền con người. Những quyền bị hành vi BLGD xâm phạm là những quyền cơ bản cốt lõi được luật pháp quốc tế bảo vệ, như quyền được sống và toàn vẹn về thân thể, quyền không bị tra tấn và đối xử độc ác, vô nhân đạo và hèn hạ. Quyền con người là quyền của mọi cá nhân trong xã hội mà ở đó họ đang sống, không phân biệt giới, chủng tộc, giai cấp hay địa vị. Một người phụ nữ cũng có quyền được sống mà không bị xâm hại như người đàn ông, đơn giản bởi vì họ là con người.

#### Luật pháp quốc tế:

Tuyên ngôn Quốc tế của Liên hợp quốc về nhân quyền (1948) công nhận rằng tất cả mọi người sinh ra tự do, bình đẳng về phẩm giá và vì thế mọi người đều được hưởng tất cả những quyền và tự do được công bố trong Bản Tuyên ngôn, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị hay các quan điểm khác, quốc tịch hay nguồn gốc xã hội, tài sản, nơi sinh hoặc các hoàn cảnh khác.

Công ước quốc tế về những quyền dân sự và chính trị (1966) quy định rằng tất cả mọi người đều có quyền được sống và không ai có thể bị tước đoạt quyền sống một cách độc đoán. Công ước còn thừa nhận: nam giới và phụ nữ đến tuổi kết hôn có quyền kết hôn và lập gia đình. Hôn thú chỉ được thành lập nếu có sự ưng thuận tự do và đầy đủ của những người kết hôn.

Công ước chống tra tấn và các cách đối xử hoặc trừng phạt độc ác, vô nhân đạo hoặc hèn hạ khác (1984) quy định rằng các quốc gia có nghĩa vụ phòng ngừa tra tấn được thực hiện bởi các cá nhân. Tra tấn là những đau đớn hoặc đau khổ nặng nề về tinh thần hoặc thể chất được thực hiện một cách cố ý bởi cơ quan Chính phủ hoặc được đồng ý, cho phép cơ quan Chính phủ vì một mục đích trái pháp luật.

### Sơ lược về luật pháp quốc tế

Các văn bản quốc tế bao gồm:

- Các hiệp ước, như hiệp định, công ước, luật, nghị định thư, có tính chất ràng buộc đối với những quốc gia tham gia, tức các quốc gia phê chuẩn những hiệp ước đó.
- Các văn bản "luật mềm" như các tuyên ngôn, nguyên tắc, chỉ dẫn, không có hiệu lực pháp lý bắt buộc. Tuy nhiên các văn bản này được chấp nhận bởi cộng đồng quốc tế và đại diện cho sự nhất trí rộng rãi đối với bộ quy tắc quy định chi tiết và hướng dẫn cho các quốc gia.

Những Chính phủ phê chuẩn hiệp ước phải áp dụng các biện pháp và điều luật trong nước cho phù hợp với những nghĩa vụ và bổn phận quy định trong hiệp ước.

#### Việt Nam là quốc gia thành viên của:

- Công ước quốc tế về những quyền dân sự và chính trị (tham gia năm 1982)
- Công ước quốc tế về quyền xã hội, kinh tế và văn hóa (tham gia năm 1982)
- Công ước về chống mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (phê chuẩn năm 1982)
- Công ước về quyền trẻ em (phê chuẩn năm 1990)

## 1.2 Những luật pháp quốc tế về bạo lực đối với phụ nữ

Mặc dù các văn kiện của Liên hợp quốc nhìn chung đề cập đến quyền của tất cả mọi người nhưng vẫn có nhiều trường hợp nêu cụ thể về quyền của phụ nữ và trẻ em gái.

Công ước của Liên hợp quốc về chống mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)

- CEDAW là công ước toàn diện nhất về quyền con người của phụ nữ. Nó quy định sự bình đẳng giữa nam và nữ về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế và văn hóa.
- Công ước không có những quy định cụ thể về BLGD, nhưng Ủy ban CEDAW đã nhấn mạnh trong khuyến nghị chung số 19 rằng bạo lực trên cơ sở giới, bao gồm cả BLGD, là “hình thức phân biệt đối xử khiến hạn chế nghiêm trọng khả năng thụ hưởng các quyền và tự do của người phụ nữ một cách bình đẳng với nam giới”.
- Các quốc gia không chỉ có nghĩa vụ không sử dụng bạo lực mà còn chịu mọi trách nhiệm về các hành vi “cá nhân” nếu không làm tròn nghĩa vụ phòng ngừa và trừng phạt các hành vi này. Đây chính là nguyên tắc “trách nhiệm đầy đủ”.

Tuyên bố của Liên hợp quốc về xoá bỏ bạo lực đối với phụ nữ

- Thừa nhận rằng bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình và xã hội là phổ biến và có ở mọi mức thu nhập, giai cấp, văn hóa và là “biểu hiện của mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng mang tính lịch sử giữa nam và nữ”.
- Đưa ra một định nghĩa rõ ràng và toàn diện về bạo lực đối với phụ nữ và những quyền cần được đảm bảo để xoá bỏ mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ.
- Phụ nữ được quyền thụ hưởng bình đẳng và được bảo vệ tất cả các quyền con người, bao gồm quyền sống, bình đẳng, tự do, an toàn cá nhân, quyền được bảo vệ bình đẳng trước pháp luật và quyền không bị tra tấn hay đối xử, trừng phạt một cách độc ác, vô nhân đạo hoặc hèn hạ.
- Các quốc gia có nghĩa vụ lên án bạo lực đối với phụ nữ và không được viện dẫn bất kỳ tập quán, truyền thống hay lý do tôn giáo nào nhằm từ chối trách nhiệm xoá bỏ bạo lực.
- Các quốc gia phải thực hiện trách nhiệm đầy đủ để phòng ngừa, điều tra và trừng trị các hành vi bạo lực đối với phụ nữ theo pháp luật quốc gia, dù các hành vi đó là do Nhà nước hay cá nhân thực hiện.
- Các quốc gia có nghĩa vụ thiết lập những biện pháp phòng ngừa để tăng cường bảo vệ phụ nữ trước mọi hình thức bạo lực và đảm bảo rằng phụ nữ không bị tổn thương thêm do sự thiếu nhạy cảm giới của hệ thống luật pháp, các hoạt động hành pháp và các can thiệp khác. Các quốc gia phải có biện pháp đảm bảo rằng phụ nữ bị bạo lực và con cái (nếu có) nhận được sự trợ giúp đặc biệt, như phục hồi sức khỏe, trợ giúp chăm sóc con cái, điều trị, tư vấn, các dịch vụ y tế và xã hội, các cơ sở và chương trình trợ giúp.
- Các quốc gia phải thực hiện các biện pháp đảm bảo rằng những cán bộ hành pháp và công chức chịu trách nhiệm thực hiện các chính sách phòng ngừa, điều tra và xử lý bạo lực đối với phụ nữ phải được tập huấn để nhạy cảm hơn về các nhu cầu của phụ nữ.

### Định nghĩa của Liên hợp quốc về “bạo lực đối với phụ nữ”

Điều 1: “bạo lực đối với phụ nữ” là bất kỳ một hành động bạo lực trên cơ sở giới mà gây hậu quả hoặc có khả năng gây hậu quả tổn thương hoặc đau đớn về thể chất, tinh dục hoặc tâm lý đối với phụ nữ, bao gồm cả việc đe dọa thực hiện những hành động đó, ép buộc hoặc tước đoạt tự do một cách độc đoán, xảy ra trong xã hội hay trong cuộc sống riêng tư.

Điều 2: “bạo lực đối với phụ nữ” được hiểu là bao gồm nhưng không giới hạn trong những hành vi sau đây:

- (a) Bạo lực thể chất, tinh dục và tâm lý xảy ra trong gia đình, bao gồm cả đánh đập, lạm dụng tình dục đối với trẻ em gái trong gia đình, bạo lực liên quan đến của hồi môn, hiếp dâm trong hôn nhân, cắt bộ phận sinh dục nữ và các tập tục khác gây tổn hại cho phụ nữ, bạo lực không thuộc quan hệ hôn nhân và bạo lực liên quan đến bóc lột;
- (b) Bạo lực thể chất, tinh dục, tâm lý xảy ra trong cộng đồng nói chung, bao gồm cả hiếp dâm, lạm dụng tình dục, quấy rối và đe dọa tình dục tại nơi làm việc, trong các cơ sở giáo dục và hay bất kỳ nơi đâu, buôn bán phụ nữ và bắt buộc bán dâm
- (c) Bạo lực thể chất, tinh dục và tâm lý được thực hiện hoặc được dung túng bởi Nhà nước ở bất cứ nơi đâu.

Các Chiến lược Mẫu và các Biện pháp Thiết thực mới cập nhật của Liên hợp quốc nhằm xoá bỏ bạo lực đối với phụ nữ thuộc lĩnh vực phòng ngừa tội phạm và tư pháp hình sự (được Ủy ban Phòng chống Tội phạm và Tư pháp Hình sự thông qua tháng 5/2010)

- Các quốc gia cần tiến hành một loạt các biện pháp để hoàn thiện luật pháp và các quy trình tư pháp hình sự để xử lý bạo lực đối với phụ nữ.
- Các thủ tục hình sự phải đảm bảo rằng trách nhiệm cao nhất trong việc khởi tố vụ án hình sự là của cơ quan công tố.
- Các văn bản pháp luật phải đảm bảo rằng cảnh sát có quyền vào nơi ở và tiến hành bắt giữ khi xảy ra bạo lực đối với phụ nữ.
- Phụ nữ phải có cơ hội làm chứng trước tòa một cách bình đẳng như các nhân chứng khác và phải có các biện pháp tạo điều kiện cho việc làm chứng của nạn nhân.
- Chứng cứ về các hành vi bạo lực trong quá khứ phải được xem xét trong phiên tòa.
- Tòa án phải có quyền ban hành các lệnh bảo vệ và cấm tiếp xúc.
- Các văn bản pháp luật cần đảm bảo rằng các hành động bạo lực phải được ngăn chặn kịp thời bởi cảnh sát và các hành động của cảnh sát phải cân nhắc để đảm bảo an toàn cho nạn nhân.
- Các biện pháp điều tra không được hạ thấp phụ nữ mà phải giảm thiểu sự xâm phạm và thực hiện các chuẩn mực về thu thập chứng cứ phù hợp.
- Các quốc gia phải khuyến khích phụ nữ tham gia lực lượng cảnh sát.
- Các chính sách về kết án phải đảm bảo truy cứu trách nhiệm của thủ phạm; quan tâm đến tác động của việc kết án tới nạn nhân; và đảm bảo mức án là tương đương với các loại tội phạm bạo lực khác.
- Việc tuyên án cần tính đến tính nghiêm trọng của các tổn thương và ảnh hưởng về thể chất, tâm lý đối với nạn nhân, có thể thông qua lời khai của nạn nhân.
- Cần thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân và nhân chứng trước, trong và sau quá trình tố tụng hình sự.
- Các nạn nhân phải được trợ giúp và hỗ trợ trong các thủ tục của phiên tòa, bao gồm cả thông tin về quyền và nghĩa vụ, đảm bảo rằng các cơ chế và thủ tục của phiên tòa là dễ tiếp cận và nhạy cảm với nhu cầu của phụ nữ.

### 1.3 Các chuẩn mực quốc tế liên quan đến cán bộ hành pháp và tư pháp

Đại diện cho Chính phủ, các cán bộ hành pháp, kiểm sát viên và thẩm phán phải chịu trách nhiệm thúc đẩy, bảo vệ và thực hiện các quyền cơ bản của mọi cá nhân. Họ phải thực hiện trách nhiệm đầy đủ để ngăn ngừa, điều tra và xử lý các hành vi bạo lực đối với phụ nữ theo pháp luật quốc gia, dù các hành vi đó được thực hiện bởi Nhà nước hay các cá nhân. Cộng đồng quốc tế đã xây dựng các quy tắc ứng xử và các hướng dẫn cho cán bộ hành pháp và tư pháp để thực hiện các nghĩa vụ nêu trên.

Quy tắc ứng xử của Liên hợp quốc cho cán bộ cơ quan hành pháp

- Cảnh sát phải phục vụ cộng đồng bằng việc bảo vệ mọi người trước các hành vi trái pháp luật với tinh thần trách nhiệm cao phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp.
- Trong khi thi hành nhiệm vụ, cán bộ hành pháp phải tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, đảm bảo và nêu cao quyền con người cho tất cả mọi người.

Hướng dẫn của Liên hợp quốc về vai trò của kiểm sát viên (công tố viên)

- Các công tố viên phải thực hiện nhiệm vụ một cách công bằng, nhất quán và khắt khe, tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, bảo vệ nhân quyền, qua đó góp phần đảm bảo thực hiện đúng các thủ tục và giúp hệ thống tư pháp hình sự vận hành tốt.
- Các công tố viên phải thực hiện nhiệm vụ một cách công bằng, tránh những phân biệt đối xử về văn hoá, giới tính hay bất kỳ phân biệt nào khác.
- Tất cả các tài liệu quản lý phải được giữ bí mật, trừ khi yêu cầu thực hiện nhiệm vụ hoặc yêu cầu tư pháp đòi hỏi khác đi.
- Các công tố viên phải quan tâm đến quan điểm và những lo lắng của nạn nhân.

Những nguyên tắc cơ bản của Liên hợp quốc về sự độc lập của thẩm phán

- Thẩm phán phải quyết định các vấn đề một cách công bằng, dựa trên các căn cứ thực tế và phù hợp với luật pháp mà không bị bất kỳ hạn chế, tác động không phù hợp, thuyết phục, áp lực, đe dọa hoặc can thiệp, dù trực tiếp hay gián tiếp từ bất kỳ phía nào và với bất kỳ lý do gì.
- Thẩm phán phải đảm bảo rằng các thủ tục tư pháp phải được tiến hành công bằng và quyền lợi của các bên phải được tôn trọng.

## Mục 2: Khung pháp lý của Việt Nam

### 2.1 Giới thiệu chung về khung pháp lý của Việt Nam

Một số văn bản luật của Việt Nam đã hình thành khung pháp lý để Chính phủ có thể xử lý BLGD đối với phụ nữ. Quy định trong các văn bản luật hình sự, hành chính và dân sự là cơ sở để bảo vệ nạn nhân của BLGD và buộc người gây bạo lực chịu trách nhiệm. Ngoài ra, Hiến pháp, Luật Bình đẳng Giới, Luật Hôn nhân và Gia đình cũng đề cao bình đẳng giữa nam và nữ.

Tùy vào hình thức bạo lực và độ nghiêm trọng của thương tích mà luật pháp hành chính hay hình sự sẽ được áp dụng để xử lý các hành vi bạo lực và lạm dụng, trong đó có BLGD. Tuy nhiên với nhận thức ngày càng rõ là các văn bản luật và thủ tục hiện hành chưa thể xử lý thích đáng tính đặc thù của BLGD, một văn bản luật riêng đã được ban hành năm 2007, đó là Luật phòng, chống BLGD. Luật này nêu rõ sự cần thiết phòng chống bạo lực trong gia đình và đưa ra các biện pháp mang tính phòng ngừa, hỗ trợ. Luật phòng, chống BLGD quy định cụ thể về những hành vi BLGD và các hình thức phạt hành chính (nêu trong Nghị định 110/2009), tuy nhiên Luật không quy định những tội danh mới để xử lý hình sự.

Tất cả những văn bản luật trên cùng tạo ra một cách tiếp cận tổng hợp: Luật phòng, chống BLGD khuyến khích quan tâm hơn nữa tới bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân, còn các văn bản luật hình sự và hành chính tập trung xử phạt người gây bạo lực.

<b>Thúc đẩy bình đẳng giới</b>	
<i>Hiến pháp; Luật Bình đẳng Giới; Luật Hôn nhân và Gia đình</i>	
<b>Buộc người gây bạo lực chịu trách nhiệm</b> * Bộ luật Hình sự; * Pháp lệnh về xử phạt vi phạm hành chính * Nghị định 110/2009 về xử phạt vi phạm hành chính trong phòng, chống BLGD	<b>Bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân</b> <i>Luật phòng, chống BLGD</i>

Khung pháp lý nói trên quy định cách tiếp cận nhiều mặt trong phòng ngừa, đấu tranh, và xử lý BLGD và có sự tham gia của các cơ quan nhà nước và tổ chức đoàn thể khác nhau. Các cơ quan, tổ chức đó bao gồm Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Y tế, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc. Do tài liệu này nhằm tăng cường năng lực cho các cơ quan hành pháp và tư pháp trong phòng chống BLGD, tài liệu sẽ tập trung giới thiệu những văn bản luật liên quan tới các cơ quan hành pháp như công an cơ sở và những người tiếp cận đầu tiên khi bạo lực xảy ra cũng như các cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án.

Các cơ quan hành pháp và tư pháp không chỉ có nhiệm vụ truy cứu thủ phạm mà còn có trách nhiệm đảm bảo nạn nhân của BLGD được bảo vệ và hỗ trợ.

### 2.2 Khung pháp lý thúc đẩy bình đẳng giới

Trước khi tập trung giới thiệu Luật phòng, chống BLGD và các nghị định hướng dẫn, Pháp lệnh về xử phạt vi phạm hành chính và Bộ luật Hình sự, phần này sẽ giới thiệu vắn tắt những văn bản luật liên quan khác. Như đã thảo luận trong mô-đun trước, do đa số nạn nhân của BLGD là phụ nữ, tài liệu tập huấn này tập trung vào nguyên nhân gốc rễ của BLGD, đó là bất bình đẳng giới.



### **Hiến pháp năm 1992, sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị quyết 51/2001/QH10, ngày 25/12/2001**

Hiến pháp là văn bản luật tối cao của một đất nước và tất cả các văn bản luật trong nước đều phải phù hợp với các nguyên tắc mà Hiến pháp quy định. Vì thế khi áp dụng luật như Bộ luật Hình sự và Luật phòng, chống BLDĐ, điều quan trọng là phải luôn ghi nhớ những nguyên tắc cơ bản mà Hiến pháp đã công nhận, nhất là nguyên tắc bình đẳng giới.

Hiến pháp công nhận gia đình là tế bào của xã hội (Điều 64) nhưng đồng thời cũng quy định rằng mọi cá nhân, bao gồm mọi thành viên gia đình, được Chính phủ bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm (Điều 71). Ngoài ra Điều 63 còn quy định sự bình đẳng giữa vợ và chồng khi quy định “công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình” và “nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ”.

Hiến pháp còn quy định rằng mọi công dân có quyền khiếu nại, quyền tố cáo về những việc làm trái pháp luật của bất cứ cá nhân nào và nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo (Điều 74).

### **Luật Bình đẳng Giới, 2006**

Luật Bình đẳng Giới quy định rằng nam, nữ bình đẳng với nhau trong mọi lĩnh vực và nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới. Điều 18 còn quy định chi tiết về bình đẳng giới trong gia đình, cụ thể vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình, mỗi người đều có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.

Các cán bộ hành pháp và tư pháp cần đặc biệt quan tâm đến Điều 41, trong đó quy định việc đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính là vi phạm pháp luật. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà người có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 42).

### **Luật Hôn nhân và Gia đình, 2000**

Luật Hôn nhân và Gia đình quy định cấm ngược đãi, hành hạ các thành viên trong gia đình (Điều 4). Ngược đãi, hành hạ, hoặc xúc phạm danh dự, nhân phẩm của các thành viên trong gia đình, tùy theo tính chất và mức độ nghiêm trọng sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Luật còn quy định rằng các cơ quan có thẩm quyền, trong đó có các cơ quan hành pháp và tư pháp, phải có biện pháp kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm minh đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình (Điều 4).

### **Bộ luật Dân sự, 2005**

Luật Dân sự có một số quy định theo đó nạn nhân BLDĐ có quyền được đòi bồi thường thiệt hại. Các cơ quan hành pháp và tư pháp cần cho nạn nhân biết họ có quyền đòi bồi thường.

## **2.3 Luật phòng, chống bạo lực gia đình, 2007**

Luật phòng, chống BLDĐ là một văn bản luật tương đối mới của Việt Nam, có hiệu lực từ năm 2008. Một số Nghị định đã được ban hành để hướng dẫn thi hành Luật. Phần này giới thiệu tóm tắt Luật và đi sâu một số điều có thể hướng dẫn các cán bộ hành pháp và tư pháp trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Luật phòng, chống BLDĐ quy định một số nguyên tắc và biện pháp phòng, chống BLDĐ và vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và tổ chức trong phòng, chống BLDĐ. Luật này nhấn mạnh vào công tác phòng ngừa. Luật quy định các biện pháp toàn diện về thông tin, tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của xã hội, hiểu biết của cộng đồng về BLDĐ.

Cán bộ các cơ quan hành pháp cần chú ý tới nguyên tắc được nêu trong Điều 3: Hành vi BLDĐ được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật. Như vậy BLDĐ không còn được coi là vấn đề “riêng tư” cần được giải quyết trong phạm vi gia đình nữa. Cán bộ tư pháp rõ ràng phải có trách nhiệm xử lý khi BLDĐ xảy ra.

Khoản 2 Điều 3: Hành vi bạo lực gia đình được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

### **Định nghĩa bạo lực gia đình**

Luật phòng, chống BLGD nêu một định nghĩa khá rộng về BLGD, bao gồm bạo lực về thể chất, bạo lực về tinh dục, bạo lực về tâm lý, tình cảm và bạo lực về kinh tế. Ở vài khía cạnh, định nghĩa này còn rộng hơn cách hiểu chung về bạo lực theo chuẩn mực quốc tế. Ví dụ, lạm dụng về tâm lý hoặc tình cảm thông thường chỉ bao gồm những hành vi đe dọa, làm mất phẩm giá hay kiểm soát thường xuyên chứ không bao gồm việc gây áp lực tinh thần hoặc xúc phạm đơn thuần.

Khoản 2 Điều 1: Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

Khoản 1 Điều 2: Các hành vi bạo lực gia đình bao gồm:

- (a) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;
- (b) Lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
- (c) Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng;
- (d) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;
- (e) Cưỡng ép quan hệ tình dục;
- (f) Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;
- (g) Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình;
- (h) Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính;
- (i) Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

### **Xử lý người có hành vi bạo lực gia đình**

Điều 42 quy định người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống BLGD tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cần lưu ý rằng mặc dù quy định cụ thể về những hành vi BLGD nhưng Luật phòng, chống BLGD không quy định những tội danh mới để xử lý hình sự người gây bạo lực. Các khung hình phạt áp dụng được quy định trong Bộ luật Hình sự. Các hình thức xử phạt hành chính quy định trong Pháp lệnh về xử phạt vi phạm hành chính có thể áp dụng cho các vụ BLGD. Ngoài ra, điều 43 của Luật phòng, chống BLGD quy định các biện pháp xử phạt hành chính đối với người thường xuyên có hành vi BLGD. Chính phủ cũng đã quy định cụ thể các vi phạm hành chính và biện pháp xử phạt, như phạt tiền, trong Nghị định 110/2009.

#### **Điều 43**

1. Người thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đã được góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư mà trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày áp dụng biện pháp này vẫn có hành vi bạo lực gia đình nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn
2. Người có hành vi bạo lực gia đình đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà tiếp tục thực hiện hành vi bạo lực gia đình nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục; đối với người dưới 18 tuổi thì có thể bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.
3. Thảm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Nghị định số 110/2009/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống BLGD quy định các mức xử phạt cho các hành vi bạo lực khác nhau. Nghị định quy định các hình thức xử phạt như sau (Điều 4):

Các hình thức xử phạt:

- Cảnh cáo.
- Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 30.000.000đ

Các hình thức xử phạt bổ sung:

- Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, chứng chỉ hành nghề;
- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;
- Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu.

Các chi tiết về Nghị định 110/2009 sẽ được đề cập trong mô-đun 6 về hệ thống xử phạt hành chính.

### **Bảo vệ nạn nhân**

Nạn nhân BLGD có quyền được bảo vệ dù vụ việc có được điều tra xử lý về hình sự hay hành chính hay không. Luật phòng, chống BLGD quy định các tình huống mà nạn nhân có thể được áp dụng biện pháp bảo vệ đặc biệt: biện pháp cấm tiếp xúc.

#### **Biện pháp cấm tiếp xúc**

Luật quy định biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ nạn nhân BLGD – cấm tiếp xúc. Biện pháp cấm tiếp xúc với nạn nhân có thể được áp dụng theo 2 cách:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra BLGD quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc trong thời hạn không quá 3 ngày (Điều 20);
2. Tòa án đang thụ lý hoặc giải quyết vụ án dân sự quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc trong thời hạn không quá 4 tháng (Điều 21)

Nạn nhân BLGD phải có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc. Biện pháp này được áp dụng khi “hành vi BLGD gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của nạn nhân BLGD”. Vi phạm quyết định cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là vi phạm hành chính và sẽ bị xử phạt, hoặc theo Nghị định 08, có thể bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính. Khi có quyết định cấm tiếp xúc của Tòa án thì người đứng đầu cộng đồng dân cư có trách nhiệm phân công người giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc. Theo Nghị định 08, cấm tiếp xúc bao gồm cả tiếp xúc thông qua điện thoại, fax, thư điện tử (email)...

Các biện pháp bảo vệ khác bao gồm các cơ sở trợ giúp, cung cấp nơi ở tạm thời, an toàn cho nạn nhân BLGD, như nhà tạm lánh hoặc địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

### **Các dịch vụ hỗ trợ**

Nạn nhân BLGD phải được hỗ trợ dù vụ việc có được điều tra xử lý về hình sự hay hành chính hay không. Công an với vai trò là người xử lý đầu tiên khi BLGD xảy ra cần nắm được tại cộng đồng đang có các dịch vụ hỗ trợ nào và giới thiệu, chuyển nạn nhân tới nơi có các dịch vụ đó.

Chăm sóc y tế:

- Nạn nhân khám và điều trị y tế được Quỹ bảo hiểm y tế chi trả đối với người có bảo hiểm y tế (Điều 23). Nếu nạn nhân không có bảo hiểm y tế, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để thực hiện hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân (Điều 24).
- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước, ngoài chăm sóc y tế, còn bố trí nơi tạm lánh cho nạn nhân (Điều 27).

Tư vấn

- Nạn nhân BLGD được tư vấn về chăm sóc sức khỏe, ứng xử trong gia đình, pháp luật và tâm lý (Điều 24).
- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân BLGD, cơ sở tư vấn về phòng, chống BLGD có trách nhiệm thực hiện việc tư vấn phù hợp cho nạn nhân (Điều 24).

Tư vấn pháp luật

- Nạn nhân cần được tư vấn pháp luật tại các cơ sở hỗ trợ nạn nhân BLGD (Điều 29).

Tiếp cận thông tin về quyền của mình

- Nạn nhân cần được tiếp cận thông tin về chính sách, pháp luật về phòng, chống BLGD, bình đẳng giới, quyền và nghĩa vụ của các thành viên gia đình (Điều 10).

## Phát hiện, báo tin về bạo lực gia đình

Nhận thức được rằng BLGD thường không được phát hiện và trình báo do diễn ra trong hoàn cảnh riêng tư, Luật phòng, chống BLGD quy định người phát hiện BLGD phải kịp thời báo tin cho cơ quan công an nơi gần nhất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu cộng đồng dân cư. Cơ quan công an, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu cộng đồng dân cư khi nhận được tin báo về BLGD có trách nhiệm kịp thời xử lý hoặc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ cụ thể. Chính quyền địa phương có thể chuyển vụ việc sang cơ quan công an và trong trường hợp này cần giữ bí mật về nhân thân người phát hiện, báo tin về BLGD. Nhân viên y tế khi điều trị cho nạn nhân BLGD và phát hiện hành vi BLGD có dấu hiệu tội phạm phải báo cho công an. Luật phòng, chống BLGD có thể sẽ giúp tăng số lượng các vụ BLGD được trình báo cho công an.

## Hòa giải

Luật phòng, chống BLGD có quy định các nguyên tắc hòa giải, trong đó có nguyên tắc tôn trọng sự tự nguyện tiến hành hòa giải của các bên. Vì thế, nếu nạn nhân không thể tự do bày tỏ nguyện vọng vì thấy lo sợ trước thủ phạm thì không nên tiến hành hòa giải. Luật cũng quy định không hòa giải các vụ việc thuộc tội phạm hình sự hoặc thuộc hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính. Nói cách khác, luật quy định không hòa giải trong những trường hợp bạo lực nghiêm trọng hoặc thường xuyên. Nếu vụ việc thuộc tội phạm hình sự, nạn nhân có thể yêu cầu không xử lý theo quy định của pháp luật hình sự mà tiến hành hòa giải. Chính quyền cần đảm bảo rằng yêu cầu đó của nạn nhân là tự nguyện chứ không phải do ép buộc. Nếu vụ việc xảy ra có tính chất vi phạm hành chính thì không áp dụng biện pháp hòa giải do cơ quan, tổ chức hoặc tổ hòa giải ở cơ sở tiến hành.

### Điều 12 Nguyên tắc hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình

- (1) Kịp thời, chủ động, kiên trì.
- (2) Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội và phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.
- (3) Tôn trọng sự tự nguyện tiến hành hòa giải của các bên.
- (4) Khách quan, công minh, có lý, có tình.
- (5) Giữ bí mật thông tin đời tư của các bên.
- (6) Tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.
- (7) Không hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình quy định tại Điều 14 (cơ quan, tổ chức) và Điều 15 (tổ hòa giải ở cơ sở) của Luật này trong những trường hợp sau đây:
  - (a) Vụ việc thuộc tội phạm hình sự, trừ trường hợp người bị hại yêu cầu không xử lý theo quy định của pháp luật hình sự;
  - (b) Vụ việc thuộc hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính.

Góp ý và phê bình trong cộng đồng dân cư áp dụng đối với người có hành vi BLGD đã được tổ hòa giải ở cơ sở hoà giải mà tiếp tục có hành vi BLGD.

### Các Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật phòng, chống bạo lực gia đình

Sau khi Luật phòng, chống BLGD được ban hành đã có ba Nghị định được thông qua.

- Nghị định 08<sup>1</sup> hướng dẫn việc tư vấn và phổ biến thông tin, góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư, áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc và các cơ sở trợ giúp nạn nhân BLGD.
- Nghị định 19<sup>2</sup> quy định việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính.
- Nghị định 110<sup>3</sup> quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống BLGD.

Nghị định 08 hướng dẫn chi tiết một số quy định của Luật về tư vấn và phổ biến thông tin; góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư; áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; và các cơ sở trợ giúp nạn nhân BLGD. Điều 7 quy định rằng cuộc họp góp ý, phê bình tại cộng đồng phải được lập

<sup>1</sup> Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống bạo lực gia đình.

<sup>2</sup> Nghị định số 19/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009

<sup>3</sup> Nghị định số 110/2009/CP ngày 10 tháng 12 năm 2009 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống BLGD

biên bản và gửi tới công chức làm công tác tư pháp, công chức làm công tác văn hóa - xã hội. Điều 9 quy định rằng cơ quan Công an là một trong những cơ quan có thẩm quyền có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân ra quyết định cấm tiếp xúc. Công an hoặc cơ quan điều tra có thể gửi đơn yêu cầu khi có một trong những điều kiện sau

- Có giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về việc khám và điều trị thương tích do hành vi BLDĐ gây ra;
- Có dấu vết thương tích trên cơ thể nạn nhân có thể nhận thấy rõ bằng mắt thường hoặc có dấu hiệu rõ ràng về hoảng loạn tinh thần của nạn nhân BLDĐ;
- Có chứng cứ chứng minh có sự đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc tính mạng của nạn nhân BLDĐ.

Điều 12 quy định người có hành vi BLDĐ vi phạm quyết định cấm tiếp xúc sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Nghị định 19 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tạm giữ người theo thủ tục hành chính. Việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Cản ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng hoặc gây thương tích cho người khác.
- Cần phải thu thập, xác minh những tình tiết quan trọng để làm căn cứ cho việc quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính;
- Người có hành vi BLDĐ, vi phạm quyết định cấm tiếp xúc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Nghị định 110 quy định chi tiết các mức xử phạt cho 9 hành vi BLDĐ được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật phòng, chống BLDĐ cũng như 8 hành vi vi phạm khác:

- Hành vi bạo lực đối với người ngăn chặn, phát hiện, báo tin BLDĐ, người giúp đỡ nạn nhân BLDĐ;
- Hành vi cưỡng bức, kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi BLDĐ;
- Hành vi cố ý không ngăn chặn, báo tin hành vi BLDĐ và cản trở việc ngăn chặn, báo tin, xử lý hành vi BLDĐ;
- Hành vi sử dụng, truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động hành vi BLDĐ;
- Hành vi tiết lộ thông tin về nạn nhân BLDĐ;
- Hành vi lợi dụng hoạt động phòng, chống BLDĐ để trục lợi;
- Hành vi vi phạm quy định về đăng ký hoạt động đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân BLDĐ, cơ sở tư vấn về phòng, chống BLDĐ;
- Hành vi vi phạm quyết định cấm tiếp xúc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chi tiết về Nghị định này được nêu trong mô-đun 6 về vi phạm hành chính.

## 2.4 Pháp luật liên quan đến xử lý hành chính

Một trong những hình thức xử lý người có hành vi BLDĐ là xử phạt hành chính. Luật phòng, chống BLDĐ và hai Nghị định hướng dẫn là Nghị định 08 và Nghị định 110 đã quy định thêm những hành vi bị xử lý hành chính là vi phạm quyết định cấm tiếp xúc và quy định tại điều 43 của Luật về người thường xuyên có hành vi BLDĐ đã được góp ý, phê bình nhưng vẫn có hành vi BLDĐ nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, 2002

Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính quy định các mức xử phạt đối với người có hành vi vi phạm pháp luật chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng phải xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Nó bao gồm những hành vi được quy định ở các văn bản pháp luật khác:

- Nghị định 110 quy định rõ các trường hợp xử lý vi phạm hành chính đối với 9 hành vi BLDĐ quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật phòng, chống BLDĐ và 8 hành vi vi phạm theo quy định của các điều khác trong Luật.
- Liên quan đến vi phạm quyết định cấm tiếp xúc: Nghị định 08 quy định rằng người vi phạm có thể bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính nếu có đơn đề nghị của nạn nhân BLDĐ và người vi phạm quyết định cấm tiếp xúc đã bị cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở nhưng vẫn cố tình vi phạm.

- Liên quan đến người thường xuyên có hành vi BLGD: Điều 43 của Luật phòng, chống BLGD quy định áp dụng xử phạt vi phạm hành chính đối với người thường xuyên có hành vi BLGD nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Liên quan đến ngược đãi thành viên trong gia đình: Luật Hôn nhân và Gia đình quy định việc áp dụng xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi ngược đãi, hành hạ, hoặc xúc phạm danh dự, nhân phẩm của thành viên trong gia đình.
- Liên quan đến đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình: Luật Bình đẳng Giới quy định rằng hành vi đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính là vi phạm bị xử lý hành chính.

Nghị định 150 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự quy định rằng người nào có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự của người khác hoặc gây tiếng động lớn trong khoảng thời gian từ 23 giờ đến 5 giờ sáng ngày hôm sau có thể bị xử phạt hành chính.

Pháp lệnh quy định các thủ tục xử phạt khác nhau:

- Xử phạt theo thủ tục đơn giản. Cá nhân vi phạm không bị lập biên bản về vi phạm hành chính, áp dụng cho trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10.000 đồng đến 200.000 đồng
- Xử phạt có lập biên bản về vi phạm hành chính. Trong trường hợp này biên bản được giao cho người vi phạm một bản. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét biên bản xử phạt và ra quyết định xử phạt. Nếu Chủ tịch ủy ban nhân dân cho rằng hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, họ phải chuyển hồ sơ cho cơ quan công an để điều tra.

Có nhiều hình thức xử phạt hành chính có thể áp dụng. Khi quyết định xử phạt, người hoặc cơ quan có thẩm quyền cần xem xét những lần xử phạt trước đó, sự thường xuyên có hành vi BLGD và mức độ tổn thương đến nạn nhân.

- Cảnh cáo;
- Phạt tiền;
- Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, chứng chỉ hành nghề;
- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;
- Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu;
- Các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;
- Đưa vào cơ sở giáo dục;
- Đưa vào trường giáo dưỡng trong một số trường hợp.

## 2.5 Pháp luật liên quan đến xử lý hình sự

### **Bộ luật Hình sự, 1999**

Bộ luật Hình sự quy định một số tội liên quan đến BLGD đối với phụ nữ. Như nhiều nước trên thế giới, tội cố ý gây thương tích nói chung hoặc tội hành hung có thể được áp dụng với cả bạo lực do người lạ gây ra và bạo lực trong gia đình.

Công an, kiểm sát viên và thẩm phán khi xử lý về BLGD đối với phụ nữ có thể áp dụng hai tội danh phổ biến nhất là:

Điều 104 - Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	Điều 151 Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu...
Tội danh này được chia thành 4 mức theo tỷ lệ thương tật, mỗi mức có một hình phạt khác nhau: i. Tỷ lệ thương tật từ 11-30% hoặc dưới 11% nhưng có một trong các tình tiết tăng nặng: Dùng hung khí nguy hiểm; Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân; Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người; đối với phụ nữ đang có thai; Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm - phạt cải	Có 2 điểm chính: i. Ngược đãi hoặc hành hạ thành viên trong gia đình; ii. Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.  Thông tư liên tịch số 01/2001 quy định:

<p>tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.</p> <p>ii. Tỷ lệ thương tật từ 11-30% - phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.</p> <p>iii. Tỷ lệ thương tật từ 31-60% hoặc từ 11-30% nhưng có một trong các tình tiết nặng nêu trên - phạt tù từ 2-7 năm</p> <p>iv. Tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc từ 31-60% nhưng có một trong các tình tiết tăng nặng nêu trên - phạt tù từ 5-15.</p> <p>Một số lưu ý về Điều 104:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khởi tố vụ án hình sự khi tỷ lệ thương tật dưới 31% phải có yêu cầu của nạn nhân.</li> <li>• Khi tỷ lệ thương tật bằng hoặc trên 31%, công an, cơ quan điều tra và kiểm sát viên có thể khởi tố vụ án mà không cần sự đồng ý của nạn nhân.</li> <li>• Công an, cơ quan điều tra và kiểm sát viên không cần cần nhắc đến những gì mà thủ phạm vi phạm dẫn về vợ mình như “nói nhiều”, “lừa” hoặc “ghen tuông” như lý do làm tinh thần thủ phạm bị kích động mạnh, hòng giảm tội danh xuống như ở điều 105. “Trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại Điều 105 phải là “kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó”</li> <li>• Cần phải có giấy chứng nhận tỷ lệ thương tật</li> </ul>	<p>“Hành vi ngược đãi, hành hạ” được hiểu là việc đối xử tồi tệ về ăn, mặc, ở và về các mặt sinh hoạt hàng ngày khác đối với người thân như: nhieếc móc, bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, mặc rách một cách không bình thường hoặc có hành vi bạo lực xâm phạm thân thể người bị hại như: đánh đập, giam hãm,... làm cho người bị hại bị đau đớn về thể xác và tinh thần.</p> <p>“Gây hậu quả nghiêm trọng” tức là làm cho người bị ngược đãi, hành hạ luôn luôn bị giày vò về mặt tinh cảm, bị tổn thất về danh dự, đau khổ về tinh thần hoặc bị thương tích, tổn hại đến sức khỏe.</p> <p>Một số lưu ý về Điều 151:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Không cần có sự đồng ý của nạn nhân.</li> <li>• Không cần giấy chứng nhận tỷ lệ thương tật.</li> <li>• Tội này có thể chỉ gồm một hành vi ngược đãi nếu gây nên hậu quả nghiêm trọng.</li> <li>• Tội này có thể gồm nhiều hành vi “hành hạ” hoặc “ngược đãi” liên tục và lặp lại.</li> <li>• Không cần chứng minh rằng bị cáo cố ý gây thương tích hoặc tổn hại đến sức khoẻ.</li> <li>• Cần chú ý đến tầm quan trọng của việc xử lý hành chính đối với người gây bạo lực vì đây là cơ sở để cơ quan hành pháp và tư pháp giải quyết theo trình tự tố tụng hình sự khi thủ phạm tiếp tục gây bạo lực.</li> </ul>
---	--

Để xác định tỷ lệ thương tật, Thông tư liên tịch số 12/1995 quy định một số tiêu chuẩn thương tật được sử dụng cho giám định viên, những người chịu trách nhiệm cấp giấy chứng nhận tỷ lệ thương tật.

### Ví dụ về tỷ lệ thương tật

Thương tích	Tỷ lệ thương tật
Sẹo vết thương hạ họng làm ảnh hưởng đến nói và nuốt	41-45%
Sẹo vết thương họng làm hẹp cổ họng gây ra khó nuốt	21-25%
Điếc một tai	25%
Mất chức năng ngón cái tay phải	30%
Mất chức năng ngón cái tay trái	20%
Chấn thương cắt cụt 2 chi trên	95%
- Tháo bỏ 2 khớp vai	85%
- Tháo bỏ 2 khớp khuỷu tay	
Chấn thương tháo bỏ 1 khớp gối	60%
Nứt vỡ vòm sọ đã liền can nhưng còn di chứng đau đầu kéo dài	21-25%
Gãy 3-5 xương sườn, can tốt, ảnh hưởng ít đến hô hấp	10-12%
Chấn thương cắt bỏ từ 6 xương sườn trở lên, làm lồng ngực biến dạng nhiều và ảnh hưởng suy hô hấp độ 1	41-45%

Sẹo vết thương âm hộ, âm đạo hoặc dương vật gây trở ngại cho việc giao hợp: - Nam giới dưới 55 tuổi, nữ giới dưới 45 tuổi - Nam giới trên 55 tuổi, nữ giới trên 45 tuổi	21-25% 10-15%
Mù tuyệt đối 2 mắt (thị lực sáng tối âm tính)	91%
Mù 1 mắt	45-50%
Gãy, sập xương sống mũi: - Không ảnh hưởng chức năng thở và ngửi - Có ảnh hưởng đến thở và ngửi rõ rệt	10% 25-30%
Sẹo bồng ở khuỷu tay làm hạn chế co duỗi khuỷu: Cẳng tay ở tư thế duỗi từ 180° đến 110°	26-30%
Sẹo bồng bàn tay - ngón tay làm các ngón dính nhau co quắp hoặc thẳng cứng (mất chức năng bàn tay)	41-45%
Sẹo bồng ở mu chân, gan bàn chân làm biến dạng bàn và ngón chân đi đứng khó khăn	21-25%

Các quy định khác có liên quan của Bộ luật Hình sự

• Điều 93 – Tội giết người

- (1) Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:
  - (b) Giết phụ nữ mà biết là có thai.
  - (q) Vi động cơ đê hèn.

*Lưu ý: Cần cân nhắc xem việc sử dụng quyền lực và kiểm soát đối với người vợ có thể được coi là “động cơ đê hèn”. Cán bộ hành pháp và tư pháp không cần cân nhắc đến những gì mà thủ phạm viện dẫn về vợ mình như “nói nhiều”, “lười” hoặc “ghen tuông” như lý do làm tinh thần thủ phạm bị kích động mạnh, hòng giảm tội danh xuống như ở điều 95. “Trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại Điều 95 phải là “kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó” thì mới có thể giảm nhẹ hình phạt.*

• Điều 103 – Tội đe dọa giết người

- (1) Người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

*Lưu ý: Đe dọa của người chồng đối với người vợ trong các vụ BLGD có thể tới mức “có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện”*

• Điều 100 – Tội bức tử

- (1) Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm

*Lưu ý: BLGD lặp đi lặp lại có thể tới mức “đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc vào mình”*

• Điều 98 – Tội vô ý làm chết người

- (1) Người nào vô ý làm chết người thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

*Lưu ý: Người gây bạo lực vô ý gây ra cái chết cho vợ mình sau khi đánh đập vợ có thể bị quy vào tội danh này.*

*Điều 104 (khoản 4) quy định về trường hợp người gây bạo lực cố ý gây thương tích dẫn đến chết người.*



• Điều 111 – Tội hiếp dâm

- (1) Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

*Lưu ý: Luật không nêu rõ rằng tội danh này được loại trừ không áp dụng cho quan hệ hôn nhân.*

*Quan niệm văn hóa cho rằng người chồng có quyền đòi hỏi quan hệ tình dục với vợ và người vợ phải tuân theo. Quan niệm này thể hiện qua việc điều luật này ít được áp dụng cho quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên hiểu rõ rằng cách diễn đạt của Luật không loại trừ việc áp dụng Điều 111 đối với hiếp dâm trong hôn nhân. Hơn nữa cần lưu ý rằng Luật phòng, chống BLD cũng đã quy định “cưỡng ép quan hệ tình dục” trong gia đình một là hành vi BLD, cho thấy quan niệm văn hóa đã thay đổi.*

*Trong những tình huống BLD, nạn nhân rõ ràng phải chịu đựng khi quan hệ tình dục trái với ý muốn nhưng không thể phản kháng lại bạo lực thể chất do quan hệ quyền lực không cân bằng giữa chồng và vợ.*

*Hình phạt áp dụng sẽ cao hơn trong một số trường hợp cụ thể, bao gồm cưỡng bức quan hệ tình dục nhiều lần; làm nạn nhân có thai; gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%.*

• Điều 113 – Tội cưỡng dâm

- (1) Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

*Lưu ý: Điều luật này bao gồm cả cưỡng dâm trong hôn nhân.*

*“Người lệ thuộc mình” có thể bao gồm nhiều quan hệ phụ thuộc, như tôn giáo, tài chính, công việc... Người lệ thuộc có thể bao gồm người vợ.*

• Điều 121 – Tội làm nhục người khác

- (1) Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

*Lưu ý: Dấu hiệu là “xúc phạm nghiêm trọng” lên “nhân phẩm, danh dự của người khác”.*

• Điều 108 – Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

- (1) Người nào vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

*Lưu ý: BLD thường được sử dụng để duy trì quyền lực và kiểm soát; sử dụng bạo lực không phải là hành vi không kiểm soát được. Vì vậy cần cân nhắc kỹ lưỡng hành vi bạo lực có phải là “vô ý”.*

• Điều 146 – Tội cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ

- (1) Người nào cưỡng ép người khác kết hôn trái với sự tự nguyện của họ, cản trở người khác kết hôn hoặc duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải hoặc bằng thủ đoạn khác, đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm

*Cần có một trong những dấu hiệu: cưỡng ép kết hôn; cản trở người khác kết hôn hoặc duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ; bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải.*

*Thông tư liên tịch số 01/2001 có nêu định nghĩa về “hành hạ, ngược đãi” và “uy hiếp tinh thần”.*

*“Hành hạ, ngược đãi” là đối xử tàn ác, tồi tệ đối với người khác gây đau khổ về thể xác hoặc tinh thần kéo dài, như: thường xuyên đánh đập (có thể không gây thương tích), giam hãm, bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, nhiệt mốc, làm nhục...*

*“Uy hiếp tinh thần” là đe dọa sẽ gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, tài sản hoặc lợi ích thiết thân của người bị đe dọa làm cho người đó có căn cứ để lo sợ thực sự mà phải chịu khuất phục như đe dọa sẽ đốt nhà, giết người thân, tiết lộ bí mật đời tư của người bị đe dọa, bố mẹ hoặc người thân trong gia đình, đe dọa sẽ tự tử...*

- Điều 152 – Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng

- (1) Người nào có nghĩa vụ cấp dưỡng và có khả năng thực tế để thực hiện việc cấp dưỡng đối với người mà mình có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật mà cố ý từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

- Điều 130 – Tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ

Người nào dùng vũ lực hoặc có hành vi nghiêm trọng khác cản trở phụ nữ tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, khoa học, văn hoá, xã hội, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm..

- Điều 143 - Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản

- (1) Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác gây thiệt hại từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

- Điều 123 - Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

- (1) Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

*Lưu ý: Điều luật này có thể áp dụng khi người chồng không cho vợ ra khỏi nhà bằng cách khoá vợ trong phòng.*

- Điều 132 – Tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo

- (2) Người nào trả thù người khiếu nại, tố cáo thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

*Lưu ý: Điều luật này có thể được áp dụng khi người chồng gây áp lực để nạn nhân/nhân chứng thôi không khiếu nại hoặc không cung cấp chứng cứ.*

*Lưu ý: Khoản 1 của Điều này quy định tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở việc khiếu nại, tố cáo. Quy định này có thể áp dụng trong trường hợp công an hoặc cán bộ địa phương gây áp lực để người vợ phải đồng ý hoà giải trong khi vụ việc có tính chất hình sự.*

### Mục 3: Thủ tục pháp lý

#### 3.1 Thủ tục pháp lý trong giải quyết bạo lực gia đình

Để xử lý các vụ BLGD có vai trò của một số cơ quan và một số thủ tục của các cơ quan có thẩm quyền. Tùy theo hoàn cảnh cụ thể của vụ BLGD mà việc giải quyết có thể là hoà giải đối với những mâu thuẫn nhỏ đến xử lý vi phạm hành chính và điều tra, truy tố theo trình tự tố tụng hình sự.

Cách xử lý	Cơ quan thực hiện	Vấn đề cần cân nhắc
<b>Khi hành vi BLGD chưa đến mức nghiêm trọng để xử lý hành chính hoặc hình sự:</b>		
<b>Hòa giải</b>	Tổ hoà giải ở cơ sở; UBND xã hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho các tổ chức ở cơ sở; cán bộ tư pháp thực hiện tư vấn cho tổ hoà giải. Các cơ quan, tổ chức thực hiện hòa giải mâu thuẫn giữa các thành viên gia đình.	<p><i>Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở năm 1998 và Nghị định 160 quy định rằng hoà giải là nhằm giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ.</i></p> <p><i>Hoà giải có thể được tiến hành khi nạn nhân không yêu cầu hoặc rút đơn đề nghị truy tố hoặc trường hợp Viện kiểm sát, Toà án không tiếp tục tiến hành tố tụng hoặc người vi phạm không bị áp dụng xử lý hành chính.</i></p> <p><i>Chính quyền cần lưu tâm đến diễn biến bạo lực và ảnh hưởng của nó đối với sự an toàn của nạn nhân và sự “đồng ý” hoà giải của nạn nhân; sự mất cân bằng về quyền lực tại các buổi hoà giải, sự đe dọa của thủ phạm trước và trong các buổi hoà giải.</i></p> <p><i>Chính quyền cũng phải cân nhắc xem có nên tiến hành hoà giải đối với trường hợp bạo lực lặp đi lặp lại.</i></p> <p><i>Góp ý, phê bình tại cộng đồng được áp dụng khi bạo lực vẫn tái diễn sau khi tổ hoà giải ở cơ sở đã tiến hành hoà giải.</i></p>
<b>Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư</b>	Trưởng thôn/người đứng đầu cộng đồng dân cư. UBND cấp xã có trách nhiệm giúp đỡ, tạo điều kiện cho người đứng đầu cộng đồng dân cư	<p><i>Nghị định 08 quy định rằng góp ý, phê bình tại cộng đồng dân cư được áp dụng khi thời gian giữa hai lần thực hiện hành vi bạo lực không quá 12 tháng.</i></p> <p><i>Cần lập biên bản cuộc họp và gửi tới công chức làm công tác tư pháp, công chức làm công tác văn hóa - xã hội ở cấp xã để lưu trữ.</i></p>
<b>Khi hành vi BLGD nghiêm trọng đến mức phải xử lý hành chính hoặc hình sự:</b>		
<b>Xác định xem có áp dụng xử phạt hành chính</b>	Công an, Chủ tịch UBND ba cấp (xã, huyện, tỉnh), Biên phòng, thanh tra Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	<p><i>Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Điều 42 và 43 Luật phòng, chống BLGD quy định xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác, VD giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào cơ sở giáo dục và đưa vào trường giáo dưỡng.</i></p> <p><i>Quy định này bao gồm các hành vi BLGD mà Luật PC BLGD năm 2007 đã xác định nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải xử lý vi phạm hành chính. Chi tiết xem Nghị định 110/2009.</i></p> <p><i>Không cần phải có yêu cầu của người bị hại trong trường hợp xử lý vi phạm hành chính.</i></p> <p><i>Để tiến hành điều tra hình sự, một số trường hợp phải có sự đồng ý của người bị hại nhưng không phải là tất cả.</i></p>

<b>Khi hành vi BLGD nghiêm trọng đến mức phải xử lý hành chính hoặc hình sự:</b>		
<b>Xác định xem có điều tra và truy tố vụ án hình sự</b>	Công an, Cơ quan điều tra hình sự, Viện kiểm sát, Tòa án	<i>Đối với một số tội danh – chứ không phải tất cả tội danh - phải có giấy xác nhận tỷ lệ thương tật. Không có điều nào của luật quy định nạn nhân phải có giấy đồng ý tiến hành giám định. Tuy nhiên trên thực tế, nếu nạn nhân từ chối giám định, công an sẽ tiến hành hoà giải sau khi đề nghị nạn nhân ký cam kết sẽ không khiếu nại công an về việc không tiến hành điều tra. Chính quyền nên quan tâm đến tổn thương của nạn nhân và khuyên họ đi giám định dù sau đó họ muốn tiến hành truy tố thủ phạm hay không.</i>
<b>Trong tất cả các vụ BLGD:</b>		
<b>Xác định xem có áp dụng quyền định cấm tiếp xúc</b>	Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Tòa án	<i>Có đơn yêu cầu của nạn nhân (công an có thể hỗ trợ) hoặc cơ quan có thẩm quyền, trong đó có cơ quan công an, tức là công an có thể thay mặt nạn nhân để yêu cầu.</i>  <i>Hành vi BLGD gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe, tính mạng của nạn nhân. Điều này có thể được thể hiện bằng giấy xác nhận của cơ sở y tế về việc khám và điều trị thương tích (không cần nêu tỷ lệ thương tật); hoặc khi có dấu vết thương tích có thể nhận thấy rõ bằng mắt thường hoặc có dấu hiệu rõ ràng về hoảng loạn tinh thần của nạn nhân; hoặc có chứng cứ chứng minh có sự đe dọa nạn nhân.</i>  <i>Thủ phạm và nạn nhân có nơi ở khác nhau trong thời gian cấm tiếp xúc (3 ngày).</i>  <i>Thời gian tạm giữ không được quá 12 giờ, có thể được kéo dài hơn, nhưng cũng không được quá 24 giờ.</i>  <i>Có thể áp dụng khi cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng hoặc gây thương tích cho người khác; và khi người có hành vi BLGD vi phạm quyết định cấm tiếp xúc</i>
<b>Xác định xem có tiến hành tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Nghị định 19)</b>	Chủ tịch UBND xã, thị trấn, Trưởng công an phường, Trưởng công an cấp huyện, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động	

### 3.2 Xác định ngưỡng: xử lý hình sự, hành chính hoặc các biện pháp không chính thức

Bảng trên nêu ra những cách xử lý mà cán bộ hành pháp và tư pháp có thể áp dụng khi hành vi BLGD xảy ra đến một “ngưỡng nguy hiểm” nào đó. Xác định xem hành vi BLGD đã đến ngưỡng hay không là một việc khó. Các cán bộ cần đánh giá xem thủ tục pháp lý nào là phù hợp sau khi đã tìm hiểu đầy đủ và toàn diện về vụ việc BLGD.

Việc xác định “ngưỡng nguy hiểm” phụ thuộc vào một số yếu tố khác nhau như mức độ tổn hại đối với nạn nhân, tần suất/quá trình thực hiện hành vi BLGD trong quá khứ dựa trên hồ sơ lưu lại và những biện pháp xử phạt đã áp dụng.

<b>Ngưỡng nguy hiểm và 4 dạng bạo lực gia đình</b>			
<b>Ngưỡng: vụ án hình sự</b>	<b>Ngưỡng: xử phạt hành chính</b>	<b>Ngưỡng: phê bình trong cộng đồng</b>	<b>Ngưỡng: hòa giải</b>
<b>Bạo lực thể chất:</b> ví dụ, đánh đập, ngược đãi, hành hạ hoặc những hành vi cố ý khác gây tổn hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác			

<p><b>Hình sự</b></p> <p>(1) Khi vụ việc được trình báo lần đầu và tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên thì có thể áp dụng Điều 104. Để xác định tỷ lệ thương tật cần tiến hành giám định thương tật.</p> <p>(2) Khi vụ việc được trình báo lần đầu và việc ngược đãi, hành hạ về thể chất gây “hậu quả nghiêm trọng” thì có thể áp dụng Điều 151. “Hậu quả nghiêm trọng” tức là nạn nhân bị giày vò, bị tổn thất về danh dự hoặc đau khổ về tinh thần.</p> <p>(3) Nếu nạn nhân bị chết và thủ phạm có chủ ý thì áp dụng Điều 93 (Tội giết người). Nếu thủ phạm không có chủ ý thì có thể áp dụng Điều 98 (Tội vô ý làm chết người).</p> <p>(4) Nếu tỷ lệ thương tích dưới 11% hoặc không nghiêm trọng đến mức áp dụng Điều 151 thì mức độ thường xuyên của bạo lực là cơ sở để quyết định có truy cứu trách nhiệm hình sự: VD trước đó đã xử lý vi phạm hành chính với mức độ tăng dần, từ cảnh cáo, phạt tiền, giáo dục tại cộng đồng, đến đưa vào cơ sở giáo dục hoặc đưa vào trường giáo dưỡng.</p>	<p><b>Hành chính</b></p> <p>(1) Khi vụ việc được trình báo lần đầu và tỷ lệ thương tật dưới 11%. Không có quy định tỷ lệ thương tật tối thiểu phải là bao nhiêu % để áp dụng xử phạt hành chính. Vì vậy người xử lý ban đầu có thể tự quyết lúc nào thì xử phạt hành chính với những vụ việc xảy ra lần đầu. Nói chung, người xử lý ban đầu sẽ cân nhắc nguyện vọng của nạn nhân và xem hành vi bạo lực có ảnh hưởng đến hàng xóm.</p> <p>(2) Tần suất: nếu đã hòa giải và phê bình trong cộng đồng nhưng bạo lực vẫn tiếp diễn thì cần áp dụng xử phạt hành chính.</p> <p>Các hình thức xử phạt hành chính có thể tăng dần theo tần suất tái phạm, từ cảnh cáo, phạt tiền, giáo dục tại cộng đồng đến đưa vào cơ sở giáo dục hoặc đưa vào trường giáo dưỡng.</p>	<p><b>Phê bình trong cộng đồng</b></p> <p>(1) Nếu mức độ thương tích là không có hoặc nhẹ, nhưng hành vi bạo lực tái diễn trong vòng 12 tháng mặc dù đã được hòa giải.</p> <p>(2) Khi vụ việc được trình báo lần đầu và thương tích là nghiêm trọng hơn mức có thể tiến hành hòa giải nhưng chưa đến mức để xử lý hành chính.</p>	<p><b>Hòa giải</b></p> <p>Mức độ thương tích: không có hoặc nhẹ</p> <p>Tần suất: xảy ra lần đầu.</p>
<p><b>Bạo lực tinh thần:</b> lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý đối với thành viên trong gia đình, gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p><i>Xác định ngưỡng của bạo lực tinh thần là khó khăn</i></p>			
<p><b>Hình sự</b></p> <p>Nếu áp dụng Điều 121 về tội làm nhục người khác thì tổn thương gây ra là xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác. Tính nghiêm trọng được đánh giá dựa trên mức độ, sự tái diễn của hành vi, thái độ và nhận thức của người phạm tội, hoặc có phạm tội nhiều lần, phạm tội với nhiều người.</p> <p>Nếu áp dụng điều 151 về tội ngược đãi và hành hạ thành viên trong gia đình thì điều kiện là gây hậu quả nghiêm trọng. Tội danh này có thể liên quan đến hành vi lạm dụng mang tính thường xuyên, liên tục. “Gây hậu quả</p>	<p><b>Hành chính</b></p> <p>Trong trường hợp người gây bạo lực xúc phạm tới nhân phẩm hoặc danh dự của nạn nhân nhưng chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>Nghị định 110 quy định chi tiết, nêu các trường hợp mà hành vi bạo lực phải xử lý vi phạm hành chính. Một số ví dụ:</p> <p>Thường xuyên dọa nạt thành viên gia đình bằng các hình ảnh, con vật, đồ vật mà người đó sợ (Điều 10(2)(d)).</p>	<p><b>Phê bình trong cộng đồng</b></p> <p>Mặc dù đã hòa giải nhưng bạo lực tái diễn trong vòng 12 tháng, có hành vi bạo lực tinh thần, ví dụ chửi bới.</p>	<p><b>Hòa giải</b></p> <p>Hành vi bạo lực tinh thần không nghiêm trọng như chửi bới vài lần</p>

<p>ngghiêm trọng” tức là làm cho nạn nhân luôn luôn bị giày vò, bị tổn thất về danh dự, hoặc làm nạn nhân đau đớn về tinh thần.</p>	<p>Tiết lộ hoặc phát tán tư liệu thuộc bí mật đời tư của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm (Điều 11(2)(a)).</p> <p>Cưỡng ép thành viên gia đình lột bỏ quần áo trước mặt người khác hoặc nơi công cộng (Điều 11(2)(d)).</p> <p>Cấm thành viên gia đình ra khỏi nhà, ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, bạn bè hoặc có các mối quan hệ xã hội hợp pháp, lảnh mạnh nhằm mục đích cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý đối với thành viên đó (Điều 12(1)(a)).</p>		
---	---	--	--

**Bạo lực tình dục**, ví dụ người chồng cưỡng ép vợ quan hệ tình dục  
*Thách thức trong các vụ BLGD là nạn nhân phải quan hệ tình dục trái với ý muốn của họ nhưng không dám phản kháng do bất bình đẳng về quyền lực giữa chồng và vợ.*

<b>Hình sự</b>	<b>Hành chính</b>	<b>Phê bình trong cộng đồng</b>	<b>Hòa giải</b>
<p>Xét theo Điều 111 về tội hiếp dâm thì điều này có thể áp dụng trong một số trường hợp.</p> <p>(i) Dùng vũ lực, như đấm đá, tát, đánh đập, để giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ.</p> <p>(ii) Đe dọa dùng vũ lực để giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ, ví dụ đe dọa thẳng là sẽ giết hoặc đánh nạn nhân nếu từ chối quan hệ tình dục, hoặc đe dọa kín đáo như làm những dấu hiệu ám chỉ về hậu quả xảy ra nếu nạn nhân không chịu quan hệ tình dục.</p> <p>(iii) Lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc dùng thủ đoạn khác để giao cấu với nạn nhân.</p> <p>Xét theo Điều 113 về tội cưỡng dâm thì điều này có thể áp dụng với cặp vợ chồng vì theo từ ngữ của luật, nạn nhân là người lệ thuộc vào thủ phạm.</p>	<p>Nghị định 110 quy định chi tiết, nêu các trường hợp mà hành vi bạo lực phải xử lý vi phạm hành chính. Một số ví dụ:</p> <p>Có hành vi bạo lực trong sinh hoạt tình dục của vợ chồng mà người vợ hoặc chồng không muốn (Điều 12(3)(đ)).</p>	<p>Không áp dụng trong những trường hợp nghiêm trọng này.</p>	<p>Không áp dụng trong những trường hợp nghiêm trọng này.</p>

<b>Bạo lực kinh tế</b> , cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính			
<b>Hình sự</b>	<b>Hành chính</b>	<b>Phê bình trong cộng đồng</b>	<b>Hòa giải</b>
<p>Nếu áp dụng Điều 152 về tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng thì ngưỡng ở đây là “cố ý” và “gây hậu quả nghiêm trọng”. Hậu quả nghiêm trọng có thể bao gồm việc nạn nhân hoặc con nạn nhân bị đau ốm hoặc tử vong.</p> <p>Điều 152 cũng quy định trường hợp người phạm tội đã bị xử lý hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.</p> <p>Ngoài ra cũng có thể áp dụng Điều 143 về tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản.</p>	<p>Nghị định 110 quy định chi tiết, nêu các trường hợp mà hành vi bạo lực phải xử lý vi phạm hành chính. Một số ví dụ:</p> <p>Không cho thành viên gia đình sử dụng tài sản chung vào mục đích chính đáng (Điều 16(1)(a)).</p> <p>Kiểm soát chặt chẽ nguồn tài chính của thành viên gia đình hoặc nguồn tài chính chung của gia đình nhằm tạo cho thành viên gia đình sự phụ thuộc về tài chính (Điều 16(1)(b)).</p> <p>Đập phá tài sản riêng của mình nhằm gây áp lực về tâm lý đối với thành viên gia đình (Điều 16(1)(d)).</p> <p>Ép buộc thành viên gia đình lao động quá sức hoặc làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm (Điều 16(2)(c)).</p>	<p>Mặc dù đã hòa giải nhưng bạo lực tái diễn trong vòng 12 tháng, có hành vi bạo lực kinh tế.</p>	<p>Hành vi bạo lực kinh tế không nghiêm trọng như bắt vợ lao động quá sức.</p>

#### **Mục 4: Các cơ quan có trách nhiệm**

##### **4.1 Các cơ quan có trách nhiệm**

Chính phủ có trách nhiệm phòng, chống và xử lý hành vi BLGD. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống BLGD. Trách nhiệm đó liên quan đến một số cơ quan chính phủ và dân sự như chính quyền địa phương, ủy ban nhân dân, các ngành Y tế, Xã hội, Giáo dục, Tư pháp, Hành pháp, các tổ chức quần chúng như Hội Liên hiệp Phụ nữ và các cơ quan truyền thông.

Luật phòng, chống BLGD: quy định chi tiết về vai trò và trách nhiệm của các cơ quan và tổ chức. Cụ thể:

Cá nhân:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kịp thời ngăn chặn hành vi BLGD</li> <li>• thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về hành vi BLGD.</li> </ul>
Gia đình:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình; chăm sóc nạn nhân</li> <li>• Phối hợp với cơ quan liên quan</li> </ul>
Mặt trận Tổ quốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục</li> <li>• tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống BLGD</li> </ul>
Hội phụ nữ:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổ chức các cơ sở tư vấn, cơ sở hỗ trợ nạn nhân</li> <li>• Tổ chức các hoạt động dạy nghề, tín dụng, tiết kiệm để hỗ trợ nạn nhân</li> <li>• Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân</li> </ul>

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đầu mối thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống BLGD</li> <li>• Xây dựng các chương trình, kế hoạch về phòng, chống BLGD</li> <li>• Hướng dẫn thực hiện hoạt động tư vấn về gia đình; việc thành lập cơ sở tư vấn và cơ sở hỗ trợ nạn nhân</li> <li>• Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống BLGD</li> <li>• Thực hiện chế độ báo cáo thống kê</li> </ul>
Bộ Y tế:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ban hành quy chế về chăm sóc y tế đối với bệnh nhân</li> <li>• Ban hành quy trình chữa trị nghiện rượu</li> </ul>
Bộ Lao động, thương binh và xã hội:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chỉ đạo việc lồng ghép nội dung phòng, chống BLGD vào các chương trình xoá đói giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm</li> <li>• Trợ giúp nạn nhân tại các cơ sở bảo trợ xã hội</li> </ul>
Bộ Giáo dục và Đào tạo:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Lồng ghép kiến thức phòng, chống BLGD vào các chương trình giáo dục, đào tạo</li> </ul>
Bộ Thông tin và Truyền thông:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về phòng, chống BLGD</li> </ul>
Cảnh sát, Tòa án, Viện kiểm sát	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nạn nhân</li> <li>• Kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống BLGD</li> <li>• Cung cấp số liệu thống kê cho cơ quan quản lý nhà nước</li> </ul>

Tài liệu tập huấn này tập trung chủ yếu vào các cơ quan hành pháp, tư pháp và vai trò của họ trong phòng chống BLGD đối với phụ nữ. Vai trò của các cơ quan hành pháp và tư pháp sẽ được đề cập chi tiết hơn trong các mô-đun sau.

- Vai trò của Công an. Công an cơ sở có trách nhiệm phòng ngừa tội phạm, bảo vệ an ninh trật tự và thực thi pháp luật. Công an thường được đề nghị can thiệp khi hành vi bạo lực xảy ra hoặc ngay sau đó. Công an có trách nhiệm điều tra triệt để mọi hành vi bạo lực và trong khi điều tra thì tôn trọng quyền và nhu cầu của tất cả các bên liên quan.
- Vai trò của cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra bắt đầu tham gia khi hành vi vi phạm được coi là tội phạm. Cán bộ điều tra có trách nhiệm điều tra, thu thập và bảo vệ chứng cứ theo thủ tục điều tra đã được quy định. Cán bộ điều tra làm rõ hành vi vi phạm thông qua nghiên cứu sự việc hoặc hoàn cảnh của vụ việc và xác định biện pháp hành pháp phù hợp với sự việc hoặc hoàn cảnh.
- Vai trò của Viện kiểm sát. Kiểm sát viên đóng vai trò vô cùng quan trọng trong thủ tục tư pháp. Họ là cầu nối giữa cơ quan công an và tòa án. Khi tôn trọng và tuân thủ quy định của pháp luật, họ góp phần xây dựng một hệ thống tư pháp hình sự vô tư và công bằng để bảo vệ công dân.
- Vai trò của Tòa án. Các thẩm phán có vai trò rất quan trọng trong xử lý BLGD. Trong khi xử các vụ hình sự, thẩm phán có thể bảo vệ và đảm bảo sự tôn trọng với nạn nhân, đảm bảo trình tự tố tụng với bị cáo và tuyên phạt phù hợp với tội danh. Thông qua nghị án, các thẩm phán gửi một thông điệp rõ ràng tới cộng đồng rằng BLGD đối với phụ nữ là không thể dung thứ. Nhân viên tòa án trong quá trình xét xử các vụ án hình sự cũng có vai trò quan trọng để nâng cao năng lực của tòa trong việc trợ giúp nạn nhân. Họ có thể góp phần cải thiện tiếp cận của người dân với tòa án, giúp liên lạc thông suốt giữa các bộ phận khác nhau của tòa án, nâng cao hiệu quả trong thủ tục của tòa và tạo ra môi trường an toàn cho nạn nhân và nhân chứng.
- Vai trò của UBND. UBND có trách nhiệm áp dụng các biện pháp phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm khác, bao gồm cả việc quyết định xử lý vi phạm hành chính 4. UBND là nơi tiếp nhận các khiếu nại, tố cáo và quyết định việc giải quyết vụ việc theo hướng hòa giải, góp ý, phê bình trong cộng đồng, xử phạt hành chính, hay chuyển vụ việc đến cơ quan công an để điều tra theo trình tự tố tụng hình sự. UBND cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục pháp luật cho người dân.



- Vai trò của cơ quan tư pháp. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở, chỉ đạo và hướng dẫn UBND các cấp trong hoạt động này. Ở địa phương, cán bộ tư pháp đóng vai trò tư vấn về các vấn đề gia đình ở cơ sở để góp phần phòng, chống BLGD<sup>5</sup>. Trưởng thôn là người tổ chức cuộc họp để góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư và mời các thành phần tham gia, còn cán bộ tư pháp xã là người hướng dẫn thực hiện.

Cơ quan hành pháp và tư pháp cần phối hợp với nhau để có thể hoạt động hiệu quả. Luật phòng, chống BLGD quy định người phát hiện BLGD phải kịp thời báo tin cho cơ quan công an nơi gần nhất hoặc UBND cấp xã hoặc người đứng đầu cộng đồng dân cư. UBND cần cân nhắc mời công an vào cuộc trong mọi tình huống BLGD để giúp đánh giá bản chất của hành vi và xác định xem hành vi đó có phải là tội phạm hoặc vi phạm hành chính. Công an cũng có thể giúp thu thập chứng cứ, lấy lời khai của nạn nhân, người gây bạo lực và nhân chứng, và phân tích tình huống một cách toàn diện. UBND và công an cần lưu lại tất cả mọi quyết định xử phạt hành chính, trong đó có quyết định về hành vi BLGD. Khi góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư, người đứng đầu cộng đồng dân cư phải gửi biên bản cuộc họp tới công chức làm công tác tư pháp ở cấp xã. Công an, kiểm sát viên và chánh án phải lưu giữ đầy đủ hồ sơ của các vụ việc. Việc mời công an địa phương và cán bộ tư pháp như kiểm sát viên, thẩm phán dự các buổi họp tại cộng đồng sẽ làm tăng thêm sức nặng của thông điệp gửi tới cộng đồng rằng BLGD là không thể dung thứ.

Các mô-đun tiếp theo sẽ đề cập chi tiết hơn tới những hành động của cơ quan hành pháp và tư pháp trước BLGD và những biện pháp khác nhau mà các cơ quan này có thể sử dụng để đảm bảo truy cứu trách nhiệm của người gây bạo lực và bảo đảm an toàn cho nạn nhân.

#### 4.2 Tầm quan trọng của việc phối hợp và lồng ghép

Như đã đề cập ở trên, BLGD là vấn đề xã hội cần được giải quyết bằng phương pháp tổng thể và lồng ghép. Nhiều nghiên cứu đã nhấn mạnh tầm quan trọng của cách tiếp cận phối hợp và toàn diện cho vấn đề này, trong đó đòi hỏi sự tham gia của tất cả các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan.

Mặc dù tài liệu tập huấn này tập trung vào cơ quan hành pháp và tư pháp nhưng cũng cần nhấn mạnh rằng các cơ quan này là một phần của hệ thống lớn hơn để giải quyết vấn đề BLGD. Việc phối hợp có thể diễn ra ở nhiều cấp độ. Các cơ quan hành pháp và tư pháp cần phối hợp với ngành y tế, giáo dục và công tác xã hội cũng như chính quyền địa phương, người đứng đầu cộng đồng dân cư, các tổ chức đoàn thể và xã hội dân sự.

Ví dụ, công an và cơ quan điều tra cần phối hợp chặt chẽ với cán bộ y tế, những người làm giám định y khoa xác nhận tỷ lệ thương tật. Thông tư liên tịch số 12/1995 đưa ra một bảng dài và phức tạp về tỷ lệ thương tật cho mỗi loại chấn thương và hậu quả lâu dài khác nhau. Việc đánh giá này đòi hỏi trình độ chuyên môn y khoa. Tuy nhiên công an và cán bộ UBND với vai trò là những người xử lý ban đầu các vụ BLGD cần có kiến thức về đánh giá ban đầu đối với thương tích để chuyển nạn nhân tới cơ quan giám định khi cần.

Cơ quan hành pháp và tư pháp cũng cần phối hợp chặt chẽ với nhau để đáp ứng nhu cầu của nạn nhân, người gây bạo lực và cộng đồng. Ở Việt Nam, cơ quan hành pháp và tư pháp không chỉ bao gồm công an, cơ quan điều tra hình sự, kiểm sát viên và thẩm phán mà còn bao gồm cán bộ UBND và cán bộ tư pháp là người tư vấn về vấn đề gia đình ở cơ sở nhằm góp phần phòng chống BLGD. Họ có thể giúp nhau tăng hiệu quả hoạt động thông qua chia sẻ thông tin và điều phối nguồn lực. Ví dụ UBND cần phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc để hỗ trợ khẩn cấp cho nạn nhân và tiến hành tư vấn cũng như tiến hành các biện pháp khác như phê bình trong cộng đồng và hòa giải.

Công an cần phối hợp với UBND và người đứng đầu cộng đồng dân cư để quản lý và lưu giữ hồ sơ về BLGD để đảm bảo rằng những hành vi kéo dài và lặp lại được xử lý đúng đắn.

Thách thức trong hợp tác liên ngành là mỗi ngành có một mối quan tâm, quan điểm và mong đợi riêng. Tuy nhiên đây cũng là một điểm tích cực vì mỗi ngành có thể đóng góp một thế mạnh riêng vào quá trình thảo luận.

<sup>4</sup> Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân.

<sup>5</sup> Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Việc điều phối và hợp tác cần thực hiện ở mọi cấp độ, trong tất cả các ngành liên quan:

- Những cán bộ thực thi trực tiếp.
- Cán bộ quản lý cấp trung.
- Cán bộ quản lý cấp cao, xây dựng chính sách và ra quyết định.

Chiến lược điều phối và lồng ghép có thể có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Một trong những cách đó là đảm bảo mỗi cơ quan có "một người tiên phong" trong việc thúc đẩy bảo vệ phụ nữ và hợp tác liên ngành, và người tiên phong đó lại được ủng hộ của lãnh đạo cấp cao hơn - một người tiên phong ở cấp độ chính sách công. Một cách tiếp cận khác là thiết lập một trung tâm quốc gia hoặc khu vực để thu thập, phân tích, cung cấp các dữ liệu và nghiên cứu liên quan. Một cách nữa mà nhiều nước đã thực hiện là lập nên các đường dây khu vực dành cho nạn nhân, công an và các cơ quan cung cấp dịch vụ khác, qua đó phổ biến thông tin về chính sách, các thủ tục và cách tiếp cận những dịch vụ địa phương nhằm trợ giúp nạn nhân và cán bộ liên quan.

#### **Thực tiễn tốt**

Các nước đã xây dựng các bộ hướng dẫn, thủ tục và cơ chế chuyển gửi đặc biệt mang tính liên ngành để xử lý các vụ BLDG, trong đó liên quan đến cán bộ y tế, tư vấn, hòa giải viên, cảnh sát, kiểm sát viên và thẩm phán.

Nhiều nước cũng đã thành lập các ủy ban điều phối liên ngành.

## PHỤ LỤC

### 1. Luật phòng, chống BLGD, 2007

#### **LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH CỦA QUỐC HỘI KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 2, SỐ 02/2007/QH12 NGÀY 21 THÁNG 11 NĂM 2007**

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;
- Quốc hội ban hành Luật phòng, chống bạo lực gia đình.

#### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Luật này quy định về phòng ngừa bạo lực gia đình, bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống bạo lực gia đình và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.
2. Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

##### **Điều 2. Các hành vi bạo lực gia đình**

1. Các hành vi bạo lực gia đình bao gồm:
  - a. Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khoẻ, tính mạng;
  - b. Lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
  - c. Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng;
  - d. Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;
  - e. Cưỡng ép quan hệ tình dục;
  - f. Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;
  - g. Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình;
  - h. Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính;
  - i. Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.
2. Hành vi bạo lực quy định tại khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với thành viên gia đình của vợ, chồng đã ly hôn hoặc nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng.

##### **Điều 3. Nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Kết hợp và thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình, lấy phòng ngừa là chính, chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục về gia đình, tư vấn, hoà giải phù hợp với truyền thống văn hoá, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.
2. Hành vi bạo lực gia đình được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.
3. Nạn nhân bạo lực gia đình được bảo vệ, giúp đỡ kịp thời phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của họ và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; ưu tiên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, người cao tuổi, người tàn tật và phụ nữ.
4. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống bạo lực gia đình.

#### **Điều 4. Nghĩa vụ của người có hành vi bạo lực gia đình**

1. Tôn trọng sự can thiệp hợp pháp của cộng đồng; chấm dứt ngay hành vi bạo lực.
2. Chấp hành quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
3. Kịp thời đưa nạn nhân đi cấp cứu, điều trị; chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình, trừ trường hợp nạn nhân từ chối.
4. Bồi thường thiệt hại cho nạn nhân bạo lực gia đình khi có yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của nạn nhân bạo lực gia đình**

1. Nạn nhân bạo lực gia đình có các quyền sau đây:
  - a. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình;
  - b. Yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, cấm tiếp xúc theo quy định của Luật này;
  - c. Được cung cấp dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý, pháp luật;
  - d. Được bố trí nơi tạm lánh, được giữ bí mật về nơi tạm lánh và thông tin khác theo quy định của Luật này;
  - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Nạn nhân bạo lực gia đình có nghĩa vụ cung cấp thông tin liên quan đến bạo lực gia đình cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khi có yêu cầu.

#### **Điều 6. Chính sách của Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Hằng năm, Nhà nước bố trí ngân sách cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình.
2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, tài trợ cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình; phát triển các mô hình phòng ngừa bạo lực gia đình và hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.
3. Khuyến khích việc nghiên cứu, sáng tác văn học, nghệ thuật về phòng, chống bạo lực gia đình.
4. Tổ chức, hỗ trợ việc bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình.
5. Người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình mà có thành tích thì được khen thưởng, nếu bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Nhà nước khuyến khích hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng chủ quyền, phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.
2. Nội dung hợp tác quốc tế bao gồm:
  - a. Xây dựng và thực hiện chương trình, dự án, hoạt động về phòng, chống bạo lực gia đình;
  - b. Tham gia tổ chức quốc tế; ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình;
  - c. Trao đổi thông tin và kinh nghiệm về phòng, chống bạo lực gia đình.

#### **Điều 8. Những hành vi bị nghiêm cấm**

1. Các hành vi bạo lực gia đình quy định tại Điều 2 của Luật này.
2. Cưỡng bức, kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.
3. Sử dụng, truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động bạo lực gia đình.
4. Trả thù, đe dọa trả thù người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình, người phát hiện, báo tin, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình.
5. Cản trở việc phát hiện, khai báo và xử lý hành vi bạo lực gia đình.
6. Lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để trục lợi hoặc thực hiện hoạt động trái pháp luật.
7. Dung túng, bao che, không xử lý, xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi bạo lực gia đình.

## **Chương II** **PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

### **Mục 1**

#### **THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

##### **Điều 9. Mục đích và yêu cầu của thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình nhằm thay đổi nhận thức, hành vi về bạo lực gia đình, góp phần tiến tới xoá bỏ bạo lực gia đình và nâng cao nhận thức về truyền thống tốt đẹp của con người, gia đình Việt Nam.
2. Thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:
  - a. Chính xác, rõ ràng, đơn giản, thiết thực;
  - b. Phù hợp với từng đối tượng, trình độ, lứa tuổi, giới tính, truyền thống, văn hóa, bản sắc dân tộc, tôn giáo;
  - c. Không làm ảnh hưởng đến bình đẳng giới, danh dự, nhân phẩm, uy tín của nạn nhân bạo lực gia đình và các thành viên khác trong gia đình.

##### **Điều 10. Nội dung thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới, quyền và nghĩa vụ của các thành viên gia đình.
2. Truyền thống tốt đẹp của con người, gia đình Việt Nam.
3. Tác hại của bạo lực gia đình.
4. Biện pháp, mô hình, kinh nghiệm trong phòng, chống bạo lực gia đình.
5. Kiến thức về hôn nhân và gia đình; kỹ năng ứng xử, xây dựng gia đình văn hoá.
6. Các nội dung khác có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình.

##### **Điều 11. Hình thức thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Thực hiện trực tiếp.
2. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.
3. Lồng ghép trong việc giảng dạy, học tập tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
4. Thông qua hoạt động văn học, nghệ thuật, sinh hoạt cộng đồng và các loại hình văn hoá quần chúng khác.

### **Mục 2**

#### **HÒA GIẢI MÂU THUẤN, TRANH CHẤP GIỮA CÁC THÀNH VIÊN GIA ĐÌNH**

##### **Điều 12. Nguyên tắc hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình**

1. Kịp thời, chủ động, kiên trì.
2. Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội và phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.
3. Tôn trọng sự tự nguyện tiến hành hòa giải của các bên.
4. Khách quan, công minh, có lý, có tình.
5. Giữ bí mật thông tin đời tư của các bên.
6. Tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.
7. Không hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật này trong những trường hợp sau đây:
  - a. Vụ việc thuộc tội phạm hình sự, trừ trường hợp người bị hại yêu cầu không xử lý theo quy định của pháp luật hình sự;
  - b. Vụ việc thuộc hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính.

### **Điều 13. Hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp do gia đình, dòng họ tiến hành**

Gia đình có trách nhiệm kịp thời phát hiện và hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình.

Trường hợp gia đình không hòa giải được hoặc có yêu cầu của thành viên gia đình thì người đứng đầu hoặc người có uy tín trong dòng họ chủ động hòa giải hoặc mời người có uy tín trong cộng đồng dân cư hòa giải.

### **Điều 14. Hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp do cơ quan, tổ chức tiến hành**

Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa người thuộc cơ quan, tổ chức mình với thành viên gia đình họ khi có yêu cầu của thành viên gia đình; trường hợp cần thiết thì phối hợp với cơ quan, tổ chức ở địa phương để tiến hành hòa giải.

### **Điều 15. Hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp do tổ chức hòa giải ở cơ sở tiến hành**

1. Tổ hòa giải ở cơ sở tiến hành hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.
2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho các tổ chức hòa giải ở cơ sở thực hiện hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình.

## **Mục 3**

### **TƯ VẤN, GÓP Ý, PHÊ BÌNH TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VỀ PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

#### **Điều 16. Tư vấn về gia đình ở cơ sở**

1. Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tư vấn về gia đình ở cơ sở cho các thành viên trong cộng đồng dân cư để phòng ngừa bạo lực gia đình.
2. Tư vấn về gia đình ở cơ sở bao gồm các nội dung sau đây:
  - a. Cung cấp thông tin, kiến thức, pháp luật về hôn nhân, gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình;
  - b. Hướng dẫn kỹ năng ứng xử trong gia đình; kỹ năng ứng xử khi có mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình.
3. Việc tư vấn về gia đình ở cơ sở tập trung vào các đối tượng sau đây:
  - a. Người có hành vi bạo lực gia đình;
  - b. Nạn nhân bạo lực gia đình;
  - c. Người nghiện rượu, ma túy, đánh bạc;
  - d. Người chuẩn bị kết hôn.
4. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên hướng dẫn, tạo điều kiện cho hoạt động tư vấn về gia đình ở cơ sở.

#### **Điều 17. Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư**

1. Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên có hành vi bạo lực gia đình đã được tổ hòa giải ở cơ sở hoà giải mà tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình.
2. Trưởng thôn, làng, bản, ấp, phum, sóc, tổ trưởng tổ dân phố hoặc người đứng đầu đơn vị tương đương (sau đây gọi chung là người đứng đầu cộng đồng dân cư) quyết định và tổ chức việc góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư. Thành phần tham gia góp ý, phê bình bao gồm đại diện gia đình, hộ gia đình liên kế và các thành phần khác do người đứng đầu cộng đồng dân cư mời.
3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giúp đỡ, tạo điều kiện cho người đứng đầu cộng đồng dân cư tổ chức việc góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư đối với người có hành vi bạo lực gia đình.

**Chương III**  
**BẢO VỆ VÀ HỖ TRỢ NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

**Mục 1**  
**CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ, HỖ TRỢ NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

**Điều 18. Phát hiện, báo tin về bạo lực gia đình**

1. Người phát hiện bạo lực gia đình phải kịp thời báo tin cho cơ quan công an nơi gần nhất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi xảy ra bạo lực, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 23 và khoản 4 Điều 29 của Luật này.
2. Cơ quan công an, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu cộng đồng dân cư khi phát hiện hoặc nhận được tin báo về bạo lực gia đình có trách nhiệm kịp thời xử lý hoặc kiến nghị, yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền xử lý; giữ bí mật về nhân thân và trong trường hợp cần thiết áp dụng biện pháp bảo vệ người phát hiện, báo tin về bạo lực gia đình.

**Điều 19. Biện pháp ngăn chặn, bảo vệ**

1. Các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ được áp dụng kịp thời để bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình, chấm dứt hành vi bạo lực gia đình, giảm thiểu hậu quả do hành vi bạo lực gây ra, bao gồm:
  - a. Buộc chấm dứt ngay hành vi bạo lực gia đình;
  - b. Cấp cứu nạn nhân bạo lực gia đình;
  - c. Các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về tố tụng hình sự đối với người có hành vi bạo lực gia đình;
  - d. Cấm người có hành vi bạo lực gia đình đến gần nạn nhân; sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác để có hành vi bạo lực với nạn nhân (sau đây gọi là biện pháp cấm tiếp xúc).
2. Người có mặt tại nơi xảy ra bạo lực gia đình tùy theo tính chất, mức độ của hành vi bạo lực và khả năng của mình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.
3. Thẩm quyền, điều kiện áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về tố tụng hình sự.
4. Việc áp dụng biện pháp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Luật này.

**Điều 20. Cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra bạo lực gia đình quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc trong thời hạn không quá 3 ngày khi có đủ các điều kiện sau đây:
  - a. Có đơn yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có đơn yêu cầu thì phải có sự đồng ý của nạn nhân bạo lực gia đình;
  - b. Hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của nạn nhân bạo lực gia đình;
  - c. Người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân bạo lực gia đình có nơi ở khác nhau trong thời gian cấm tiếp xúc.
2. Chậm nhất 12 giờ, kể từ khi nhận được đơn yêu cầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc; trường hợp không ra quyết định thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người yêu cầu biết.  
Quyết định cấm tiếp xúc có hiệu lực ngay sau khi ký và được gửi cho người có hành vi bạo lực gia đình, nạn nhân bạo lực gia đình, người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi cư trú của nạn nhân bạo lực gia đình.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định cấm tiếp xúc hủy bỏ quyết định đó khi có đơn yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình hoặc khi nhận thấy biện pháp này không còn cần thiết.
4. Trong trường hợp gia đình có việc tang lễ, cưới hỏi hoặc các trường hợp đặc biệt khác mà người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân bạo lực gia đình phải tiếp xúc với nhau thì người có hành vi bạo lực gia đình phải báo cáo với người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi cư trú của nạn nhân bạo lực gia đình.

5. Người có hành vi bạo lực gia đình vi phạm quyết định cấm tiếp xúc có thể bị tạm giữ hành chính, xử phạt vi phạm hành chính.
6. Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng, huỷ bỏ biện pháp cấm tiếp xúc và việc xử lý người có hành vi bạo lực gia đình vi phạm quyết định cấm tiếp xúc quy định tại Điều này.

#### **Điều 21. Cấm tiếp xúc theo quyết định của Toà án**

1. Toà án đang thụ lý hoặc giải quyết vụ án dân sự giữa nạn nhân bạo lực gia đình và người có hành vi bạo lực gia đình quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc trong thời hạn không quá 4 tháng khi có đủ các điều kiện sau đây:
  - a. Có đơn yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có đơn yêu cầu thì phải có sự đồng ý của nạn nhân bạo lực gia đình;
  - b. Hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của nạn nhân bạo lực gia đình;
  - c. Người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân bạo lực gia đình có nơi ở khác nhau trong thời gian cấm tiếp xúc.
2. Quyết định cấm tiếp xúc có hiệu lực ngay sau khi ký và được gửi cho người có hành vi bạo lực gia đình, nạn nhân bạo lực gia đình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi cư trú của nạn nhân bạo lực gia đình và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.
3. Toà án nhân dân đã ra quyết định cấm tiếp xúc huỷ bỏ quyết định đó khi có đơn yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình hoặc khi nhận thấy biện pháp này không còn cần thiết.
4. Trong trường hợp gia đình có việc tang lễ, cưới hỏi hoặc các trường hợp đặc biệt khác mà người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân phải tiếp xúc với nhau thì người có hành vi bạo lực gia đình phải báo cáo với người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi cư trú của nạn nhân bạo lực gia đình.
5. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp cấm tiếp xúc quy định tại Điều này được thực hiện tương tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự về các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

#### **Điều 22. Giám sát thực hiện quyết định cấm tiếp xúc**

1. Khi nhận được quyết định cấm tiếp xúc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Toà án có thẩm quyền thì người đứng đầu cộng đồng dân cư phối hợp với tổ chức có liên quan ở cơ sở để phân công người giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc.
2. Người được phân công giám sát có các nhiệm vụ sau đây:
  - a. Theo dõi việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc giữa người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân; trường hợp phát hiện người có hành vi bạo lực gia đình tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình thì yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình thực hiện nghiêm chỉnh quyết định cấm tiếp xúc;
  - b. Trường hợp người có hành vi bạo lực gia đình vẫn cố tình tiếp xúc với nạn nhân thì người được phân công giám sát báo cáo cho người đứng đầu cộng đồng dân cư để có biện pháp buộc người có hành vi bạo lực gia đình chấm dứt hành vi của mình.
3. Trong trường hợp người có hành vi bạo lực gia đình được tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 20 và khoản 4 Điều 21 của Luật này thì các thành viên gia đình có trách nhiệm giám sát để bảo đảm không xảy ra bạo lực gia đình.

#### **Điều 23. Chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

1. Khi khám và điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nạn nhân bạo lực gia đình được xác nhận việc khám và điều trị nếu có yêu cầu.
2. Chi phí cho việc khám và điều trị đối với nạn nhân bạo lực gia đình do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả đối với người có bảo hiểm y tế.
3. Nhân viên y tế khi thực hiện nhiệm vụ của mình có trách nhiệm giữ bí mật thông tin về nạn nhân bạo lực gia đình; trường hợp phát hiện hành vi bạo lực gia đình có dấu hiệu tội phạm phải báo ngay cho người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để báo cho cơ quan công an nơi gần nhất.



#### **Điều 24. Tư vấn cho nạn nhân bạo lực gia đình**

1. Nạn nhân bạo lực gia đình được tư vấn về chăm sóc sức khỏe, ứng xử trong gia đình, pháp luật và tâm lý để giải quyết tình trạng bạo lực gia đình.
2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cá nhân hoặc tổ chức quy định tại các điều 27, 28, 29 và 30 của Luật này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện việc tư vấn phù hợp cho nạn nhân bạo lực gia đình.

#### **Điều 25. Hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu**

Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội khác tại địa phương và các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình thực hiện hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân bạo lực gia đình trong trường hợp cần thiết.

### **Mục 2**

#### **CƠ SỞ TRỢ GIÚP NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

#### **Điều 26. Cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình**

1. Cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình là nơi chăm sóc, tư vấn, tạm lánh, hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho nạn nhân bạo lực gia đình.
2. Cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình bao gồm:
  - a. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
  - b. Cơ sở bảo trợ xã hội;
  - c. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;
  - d. Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;
  - e. Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.
3. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn hoạt động trợ giúp nạn nhân của các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình.

#### **Điều 27. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện việc chăm sóc y tế theo quy định tại Điều 23 của Luật này và tư vấn về sức khỏe.
2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo khả năng và điều kiện thực tế, bố trí nơi tạm lánh cho nạn nhân bạo lực gia đình trong thời gian không quá 1 ngày theo yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình.

#### **Điều 28. Cơ sở bảo trợ xã hội**

Cơ sở bảo trợ xã hội thực hiện việc chăm sóc, tư vấn tâm lý, bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho nạn nhân bạo lực gia đình.

#### **Điều 29. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình và cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; hỗ trợ kinh phí cho một số cơ sở hỗ trợ, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình theo chương trình, kế hoạch về phòng, chống bạo lực gia đình; kinh phí hỗ trợ, đối tượng được hỗ trợ do Chính phủ quy định.
2. Theo quy chế hoạt động hoặc chức năng, nhiệm vụ của mình, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình được cung cấp các dịch vụ tư vấn về pháp luật, tâm lý, chăm sóc sức khỏe, bố trí nơi tạm lánh và các điều kiện cần thiết khác cho nạn nhân bạo lực gia đình.

3. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình phải có các điều kiện sau đây:
  - a. Có cơ sở vật chất và nhân lực chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình;
  - b. Có nguồn tài chính bảo đảm chi phí cho các hoạt động trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình.
4. Nhân viên tư vấn phải có phẩm chất đạo đức tốt và bảo đảm yêu cầu về chuyên môn theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực tư vấn. Trong quá trình tư vấn cho nạn nhân bạo lực gia đình, nhân viên tư vấn có trách nhiệm giữ bí mật thông tin về nạn nhân bạo lực gia đình; trường hợp phát hiện hành vi bạo lực gia đình có dấu hiệu tội phạm phải báo ngay cho người đứng đầu cơ sở để báo cho cơ quan công an nơi gần nhất.

### **Điều 30. Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng**

1. Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng là cá nhân, tổ chức có uy tín, khả năng và tự nguyện giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình tại cộng đồng dân cư.
2. Cá nhân, tổ chức thông báo về việc nhận làm địa chỉ tin cậy, nơi đặt địa chỉ tin cậy với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt địa chỉ tin cậy.
3. Tùy theo điều kiện và khả năng thực tế, địa chỉ tin cậy ở cộng đồng tiếp nhận nạn nhân bạo lực gia đình, hỗ trợ, tư vấn, bố trí nơi tạm lánh cho nạn nhân và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền biết.
4. Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách và công bố các địa chỉ tin cậy ở cộng đồng; thực hiện việc hướng dẫn, tổ chức tập huấn về phòng, chống bạo lực gia đình và bảo vệ địa chỉ tin cậy ở cộng đồng trong trường hợp cần thiết.
5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn và các tổ chức thành viên có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc tuyên truyền, vận động, xây dựng các địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.

## **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, GIA ĐÌNH, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

#### **Điều 31. Trách nhiệm của cá nhân**

1. Thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.
2. Kịp thời ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và thông báo cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

#### **Điều 32. Trách nhiệm của gia đình**

1. Giáo dục, nhắc nhở thành viên gia đình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống ma túy, ại dâm và các tệ nạn xã hội khác.
2. Hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình; can ngăn người có hành vi bạo lực gia đình chấm dứt hành vi bạo lực; chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.
3. Phối hợp với cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư trong phòng, chống bạo lực gia đình.
4. Thực hiện các biện pháp khác về phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Luật này.

#### **Điều 33. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên**

1. Tuyên truyền, giáo dục, khuyến khích, động viên hội viên và nhân dân chấp hành pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.
2. Kiến nghị những biện pháp cần thiết với cơ quan nhà nước có liên quan để thực hiện pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác; tham gia phòng, chống bạo lực gia đình, chăm sóc, hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình.
3. Tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

#### **Điều 34. Trách nhiệm của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam**

1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 33 của Luật này.
2. Tổ chức cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.
3. Tổ chức các hoạt động dạy nghề, tín dụng, tiết kiệm để hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.
4. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

#### **Điều 35. Cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình.
3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình.
4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình tại địa phương.
5. Hằng năm, trong báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã trước Hội đồng nhân dân cùng cấp về tình hình kinh tế - xã hội phải có nội dung về tình hình và kết quả phòng, chống bạo lực gia đình tại địa phương.

#### **Điều 36. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

1. Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phòng, chống bạo lực gia đình.
2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phòng, chống bạo lực gia đình.
3. Hướng dẫn thực hiện hoạt động tư vấn về gia đình ở cơ sở; việc thành lập, giải thể cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.
4. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan ban hành và tổ chức thực hiện quy định về bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình.
5. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.
6. Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình.
7. Chủ trì, hướng dẫn công tác tổng hợp, phân tích về tình hình phòng, chống bạo lực gia đình; chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống bạo lực gia đình; chỉ đạo tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nhân rộng các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình.
8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc biên tập, cung cấp thông tin về phòng, chống bạo lực gia đình.

#### **Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Y tế**

1. Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế về tiếp nhận, chăm sóc y tế đối với bệnh nhân là nạn nhân bạo lực gia đình tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
2. Hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện thống kê, báo cáo các trường hợp bệnh nhân là nạn nhân bạo lực gia đình.
3. Ban hành quy trình chữa trị nghiện rượu.

#### **Điều 38. Trách nhiệm của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**

1. Chỉ đạo việc lồng ghép nội dung phòng, chống bạo lực gia đình vào các chương trình xoá đói giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm.
2. Hướng dẫn việc thực hiện trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình tại các cơ sở bảo trợ xã hội.

#### **Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo việc lồng ghép kiến thức phòng, chống bạo lực gia đình vào các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với yêu cầu của từng ngành học, cấp học.
2. Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có trách nhiệm thực hiện chương trình giáo dục lồng ghép kiến thức phòng, chống bạo lực gia đình.

#### **Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan thông tin đại chúng**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.
2. Cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thông tin kịp thời, chính xác chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

#### **Điều 41. Trách nhiệm của cơ quan Công an, Tòa án, Viện kiểm sát**

Cơ quan Công an, Tòa án, Viện kiểm sát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nạn nhân bạo lực gia đình; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; phối hợp, tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện nhiệm vụ thống kê về phòng, chống bạo lực gia đình.

### **Chương V XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**

#### **Điều 42. Xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân có hành vi bạo lực gia đình nếu bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của khoản 1 Điều này thì bị thông báo cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người đó để giáo dục.
3. Chính phủ quy định cụ thể các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống bạo lực gia đình, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

#### **Điều 43. Áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng**

1. Người thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đã được góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư mà trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày áp dụng biện pháp này vẫn có hành vi bạo lực gia đình nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
2. Người có hành vi bạo lực gia đình đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà tiếp tục thực hiện hành vi bạo lực gia đình nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục; đối với người dưới 18 tuổi thì có thể bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.
3. Thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

#### **Điều 44. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

**Chương VI**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 45. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008.

**Điều 46. Hướng dẫn thi hành**

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007.

*CHỦ TỊCH QUỐC HỘI*  
*Nguyễn Phú Trọng*

**2. Nghị định 110/2009**

CHÍNH PHỦ  
Số: 110/2009/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----- oOo -----

Hà Nội, Ngày 10 tháng 12 năm 2009

**NGHỊ ĐỊNH**  
**Quy định xử Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng,**  
**chống bạo lực gia đình**

**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;  
Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21 tháng 11 năm 2007;  
Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.
2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình là hành vi bạo lực gia đình và các hành vi khác do tổ chức, cá nhân thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị Xử phạt hành chính.
3. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Quản lý nhà nước có liên quan; hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình đối với trẻ em thì thực hiện xử phạt theo quy định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình thì bị xử phạt theo các quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan về xử phạt vi phạm hành chính. Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị xử phạt theo quy định của Nghị định này.
2. Đối với những hành vi vi phạm chế độ công vụ của cán bộ, công chức trong khi thi hành nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình mà chưa đến mức Truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.
3. người Chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình thì bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 và Điều 7 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

## **Điều 3. Nguyên tắc xử phạt**

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình chủ yếu nhằm giáo dục người vi phạm nhận thức được sai phạm, tự nguyện sửa chữa, thực hiện nghĩa vụ mà pháp luật quy định hoặc chấm dứt hành vi Vi phạm pháp luật và để răn đe, phòng ngừa chung.

## **Điều 4. Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả**

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình, cá nhân, tổ chức vi phạm bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau:
  - a. Cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền.Mức phạt tiền cụ thể đối với từng hành vi vi phạm được quy định tại Chương II Nghị định này. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình có thể bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 30.000.000 đồng.
2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau:
  - a. Tước Quyền sử dụng Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề;
  - b. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.
3. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau:
  - a. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;
  - b. Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;
  - c. Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hóa phẩm độc hại;
  - d. Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu.
4. Người nước ngoài vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình trên lãnh thổ Việt Nam còn có thể bị xử phạt trục xuất. Trục xuất được áp dụng là hình thức xử phạt chính hoặc xử phạt bổ sung trong từng trường hợp cụ thể. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng hình thức xử phạt trục xuất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về xử phạt trục xuất theo Thủ tục hành chính.

## **Điều 5. Tinh tiết giảm nhẹ**

1. Người có hành vi bạo lực gia đình đã tự hạn chế, làm giảm bớt tác hại của hành vi bạo lực hoặc Tự nguyện khắc phục hậu quả, Bồi thường thiệt hại.
2. Người có hành vi bạo lực gia đình đã tự nguyện khai báo và thành thật hối lỗi.

3. Thực hiện hành vi bạo lực gia đình trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra.
4. Thực hiện hành vi bạo lực gia đình do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần.
5. Người có hành vi bạo lực gia đình là người phụ nữ có thai, người chưa thành niên, người già yếu, người có bệnh hoặc tàn tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.
6. Vi phạm vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra.
7. Thực hiện hành vi bạo lực gia đình do trình độ lạc hậu.

#### **Điều 6. Tình tiết tăng nặng**

1. Thực hiện hành vi bạo lực gia đình có tổ chức.
2. Thực hiện hành vi bạo lực gia đình nhiều lần hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính do thực hiện hành vi bạo lực gia đình mà vẫn tái phạm.
3. Xúi giục, lôi kéo người chưa thành niên vi phạm, ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần thực hiện hành vi bạo lực gia đình.
4. Thực hiện hành vi bạo lực gia đình trong tình trạng say do thùng rượu, bia hoặc các chất kích thích khác.
5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm.
6. Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, hoàn cảnh thiên tai hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm.
7. Thực hiện hành vi bạo lực gia đình trong thời gian đang chấp hành hình phạt của Bản án hình sự hoặc đang chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
8. Tiếp tục thực hiện hành vi bạo lực gia đình mặc dù Người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó.
9. Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính.

#### **Điều 7. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính**

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình là một năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện.
2. Đối với cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục Tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án thì bị xử phạt vi phạm hành chính nếu hành vi của người đó có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án phải gửi quyết định và hồ sơ vụ vi phạm cho người có thẩm quyền xử phạt. Trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án và hồ sơ vụ vi phạm.
3. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu cá nhân, tổ chức vi phạm tiếp tục có hành vi vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt được tính kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới hoặc từ thời điểm cá nhân, tổ chức chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.
4. Nếu quá thời hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì người có hành vi vi phạm không bị xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

#### **Điều 8. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính**

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình, nếu qua một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

**Chương II**  
**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÒNG,**  
**CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT**

**Điều 9. Hành vi đánh đập hoặc hành vi khác xâm hại sức khỏe thành viên gia đình**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình.
2. Phạt tiền từ trên 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
  - a. Sử dụng hung khí đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình;
  - b. Không kịp thời đưa nạn nhân đi cấp cứu điều trị trong trường hợp nạn nhân cần được cấp cứu kịp thời, không chăm sóc nạn nhân trong thời gian điều trị chấn thương do hành vi bạo lực gia đình, trừ trường hợp nạn nhân từ chối.
3. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:
  - a. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
  - b. Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với các hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 10. Hành vi hành hạ, ngược đãi thành viên gia đình**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi thường xuyên gây tổn hại về sức khỏe, gây tổn thương về tinh thần đối với thành viên gia đình mà không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Phạt tiền từ trên 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
  - a. Đối xử tồi tệ với thành viên gia đình như: bắt nhện ăn, nhện uống, bắt chịu rét, mặc rách, không cho hoặc hạn chế vệ sinh cá nhân, giam hãm ở nơi có môi trường độc hại, nguy hiểm;
  - b. Ép buộc thành viên gia đình thực hiện hành vi trái pháp luật;
  - c. Bỏ mặc không chăm sóc thành viên gia đình là người già, yếu, tàn tật, phụ nữ có thai, phụ nữ nuôi con nhỏ;
  - d. Thường xuyên dọa nạt thành viên gia đình bằng các hình ảnh, con vật, đồ vật mà người đó sợ;
  - e. Nuôi các con vật, trồng các loại cây gây hại cho sức khỏe của thành viên gia đình tại nơi ở của thành viên đó;
  - f. Ép buộc thành viên gia đình phải xem, nghe, đọc những văn hóa phẩm đồi trụy, kinh dị.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả:
  - a. Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng, văn hóa phẩm độc hại, thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh đối với hành vi quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều này;
  - b. Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với các hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 11. Hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của thành viên gia đình**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi lăng mạ, chửi bới, chì chiết thành viên gia đình.
2. Phạt tiền từ trên 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
  - a. Tiết lộ hoặc phát tán tư liệu thuộc Bí mật đời tư của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
  - b. Phát tán tờ rơi hoặc sử dụng các phương tiện thông tin xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình;
  - c. Phổ biến, phát tán bài viết, hình ảnh, âm thanh về vụ bạo lực gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nạn nhân;
  - d. Cường ép thành viên gia đình lột bỏ quần áo trước mặt người khác hoặc nơi công cộng.



3. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:
  - a. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều này;
  - b. Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với các hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

#### **Điều 12. Hành vi cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
  - a. Cấm thành viên gia đình ra khỏi nhà, ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, bạn bè hoặc có các mối quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh nhằm mục đích cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý đối với thành viên đó;
  - b. Không cho thành viên gia đình thực hiện quyền làm việc;
  - c. Không cho thành viên gia đình đọc sách, báo, nghe, xem Chương trình phát thanh, truyền hình hoặc tiếp cận với thông tin đại chúng hàng ngày;
  - d. Thường xuyên đòi hỏi thành viên gia đình đáp ứng yêu cầu vượt quá khả năng của họ;
  - e. Đe dọa tự gây thương tích hoặc tự gây thương tích cho mình để đòi hỏi thành viên gia đình đáp ứng yêu cầu của mình;
  - f. Thường xuyên theo dõi thành viên gia đình vì lý do ghen tuông gây tổn hại đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của thành viên đó;
  - g. Không cho thành viên gia đình tham gia các hoạt động xã hội hợp pháp, lành mạnh;
  - h. Có hành vi khác gây áp lực thường xuyên về tâm lý đối với thành viên gia đình.
2. Phạt tiền từ trên 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi buộc thành viên gia đình phải chứng kiến cảnh bạo lực đối với người, con vật.
3. Phạt tiền từ trên 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
  - a. Buộc thành viên gia đình phải chứng kiến cảnh sinh hoạt tình dục;
  - b. Buộc vợ hoặc chồng của người có hành vi bạo lực sống chung một nhà hoặc ngủ chung phòng với người tình của người có hành vi bạo lực;
  - c. Cưỡng ép thành viên gia đình thực hiện các hành động khiêu dâm, sử dụng các loại thuốc kích dục;
  - d. Có hành vi kích động tình dục hoặc lạm dụng thân thể đối với các thành viên gia đình mà thành viên đó không phải là vợ, chồng;
  - e. Đ) Có hành vi bạo lực trong sinh hoạt tình dục của vợ chồng mà người vợ hoặc chồng không muốn.
4. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả.
  - a. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.
  - b. Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với các hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

#### **Điều 13. Hành vi ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau**

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con, trừ trường hợp cha mẹ bị hạn chế quyền chăm nom con theo quyết định của Tòa án; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau.

#### **Điều 14. Hành vi vi phạm quy định về chăm sóc, nuôi dưỡng, Cấp dưỡng**

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

1. Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn; từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ nuôi dưỡng giữa anh, chị, em với nhau, giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu theo quy định của pháp luật;
2. Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng cha, mẹ; nghĩa vụ cấp dưỡng, chăm sóc con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Hành vi Cường ép kết hôn, ly hôn, tảo hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện tiến bộ**

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

1. Cường ép người khác kết hôn, ly hôn, tảo hôn bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần hoặc bằng thủ đoạn khác.
2. Cản trở người khác kết hôn, ly hôn, cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải hoặc bằng thủ đoạn khác.

**Điều 16. Hành vi bạo lực về kinh tế**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
  - a. Không cho thành viên gia đình sử dụng tài sản chung vào mục đích chính đáng;
  - b. Kiểm soát chặt chẽ nguồn tài chính của thành viên gia đình hoặc nguồn tài chính chung của gia đình nhằm tạo cho thành viên gia đình sự phụ thuộc về tài chính;
  - c. Buộc thành viên gia đình đóng góp tài chính vượt quá khả năng của họ;
  - d. Đập phá tài sản riêng của mình nhằm gây áp lực về tâm lý đối với thành viên gia đình;
  - e. Có hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên gia đình hoặc tài sản chung gia đình.
2. Phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
  - a. Chiếm đoạt tài sản riêng của thành viên gia đình;
  - b. Chiếm đoạt tài sản chung của gia đình để sử dụng vào mục đích cá nhân;
  - c. Ép buộc thành viên gia đình lao động quá sức hoặc làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại hoặc làm những công việc khác trái với quy định của pháp luật về lao động;
  - d. Ép buộc thành viên gia đình đi ăn xin hoặc lang thang kiếm sống.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  
Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

**Điều 17. Hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ.
2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
  - a. Thường xuyên đe dọa bằng bạo lực để buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ;
  - b. Buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ vào ban đêm hoặc lúc trời mưa, bão, gió rét;
  - c. Thực hiện các hành vi nhằm tạo ra tình trạng khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày để buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  
Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi hoặc buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh đối với các hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

**Điều 18. Hành vi bạo lực đối với người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
  - a. Đe dọa người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình;
  - b. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình.
2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
  - a. Hành hung người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình;
  - b. Đập phá, hủy hoại tài sản của người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình.

3. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:
  - a. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b. Buộc khôi phục lại trình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;
  - c. Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với các hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 19. Hành vi Cường bức, kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.
2. Phạt tiền từ trên 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi cường bức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

**Điều 20. Hành vi cố ý không ngăn chặn, báo tin hành vi bạo lực gia đình và cản trở việc ngăn chặn, báo tin, xử lý hành vi bạo lực gia đình**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
  - a. Biết hành vi bạo lực gia đình, có điều kiện ngăn chặn mà không ngăn chặn dẫn đến hậu quả nghiêm trọng;
  - b. Biết hành vi bạo lực gia đình mà không báo tin cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền;
  - c. Có hành vi cản trở người khác phát hiện, khai báo hành vi bạo lực gia đình.
2. Phạt tiền từ trên 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi cản trở việc xử lý hành vi bạo lực gia đình.

**Điều 21. Hành vi sử dụng, truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động hành vi bạo lực gia đình**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng, truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động hành vi bạo lực gia đình.
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi miêu tả tỉ mỉ những hành động dâm ô, chém giết rùng rợn về bạo lực gia đình trong các bản tin, bài viết, hình ảnh của báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng nhằm kích động bạo lực gia đình.
3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 22. Hành vi tiết lộ thông tin về nạn nhân bạo lực gia đình**

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với nhân viên y tế, nhân viên tư vấn, phóng viên các cơ quan truyền thông, Người thi hành công vụ trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình có một trong các hành vi sau:

1. Tiết lộ Thông tin cá nhân của nạn nhân bạo lực gia đình mà không được sự đồng ý của nạn nhân hoặc người giám hộ của nạn nhân làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của nạn nhân;
2. Cố ý tiết lộ hoặc tạo điều kiện cho người có hành vi bạo lực biết nơi tạm lánh của nạn nhân bạo lực gia đình.

**Điều 23. Hành vi lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để trục lợi**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
  - a. Đòi tiền của nạn nhân hoặc người nhà nạn nhân sau khi có hành động giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình;
  - b. Yêu cầu thanh toán chi phí sinh hoạt của nạn nhân ở địa chỉ tin cậy tại cộng đồng;

- c. Lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của nạn nhân bạo lực gia đình để yêu cầu họ thực hiện hành vi trái pháp luật.
- 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
  - a. Thành lập cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình để hoạt động trục lợi;
  - b. Lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.
- 3. Hình thức xử phạt bổ sung:  
Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Chứng chỉ hành nghề đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

**Điều 24. Hành vi vi phạm quy định về đăng ký hoạt động đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình**

- 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động ngoài phạm vi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc không đáp ứng đủ điều kiện trong quá trình hoạt động.
- 2. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc không đăng ký hoạt động.

**Điều 25. Hành vi vi phạm quyết định cấm tiếp xúc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**

- 1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
  - a. Cố tình tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình trong thời gian thi hành quyết định cấm tiếp xúc;
  - b. Sử dụng điện thoại, phương tiện thông tin khác để đe dọa, chửi bới, xúc phạm nạn nhân bạo lực gia đình.
- 2. Hình thức xử phạt bổ sung:  
Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

**Chương III  
THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

**Điều 26. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp**

- 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;
  - c. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;
  - d. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;
  - e. Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;
  - f. Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hóa phẩm độc hại.
- 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
  - c. Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
  - d. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
  - e. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này.
- 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
  - c. Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

- d. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- e. Áp dụng biện pháp buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu, các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này.

#### **Điều 27. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân**

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 200.000 đồng.
2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 500.000 đồng.
3. Trưởng Công an cấp xã được áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này.
4. Trưởng Công an cấp huyện, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
  - c. Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
  - d. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
  - e. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.
5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
  - c. Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
  - d. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
  - e. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.
  - f. Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Công an.
6. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
  - c. Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
  - d. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
  - e. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

#### **Điều 28. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng**

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 200.000 đồng.
2. Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này, Trạm trưởng Trạm kiểm soát biên phòng có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 500.000 đồng.
3. Trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
  - c. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
  - d. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
  - c. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
  - d. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

#### **Điều 29. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

1. Thanh tra viên Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang thi hành công vụ có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 500.000 đồng;
  - c. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;
  - d. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.
2. Chánh Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
  - c. Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
  - d. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
  - e. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.
3. Chánh Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền:
  - a. Phạt cảnh cáo;
  - b. Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
  - c. Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
  - d. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
  - e. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

#### **Điều 30. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính**

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính. Trong trường hợp phạt tiền thì thẩm quyền xử phạt được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể. Trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thì việc xử phạt do người thụ lý đầu tiên thực hiện.
2. Trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo nguyên tắc sau:
  - a. Nếu hình thức, mức phạt được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;
  - b. Nếu hình thức, mức phạt được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt.

#### **Điều 31. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính**

Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình được thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 20 đến Điều 38 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

## Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2010.
2. Bãi bỏ Điều 7, Điều 10, quy định đối với hành vi ngược đãi, hành hạ thành viên gia đình tại Điều 11, Điều 12 và Điều 15 Nghị định số 87/2001/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

### Điều 33. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG  
(Đã ký)  
Nguyễn Tấn Dũng

### 3. Một số điều trong Bộ luật Hình sự

<b>Article 93.- Murder</b> Those who commit murder in one of the following cases shall be sentenced to between twelve and twenty years of imprisonment, life imprisonment or capital punishment...	<b>Điều 93. Tội giết người</b> Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình...
<b>Article 94.- Murdering one's new-borns</b> Any mother who, due to strong influence of backward ideology or special objective circumstances, kills her new-born or abandons such baby to death, shall be sentenced to non-custodial reform for up to two years or to between three months and two years of imprisonment.	<b>Điều 94. Tội giết con mới đẻ</b> Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con mới đẻ hoặc vứt bỏ đứa trẻ đó dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.
<b>Article 95.- Murdering people under provocation</b> Any person committing murder as a result of provocation caused by serious illegal acts of the victim towards such person or his/her next of kin shall be sentenced to between six months and three years of imprisonment.	<b>Điều 95. Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh</b> Người nào giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.
<b>Article 96.- Murder beyond the limit of legitimate defense</b> Those who commit murder in circumstances exceeding the limit of legitimate defense shall be sentenced to non-custodial reform for up to two years or between three months and two years of imprisonment.	<b>Điều 96. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng</b> Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

<p><b>Article 100.- Forced suicide</b> Any person who cruelly treats, constantly intimidates, ill-treats or humiliates a person dependent on him/her, inducing the latter to commit suicide, shall be sentenced to between two and seven years of imprisonment.</p>	<p><b>Điều 100. Tội bức tử</b> Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.</p>
<p><b>Article 103.- Threatening to murder</b> Those who threaten to kill other persons, in circumstances such as to make the latter believe that such threat shall be realized, shall be subject to non-custodial reform for up to two years or sentenced to between three months and three years of imprisonment.</p>	<p><b>Điều 103. Tội đe dọa giết người</b> Người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.</p>
<p><b>Article 104.- Intentionally inflicting injury on or causing harm to the health of other persons</b> Those who intentionally injure or causes harm to the health of other persons with an infirmity rate of between 11% and 30%, or under 11% but in one of the following circumstances, shall be sentenced to non-custodial reform for up to three years or between six months and three years of imprisonment...</p>	<p><b>Điều 104. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác</b> Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm...</p>
<p><b>Article 105.- Intentionally inflicting injury on or causing harm to the health of other persons due to strong provocation</b> Those who intentionally injure or cause harm to the health of other persons with an infirmity rate of from 31% to 60% whilst provoked as a result of serious illegal acts of the victims towards such persons or their next of kin, shall be sentenced to warning, non-custodial reform for up to one year or between six months and two years of imprisonment.</p>	<p><b>Điều 105. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh</b> Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến hai năm.</p>
<p><b>Article 106.- Intentionally inflicting injury on or causing harm to the health of, other persons due to an excess of legitimate defense limit</b> Those who intentionally inflict injury on or cause harms to the health of other persons with an infirmity rate of 31% or higher or leading to human death due to the excess of legitimate defense limit shall be subject to warning, non-custodial reform for up to two years or to prison term of between three months and one year.</p>	<p><b>Điều 106. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng</b> Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm.</p>
<p><b>Article 111.- Rape</b> Those who use violence, threaten to use violence or take advantage of the victims state of being unable for self-defense or resort to other tricks in order to have sexual intercourse with the victims against the latter's will shall be sentenced to between two and seven years of imprisonment.</p>	<p><b>Điều 111. Tội hiếp dâm</b> Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.</p>
<p><b>Article 112.- Rape against children</b> Those who rape children aged between full 13 years and under 16 years shall be sentenced to between seven and fifteen years of imprisonment.</p>	<p><b>Điều 112. Tội hiếp dâm trẻ em</b> Người nào hiếp dâm trẻ em từ đủ mười ba tuổi đến dưới mười sáu tuổi, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.</p>



<p><b>Article 113.- Forcible sexual intercourse</b> Those who employ trickery to induce persons dependent on them or persons being in dire straits to have sexual intercourse with them against their will shall be sentenced to between six months and five years of imprisonment.</p>	<p><b>Điều 113. Tội cưỡng dâm</b> Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.</p>
<p><b>Article 114.- Forcible sexual intercourse with children</b> Those who have forcible sexual intercourse with children aged from full 13 years to under 16 years shall be sentenced to between five and ten years of imprisonment.</p>	<p><b>Điều 114. Tội cưỡng dâm trẻ em</b> Người nào cưỡng dâm trẻ em từ đủ mười ba tuổi đến dưới mười sáu tuổi, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm.</p>
<p><b>Article 115.- Having sexual intercourse with children</b> Any adults having sexual intercourse with children aged from full 13 to under 16 shall be sentenced to between one and five years of imprisonment.</p>	<p><b>Điều 115. Tội giao cấu với trẻ em</b> Người nào đã thành niên mà giao cấu với trẻ em từ đủ mười ba tuổi đến dưới mười sáu tuổi, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm</p>
<p><b>Article 116.- Obscenity against children</b> Those adults who commit obscene acts against children shall be sentenced to between six months and three years of imprisonment.</p>	<p><b>Điều 116. Tội dâm ô đối với trẻ em</b> Người nào đã thành niên mà có hành vi dâm ô đối với trẻ em, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.</p>
<p><b>Article 121.- Humiliating other persons</b> Those who seriously infringe upon the dignity or honor of other persons shall be subject to warning, non-custodial reform for up to two years or a prison term of between three months and two years.</p>	<p><b>Điều 121. Tội làm nhục người khác</b> Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.</p>
<p><b>Article 123.- Illegal arrest, custody or detention of people</b> Those who illegally arrest, hold in custody or detain other persons shall be subject to warning, non-custodial reform for up to two years or a prison term of between three months and two years.</p>	<p><b>Điều 123. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật</b> Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.</p>
<p><b>Article 130.- Infringement upon women's rights to equality</b> Those who use violence or commit serious acts to prevent women from participating in political, economic, scientific, cultural and social activities shall be subject to warning, non-custodial reform for up to one year or a prison term of between three months and one year.</p>	<p><b>Điều 130. Tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ</b> Người nào dùng vũ lực hoặc có hành vi nghiêm trọng khác cản trở phụ nữ tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, khoa học, văn hoá, xã hội, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm.</p>
<p><b>Article 143.- Destroying or deliberately damaging property</b> Those who destroy or deliberately damage other persons property, causing damage of between five hundred thousand dong and under fifty million dong, or under five hundred thousand dong but causing serious consequences, or who have already been administratively sanctioned for such act or sentenced for such offense and not yet entitled to criminal record remission but repeat their violations shall be subject to non-custodial reform for up to three years or to a prison term of between six months and three years.</p>	<p><b>Điều 143. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản</b> Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác gây thiệt hại từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.</p>

<p><b>Article 146.- Forcible marriage or prevention of voluntary and progressive marriage</b> Those who force other persons into marriage against their will or prevent other persons from entering into marriage or maintaining voluntary and progressive marriage bonds through persecution, ill-treatment, mental intimidation, property claim or other means, and who have already been administratively sanctioned for such acts but repeat their violations, shall be subject to warning, non-custodial reform for up to three years or a prison term of between three months and three years.</p>	<p><b>Điều 146. Tội cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ</b> Người nào cưỡng ép người khác kết hôn trái với sự tự nguyện của họ, cản trở người khác kết hôn hoặc duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải hoặc bằng thủ đoạn khác, đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.</p>
<p><b>Article 147.- Bigamy</b> Any married person who marries or lives with another person like husband or wife or any unmarried person who marries or lives with another person who he/she knows to be a married person, thus causing serious consequences, or who has been administratively sanctioned for such acts but repeat the violation, shall be subject to warning, non-custodial reform for up to one year or a prison term of between three months and one year.</p>	<p><b>Điều 147. Tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng</b> Người nào đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng, có vợ gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm.</p>
<p><b>Article 151.- Ill-treating or persecuting grand-parents, parents, spouses, children, grandchildren and/or fosterers</b> Those who ill-treat or persecute their grand-parents, parents, spouses, children, grand-children or fosterers, thus causing serious consequences or who have already been administratively sanctioned for such acts but repeat their violations, shall be subject to warning, non-custodial reform for up to three years or a prison term of between three months and three years.</p>	<p><b>Điều 151. Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình</b> Người nào ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ, chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.</p>
<p><b>Article 152.- Refusing or evading the obligation to provide financial support</b> Those who have the obligation to provide financial support and have the actual capability to provide the financial support for the persons they are obliged to do so according to the provisions of law but deliberately refuse or evade the obligation to provide financial support, thus causing serious consequences or who have already been administratively sanctioned for such acts but repeat their violations, shall be subject to warning, non-custodial reform for up to two years or a prison term of between three months and two years.</p>	<p><b>Điều 152. Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng</b> Người nào có nghĩa vụ cấp dưỡng và có khả năng thực tế để thực hiện việc cấp dưỡng đối với người mà mình có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật mà cố ý từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.</p>

**MÔ-ĐUN 4**  
**XỬ LÝ BAN ĐẦU ĐỐI VỚI CÁC VỤ BẠO LỰC GIA ĐÌNH**



**UNODC**

**United Nations Office on Drugs and Crime**



## Mô-đun 4

### Xử lý ban đầu đối với các vụ bạo lực gia đình

#### Mục đích:

Kết thúc phần này, học viên sẽ có thể:

- Hiểu được sự cần thiết phải tôn trọng quyền và nhu cầu riêng của mỗi phụ nữ
- Có hành động bảo vệ và đảm bảo an toàn cho nạn nhân
- Hiểu được tính nhạy cảm trong khi lấy lời khai của nạn nhân
- Tiến hành đánh giá về mức độ đe dọa và rủi ro cơ bản của nạn nhân, giúp họ lập kế hoạch an toàn
- Làm quen với các loại chứng cứ trong các vụ BLGD
- Tiến hành đánh giá ban đầu về các vụ việc và các phương án xử lý, bảo vệ
- Hiểu được sự cần thiết phải ghi chép và quản lý hồ sơ cho từng vụ việc

#### Mục 1: Giải quyết bạo lực gia đình với tư cách là cơ quan xử lý ban đầu – Tổng quan

Tại Việt Nam, xử lý ban đầu các vụ án BLGD thường được tiến hành tại cấp thôn bản, xã, phường. Có thể có nhiều cá nhân và tổ chức tham gia xử lý vụ việc BLGD, như các thành viên khác trong gia đình, trưởng thôn, công an hoặc Ủy ban nhân dân xã/phường, Hội Phụ nữ hoặc các tổ chức xã hội, cán bộ y tế ở địa phương hoặc các bệnh viện.

Khóa tập huấn này là dành cho cán bộ các cơ quan hành pháp và tư pháp, vì vậy mô-đun này tập trung vào cán bộ xử lý ban đầu là những người có thẩm quyền tiến hành điều tra/thăm vấn và quyết định xử phạt – đó là công an địa phương và đại diện Ủy ban nhân dân cấp cơ sở.

Cán bộ xử lý ban đầu			
Công an		Ủy ban nhân dân	
Xã (nông thôn) <i>Bán chính quy</i>	Phường (thành thị) <i>Chính quy</i>	Xã (nông thôn)	Phường (thành thị)
Thôn (nông thôn) ↓ <i>Trưởng thôn</i> <i>Có thể tư vấn /chuyển vụ việc đến công an và Ủy ban nhân dân</i>		Tổ dân phố (thành thị) ↓ <i>Tổ trưởng dân phố</i> <i>Có thể tư vấn /chuyển vụ việc đến công an và Ủy ban nhân dân</i>	

Công an và Ủy ban nhân dân là cơ quan ở tuyến đầu của hệ thống tư pháp. Các cơ quan này có trách nhiệm phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật ở cấp xã; đảm bảo an ninh trật tự và thực thi pháp luật. Họ thường được đề nghị can thiệp khi hành vi bạo lực xảy ra hoặc ngay sau đó. Họ có trách nhiệm điều tra ban đầu mọi hành vi bạo lực (nhưng không phải chứng minh tội phạm như Cơ quan điều tra) và tiến hành các cuộc điều tra theo hướng tôn trọng quyền và nhu cầu của tất cả các bên liên quan.

Tuy nhiên theo truyền thống, ở nhiều nước nhân viên cảnh sát thường miễn cưỡng khi can thiệp vào các tình huống BLGD. Trước đây, văn hóa của cảnh sát cũng như việc huấn luyện của ngành không khuyến khích việc bắt giữ trong các vụ BLGD, cảnh sát thường nghiêng về hướng chỉ hòa giải và làm ổn định tình hình. Trước kia, và ngay cả hiện nay, thì những trình báo về BLGD thường bị bỏ qua hoặc ít được quan tâm. Lực lượng công an mà trong đó nam giới chiếm đa số hiện nay vẫn mang quan điểm truyền thống đối với phụ nữ. Cán bộ công an có thể quan niệm rằng chống được phép đánh vợ và BLGD là chuyện riêng của gia đình. Khảo sát của UNODC đối với 900 nạn nhân của BLGD cho thấy khi công an đến nhà, 34% các nạn nhân được công an yêu cầu tự giải quyết vụ việc trong nội bộ gia đình và 15% được yêu cầu liên hệ với các cơ quan khác ở địa phương như Hội Phụ nữ hoặc tổ hòa giải để được hỗ trợ<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> “Nghiên cứu về chất lượng dịch vụ tư pháp cho nạn nhân BLGD ở Việt Nam” do UNODC thực hiện với sự hợp tác của Trung tâm Phụ nữ và Phát triển, Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển (RCGAD) ở Hà Nội và Viện Châu Âu về phòng chống tội phạm (HEUNI) ở Helsinki.

Bất kỳ hoạt động tập huấn nào cho cán bộ hành pháp và tư pháp cũng cần nhận thức rằng xử lý các vụ việc BLGD là một trong những can thiệp khó khăn nhất đối với họ. Quan hệ tình cảm mật thiết giữa thủ phạm và nạn nhân thường gây thêm phức tạp cho xử lý của cảnh sát hơn là những vụ bạo lực do người lạ gây ra. Nhiều nạn nhân trình báo với công an hoặc UBND chỉ nhằm mục đích ngăn chặn bạo lực chứ không muốn thủ phạm bị truy cứu trách nhiệm hành chính và hình sự. Một số nạn nhân có thể không hợp tác. Họ có thể không cung cấp những thông tin cần thiết để công an và UBND có thể đánh giá toàn diện về vụ việc. Một số nạn nhân có thể giảm nhẹ mức độ bạo lực mà thủ phạm gây ra, họ cũng có thể gặp khó khăn trong việc cung cấp thông tin cho công an hay UBND do bị tổn thương về tâm lý hoặc sợ hãi trước thủ phạm.

Những hiểu biết sâu sắc về động cơ của BLGD sẽ giúp cán bộ xử lý ban đầu có được cách xử lý hiệu quả và tốt nhất cho nạn nhân. Nó cũng giúp họ hiểu được tại sao với những nỗ lực can thiệp cao nhất, họ vẫn có thể bị nạn nhân từ chối và phải can thiệp nhiều lần với một gia đình. Những kiến thức này hy vọng có thể nâng cao nhận thức về lợi ích tiềm tàng của việc can thiệp; rằng thái độ và phản ứng của công an và UBND có thể tạo ra những tác động sâu sắc đến những tiến triển tiếp theo, kể cả ngăn ngừa những hành vi bạo lực trong tương lai và bảo vệ cho nạn nhân. Ví dụ, trong những trường hợp mà hành vi BLGD tái diễn nhiều lần, phản ứng của công an và UBND có thể giúp nạn nhân rời bỏ mối quan hệ bạo lực; trái lại nếu không có những can thiệp đó, nạn nhân sẽ tin rằng không có ai và không có điều gì có thể giúp họ, do vậy họ tiếp tục chịu đựng cảnh ngược đãi và bạo lực. Khi xử lý các vụ BLGD, Công an và UBND có vai trò quan trọng trong việc cải thiện cuộc sống cho phụ nữ. Việc đó được thể hiện một phần qua cách họ xử lý vụ việc như thế nào, áp dụng biện pháp nào để bảo vệ người phụ nữ ngay sau sự việc, trước và trong quá trình xử lý cũng như sau đó. Họ cũng có thể giúp nạn nhân tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ hỗ trợ như nhà tạm lánh, tư vấn tâm lý và pháp luật; đối xử với nạn nhân là phụ nữ một cách tôn trọng và nhạy cảm; tích cực thu thập và trình bày các chứng cứ; và áp dụng các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ nạn nhân.

## **Mục 2: Xử lý bạo lực gia đình – Tiếp nhận thông tin ban đầu**

### **2.1 Các nguồn thông tin tiềm năng về BLGD**

Cũng giống như ở nhiều nước, BLGD ở Việt Nam ít khi được trình báo cho công an. Nghiên cứu của UNODC cho thấy 43% các vụ BLGD được trình báo với Công an và 57% các vụ không được trình báo.<sup>2</sup> Nếu xét đến việc hầu hết các vụ việc được phát hiện trong nghiên cứu này đều là nghiêm trọng thì tỷ lệ trình báo với công an ở đây là khá thấp. Mô-đun 3 cho thấy những nguyên nhân khác nhau khiến nạn nhân không trình báo vụ việc BLGD với cán bộ hành pháp. Tuy nhiên nạn nhân có thể thổ lộ với những người khác. Theo nghiên cứu của UNODC thì nạn nhân thường thổ lộ nhiều nhất với người trong gia đình (61%), bạn bè hoặc hàng xóm (55%), với Hội Phụ nữ (49%) nhưng ít khi trao đổi với đồng nghiệp (3%) và cán bộ y tế (1%).

Công an và đại diện UBND (gọi chung là cán bộ xử lý ban đầu hay cán bộ) có thể tiếp nhận thông tin về vụ việc BLGD thông qua một số nguồn sau:

- Cán bộ trực ban tiếp nhận điện thoại của nạn nhân hoặc người làm chứng về vụ việc đang xảy ra tại nhà;
- Nạn nhân có thể gọi đến số điện thoại khẩn cấp 113;
- Cán bộ trực ban tiếp nhận nạn nhân đến trình báo tại trụ sở công an về vụ việc đã xảy ra;
- Cán bộ có thể phải đến trao đổi với nạn nhân tại bệnh viện, nhà tạm lánh hoặc trụ sở UBND;
- Cán bộ có thể tiếp nhận thư trình báo qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống hộp thư tố giác tội phạm;
- Cán bộ có thể có thông tin về vụ việc BLGD từ các cơ quan Nhà nước khác như UBND, từ trưởng thôn, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên hoặc Hội nông dân;
- Cán bộ cũng có thể tiếp nhận thông tin từ các đơn vị công an khác như Công an phường/xã;
- Cán bộ có thể tiếp nhận thông tin từ những người trong gia đình hoặc hàng xóm của nạn nhân;
- Cán bộ có thể tiếp nhận thông tin về BLGD từ các cơ quan truyền thông;
- Cán bộ có thể có thông tin trực tiếp về BLGD khi điều tra một vụ việc khác (VD công an khi điều tra một vụ mất trộm trong gia đình có thể tình cờ phát hiện hành vi BLGD trong gia đình đó).

Đối với công an, cán bộ trực ban cần ghi chép tất cả các tin báo về BLGD vào sổ trực. Đại diện của UBND cũng phải lưu giữ tất cả các tin báo về BLGD.

<sup>2</sup>“Nghiên cứu về chất lượng dịch vụ tư pháp cho nạn nhân BLGD ở Việt Nam”, sách đã dẫn.

## 2.2 Xử lý kịp thời

Tất cả các tin báo về BLGD đều cần phải được xử lý kịp thời, bất kể người báo tin là ai. Cán bộ phải được cử đến hiện trường nơi được thông báo là bạo lực đang xảy ra hoặc đến nơi ở của nạn nhân.

Ở Việt Nam, nghiên cứu cho thấy hầu hết nạn nhân BLGD không tìm kiếm sự trợ giúp của công an hoặc tòa án trừ khi vụ việc xảy ra rất nghiêm trọng.<sup>3</sup> Mặc dù nhiều phụ nữ phải chịu đựng cùng lúc các hình thức bạo lực thể chất, tâm lý, tình dục hoặc kinh tế nhưng phần lớn nạn nhân chỉ trình báo với chính quyền địa phương khi xảy ra thương tích nghiêm trọng về thể chất. Điều này cũng tương tự như kết quả nghiên cứu ở các nước khác cho thấy lần trình báo đầu tiên của nạn nhân ít khi xảy ra sau lần đầu bị bạo lực, thậm chí là sau lần bạo lực thứ hai. Nạn nhân thường chỉ trình báo khi bạo lực kéo dài và mức độ thương tích thể chất trở nên nghiêm trọng. Điều này có nghĩa là tất cả các tin báo về BLGD cần được Công an và Ủy ban nhân xem xét nghiêm túc.

Khi xử lý BLGD, mọi hành động của cán bộ xử lý ban đầu đều phải tuân thủ hai nguyên tắc cơ bản: đảm bảo an toàn cho nạn nhân và truy cứu trách nhiệm thủ phạm về hành vi của mình.

### **Đảm bảo an toàn cho nạn nhân đồng thời truy cứu trách nhiệm của thủ phạm về hành vi của mình**

Một số nước đã quy định tất cả các tin báo về BLGD phải được ưu tiên giải quyết. Nghiên cứu đã cho thấy có sự liên hệ giữa chất lượng của thông tin được ghi lại vào thời điểm cuộc gọi và sự ưu tiên giải quyết đối với cuộc gọi ghi trên sổ trực.

### **Mục 3: Đến hiện trường vụ việc bạo lực gia đình**

#### **3.1 Đến hiện trường – ổn định tình hình**

Đến hiện trường – xâm nhập vào chỗ ở

Công an và UBND có thể được gọi đến khi nạn nhân gọi điện báo rằng vụ việc bạo lực đang xảy ra hoặc hàng xóm có thể gọi điện cho chính quyền báo tin họ nghe thấy tiếng la hét, tiếng động cho thấy bạo lực đang diễn ra.

Khi đến hiện trường:

- Công an và UBND cần tự giới thiệu và nói chuyện với người ra mở cửa.
- Có thể thủ phạm sẽ ra mở cửa vì anh ta muốn kiểm soát việc cho ai hay không cho ai vào nhà.
- Cán bộ xử lý ban đầu cần giải thích lý do có mặt và đề nghị được phép vào nhà để kiểm tra trật tự. Việc giải thích phải thận trọng, không được tiết lộ danh tính người báo tin vì như vậy có thể khiến họ gặp nguy hiểm và khiến hàng xóm không muốn hợp tác trong việc làm chứng.
- Cũng cần đề nghị được nói chuyện với bất kỳ ai đang có ở nhà để đảm bảo được mọi người vẫn an toàn.
- Nếu có chống đối, cán bộ xử lý ban đầu cần lập biên bản vụ việc, trong đó mô tả về ngôi nhà và chi tiết cuộc đối thoại với chủ nhà. Điều quan trọng là để cho thủ phạm biết rằng vụ việc đã được trình báo với chính quyền địa phương và những biện pháp pháp lý có thể được áp dụng đối với anh ta.
- Cán bộ xử lý ban đầu cũng cần thu thập thông tin từ hàng xóm. Cần phải cẩn thận, tránh để xảy ra những xung đột sau này.
- Trong trường hợp vào được trong nhà, cán bộ xử lý ban đầu cần đánh giá sơ bộ nguy cơ đe dọa an toàn về thể chất của nạn nhân, sau đó đánh giá thêm như mô tả sau đây, để xác định những công việc tiếp theo.
- Công an có thể được phép dùng vũ lực để đột nhập vào nhà mà không cần lệnh khám nhà để nhằm mục đích ngăn chặn bạo lực. Tuy nhiên, nếu muốn khám nhà để thu thập chứng cứ, họ cần phải có sự đồng ý của chủ nhà hoặc lệnh khám nhà của Thủ trưởng Cơ quan điều tra (Điều 140 và 143 Bộ luật Tố tụng Hình sự).
- Nếu xử lý ban đầu là cán bộ UBND và nghi ngờ bạo lực vẫn đang diễn ra, họ cần liên hệ với công an địa phương là người có thẩm quyền được vào nhà không cần lệnh khám xét theo điều 140 Bộ luật Tố tụng Hình sự.
- Theo điều 82 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Công an có thể bắt giữ thủ phạm trong trường hợp bắt quả tang đang phạm tội.

<sup>3</sup> Minh 2007, Mai và cộng sự, 2004 như trích dẫn trong “Bạo lực trên cơ sở giới: Báo cáo chuyên đề” do Nhóm điều phối chương trình về Giới của Liên hợp quốc, Dự thảo cuối cùng, ngày 17/5/2010.

## **Đến hiện trường – những bước xử lý đầu tiên**

Ngay sau khi có mặt tại hiện trường, cán bộ xử lý ban đầu cần tiến hành:

- Nhanh chóng tách riêng những người có liên quan. Bởi vì điều này sẽ giúp kiểm soát tình huống, thật quan trọng nếu các cán bộ đảm bảo được các bên liên quan không nhìn và không nghe thấy nhau.
- Tiến hành một số thủ tục để đảm bảo an toàn cho nạn nhân, bao gồm cả con của nạn nhân nếu có mặt. Thủ tục đó bao gồm:
  - o xác định và thu giữ bất kỳ hung khí nào đang được sử dụng;
  - o cách ly, tìm và khống chế thủ phạm nếu anh ta có mặt và đưa anh ta ra khỏi hiện trường nếu cần thiết;
  - o trợ giúp y tế với bất kỳ người nào cần trợ giúp.

## **Trách nhiệm chung của cán bộ xử lý ban đầu**

Trách nhiệm chung của cán bộ xử lý ban đầu bao gồm một số hoạt động - chi tiết sẽ được đề cập ở phần sau của mô-đun này – nhưng nhìn chung là:

- Thu thập thông tin đầy đủ về sự việc từ tất cả các bên liên quan (nạn nhân, người bị tình nghi, người làm chứng).
- Xác định xem có rào cản ngôn ngữ không và tìm phiên dịch nếu cần. Không nên sử dụng trẻ em hoặc người trong gia đình làm phiên dịch.
- Bảo vệ hiện trường và bước đầu xác định tất cả các chứng cứ có thể có và lập danh sách những người có thể làm nhân chứng.
- Đảm bảo rằng bất kỳ trẻ nhỏ nào ở hiện trường cũng đều được trợ giúp/hỗ trợ cần thiết, bao gồm cả việc giới thiệu đến những cơ quan liên quan.
- Xác định tính chất của vụ việc – vi phạm pháp luật hành chính hay tội phạm hình sự.
- Giải thích cặn kẽ cho nạn nhân các lựa chọn về mặt pháp lý. Nếu cần có sự đồng ý của nạn nhân để tiến hành điều tra và hoặc trưng cầu giám định thì cần động viên, trợ giúp nạn nhân trong việc quyết định.
- Xác định có cần bắt hoặc giam giữ người bị tình nghi trong trường hợp đó.
- Thông báo cho cơ quan điều tra trong trường hợp cần thiết.
- Trợ giúp nạn nhân trong việc lập kế hoạch an toàn cho cá nhân, bao gồm cả quyết định cấm tiếp xúc nếu cần thiết.

## **Mục 4: Công tác thu thập chứng cứ**

### **4.1 Tiến hành điều tra tại hiện trường: Tổng quan**

Khung pháp lý Việt Nam quy định một số cách xử lý vụ việc tùy thuộc vào tình huống cụ thể của từng vụ việc. Để quyết định được biện pháp xử lý nào là phù hợp, do tính phức tạp của các tình huống BLGD, cán bộ xử lý ban đầu cần điều tra đầy đủ trước khi quyết định. Mọi sự việc đều phải được ghi chép lại. Điều này đảm bảo cho hồ sơ được đầy đủ và chính xác cho từng sự việc, dù chính quyền địa phương xử lý theo hướng nào. Lưu trữ hồ sơ vụ việc có hai mục đích: thứ nhất là để khẳng định rằng tất cả các vụ bạo lực đều được chính quyền địa phương xử lý nghiêm túc; thứ hai, đảm bảo ghi chép đầy đủ thông tin về quá trình bạo lực.

### **Điều tra tại hiện trường và bảng kiểm**

Cán bộ xử lý ban đầu cần tiến hành các hoạt động điều tra tại hiện trường như sau:

- Thu thập và bảo quản chứng cứ theo quy trình điều tra của Cơ quan điều tra.
- Ghi chép tỉ mỉ, bao gồm các hành động và lời khai của các bên liên quan.
- Tiến hành lấy lời khai chi tiết của nạn nhân và người làm chứng.
- Lấy lời khai người bị tình nghi.
- Hoàn thiện báo cáo chi tiết vụ việc đối với tất cả các vụ BLGD xảy ra, bất kể có khởi tố vụ án hay không, và đảm bảo các thông tin được lưu giữ trong hệ thống thông tin của cơ quan công an và UBND để sử dụng tham khảo sau này.

Điều tra ban đầu là một hoạt động bài bản nhằm làm rõ hành vi vi phạm pháp luật bằng cách xem xét sự kiện và tình huống của vụ việc và xác định các phương án xử lý phù hợp với sự kiện và tình huống đó.



**Mọi tin báo về BLGD đều phải được xử lý bằng một cuộc điều tra nghiêm túc về vụ việc. Điều này sẽ chứng tỏ cho thủ phạm và cộng đồng thấy chính quyền nhìn nhận các vụ việc BLGD một cách nghiêm khắc. Ngoài ra việc điều tra cũng giúp Công an và UBND hiểu rõ hoàn cảnh vụ việc trước khi quyết định áp dụng một chế tài xử lý phù hợp.**

Cán bộ xử lý ban đầu cần tìm kiếm các đồ vật có thể là vật chứng và xác định giá trị của các chứng cứ tìm thấy. Chứng cứ có thể là vật chất như vũ khí, tài liệu, hình ảnh, hoặc có thể là phi vật chất như lời khai nhân chứng, người bị hại, đối tượng gây bạo lực... Các chứng cứ khác nhau thu thập được có thể củng cố chứng cứ của nạn nhân và có thể được cán bộ xử lý ban đầu sử dụng để đánh giá ban đầu xem chế tài và biện pháp bảo vệ nào cần thiết áp dụng.

#### **4.2 Kỹ thuật lấy lời khai: Nạn nhân, người làm chứng và người bị tình nghi**

Công an lấy lời khai nạn nhân nhằm xác định việc gì đã xảy ra, thu thập chứng cứ, tham gia thực hiện các biện pháp phòng ngừa hành vi bạo lực tiếp theo và bảo vệ cho nạn nhân. Lời khai của nạn nhân và người làm chứng thông thường là những chứng cứ quan trọng nhất trong các vụ BLGD.

Bản khai/lời trình bày của nạn nhân

Do tính chất phức tạp của BLGD nên việc công an và UBND có hành động mang tính nhạy cảm với nhu cầu nạn nhân là rất cần thiết. Cách chính quyền địa phương phản hồi đối với nạn nhân có thể ảnh hưởng quan trọng đến việc họ có theo đuổi các biện pháp pháp lý đối với hành vi bạo lực mà họ bị trải qua hay không. Tuy nhiên dù quy trình pháp lý nào được tiến hành đi nữa, dù là chế tài hành chính hay hình sự, thì cán bộ xử lý ban đầu cũng cần đối xử với nạn nhân trong tất cả các vụ BLGD một cách thông cảm và đảm bảo an toàn cho họ.

Nạn nhân BLGD có thể biểu hiện không giống như nạn nhân của các tội phạm hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác. Họ có thể hành xử theo nhiều cách khác nhau nên cán bộ xử lý ban đầu cần hiểu và chuẩn bị tinh thần trước một số cách hành xử có thể xảy ra. Sự mâu thuẫn trong tư tưởng, phủ nhận và không tự quyết định được - đặc điểm thường thấy của nạn nhân bị bạo lực - có thể là cách mà nạn nhân học được để tồn tại với bạo lực.

#### **Những phản ứng có thể thấy ở nạn nhân**

- Nạn nhân có thể tỏ ra thờ ơ. Họ có thể im lặng hoặc dè dặt; miễn cưỡng trả lời các câu hỏi về sự ngược đãi.
- Nạn nhân có thể phủ nhận. Họ có thể từ chối không xác nhận có vụ việc bạo lực hoặc giảm nhẹ mức độ lạm dụng hoặc rút lại lời khai sau đó. Họ có thể bảo vệ thủ phạm và có thái độ gây gổ đối với công an.
- Nạn nhân có thể giận dữ. Họ giận dữ vì những tố cáo trước đây về bạo lực không hề khiến người chồng bị xử lý; giận dữ vì họ không được bảo vệ khỏi bạo lực tái diễn của người chồng.
- Nạn nhân có thể sợ sệt. Họ lo sợ bị thủ phạm trả thù vì những xử lý của công an; họ có thể lo sợ rằng công an sẽ không có hành động nào để ngăn chặn bạo lực; lo sợ công an sẽ tin lời thủ phạm chứ không tin họ; lo sợ rằng chính quyền sẽ đưa con cái của mình đi như lời thủ phạm đã đe dọa.

Cán bộ xử lý ban đầu phải nhận thức được rằng một số phản ứng của nạn nhân, mặc dù rất khó chịu, nhưng có thể khiến nạn nhân và gia đình cảm thấy an toàn hơn sau khi cán bộ chính quyền đi khỏi hiện trường hoặc sau khi thủ phạm bị tạm giữ được trả tự do.

Công tác lấy lời khai nạn nhân có thể tiến hành ở nhà, tại nhà tạm lánh, ở bệnh viện, ở trụ sở công an hoặc UBND. Bất cứ ở địa điểm nào, Công an hoặc cán bộ UBND trong khi lấy lời khai cũng cần tôn trọng sự riêng tư và bí mật của nạn nhân. Nạn nhân có thể cảm thấy thoải mái hơn nếu được ở cạnh một người hỗ trợ họ như một người bạn, người thân trong gia đình hoặc cán bộ Hội Phụ nữ. Việc lấy lời khai nạn nhân luôn phải được tiến hành khi không có mặt của thủ phạm.

Việc lấy lời khai những phụ nữ là nạn nhân BLGD đòi hỏi sự quan tâm, kiên nhẫn và nhạy cảm. Một số phụ nữ có thể miễn cưỡng không muốn trả lời chi tiết, không muốn thuật lại sự việc hoặc đôi lúc muốn rút lại lời khai. Họ có thể lo lắng đến khả năng tường thuật lại vụ việc một cách lộn xộn không có đầu, có giữa hay có cuối. Cán bộ xử lý ban đầu cần hỗ trợ họ bằng cách đặt những câu hỏi cụ thể và trực tiếp. Nạn nhân có thể sợ hãi các cán bộ hành pháp

và không sẵn sàng hợp tác với họ bởi nhiều lý do. Họ thường thấy xấu hổ, ngại ngùng về những gì đã diễn ra, đặc biệt trong trường hợp bị lạm dụng tình dục hoặc hiếp dâm. Họ cũng có thể sợ thủ phạm phát hiện ra việc họ trình báo thì sẽ giết họ, hoặc sợ gia đình và cộng đồng coi thường họ nếu biết việc trình báo.

#### Những điểm lưu ý trong khi lấy lời khai nạn nhân

- Khi tham gia giải quyết các vụ việc, cán bộ chính quyền địa phương cần lấy lời khai chi tiết của nạn nhân, bất kể vụ việc được đánh giá ban đầu là vi phạm hành chính hay tội phạm hình sự.
- Cán bộ xử lý ban đầu cần tạo ra không khí cởi mở và khuyến khích để đảm bảo công tác lấy lời khai được tiến hành với sự thông cảm, tôn trọng và kín đáo.
- Cán bộ xử lý ban đầu đặt câu hỏi bằng lời nói và ghi lại lời khai. Trách nhiệm của cán bộ là đảm bảo mọi tình tiết quan trọng đều được ghi lại.
- Nạn nhân phải được đọc lại trước khi ký vào bản khai.
- Trong các trường hợp nạn nhân đã viết sẵn trình báo hoặc bản khai, cán bộ xử lý ban đầu có trách nhiệm đọc lại bản khai để đảm bảo rằng tất cả các tình tiết quan trọng được mô tả đầy đủ và nếu không có, cần hỗ trợ nạn nhân bổ sung các chi tiết quan trọng này.
- Trong khi giải thích luật và quyền của nạn nhân, cán bộ nên khuyến khích nạn nhân hợp tác và đảm bảo rằng nạn nhân được pháp luật bảo vệ.

Các cán bộ xử lý ban đầu cần nhận thức được rằng họ có mặt ở đó để trợ giúp, không phải để phán xét, và người phụ nữ phải luôn được đối xử không có thành kiến và phân biệt. Việc lấy lời khai nạn nhân chỉ được tiến hành sau khi đảm bảo an toàn ban đầu cho người phụ nữ và các vết thương đã được xử lý. Cán bộ xử lý ban đầu cần giải thích về luật pháp cũng như quyền của nạn nhân, bao gồm quyền từ chối cung cấp lời khai hoặc cung cấp lời khai vào thời điểm sau.

Tốt nhất, việc lấy lời khai nạn nhân phải thực hiện ở nơi riêng tư, yên lặng, dù địa điểm lấy lời khai là ở đâu. Phòng thẩm vấn tại trụ sở công an không phải là nơi phù hợp để lấy lời khai của nạn nhân. Nên lấy lời khai ở gần những nơi tiếp dân khác nhưng người qua lại không thể nhìn thấy.

**Một điều quan trọng cần ghi nhớ là phụ nữ ở đây là nạn nhân chứ không phải là đối tượng tình nghi, vì vậy không được áp dụng các phương pháp hỏi cung của công an.**

#### Bảng liệt kê các nội dung cần hỏi đối với nạn nhân

- Chi tiết về vụ việc xảy ra
- Tình trạng của quan hệ gia đình trong hiện tại và trước kia
- Tiền sử bạo lực/lạm dụng (thể chất, tình dục, lời nói, kinh tế, tình cảm)
- Chi tiết về thủ phạm: việc làm, có nghiện hút, nghiện rượu, bệnh tâm thần, trầm cảm
- Các hành vi kiểm soát như cô lập, ghen tuông
- Có hung khí hay không
- Những xử lý trước đây của công an, UBND hoặc Hội phụ nữ
- Đe dọa xâm hại/hành vi theo dõi
- Mức độ leo thang bạo lực
- Sự lo lắng và mối quan tâm của nạn nhân

Điều quan trọng là các chi tiết của vụ bạo lực này có liên hệ như thế nào với quá trình bạo lực từ trước đến nay và bối cảnh mà bạo lực xảy ra trong gia đình.

#### Lấy lời khai người làm chứng, đặc biệt là trẻ em

Cần rất thận trọng và nhạy cảm khi lấy lời khai của trẻ em. Trẻ có thể bị tổn thương khi phải chứng kiến bạo lực. Trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ. Các em trải nghiệm sự kiện, suy nghĩ, nói và ứng xử theo cách riêng, phù hợp với lứa tuổi và khả năng suy luận của mình. Nếu muốn trẻ em tham gia một cách có ý nghĩa vào quá trình pháp lý và tránh bị tổn hại thêm, chúng ta cần điều chỉnh ngôn ngữ và hành vi của mình khi giao tiếp với các em.

Những vấn đề chính cần lưu tâm khi lấy lời khai người làm chứng là trẻ em:

- Lấy lời khai trẻ em khi không có mặt nạn nhân và người bị tình nghi, ở một nơi mà trẻ em thấy thoải mái;
- Cúi người xuống hoặc ngồi ngang tầm của trẻ;
- Bắt đầu bằng việc làm thân với trẻ;
- Giải thích tại sao bạn có mặt ở đó và làm những việc bạn đã làm; đảm bảo rằng các em không bị rắc rối;
- Sử dụng ngôn ngữ đơn giản và các câu ngắn, cân nhắc cho phù hợp với lứa tuổi, về chín chắn bên ngoài và trình độ tư duy của trẻ;
- Đảm bảo không có gợi ý nào khiến trẻ bị ảnh hưởng theo;
- Chú ý xem trẻ có tỏ vẻ sợ bố/mẹ hoặc cả bố mẹ;
- Chú ý nếu trẻ có cảm giác mình có lỗi hoặc phải chịu trách nhiệm; trấn an trẻ;
- Chú ý xem có phải trẻ cũng là nạn nhân của sự ngược đãi, trẻ có thể không tin tưởng vào người lớn hoặc bị cấm không được tiết lộ với người ngoài.

### **Lấy lời khai người bị tình nghi**

Thủ phạm, cũng như nạn nhân, được đảm bảo một số quyền, trong đó có quyền được công an và các cơ quan có thẩm quyền khác đối xử tôn trọng, được thông báo tại chỗ lý do bắt giữ hoặc tạm giam, được suy đoán vô tội, được bảo vệ khỏi sự cưỡng chế quá mức cần thiết của Nhà nước, không bị tự buộc tội, có quyền được tư vấn luật pháp và quyền được xét xử công bằng.

Những vấn đề chính cần lưu tâm khi lấy lời khai người bị tình nghi:

- Tách riêng khỏi nạn nhân;
- Đề nghị người bị tình nghi ngồi xuống và bình tĩnh;
- Không đưa ra những lời buộc tội khiến người này phải bào chữa;
- Ghi nhận sự bức dọc, lo lắng, tức giận của người này;
- Ghi lại những câu như “tôi mới chỉ đẩy cô ấy”, “cô ấy dễ bị bầm tím lắm”, hoặc “tôi túm lấy cô ấy chỉ để cô ấy phải nghe tôi nói”;
- Đừng nói rằng bạn hiểu hay thông cảm; tỏ rõ rằng tức giận hay cãi cọ không phải là nguyên nhân gây ra bạo lực;
- Nếu người tình nghi có hỏi thì không trả lời rằng nạn nhân báo công an.

### **4.3 Các loại chứng cứ khác**

Ngoài lời khai của nạn nhân, người làm chứng và có thể cả người bị tình nghi, cán bộ xử lý ban đầu cần xác định và bảo quản bất kỳ loại chứng cứ nào khác có liên quan. Các cán bộ này cần ghi chép cẩn thận, đầy đủ về các chứng cứ vật chất vì họ có thể phải chuyển những ghi chép này cho Cơ quan điều tra hình sự nếu cần khởi tố vụ án hình sự.

Những chứng cứ có thể có trong những vụ BLGD

- Lời khai của nạn nhân và nhân chứng;
- Dấu vết thương tích (vết thương hở, cào xước, thâm tím, vết gãy, bóp cổ, giật tóc) có thể chụp ảnh hoặc được bác sỹ khám chứng nhận);
- Quần áo rách;
- Móng tay gãy;
- Nhấn tin ghi âm;
- Nhật ký, ghi chép, thư từ – có thể của người bị tình nghi hoặc do nạn nhân ghi chép, trong đó nêu rõ những hành vi lạm dụng và bạo lực trước đó;
- Hung khí;
- Các vật dụng gia đình bị vỡ, cho thấy dấu hiệu của bạo lực;
- Nhận xét của hàng xóm, bạn bè, gia đình;
- Bản khai của những người giúp việc trong các vụ việc bạo lực trước đây;
- Báo cáo về vụ việc trước đây của công an/của UBND;
- Hồ sơ bệnh án mô tả chi tiết thương tích trước đây (chỉ được sử dụng khi được nạn nhân cho phép);
- Các quyết định, VD quyết định cấm tiếp xúc;
- Chứng cứ về việc thủ phạm có nghiện rượu/ma túy;
- Tiền án/tiền sự của thủ phạm;

- Mẫu giám định gen (DNA);
- Vi tính, internet, tin nhắn và các dạng chứng cứ điện tử khác.

### Chiến lược mẫu của Liên hợp quốc

Các biện pháp điều tra không được làm mất danh dự của những phụ nữ bị bạo lực và phải giảm thiểu sự xâm phạm vào cuộc sống của họ, đồng thời đảm bảo thu thập được những chứng cứ tốt nhất. Hoạt động điều tra cần phải nhạy cảm với đặc thù của tội phạm và của nạn nhân.

Một số gợi ý về thu thập chứng cứ:

- Ghi lại thương tích của nạn nhân (về thể chất, tình dục hoặc tinh thần) bằng ảnh và sơ đồ miêu tả khi được nạn nhân đồng ý. *Chú ý: Thương tích của nạn nhân cần được chụp lại trong vòng 24-48 giờ sau khi sự việc xảy ra vì lúc đó thương tích được nhìn thấy rõ hơn.*
- Các bức ảnh hiện trường (VD đồ đạc bị xáo trộn hoặc tài sản bị phá hủy).
- Vũ khí bị thu giữ.
- Thu thập bất kỳ chứng cứ nào khác, bao gồm các cuốn băng của máy trả lời tự động, hồ sơ y tế, quần áo rách hoặc dính máu, dấu vân tay, nếu cần.

### Chứng cứ vật chất

Ghi chép	Ảnh	Chứng cứ khác	Thông tin về y tế
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tình trạng và thái độ của nạn nhân, nghi phạm và con cái</li> <li>• Quần áo rách</li> <li>• Trang điểm lem nhem</li> <li>• Nạn nhân có thai không</li> <li>• Xáo trộn trong nhà</li> <li>• Triệu chứng nghi phạm nghiện rượu hoặc các chất hướng thần</li> <li>• Những thương tích rõ ràng của nạn nhân (về thể chất, tình dục, thương tích bên trong) mô tả bằng biểu đồ, khi có sự cho phép của nạn nhân</li> </ul> <p>Xem xét trên nạn nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dấu hiệu/triệu chứng của bóp cổ/ xiết cổ</li> <li>• Các thương tích dưới tóc</li> <li>• Thương tích đằng sau tai</li> </ul> <p>Xem xét trên thủ phạm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thương tích do tấn công (VD trầy xước khớp ngón tay)</li> <li>• Các thương tích do nạn nhân kháng cự</li> <li>• Ghi chép về vóc người của nạn nhân và nghi phạm được so sánh với nhau</li> </ul>	<p>Hiện trường vụ việc (đồ đạc lộn xộn, tài sản bị phá hủy, các vết máu)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thương tích của nạn nhân ngay sau khi sự việc xảy ra, nếu được sự đồng ý của nạn nhân</li> <li>• Nếu được sự đồng ý của nạn nhân, chụp thương tích của nạn nhân 24-48 giờ sau khi sự việc xảy ra là lúc thương tích thấy rõ hơn</li> <li>• Thương tích của người bị tình nghi, nếu có</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Băng ghi âm lời nhắn điện thoại</li> <li>• Quần áo rách hoặc có vết máu của nghi phạm và nạn nhân</li> <li>• Điện thoại bị phá hỏng</li> <li>• Hung khí</li> <li>• Dấu vết vân tay nếu nghi phạm đột nhập vào nhà nạn nhân</li> <li>• Thư từ, ghi chép, tài liệu, nhật ký và các chứng cứ khác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sự đồng ý của nạn nhân để công bố các thông tin y tế</li> <li>• Hồ sơ của bệnh viện/ phòng cấp cứu</li> <li>• Báo cáo xử lý vụ việc lạm dụng tình dục</li> <li>• Lời chia sẻ của nạn nhân với cán bộ y tế</li> </ul>

Cần thu giữ tất cả chứng cứ vật chất; không để lại cho nạn nhân giữ.

### Chứng cứ về bạo lực tình dục/hiếp dâm

Bạo lực tình dục, trong đó có hiếp dâm, là những sự việc gây sang chấn cho bất kỳ ai phải chịu đựng. Mọi phụ nữ đều có quyền từ chối quan hệ tình dục, kể cả với chồng và ở nơi riêng tư là nhà mình. Nhiều nạn nhân của bạo lực tình dục trong gia đình giữ im lặng về những gì họ trải qua. Ở Việt Nam, cụm từ “hiếp dâm trong hôn nhân” không được sử dụng. Từ trước tới nay không có vụ hiếp dâm trong hôn nhân nào được xử ra tòa ở Việt Nam. Tuy nhiên,

có bằng chứng cho thấy “cưỡng ép quan hệ tình dục” trong hôn nhân có xảy ra.<sup>4</sup> Sự không trình báo đầy đủ về bạo lực tình dục có thể do một số nguyên nhân. Tình dục được coi là vấn đề riêng tư và không được thảo luận cởi mở trong xã hội Việt Nam. Ngoài ra còn có quan niệm rằng người vợ phải phục tùng chồng và vì thế không được từ chối khi chồng muốn quan hệ tình dục.

Khi cán bộ xử lý ban đầu được báo đến hiện trường của một vụ việc BLGD, họ cần chú ý xem có các dấu hiệu lạm dụng tình dục. Như đã nêu ở trên, những nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng khi có một dạng BLGD, rất có thể có các dạng bạo lực khác cũng xảy ra. Công tác điều tra về bạo lực tình dục và thu thập chứng cứ liên quan đòi hỏi cán bộ hành pháp phải hết sức nhạy cảm. Các bước điều tra phải thể hiện sự tôn trọng nạn nhân và sự riêng tư của họ, những sang chấn họ phải trải qua và phải giảm thiểu việc xâm phạm vào cuộc sống của nạn nhân.

Bạo lực tình dục có thể để lại những chứng cứ như vết cắn, nước bọt, vết máu, tinh dịch, sợi vải dính vào móng tay, vết trói, tóc và các mô. Giám định pháp y đối với chứng cứ là việc sử dụng các quy trình và kiến thức khoa học để xác định vụ việc vì mục đích pháp lý. Vì thế, chứng cứ pháp y thường là một dạng chứng cứ vật chất được giám định pháp y – ví dụ như máu, tinh dịch hoặc các mô.

### Thực tiễn tốt

Một số nước đã thành lập các đội liên ngành: cán bộ điều tra công tác với cán bộ tư vấn, cán bộ xã hội, nhà tâm lý, đại diện pháp luật của nạn nhân hoặc những ai có thể thực hiện hỗ trợ đặc biệt cho nạn nhân cũng như cán bộ điều tra.

Một số nước cũng đã xây dựng trong lực lượng cảnh sát những đơn vị đặc biệt gồm cảnh sát được đào tạo chuyên sâu để xử lý các vụ BLGD và bạo lực tình dục.

### Đánh giá thương tích

Một trong những nhiệm vụ chính của cán bộ xử lý ban đầu là đánh giá thương tích mà vụ BLGD gây ra. Thông thường cán bộ hành pháp phải xử lý các vụ BLGD trong đó bạo lực thể chất gây ra thương tích. Xác định tỷ lệ thương tật trong các trường hợp này là điều rất quan trọng để xác định biện pháp tư pháp phù hợp nào cần áp dụng. Ở Việt Nam, chứng nhận y tế về tỷ lệ phần trăm thương tật là chứng cứ tối quan trọng trong các vụ án về BLGD. Nếu muốn sử dụng làm chứng cứ trước phiên tòa thì chứng nhận thương tật phải do hội đồng giám định pháp y xác nhận chứ không phải là công an.

Tuy nhiên, trách nhiệm của cán bộ xử lý ban đầu là phải thực hiện đúng đánh giá sơ bộ về thương tích, nhất là khi họ là những người có mặt đầu tiên tại hiện trường để trợ giúp nạn nhân. Họ cần phải hỏi về thương tích vì có thể quần áo che khuất hoặc thương tích chưa thể hiện rõ, như dấu hiệu của bóp cổ. Việc kiểm tra thương tích bằng mắt thường hoặc chụp ảnh có thể phải do cán bộ công an nữ thực hiện, tùy vào vị trí của thương tích.

Bóp cổ là một trong những thương tích phổ biến nhất nhưng dễ bị bỏ sót trong các vụ BLGD. Những nghiên cứu gần đây chỉ ra khả năng dẫn đến chết người của loại thương tích này. Nào bị tổn hại do thiếu ô-xy, nạn nhân có thể bị đột quỵ, xảy thai hoặc tử vong trong vòng vài tuần sau đó. Một số dấu hiệu ban đầu của bóp cổ gồm: Sự thay đổi giọng nói, từ khản giọng đến mất tiếng hoàn toàn, thở khò khè, khó nuốt, khó thở, trầy xước và đổi màu da trên cổ, vết hằn ở da, lười sưng, vỡ mao mạch ở mắt. Cán bộ xử lý ban đầu cần để ý xem có dấu hiệu của lạm dụng tình dục và bóp cổ.

Cán bộ xử lý ban đầu cần nắm vững Thông tư liên tịch số 12/1995 của Bộ Y tế quy định về các tiêu chuẩn thương tật áp dụng cho hội đồng giám định pháp y là những người cấp giấy chứng nhận tỷ lệ thương tật. Do sự phức tạp của việc xác định tỷ lệ thương tật, cán bộ xử lý ban đầu nên thận trọng và nên động viên nạn nhân đi khám y tế, không chỉ để chữa trị mà còn đảm bảo đánh giá chính xác tỷ lệ thương tật của nạn nhân.

<sup>4</sup> TS. Vũ Mạnh Lợi và đồng sự được trích dẫn trong OMCT “Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam: Báo cáo trình Ủy ban xóa bỏ phân biệt đối với phụ nữ” (OMCT: 2001).

Thương tích	Tỷ lệ thương tật
Sẹo vết thương hạ họng làm ảnh hưởng đến nói và nuốt	41-45%
Sẹo vết thương họng làm hẹp cổ họng gây ra khó nuốt	21-25%
Nứt vỡ vòm họng đã liền can nhưng còn di chứng đau đầu kéo dài	21-25%
Gãy 3-5 xương sườn, can tốt, ảnh hưởng ít đến hô hấp	10-12%
Chấn thương cắt bỏ từ 6 xương sườn trở lên, làm lồng ngực biến dạng nhiều và ảnh hưởng suy hô hấp độ 1	41-45%
Sẹo vết thương âm hộ, âm đạo hoặc dương vật gây trở ngại cho việc giao hợp: - Nam giới dưới 55 tuổi, nữ giới dưới 45 tuổi - Nam giới trên 55 tuổi, nữ giới trên 45 tuổi	21-25% 10-15%
Gãy, sập xương sống mũi: - Không ảnh hưởng chức năng thở và ngửi - Có ảnh hưởng đến thở và ngửi rõ rệt	10% 25-30%
Sẹo bồng ở khuỷu tay làm hạn chế co duỗi khuỷu: Cẳng tay ở tư thế duỗi từ 180° đến 110°	26-30%
Sẹo bồng bàn tay - ngón tay làm các ngón dính nhau co quắp hoặc thẳng cứng (mất chức năng bàn tay)	41-45%
Sẹo bồng ở mu chân, gan bàn chân làm biến dạng bàn và ngón chân đi đứng khó khăn	21-25%

Cán bộ xử lý ban đầu cần nhận thức được rằng không phải biện pháp pháp lý nào cũng cần chứng nhận tỷ lệ thương tật hoặc sự đồng ý của nạn nhân. Đối với bạo lực tâm lý, mức độ tổn hại khó xác định hơn. Cán bộ xử lý ban đầu cần tiến hành lấy lời khai nạn nhân một cách kỹ lưỡng và không chỉ xử lý các vụ mà nạn nhân bị bạo lực đến mức phải điều trị về tâm lý vì đây là những vụ nghiêm trọng nhất.

Trách nhiệm của cán bộ xử lý ban đầu là giúp nạn nhân tìm hỗ trợ y tế, dù vụ việc có cần giám định thương tích để làm chứng cứ hay không. Điều này đòi hỏi phải có sự nhạy cảm đối với nạn nhân, phải giải thích rằng chăm sóc y tế không có nghĩa là nạn nhân đồng ý tiến hành điều tra và cô ấy có thể quyết định khiếu nại hay không vào một thời điểm sau. Điều rất quan trọng là ngành y tế và hành pháp phải phối hợp chặt chẽ và hiệu quả để đảm bảo rằng tất cả các nạn nhân đều được đánh giá thương tích, vụ việc được xử lý thích đáng và nạn nhân được chăm sóc y tế đầy đủ.

Không hiếm khi cán bộ hành pháp được trình báo về hành vi BLGD sau khi vụ việc đã xảy ra. Nạn nhân có thể sợ hãi, không tìm kiếm sự trợ giúp ngay lúc sự việc xảy ra. Điều này cũng có nghĩa là chứng cứ về thương tích có thể bị mai một hoặc không còn nữa. Nạn nhân có thể không nhận thức được tầm quan trọng của những chứng cứ đó nên không đi kiểm tra thương tích. Các bệnh viện hoặc cơ sở y tế có thể ở xa hoặc nạn nhân không có phương tiện để đi. Nạn nhân có thể vô tình làm mất các chứng cứ. Ví dụ, trong trường hợp bị bạo lực tình dục, nạn nhân có thể tắm sau khi bị lạm dụng hoặc không tìm kiếm sự trợ giúp ngay. Công an không nên vì thiếu giấy chứng nhận thương tích mà không tiếp tục điều tra.

#### **Điều trị và đánh giá về y tế**

Nạn nhân phải được sử dụng các dịch vụ y tế và pháp y một cách an toàn và miễn phí, ngay cả khi nạn nhân không muốn truy tố thủ phạm, điều tra vụ án hoặc không hợp tác với cơ quan tư pháp hình sự. Việc thu thập các chứng cứ y tế và pháp y cần được tiến hành một cách kín đáo.

*Tham khảo Phụ lục 2 về mẫu biểu đồ để cán bộ điều tra và nhân viên y tế đánh dấu các vị trí thương tích*

#### 4.4 Bảng kiểm hữu ích

##### **Bảng kiểm về BLGD - (Hướng dẫn điều tra sơ bộ)<sup>5</sup>**

###### 1. Đến hiện trường

- ❖ Xác định vị trí và tình trạng của nạn nhân
- ❖ Xác định xem đối tượng bị tình nghi còn ở hiện trường hay không
- ❖ Xác định tình trạng sức khỏe, thể chất của tất cả các bên
- ❖ Gọi cấp cứu nếu có thương tích nặng

###### 2. Điều tra sơ bộ

- ❖ Lấy lời khai nạn nhân và nghi phạm riêng
- ❖ Hỏi nạn nhân về quá trình bạo lực từ trước đến nay
- ❖ Nếu có trẻ em tại hiện trường, lấy lời khai của trẻ em riêng
- ❖ Nếu có người làm chứng tại hiện trường, lấy lời khai của họ riêng
- ❖ Phân biệt ai là người tấn công và ai là nạn nhân nếu cả hai đều bị thương
- ❖ Lưu ý và ghi chép về trạng thái tinh cảm và thể chất của các bên liên quan
- ❖ Lưu ý về thái độ của người bị tình nghi
- ❖ Lưu ý xem quần áo rách của cả hai bên
- ❖ Đối với nạn nhân nữ, lưu ý xem trang điểm trên mặt có bị lem nhem
- ❖ Chú ý đến dấu hiệu thương tích của nạn nhân
- ❖ Chú ý đến những lời nói trong lúc bị kích động của các bên có mặt
- ❖ Chú ý xem có dấu hiệu nghiện các chất hướng thần/gây nghiện
- ❖ Thông tin cho nạn nhân biết cô ấy có thể có những hành động gì – để nghị điều tra hình sự; giám định pháp y...
- ❖ Ghi lời khai của nạn nhân và đưa cho họ ký
- ❖ Cung cấp thông tin cho nạn nhân về các trợ giúp có sẵn (nhà tạm lánh, tư vấn)
- ❖ Hỗ trợ nạn nhân để có quyết định cấm tiếp xúc
- ❖ Xác định vụ việc thuộc loại tội phạm nào, loại vi phạm hành chính nào, nếu có

###### 3. Lệnh cấm tiếp xúc

- ❖ Xác định hiện có quyết định cấm người tình nghi tiếp xúc với nạn nhân không
- ❖ Xác định người bị tình nghi có vi phạm lệnh cấm tiếp xúc không

###### 4. Bắt hoặc tạm giữ người theo thủ tục hành chính giam

- ❖ Xác định tình tiết vụ việc có cho phép bắt người và tiến hành bắt người bị tình nghi nếu đúng quy định
- ❖ Xác định tình tiết vụ việc có cho phép tạm giam và dẫn giải người bị tình nghi về trụ sở công an để tạm giam nếu đúng quy định
- ❖ Ghi chép lời khai tự nguyện của người bị tình nghi
- ❖ Giải thích quyền của người bị tình nghi
- ❖ Ghi chép tất cả các bản cung

###### 5. Chứng cứ

- ❖ Ghi chép mô tả hiện trường tội phạm
- ❖ Chụp ảnh tài sản bị hư hỏng
- ❖ Chụp ảnh hiện trường
- ❖ Xác định xem có hung khí/súng
- ❖ Chụp ảnh và vẽ sơ đồ thương tích của
  - Nạn nhân
  - Người bị tình nghi

<sup>5</sup> Tham khảo Bảng kiểm của Phòng Tư pháp Hình sự bang New Jersey dành cho các cán bộ hành pháp

- ❖ Lấy lời khai của
  - Nạn nhân
  - Con nạn nhân
  - Người làm chứng

#### 6. Điều trị y tế

- ❖ Đưa nạn nhân đến bệnh viện để khám chữa thương tích và giám định thương tật trong trường hợp cần thiết
- ❖ Lấy chứng nhận thương tật

#### 7. Hoàn thành báo cáo vụ việc

[Đảm bảo tính khách quan của báo cáo; tránh quan điểm cá nhân; báo cáo các chi tiết chứ không nêu kết luận]

- ❖ Đảm bảo các yếu tố cấu thành vụ án hình sự hoặc hành vi vi phạm hành chính đều được nêu đầy đủ trong báo cáo
- ❖ Mô tả chi tiết các đặc trưng của vụ việc hình sự, hành chính
- ❖ Lập hồ sơ về bất kỳ thương tích nào của nạn nhân
- ❖ Lập hồ sơ về bất kỳ thương tích nào của nghi phạm
- ❖ Lập hồ sơ về quá trình bạo lực từ trước đến nay
- ❖ Ghi lại lời khai nguyên văn của các bên – không được diễn đạt lại

### **Bảng kiểm điều tra vụ án BLGD<sup>6</sup>**

#### 1. Về nạn nhân

- Mô tả nơi ở của nạn nhân khi đến;
- Thực hiện cấp cứu cho nạn nhân;
- Thu thập các bản khai do nạn nhân viết
- Mô tả trạng thái tinh cảm của nạn nhân
- Mô tả trạng thái thể chất của nạn nhân
- Lập hồ sơ về các thương tích của nạn nhân
- Cách ly nạn nhân và người bị tình nghi ra hai phòng khác nhau để lấy lời khai
- Lập hồ sơ chi tiết về các thương tích của nạn nhân
- Làm rõ mối quan hệ của nạn nhân với người bị tình nghi
- Ghi chép về quá trình bạo lực từ trước tới nay
- Lưu ý về bất kỳ quyết định cấm tiếp xúc hoặc các quyết định khác của tòa án
- Đưa cho nạn nhân thông tin về trợ giúp của địa phương đối với nạn nhân BLGD và giải thích về báo cáo của cảnh sát
- Ghi lại bất kỳ địa chỉ hoặc số điện thoại liên lạc nào của nạn nhân

#### 2. Người bị tình nghi

- Mô tả nơi ở của nghi phạm khi đến
- Thực hiện cấp cứu cho nghi phạm
- Thu thập các bản khai hoặc bản tự thú của người bị tình nghi
- Mô tả trạng thái tinh cảm của người bị tình nghi
- Mô tả trạng thái thể chất của người bị tình nghi
- Mô tả chi tiết thương tích của nghi phạm
- Ghi lại những chứng cứ cho thấy nghi phạm nghiện chất gây nghiện
- Lấy lời khai người bị tình nghi
- Tìm một tấm ảnh của nghi phạm nếu người này không có mặt có thể nhận diện và để bắt giữ

<sup>6</sup> Trích từ Chương 10 “Các phản ứng và thủ tục của cơ quan hành pháp” trong Tài liệu tập huấn điều tra tội phạm hình sự về bạo lực gia đình, Sở Công an bang South Carolina, Phòng Đào tạo Tư pháp Hình sự.



### 3. Người làm chứng

- Lấy lời khai những người đã trình báo
- Xác định tất cả những người làm chứng và lấy lời khai riêng từng người
- Lập danh sách tên, tuổi những trẻ em có mặt
- Lấy lời khai của trẻ em
- Lấy tên và địa chỉ của các nhân viên cấp cứu
- Lấy tên của bác sỹ điều trị ở phòng cấp cứu

### 4. Chứng cứ

- Chụp ảnh hiện trường tội phạm
- Chụp ảnh toàn thân người bị tình nghi
- Chụp ảnh thương tích nạn nhân
- Chụp lại các bức ảnh này sau 48-72 giờ
- Chụp ảnh thương tích của người bị tình nghi
- Thu giữ các loại hung khí đã sử dụng
- Lấy băng sao lại nội dung cuộc gọi cấp cứu
- Đính kèm các bản báo cáo, ảnh và chứng cứ có liên quan vào hồ sơ điều tra
- Tìm hồ sơ bệnh án trước đó

## Mục 5: Đánh giá ban đầu về vụ việc BLGD

### 5.1 Những phương án xử lý và bảo vệ - Khái quát chung

Như đã trình bày ở mô-đun trước, thuật ngữ “BLGD” được sử dụng để chỉ một loạt những hành vi mà không phải tất cả trong số đó đều là tội phạm hoặc vi phạm hành chính. Khi đến hiện trường vụ việc, cán bộ xử lý ban đầu phải cân nhắc có cần thông báo cho cơ quan cảnh sát điều tra, có cần bắt giữ nghi phạm hay không, vụ việc có cấu thành tội hình sự hoặc vi phạm hành chính hay không, đồng thời còn phải thực hiện ngay các hoạt động để bảo vệ và đảm bảo an toàn cho nạn nhân.

Sau khi công tác điều tra sơ bộ hoàn tất và hồ sơ đã được thu thập đầy đủ, cán bộ xử lý ban đầu cần xác định các biện pháp xử lý và bảo vệ có thể áp dụng.

Đảm bảo an toàn cho nạn nhân	Truy cứu trách nhiệm thủ phạm
<ul style="list-style-type: none"><li>• Bắt ngừng ngay hành vi bạo lực;</li><li>• Đảm bảo biện pháp bảo vệ tức khắc [<i>có thể tạm giữ thủ phạm theo thủ tục hành chính (24-48 giờ); hoặc bắt giữ tội phạm</i>].</li><li>• Bảo vệ nạn nhân khỏi các hành vi bạo lực tiếp theo của thủ phạm [<i>có thể giúp nạn nhân đến nhà tạm lánh hoặc nơi ở an toàn hay xin quyết định cấm tiếp xúc</i>].</li><li>• Đánh giá rủi ro và an toàn.</li><li>• Giúp nạn nhân lập kế hoạch an toàn.</li><li>• Ngăn chặn bạo lực trong tương lai [<i>thông qua truy cứu trách nhiệm thủ phạm và hỗ trợ thủ phạm tái hòa nhập</i>].</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Chế tài hình sự – thông báo cho cơ quan cảnh sát điều tra hình sự.</li><li>• Phạt hành chính; cả công an và UBND đều có thẩm quyền quyết định.</li><li>• Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư-UBND có thẩm quyền, công an địa phương có thể trợ giúp UBND.</li><li>• Thỏa thuận hòa giải [<i>cần nhấn mạnh rằng các hành vi bạo lực không thể biện minh được bằng những hành vi phi bạo lực của nạn nhân và luôn phải cảnh cáo thủ phạm rằng nếu bạo lực tiếp diễn thì những hình thức xử lý nghiêm khắc hơn sẽ được áp dụng</i>].</li></ul>

Truy cứu trách nhiệm của thủ phạm tức là áp dụng hình phạt phù hợp và kiên quyết đối với vi phạm, bao gồm việc bắt thủ phạm phải chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự vi phạm nào đối với các quy định cho bảo lãnh tại ngoại hoặc lệnh cấm tiếp xúc và không chấp nhận lý do nào cho các hành vi bạo lực. Truy cứu trách nhiệm thủ phạm cũng bao gồm việc điều trị cho thủ phạm.

## 5.2 Tiến hành đánh giá ban đầu – Những công việc cần làm

### Các phương án xử lý – truy cứu trách nhiệm của thủ phạm

#### Chế tài hình sự

Khi nghi rằng có dấu hiệu của tội phạm hình sự, cán bộ xử lý ban đầu cần liên lạc với cơ quan điều tra hình sự và tiến hành bảo vệ các chứng cứ liên quan, ngay cả khi chưa có sự đồng ý ban đầu của nạn nhân. Nạn nhân có thể bị chấn động tâm lý hoặc thấy sợ khi mới tiếp xúc với công an hoặc UBND. Nạn nhân có thể cần sự hỗ trợ hoặc tư vấn trước khi có thể quyết định có yêu cầu điều tra vụ án hình sự hay không.

- Để công an có thể tiến hành điều tra một tội phạm cụ thể, ví dụ như tội cố ý gây thương tích (điều 104 Bộ Luật hình sự) với tỷ lệ thương tật dưới 31%, thì cần phải có yêu cầu của nạn nhân. Việc công an hỏi han nạn nhân một cách tế nhị và cung cấp cho nạn nhân đầy đủ các thông tin về quyền và các lựa chọn pháp lý của họ có thể tác động tới việc nạn nhân đồng ý điều tra hay không.
- Trong trường hợp cần thiết, công an cần đảm bảo lấy được giấy chứng nhận thương tích của hội đồng giám định và cho nạn nhân thời gian để quyết định có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự vào thời điểm sau hay không.

► Xem Mô-đun 5 để biết thêm thông tin về trình tự điều tra hình sự

#### Xử lý hành chính

Công an và UBND có thẩm quyền xử phạt hành chính trong những trường hợp vụ việc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng cần phải xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

- Để xác định có xử lý hành chính đối với thủ phạm hay không, cán bộ xử lý ban đầu cần tiến hành đánh giá các yếu tố sau đây: thương tích về thể chất; đe dọa bạo lực, có hành động dọa dẫm; và tình tiết giảm nhẹ hình phạt, như đã có hành vi BLGD trước đó, cán bộ công an tin rằng bạo lực có thể xảy ra trong tương lai hoặc bất kỳ tình tiết nào khác cần chú ý hoặc cần thu thập thêm chứng cứ.
- Cán bộ xử lý ban đầu cần cân nhắc đến xử lý hành chính khi người chồng thường xuyên có hành vi bạo lực đối với vợ nhưng những hành vi bạo lực riêng lẻ này chưa đến mức cấu thành tội phạm. Vì thế điều quan trọng là phải hỏi nạn nhân về tiền sử bạo lực và thu thập hồ sơ về các vụ việc công an đã tham gia trong quá khứ.
- Xử lý hành chính có thể áp dụng trong các tình huống sau đây:
  - o Khi thủ phạm vi phạm lệnh cấm tiếp xúc.
  - o Hành hạ, ngược đãi hoặc xúc phạm danh dự và nhân phẩm của vợ nhưng chưa đến mức xử lý hình sự theo tội danh ở điều 151.
  - o Đối xử bất bình đẳng với vợ do có định kiến giới.
  - o Có hành động, lời nói bạo ngược để khiêu khích, quấy rối hoặc xâm phạm nhân phẩm người khác.
- Công an và UBND có thể tạm giữ người bị tình nghi vì có hành vi vi phạm hành chính. Trong thời gian tạm giữ hành chính, công an có thể tiến hành mở rộng điều tra để quyết định có áp dụng xử phạt hành chính hay khởi tố vụ án hình sự. Chỉ khi có đầy đủ chứng cứ của tội phạm hình sự thì người bị tình nghi mới bị bắt. Trong trường hợp này, công an có thể dẫn giải thủ phạm ra khỏi nhà để lấy lời khai và/hoặc tạm giam. Quyết định của công an liên quan đến việc tạm giam và phóng thích thủ phạm cần phải cân nhắc đến sự an toàn của nạn nhân và những người khác trong gia đình, ngoài xã hội hoặc những vấn đề khác và những trình tự này cũng phải nhằm phòng ngừa hành vi bạo lực tiếp theo.

► Xem Mô-đun 4 để có thêm thông tin về việc trình tự xử lý hành chính

#### Hòa giải và cảnh cáo không chính thức của công an tại chỗ

Công an không được đào tạo chuyên sâu để hòa giải giữa các bên liên quan trong các trường hợp BLGD. Trong một số tình huống cụ thể, công an có thể răn đe, giáo dục thủ phạm. Răn đe chỉ nên được áp dụng trong các vụ việc nhỏ, lẻ.

Công an cần cân nhắc những vấn đề sau:

- Nghiên cứu chỉ ra rằng phần lớn các vụ việc BLGD không xảy ra một lần mà thường xảy ra nhiều lần trước khi công an đến can thiệp. Vì thế công an cần phải nắm đầy đủ các tình tiết trước khi quyết định phải làm gì.

- Một vấn đề đáng lưu tâm đối với việc cảnh cáo tại chỗ là cách xử lý này được coi là chưa nhìn nhận đầy đủ tính chất nghiêm trọng của BLGD và do đó làm giảm sự tin tưởng của cộng đồng.
- Cảnh cáo không cho phép đánh giá rủi ro một cách kỹ lưỡng vốn dĩ cần thiết đối với các vụ BLGD.
- Ở một số nước, tấn công thành viên trong gia đình còn được coi là tình tiết tăng nặng khiến cho vụ việc dù nhỏ cũng đạt ngưỡng của tội phạm hình sự. Ở Việt Nam, điều 151 Bộ luật Hình sự có thể áp dụng trong các vụ việc mà tỷ lệ thương tật chưa đủ để cấu thành tội phạm theo điều 104.

## Hòa giải

Khi công an được báo đến hiện trường vụ việc BLGD, một trong các lựa chọn được cân nhắc là chuyển vụ việc đến tổ hòa giải cơ sở. Công an có thể tham gia hoặc không tham gia vào quá trình hòa giải.

Công an cần lưu ý một số vấn đề sau đây:

- Pháp luật quy định rõ rằng không hòa giải vụ việc thuộc tội phạm hình sự hoặc vi phạm hành chính.
- Nếu vụ việc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xử lý hành chính và công an có thể khẳng định rằng nạn nhân không có cơ hội được thể hiện nguyện vọng một cách tự do do bị người chống đe dọa thì công an không nên chuyển vụ việc đến tổ hòa giải.
- Nếu công an tham gia vào quá trình hòa giải, rất cần lưu ý rằng một số người chống bạo lực thực hiện thủ đoạn kiểm soát ngay ở phòng hòa giải, trước, trong và sau quá trình hòa giải.
- Các thủ đoạn kiểm soát có thể bao gồm:
  - o Tấn công hoặc đe dọa bạo lực.
  - o Đe dọa bắt con thông qua quyền nuôi con.
  - o Gửi giấy nhắn hoặc những “ánh nhìn” trong khi hòa giải. Thủ phạm có thể gửi thông điệp đe dọa đến nạn nhân thông qua ngôn ngữ thân thể mà những người khác có mặt không thể nhận biết được.
  - o Mang người thân và bạn bè đến buổi hòa giải để đe dọa nạn nhân.
  - o Phát biểu rằng nạn nhân đã “làm cho anh ta phải làm thế”.
  - o Tỏ ra chân thành hoặc ăn năn sâu sắc trước nạn nhân và tổ hòa giải.
  - o Đề nghị lệnh bảo vệ lẫn nhau là cách để tiếp tục kiểm soát nạn nhân và thao túng quá trình hòa giải.

Bộ Tư pháp và UNODC đã tiến hành một khảo sát nhỏ về hoạt động tổ hòa giải đối với những vụ BLGD.<sup>7</sup> Khi được phỏng vấn, tất cả nạn nhân đều cho biết họ bị bạo lực ít nhất 10 lần một năm và gần một nửa trong số họ thấy các vụ bạo lực lặp lại một cách đều đặn. Một nửa số nạn nhân cho biết bạo lực vẫn tái diễn sau khi được hòa giải.

## Các phương án bảo vệ - giữ cho nạn nhân được an toàn

### Công tác bảo vệ – Quyết định cấm tiếp xúc

Có thể yêu cầu ra quyết định cấm tiếp xúc bất kỳ lúc nào, dù vụ việc có được điều tra hình sự hay không. Công an nên hỗ trợ nạn nhân, thứ nhất thông báo cho nạn nhân biết về phương án bảo vệ và thứ hai thay mặt nạn nhân có yêu cầu ra quyết định cấm tiếp xúc.

- Quyết định cấm tiếp xúc cho phép nạn nhân có thời gian để quyết định xem giải pháp nào phù hợp với mình.

► *Xem mô-đun 4 để có thêm thông tin về quyết định cấm tiếp xúc*

### Tạm giữ người bị tình nghi

Khi cán bộ xử lý ban đầu đến hiện trường, nạn nhân có thể không có quyền đề nghị chính thức yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, nên công an cần chủ động điều tra, cung cấp thông tin và hỗ trợ nạn nhân để nạn nhân có thời gian cân nhắc quyết định có muốn tiến hành truy cứu trách nhiệm hay không. Việc tạm giam sẽ có tác dụng triệt tiêu tạm thời quyền lực và kiểm soát của thủ phạm và hạn chế khả năng đe dọa của thủ phạm đối với nạn nhân.

Để xác định có cần thiết áp dụng biện pháp tạm giam hay không, công an cần cân nhắc các yếu tố sau đây:

- Khả năng bạo lực leo thang;
- Những chứng cứ vật chất cho thấy đã cấu thành tội phạm;
- Bất kỳ vi phạm nào xảy ra khi có mặt của cảnh sát.

<sup>7</sup> Bộ Tư pháp và UNODC “Đánh giá tóm tắt tình hình xử phạt hành chính và hoạt động của các tổ hòa giải khi xử lý các vụ BLGD ở Việt Nam hiện nay” (Hà Nội, 20/6/2009).

Công an không cần cần nhắc đến các yếu tố sau đây:

- Tình trạng hôn nhân;
- Quyền sở hữu hoặc và sử dụng nhà đất;
- Lời hứa miệng rằng bạo lực sẽ chấm dứt;
- Tuyên bố của người bị tình nghi rằng nạn nhân đã chọc tức hoặc kích động bạo lực;
- Trạng thái tinh cảm của nạn nhân;
- Những thương tích nhìn thấy và không nhìn thấy;
- Phủ nhận có BLGD xảy ra theo lời bất kỳ bên nào;
- Các bên khẳng định đây là vấn đề riêng tư;
- Quan niệm rằng việc bắt giữ cũng không giúp ích gì cho việc kết tội;
- Hậu quả về tài chính của việc bắt giữ đối với bất kỳ bên nào;
- Đặc điểm chủng tộc, văn hóa, xã hội, chính trị và nghề nghiệp của nạn nhân hoặc người bị tình nghi;
- Tình trạng sử dụng rượu và ma túy của một bên hoặc cả hai bên;
- Cảm nhận cho thấy nạn nhân tự nguyện hợp tác để truy cứu trách nhiệm hình sự.

► Xem mô-đun 4 để có thêm thông tin về tạm giữ và khám người theo thủ tục hành chính.

### Dịch vụ cho nạn nhân – Hỗ trợ nạn nhân

Nghiên cứu đã cho thấy các nạn nhân nữ càng được hỗ trợ về tâm lý thì càng tích cực hợp tác với công an và hệ thống tư pháp. Nhiều phụ nữ không biết họ có những quyền pháp lý nào, không biết những lựa chọn pháp lý hoặc những dịch vụ hỗ trợ dành cho họ. Công an cần hiểu biết về những dịch vụ trợ giúp dành cho nạn nhân để cung cấp thông tin hoặc chuyển gửi một cách phù hợp.

Những hỗ trợ này bao gồm:

- Hỗ trợ nạn nhân nhận được các trợ giúp về y tế khi cần. Đây không phải trung cầu giám định một cách chính thức để nhận được chứng nhận thương tật sử dụng cho công tác điều tra.
- Bố trí phương tiện đưa nạn nhân đến nhà tạm lánh hoặc nơi ở an toàn khi cần, không để người bị tình nghi biết các địa chỉ này.
- Nếu nạn nhân muốn ở lại nhà, công an cần ở lại hiện trường cho đến khi thực sự yên tâm rằng không có đe dọa tức thời đối với nạn nhân.
- Cung cấp thông tin cho nạn nhân về các dịch vụ hiện có, như tư vấn, trợ giúp pháp lý và cung cấp số điện thoại khẩn của các dịch vụ trợ giúp nạn nhân.
- Hỗ trợ nạn nhân tiếp cận các trợ giúp tài chính trong trường hợp phù hợp.

## Mục 6: Lập và quản lý hồ sơ

### 6.1 Các gợi ý về lập hồ sơ

Một cách làm tốt mà công an cơ sở và các cán bộ xử lý ban đầu khác có thể áp dụng là làm một quyển sổ ghi chép hàng ngày để ghi lại chi tiết tất cả các vụ việc được điều tra.

Khi tiến hành điều tra ban đầu, cán bộ thụ lý cần ghi chép các thông tin sau:<sup>8</sup>

Loại thông tin	Câu hỏi mẫu
Ai	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ai là người khiếu nại/nạn nhân?</li> <li>• Ai làm báo cáo?</li> <li>• Ai phát hiện ra vi phạm?</li> <li>• Ai thấy hoặc nghe thấy điều gì đó quan trọng?</li> <li>• Ai có hành vi vi phạm?</li> <li>• Ai giúp đỡ người phạm tội?</li> <li>• Ai đã được lấy lời khai?</li> <li>• Ai đã tham gia xử lý vụ việc?</li> <li>• Ai tìm thấy chứng cứ?</li> <li>• Ai thu nhận chứng cứ?</li> </ul>

<sup>8</sup> Trích từ tài liệu của UNODC “Phản ứng có hiệu quả của Cảnh sát trước bạo lực đối với phụ nữ”.

Gì	<ul style="list-style-type: none"> <li>Loại vi phạm gì đã diễn ra?</li> <li>Nghi phạm đã thực hiện hành vi gì và thực hiện theo cách nào?</li> <li>Người làm chứng biết gì về điều đó?</li> <li>Đã có chứng cứ gì?</li> <li>Đã xử lý gì với chứng cứ đó?</li> <li>Công cụ và hung khí gì đã được sử dụng?</li> <li>Cơ quan có thẩm quyền đã có hành động gì?</li> <li>Cần có hành động gì tiếp theo?</li> <li>Những cơ quan nào khác đã được thông báo?</li> </ul>
Ở đâu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vi phạm được thực hiện ở đâu?</li> <li>Công cụ và hung khí được tìm thấy ở đâu?</li> <li>Nghi phạm được phát hiện ở đâu?</li> <li>Nhân chứng lúc đó ở đâu?</li> <li>Vi phạm được phát hiện ở đâu?</li> <li>Người phạm tội sống hoặc thường lui tới đâu?</li> <li>Người phạm tội hiện đang ở đâu?</li> <li>Người phạm tội có khả năng đến đâu nhất?</li> <li>Người phạm tội được xác định/bị bắt ở đâu?</li> <li>Chứng cứ được phát hiện ở đâu?</li> <li>Chứng cứ được lưu giữ ở đâu?</li> </ul>
Lúc nào	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vi phạm xảy ra lúc nào?</li> <li>Vụ việc được trình báo lúc nào?</li> <li>Bạn đến vào lúc nào?</li> <li>Bạn tiếp xúc với người làm chứng vào lúc nào?</li> <li>Người phạm tội được xác định/bị bắt lúc nào?</li> <li>Người trợ giúp đến vào lúc nào?</li> </ul>
Thế nào	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vi phạm được thực hiện như thế nào?</li> <li>Người phạm tội đến và rời hiện trường như thế nào?</li> <li>Người phạm tội có được thông tin cần thiết bằng cách nào để thực hiện vi phạm?</li> <li>Công cụ, hung khí được thu giữ bằng cách nào?</li> <li>Bạn có thông tin về vi phạm bằng cách nào?</li> </ul>
Vi sao	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vi sao vi phạm xảy ra?</li> <li>Vi sao loại công cụ, hung khí đó lại được sử dụng?</li> <li>Vi sao vi phạm được trình báo?</li> <li>Vi sao người làm chứng khai một cách miễn cưỡng?</li> <li>Vi sao người làm chứng nhiệt tình tố giác người phạm tội?</li> <li>Vi sao việc trình báo vi phạm lại chậm trễ?</li> </ul>
Với ai	<ul style="list-style-type: none"> <li>Người phạm tội câu kết với ai?</li> <li>Người làm chứng có quan hệ với ai?</li> <li>Bạn dự đoán nghi phạm đang ở với ai?</li> </ul>
Bao nhiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cần có bao nhiêu thông tin để thực hiện vi phạm?</li> <li>Xảy ra thiệt hại bao nhiêu?</li> <li>Bao nhiêu tài sản bị lấy đi, nếu có?</li> <li>Mang tài sản đi nơi khác cần bao nhiêu sức (dễ hay khó)?</li> <li>Người làm chứng còn chưa khai bao nhiêu thông tin?</li> <li>Người khiếu nại/nạn nhân còn chưa trình báo bao nhiêu thông tin?</li> <li>Cần có thêm bao nhiêu thông tin để làm rõ vi phạm?</li> </ul>

Cần ghi chép thường xuyên trong quá trình điều tra ban đầu; tất cả những gì thu lượm được đều phải được ghi lại. Những điều tra viên chưa có kinh nghiệm sẽ có khuynh hướng chỉ ghi lại những tình tiết cơ bản của vụ việc và những bước mang lại kết quả khả quan. Tuy nhiên, ngay cả những việc làm trong quá trình điều tra không mang lại thông tin hữu ích cũng phải được ghi lại. Mục đích của việc làm này là để tạo nên tính toàn diện của cuộc điều tra, từ đó kết luận việc điều tra mở rộng theo một hướng nào đó có lẽ sẽ không mang lại kết quả. Những ghi chép có thể được bổ sung bằng những sơ đồ, nếu cần, về hiện trường vụ án. Có 2 loại sơ đồ có thể sử dụng để mô tả hiện trường vụ án:

1. Phác họa vẽ vào sổ tay của điều tra viên
2. Một sơ đồ chính thức có tỉ lệ đo đạc chính xác

Những lợi ích của sử dụng sơ đồ hiện trường chính xác là:

1. Thể hiện chính xác những mô tả về hiện trường vụ án
2. Có thể giúp nhân chứng nhớ lại mọi việc (làm tăng tính chuyên nghiệp của điều tra viên)
3. Dễ gây ấn tượng có lợi trong phiên tòa

Sơ đồ phác thảo trong sổ tay của các điều tra viên phải mô tả được hiện trường (ví dụ một phòng hoặc một dãy phòng, khu vực ngoài trời, nơi vũ khí được phát hiện). Một trang dùng để vẽ sơ đồ hiện trường, có đánh số những chi tiết chính (ví dụ thân thể hoặc các chứng cứ vật chất). Một trang khác dùng để liệt kê các số đánh dấu trên sơ đồ và mô tả nội dung/ý nghĩa của các số đó. Phần này cũng giống như “ghi chú” trên các bản đồ.

Sơ đồ chính thức bao gồm các số liệu chính xác được đo đạc bằng thước dây để đảm bảo độ chính xác. Sơ đồ chính thức này giống như bản vẽ xây dựng hoặc bản vẽ kiến trúc vậy.

Tương tự, có thể sử dụng ảnh chụp để mô tả hiện trường và thương tích của nạn nhân. Ảnh hiện trường tội phạm có 2 mục đích:

1. Thứ nhất là để ghi lại hiện trường tổng thể, trong đó có ảnh bên ngoài và bên trong ngôi nhà/hiện trường; lối vào, hành lang, lối ra của thủ phạm, các vật chứng được tìm thấy tại hiện trường.
2. Thứ hai là để ghi lại những chứng cứ pháp y có thể tái hiện được hành vi phạm tội và xác lập nhân dạng của người/những người bị tình nghi. Các chứng cứ như hình ảnh phóng to của hung khí, vân tay hoặc các dấu vết công cụ là ví dụ về ảnh chụp dạng này.

Khi chụp ảnh hiện trường, điều tra viên cần nhớ rằng họ đang kể lại chuyện xảy ra bằng hình ảnh và người xem những bức ảnh này là những người chưa tới hiện trường. Vì thế, ảnh chụp không chỉ ghi lại hình ảnh hiện trường và chứng cứ liên quan mà còn phải mô tả được những bối cảnh rộng hơn. Điều tra viên khi chụp ảnh hiện trường cần chụp ở 3 khoảng cách:

1. Khoảng cách xa, ở nhiều góc độ (khoanh vùng hiện trường, cho thấy tỷ lệ và lấy bối cảnh rộng hơn, đặt hiện trường vào trong bối cảnh đó)
2. Khoảng cách trung bình
3. Cận cảnh (minh họa cho chứng cứ, nơi chứng cứ được tìm thấy, dạng chứng cứ, tình trạng khi tìm thấy)

Khoảng cách mỗi loại là khác nhau, tùy thuộc vào loại hiện trường và loại tội phạm. Các bức ảnh cận cảnh nên có một đồ vật nào đó, ví dụ thước kẻ, bên cạnh để minh họa tỷ lệ.

## 6.2 Làm báo cáo về hồ sơ

Đối với mỗi vụ việc BLGD, dù được xử lý bằng hình thức nào thì cũng cần phải có báo cáo. Bản báo cáo phải được viết rõ ràng và tỷ mỉ:

- Chuyện gì xảy ra.
- Ai có liên quan (người bị tình nghi, nạn nhân, người làm chứng, điều tra viên).
- Thời gian xảy ra.
- Địa điểm xảy ra.
- Lý do xảy ra. Lưu ý: Công an cần thận trọng khi báo cáo về lý do xảy ra vụ việc, nếu không có thể tạo ra ấn tượng là đang đổ lỗi cho nạn nhân về vụ việc bạo lực xảy ra.
- Xảy ra như thế nào.
- Chứng cứ thu được là gì, do ai thu được, bằng cách nào, đã xử lý thế nào.

Báo cáo chi tiết về vụ việc BLGD xảy ra có thể bao gồm các nội dung sau:

- Bản ghi/đánh máy lại lời khai của nạn nhân, người làm chứng, người bị tình nghi.
- Bản photo kèm theo của các bản tự khai của nạn nhân, người làm chứng và người bị tình nghi.
- Chi tiết tất cả chứng cứ được thu thập và do ai thu thập.
- Tất cả các ảnh chụp hoặc sơ đồ đã vẽ.
- Chi tiết về quá trình vi phạm từ trước đến nay, tất cả các quyết định của tòa án có liên quan, các lệnh cấm tiếp xúc.
- Bản đánh giá rủi ro/đe dọa, nếu có.

## **Mục 7: Bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân**

### **7.1 Đảm bảo an toàn cho nạn nhân – Đánh giá đe dọa và quản lý rủi ro**

Việc bảo vệ cho nạn nhân được thực hiện ngay khi công an và UBND đến can thiệp và được tiếp tục thực hiện trong tất cả các giai đoạn xử lý. Bảo vệ phải đi liền với trợ giúp và hỗ trợ nạn nhân. Công an và UBND không phải là cơ quan duy nhất có vai trò bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân nhưng là cơ quan có vai trò quan trọng.

Có rất nhiều cách để các cán bộ xử lý ban đầu có thể đảm bảo an toàn cho những phụ nữ là nạn nhân của BLGD. Khi quyết định bắt, tạm giam hay thả người gây bạo lực thì công an cũng phải tính đến nhu cầu an toàn của nạn nhân. Các biện pháp cụ thể mà công an cần làm:

- Yêu cầu quyết định bảo vệ của tòa án, ví dụ quyết định cấm tiếp xúc.
- Chuyển hoặc đưa người phụ nữ đến nhà tạm lánh hoặc các địa chỉ an toàn.
- Giúp nạn nhân xác định những yếu tố rủi ro và lập kế hoạch an toàn.
- Đánh giá rủi ro và thực hiện kế hoạch kiểm soát nguy cơ để giảm thiểu nguy cơ tiếp tục hành vi bạo lực.
- Khi cần, đề xuất những điều kiện nghiêm khắc khi thả thủ phạm, bao gồm quản thúc, quyết định cấm tiếp xúc, cấm sử dụng rượu, cấm dùng các loại hung khí, buộc phải đi tư vấn.
- Thông báo trước cho nạn nhân về việc thả thủ phạm.
- Xác minh nội dung trình báo về việc nạn nhân bị đe dọa.

### **7.2 Xác định hành vi nguy hiểm đến tính mạng và cực kỳ nguy hiểm**

Cán bộ xử lý ban đầu khi lấy lời khai của những phụ nữ là nạn nhân BLGD đều phải trao đổi và xây dựng kế hoạch an toàn cho nạn nhân. Hành vi bạo lực theo thời gian thường trở nên nghiêm trọng hơn. Mặc dù không thể đoán chắc lúc nào bạo lực có thể leo thang dẫn đến chết người nhưng các nhà nghiên cứu đã xác định được một số yếu tố phổ biến. Không có các yếu tố hoàn cảnh sau đây không có nghĩa rằng bạo lực không thể dẫn đến chết người.

#### **Ghi nhớ!**

Mỗi tình huống đều là duy nhất và mỗi đe dọa khác nhau đều phải có một cách xử lý riêng để đáp ứng cao nhất nhu cầu của người phụ nữ là nạn nhân.

### **Các hành vi nguy hiểm chết người và cực kỳ nguy hiểm<sup>9</sup>**

Đe dọa tự tử hoặc đe dọa giết người: Trong phần lớn các vụ án mà người phụ nữ bị giết, thủ phạm đã từng đe dọa giết người phụ nữ hoặc đe dọa tự tử. Việc đe dọa tự tử cần được xem xét rất nghiêm túc. Trong nhiều trường hợp, người đàn ông giết vợ con rồi tự sát. Lời đe dọa càng cụ thể bao nhiêu thì mức độ nghiêm trọng càng lớn bấy nhiêu.

Xuất hiện của hung khí: Nguy cơ bạo lực dẫn đến chết người cũng gắn với việc thủ phạm có hung khí hoặc tiếp cận, sử dụng hung khí, gắn với việc sử dụng hoặc đe dọa sử dụng hung khí trong các vụ việc trước đó và gắn với sự gia tăng của bạo lực về tần suất hoặc mức độ nghiêm trọng.

Hành vi kiểm soát và ghen tuông: Nguy cơ bạo lực dẫn đến chết người gắn với sự gia tăng của hành vi kiểm soát và ghen tuông. Đó có thể là hành vi theo dõi, kiểm soát chặt chẽ về thời gian và hạn chế việc đi lại của người phụ nữ.

Sử dụng ma túy và rượu: Rượu có thể làm giảm sự kiểm chế sử dụng bạo lực gây chết người hoặc khiến người gây bạo lực không nhận thức được đầy đủ tính chất nguy hiểm của hành vi bạo lực của anh ta.

Trầm uất: Sức khỏe tâm thần của người đàn ông có thể cho thấy xu hướng sử dụng bạo lực nguy hiểm. Nếu người đàn ông mất niềm tin và “buông xuôi”, anh ta có thể gây ra thương tích nghiêm trọng hoặc giết người.

Cách ly người gây bạo lực: Các nghiên cứu chỉ ra rằng việc người gây bạo lực bị cách ly và mức độ phụ thuộc của anh ta vào người phụ nữ có liên quan đến khả năng gây bạo lực chết người.

Sự leo thang bạo lực: Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sự leo thang bạo lực về tần suất và mức độ nghiêm trọng cũng biểu hiện sự gia tăng tính nguy hiểm.

Chấm dứt mối quan hệ: Nghiên cứu chỉ ra rằng thời gian nguy hiểm nhất đối với người phụ nữ bị bạo lực là sau khi chấm dứt mối quan hệ. Ở Mỹ, các nghiên cứu chỉ ra rằng những người phụ nữ rời bỏ người gây bạo lực với mình có thể có nguy cơ bị giết cao hơn 75% so với những người còn duy trì quan hệ. Việc người phụ nữ bị bạo lực tự quyết có chấm dứt quan hệ hay không là rất quan trọng vì cô ấy là người có thể đánh giá rõ nhất những nguy hiểm tiềm tàng.

Bóp cổ hoặc siết cổ: Các chuyên gia pháp lý xác định rằng những hành vi “bóp cổ” hay “siết cổ” trước đó của thủ phạm đối với nạn nhân là một dấu hiệu cho thấy mức độ nguy hiểm cao độ.

Cán bộ xử lý ban đầu có thể giúp nạn nhân đánh giá những nguy cơ xảy ra từ phía người gây bạo lực và xây dựng một kế hoạch an toàn mang tính khả thi. Cần ghi nhớ rằng ngay cả khi không có những dấu hiệu của sự nguy hiểm chết người thì nạn nhân cũng cần dựa vào linh cảm của chính bản thân để xác định phản ứng phù hợp với tình hình bạo lực. Cán bộ xử lý ban đầu có thể giúp nạn nhân tìm hiểu các khả năng và các phương án có thể lựa chọn nhưng người phụ nữ phải tự quyết định hành động nào là tốt nhất cho cô ấy.

### **7.3 Xây dựng kế hoạch an toàn**

Cán bộ xử lý ban đầu có thể trợ giúp nạn nhân xây dựng một kế hoạch an toàn cho bản thân. Chính người phụ nữ nạn nhân là người hiểu rõ nhất cuộc sống và rủi ro của mình. Điều này có thể thực hiện nhờ sự giúp đỡ của cán bộ trợ giúp, nhân viên nhà tạm lánh và các tư vấn viên.

Gợi ý các bước mà cán bộ cần thực hiện khi thảo luận với người phụ nữ nạn nhân về kế hoạch an toàn:

- Thảo luận sơ bộ về mục đích và vai trò của kế hoạch, bao gồm cả mặt hạn chế của nó.
- Thu thập thông tin, như các yếu tố rủi ro gắn với nguy hiểm chết người đã nêu ở trên, thông tin về những nguồn lực và hỗ trợ hiện có, như mức độ trợ giúp cho cá nhân người phụ nữ, điều kiện sống của cô ta, những trở ngại về an toàn; việc làm; những vấn đề liên quan đến con cái v.v.

<sup>9</sup> Tham khảo “Báo cáo chuyên đề về bạo lực gia đình, chỉnh sửa tháng 6/2006” của Trung tâm chính sách hành pháp quốc gia IACP.



- Xây dựng kế hoạch an toàn, bao gồm những chiến lược cụ thể, ví dụ như việc chuyển đến nhà tạm lánh hay một địa chỉ an toàn; những bước điều tra tội phạm; [thảo luận làm thế nào để bỏ đi một cách an toàn; nơi nào an toàn; nơi nào để cất giữ những tài liệu, giấy tờ quan trọng; chia sẻ với người hàng xóm nào về vụ việc bạo lực để họ có thể gọi công an khi cần; dạy con cái cách gọi cho công an; cách bảo vệ bản thân và con cái trong tình trạng nguy hiểm; số điện thoại của nhà tạm lánh, nơi trú ngụ an toàn, những biện pháp an toàn ở nhà, ví dụ như khoá cửa, đèn, thông tin cho gia đình và bạn bè đến trợ giúp]

Thời gian đầu của khủng hoảng hoặc khi người phụ nữ mới tới nhà tạm lánh không phải là lúc phù hợp để xây dựng kế hoạch an toàn cá nhân. Người phụ nữ cần có thời gian để nỗi lo âu, sợ hãi và trầm uất lắng xuống.

#### **Ghi nhớ!**

Cán bộ xử lý ban đầu nên ghé thăm nạn nhân đều đặn để đảm bảo rằng nạn nhân vẫn được an toàn và xác định xem có thay đổi đáng kể nào trong hoàn cảnh của nạn nhân và cả của thủ phạm khiến có thể ảnh hưởng đến sự an toàn của nạn nhân và việc ngăn ngừa bạo lực trong tương lai.

#### **Ghi nhớ!**

Kế hoạch an toàn là công cụ để bảo vệ, không phải để dự báo, được xây dựng để giảm bớt nguy hiểm và tăng cường an toàn chứ không phải để dự báo về khả năng xảy ra bạo lực trong tương lai.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1: Gợi ý về lấy lời khai nạn nhân

Gợi ý cách tiếp cận lấy lời khai nạn nhân cần có kế hoạch chi tiết:<sup>10</sup>

<b>Lựa chọn một địa điểm phù hợp</b>	Dựa vào tình huống cụ thể, nạn nhân và người làm chứng có thể cung cấp thông tin đầy đủ hơn nếu được lấy lời khai ở nhà so với lấy lời khai ở trụ sở công an. Một số phụ nữ lại sợ phải trả lời ở nhà, vì vậy lấy việc lời khai có thể được tiến hành ở bệnh viện hoặc nhà tạm lánh. Hãy hỏi nạn nhân xem họ thấy thoải mái khi lấy lời khai ở đâu.
<b>Quyết định về sự có mặt của người khác</b>	Lý tưởng nhất là một cán bộ công an có kinh nghiệm và đã qua đào tạo sẽ thực hiện lấy lời khai nạn nhân. Một cán bộ khác hoặc một người hỗ trợ nạn nhân có thể có mặt. Trong trường hợp bạo lực gây thương tích nghiêm trọng, công an nên cân nhắc việc ghi âm hoặc ghi hình buổi lấy lời khai. Không bao giờ lấy lời khai khi có mặt người gây bạo lực hoặc trong các phòng thiết kế để hỏi cung.
<b>Lên kế hoạch những câu sẽ hỏi</b>	Trước khi lấy lời khai, điều tra viên cần lên kế hoạch những câu chính cần hỏi (VD ai, cái gì, ở đâu, lúc nào, như thế nào)
<b>Giới thiệu</b>	Nếu ghi âm buổi lấy lời khai, hãy nêu thời gian, ngày tháng, địa điểm được ghi âm. Nếu không ghi âm, điều tra viên giới thiệu tên mình với nạn nhân.
<b>Quy tắc lấy lời khai:</b>	Điều tra viên có thể nói những câu sau để khiến nạn nhân cảm thấy dễ chịu hơn: <ul style="list-style-type: none"><li>• Tôi ở đây là để giúp đỡ, không phải để phán quyết hoặc buộc tội</li><li>• Nếu tôi hiểu chưa đúng lời chị nói thì chị cho tôi biết ngay. Tôi muốn có thông tin một cách chính xác.</li><li>• Nếu tôi nói điều gì chưa rõ thì chị cho tôi biết thì tôi sẽ giải thích lại.</li><li>• Nếu thấy khó chịu thì chị hãy nói hoặc ra hiệu cho tôi biết (như nhắc bàn tay lên).</li><li>• Dù chị nghĩ tôi đã biết điều gì đó thì vẫn cứ nói lại cho tôi biết.</li><li>• Nếu chị không chắc chắn về câu trả lời thì đừng phỏng đoán, hãy nói “tôi không chắc lắm” trước khi nói điều đó.</li><li>• Tôi không có mặt ở đó khi sự việc xảy ra. Vì vậy chị càng mô tả chi tiết sự việc thì tôi càng hiểu rõ hơn.</li><li>• Chị yên tâm là tôi sẽ không cáu giận với chị.</li><li>• Chị chỉ nói sự thật và sự việc đã xảy ra.</li></ul>
<b>Tường thuật tự do</b>	<p>Đây là phần chi tiết và quan trọng nhất của buổi lấy lời khai, là lúc nạn nhân cung cấp những thông tin chi tiết nhất. Hãy để nghị nạn nhân kể lại sự việc xảy ra, những gì họ nhìn thấy, nghe thấy bằng ngôn ngữ của họ. Họ cần kể lại càng chi tiết càng tốt về hoàn cảnh của vụ việc. “Chị hãy kể lại mọi thứ mà chị còn nhớ được về chuyện đã xảy ra, từ đầu đến cuối”. Đừng cắt ngang lời kể.</p> <p>Nếu người phụ nữ dừng lại, hãy hỏi “chuyện gì xảy ra sau đó?” hoặc “Chị đang nói rằng (nhắc lại câu trước)”. Dùng những từ như “ừ hử”, “ừm”, để khuyến khích họ tiếp tục nói.</p> <p>Điều tra viên cần nghe hết câu chuyện và đừng hỏi hoặc ngắt lời. Nếu người phụ nữ dừng lời, điều tra viên nên khuyến khích người đó nói tiếp (ví dụ, “Và chuyện gì xảy ra sau đó”). Điều tra viên cần lắng nghe kiên nhẫn và ghi chép chi tiết.</p> <p>Nhớ rằng một số nạn nhân bị bạo lực hoặc lạm dụng có thể không muốn kể lại chuyện đã xảy ra. Họ có thể bị thủ phạm dọa đánh hoặc dọa giết.</p>

<sup>10</sup> Trích từ dự thảo tài liệu tập huấn của UNODC “Xử lý có hiệu quả của công an trước với bạo lực đối với phụ nữ”.

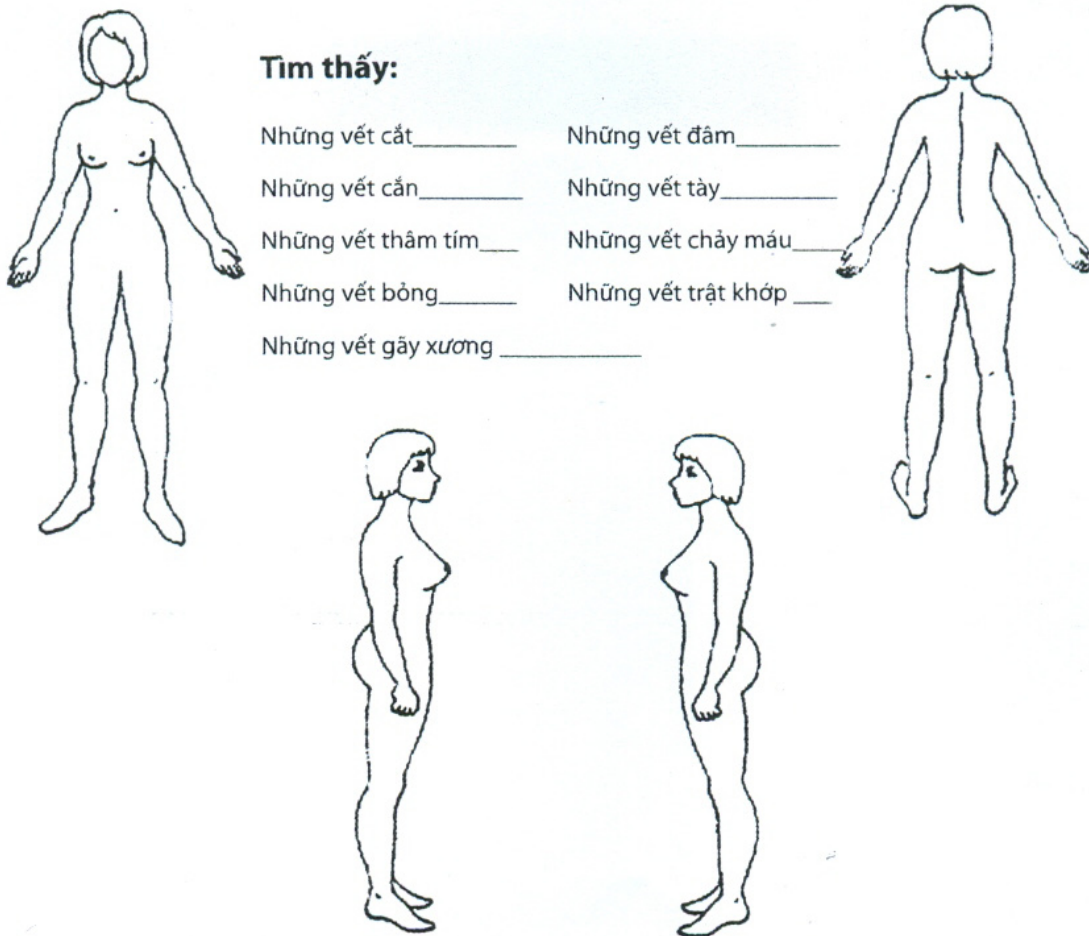
<p><b>Những câu hỏi mở</b></p>	<p>Câu hỏi mở là cách đặt câu hỏi sao cho người trả lời cung cấp thêm thông tin về một sự kiện, không định hướng, gợi ý hay gây áp lực trong câu hỏi. Câu hỏi mở cho phép kiểm soát được dòng thông tin và hạn chế việc điều tra viên có thể vô tình áp đặt quan điểm cá nhân đối với sự việc xảy ra.</p> <p>Lúc nào điều tra viên đưa ra những câu hỏi mở (tức câu hỏi không thể trả lời “có” hoặc “không”). Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hãy nói về...</li> <li>• Chuyện gì xảy ra sau đó?</li> <li>• Chị thấy gì sau đó?</li> <li>• Chị còn nhớ gì nữa?</li> </ul> <p>Điều tra viên sử dụng câu hỏi mở để làm rõ các điểm trong lời kể tự do đồng thời tiếp tục ghi chép chi tiết về những điều nạn nhân nói.</p> <p>Để tránh nhầm lẫn và giúp nạn nhân nhớ lại sự việc thì điều tra viên nên hỏi từng câu một.</p>
<p><b>Câu hỏi đặc biệt</b></p>	<p>Mục đích của giai đoạn này là làm rõ và mở rộng câu trả lời trước đó nhưng không gợi ý. Ở đây điều tra viên hỏi những câu hỏi đóng, trực tiếp để gợi ra những chi tiết còn thiếu hoặc làm rõ những điểm chính. Đảm bảo hỏi đủ những điểm chính: ai, cái gì, lúc nào, ở đâu, như thế nào, tại sao. Điều tra viên tiếp tục ghi chép.</p> <p>Tránh những câu hỏi có nhiều đáp án lựa chọn (multiple choice), nhưng nếu cần thì chỉ hỏi những câu có 2 phương án trả lời. Một lúc sau có thể hỏi lại câu hỏi theo một cách khác, có sắp xếp lại.</p> <p>Nếu có mâu thuẫn trong lời khai thì cần làm rõ ở cuối buổi.</p>
<p><b>Kế hoạch an toàn</b></p>	<p>Xem lại phần cuối của mô-đun này để biết thêm chi tiết. Buổi lấy lời khai không thể thiếu phần này. Như là 1 phần của kế hoạch an toàn, (bao gồm cả an toàn về thể chất và tâm lý), công an có thể sử dụng phần này của buổi lấy lời khai để giới thiệu với người phụ nữ các dịch vụ và trợ giúp khác như y tế, tư vấn hoặc các hỗ trợ xã hội khác.</p>
<p><b>Kết luận</b></p>	<p>Khi điều tra viên cho rằng đã có đủ thông tin cần thiết, để kết thúc buổi lấy lời khai, điều tra viên cần hỏi “Còn có nội dung gì về vụ việc mà chị nghĩ rằng tôi cần biết?” hoặc “Còn có điều gì mà chị biết nhưng tôi chưa hỏi không?”.</p> <p>Hỏi xem nạn nhân có câu hỏi nào không. Nếu có, trả lời nạn nhân kỹ nhất có thể. Cho nạn nhân biết rằng có thể sẽ lấy lời khai thêm lần nữa.</p> <p>Giải thích về điều gì sẽ xảy ra sau đó, nhưng đừng hứa hẹn gì cả. Cảm ơn người phụ nữ về sự giúp đỡ và hợp tác.</p>

**Phụ lục 2: Ví dụ sơ đồ thương tích dùng cho điều tra viên và nhân viên y tế**

**Ví dụ sơ đồ vị trí thương tích trên cơ thể**

**Sơ đồ vị trí thương tích (hoặc “bản đồ cơ thể”)**

Với 1 mũi tên, hãy chỉ rõ từ mô tả hình ảnh cơ thể, nơi nào vết thương được phát hiện. Chỉ ra số lượng vết thương các loại vào chỗ trống. Đánh dấu và mô tả những vết thâm tím, cào xước, vết rách, vết cắn...



Nguồn: Được phỏng theo cuốn *Cải thiện công tác chăm sóc sức khỏe đối với bạo lực gia đình: Tài liệu dành cho nhân viên y tế*. Tác giả: Carole Carshaw, Anne L.Ganley và Patricia R.Salter từ San Francisco: Quỹ phòng chống bạo lực gia đình, 1995. Được sử dụng với sự cho phép của Quỹ phòng chống bạo lực gia đình.

Sơ đồ này phải được đính kèm với một báo cáo chi tiết về tính chất và mức độ của thương tích, nguyên nhân của thương tích, loại hung khí sử dụng, nếu có.

**MÔ-ĐUN 5**

**HỆ THỐNG XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ VẤN ĐỀ BẠO LỰC GIA ĐÌNH**



**UNODC**

**United Nations Office on Drugs and Crime**



## Mô-đun 5

### Hệ thống xử lý vi phạm hành chính và vấn đề bạo lực gia đình

#### Mục đích:

Kết thúc phần này, học viên sẽ có thể:

- Làm quen với khung pháp lý về xử lý vi phạm hành chính.
- Hiểu được vai trò của mình với trách nhiệm là cán bộ UBND cấp xã và công an cấp xã trong việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong công tác phòng, chống BLGD.
- Có thể xử lý vụ việc BLGD theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

#### Mục 1: Khái quát về hệ thống xử lý vi phạm hành chính về bạo lực gia đình

##### 1.1 Giới thiệu hệ thống xử lý vi phạm hành chính

Luật pháp về xử lý vi phạm hành chính là một công cụ hữu hiệu của nhà nước để xử lý BLGD. Việc xử lý nhanh chóng, kịp thời và nhất quán các vụ BLGD sẽ góp phần khôi phục trật tự về quản lý nhà nước bị vi phạm và tăng cường nhận thức xã hội về phòng chống BLGD. Luật pháp về xử lý vi phạm hành chính quy định những can thiệp bắt buộc để điều chỉnh hành vi vi phạm các cá nhân mà về bản chất không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra, cả về thể chất lẫn tâm lý, đều phải xử lý nghiêm khắc và nhanh chóng theo quy định của pháp luật.

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống BLGD bao gồm những vấn đề sau:

1. Hành vi đó phải là hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực phòng chống BLGD. Do đó hành vi “vi phạm” phải được quy định trong một văn bản pháp quy như Nghị định. Ngoài ra, hậu quả của hành vi vi phạm đối với cộng đồng/xã hội và các cá nhân là thấp và do vậy không bị khởi tố về hình sự.
2. Đó phải là một hành vi tồn tại khách quan, xảy ra trong quá khứ.
3. Đó phải là hành vi của một cá nhân (hoặc một tổ chức)<sup>1</sup>.
4. Hành vi đó phải mang tính cố ý, nói cách khác, người có hành vi vi phạm phải ý thức được tính sai trái của hành vi và hậu quả của nó, cả hậu quả mong muốn lẫn không mong muốn.

##### 1.2 Luật pháp về xử phạt hành chính

Có một số văn bản pháp quy về xử phạt hành chính, đó là:

- Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008) là văn bản pháp lý cơ bản về xử phạt hành chính và có hiệu lực pháp lý cao nhất trong các văn bản luật của Việt Nam thuộc lĩnh vực này. Pháp lệnh này nêu những quy định chung về xử lý vi phạm hành chính.
- Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh trên.

Còn có một số Nghị định khác quy định thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính:

- Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
- Nghị định số 70/2006/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2006 quy định việc quản lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo thủ tục hành chính;
- Nghị định số 62/2004/NĐ-CP ngày 07 tháng 09 năm 2004 ban hành Quy chế tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

<sup>1</sup> Tổ chức thường không liên quan khi nói tới các vụ BLGD, tuy nhiên có thể áp dụng trong một số trường hợp, ví dụ một tổ chức hỗ trợ nạn nhân sử dụng lợi thế của mình để thu lợi bất chính.

Ngoài ra còn những văn bản pháp quy do các bộ và cơ quan ngang bộ ban hành, hướng dẫn thi hành một số điều của các Nghị định trên. Ngoài khoảng 100 Nghị định của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước còn những văn bản pháp quy do các bộ và cơ quan ngang bộ ban hành, hướng dẫn thi hành một số điều của các Nghị định trên.

Như đã trao đổi chi tiết trong mô-đun 4, các văn bản pháp quy cụ thể về xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống BLGD là:

- Luật phòng, chống BLGD;
- Nghị định số 110/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2009 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống BLGD.

Khi phát hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực phòng, chống BLGD, người có thẩm quyền cần theo đúng hướng dẫn của các văn bản pháp quy nêu trên, nhất là Nghị định số 110/2009/NĐ-CP, để xác định hành vi đó là vi phạm hành chính, tội phạm hay mâu thuẫn gia đình không có yếu tố của tội phạm hoặc vi phạm hành chính.

### 1.3. Phân biệt vi phạm hành chính và tội phạm

Chúng ta có thể phân biệt vi phạm hành chính và tội phạm dựa trên những dấu hiệu cơ bản dưới đây:

Dấu hiệu	Vi phạm hành chính	Tội phạm
Mức độ nguy hiểm	Mức độ nguy hiểm thấp với xã hội	Mức độ nguy hiểm cao với xã hội
Văn bản điều chỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Luật do Quốc hội ban hành</li> <li>■ Pháp lệnh do Ủy ban Thường vụ của Quốc hội ban hành</li> <li>■ Chính phủ quy định những hành vi vi phạm trong các lĩnh vực quản lý nhà nước (Nghị định 110)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Bộ luật Hình sự do Quốc hội ban hành</li> </ul>
Đối tượng áp dụng	Cá nhân, tổ chức	Cá nhân
Người có thẩm quyền xử lý	Cán bộ nhà nước có thẩm quyền <sup>2</sup>	Thẩm phán, cơ quan điều tra hình sự, công an
Trình tự thủ tục	Thủ tục hành chính được quy định trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính 2002	Thủ tục pháp lý được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự

### 1.4. Đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính

Theo Pháp lệnh 2002 và Nghị định số 110, cả tổ chức và cá nhân đều là đối tượng có thể bị xử lý vi phạm hành chính. Một trong những mục đích chính của xử phạt hành chính là giáo dục người vi phạm tự nguyện sửa chữa và để phòng ngừa BLGD nói chung. Xử phạt hành chính cũng đảm bảo người vi phạm phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình và thiết lập một hệ thống hồ sơ theo dõi tất cả các vi phạm, qua đó có thể tăng mức phạt vi phạm hành chính nếu người vi phạm lại tiếp tục vi phạm trong tương lai. Mục đích giáo dục của xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống BLGD là rất quan trọng vì BLGD thường có những đặc điểm như sau:

- Mối liên hệ chặt chẽ giữa người vi phạm và nạn nhân – do cùng gia đình nên họ có quan hệ hôn nhân hoặc quan hệ ruột thịt.
- Như đã đề cập trong mô-đun 3, đa phần các vụ BLGD là do nam giới gây ra. Các vụ mà người vi phạm là trẻ vị thành niên hoặc phụ nữ chiếm một tỷ lệ thấp.
- Nhận thức và quan niệm xã hội về bình đẳng giới còn rất hạn chế. Nói cách khác, khuôn mẫu giới tiếp tục tạo nên quan hệ quyền lực bất bình đẳng giữa nam và nữ.
- Trong một số trường hợp, người vi phạm/thủ phạm là người kiếm thu nhập duy nhất hoặc chủ yếu của gia đình.

<sup>2</sup>Ví dụ Chủ tịch UBND cấp xã, công an viên cấp xã



## 1.5. Hình thức xử phạt

Pháp lệnh 2002 quy định các hình thức xử phạt vi phạm hành chính khác nhau như sau:

a) Các hình thức xử phạt chính:

- Cảnh cáo;
- Phạt tiền (mức phạt tiền đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống BLGD là từ 100.000 đồng đến 30.000.000 đồng).

b) Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà người vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề;
- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

c) Ngoài các hình thức xử phạt nêu trên, người vi phạm còn có thể bị buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu.

d) Người nước ngoài vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống BLGD trên lãnh thổ Việt Nam còn có thể bị xử phạt trục xuất. Trục xuất được áp dụng là hình thức xử phạt chính hoặc xử phạt bổ sung trong từng trường hợp cụ thể.

Nghị định quy định rằng các cơ sở hỗ trợ và tư vấn cho nạn nhân nếu vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống BLGD, ví dụ lợi dụng hoạt động phòng chống BLGD để trục lợi có thể bị xử phạt với mức tối đa của khung tiền phạt là 30 triệu đồng.

Nghị định số 110/2009/NĐ-CP quy định mức phạt tương đối thấp đối với vi phạm lần đầu (đến 1,5 triệu đồng). Quy định này đã tính đến quan hệ đặc biệt giữa người vi phạm và nạn nhân. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền cần lưu ý rằng nếu đã có quá trình BLGD xảy ra trước đó thì cần cân nhắc áp dụng hình thức xử phạt cho phù hợp.

## 1.6. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là do pháp luật quy định, trao cho những cán bộ nhà nước liên quan. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định trong Chương IV của Pháp lệnh và quy định chi tiết trong Chương III của Nghị định số 110. Có 4 cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Đó là:

1. Chủ tịch UBND thực hiện quản lý nhà nước chung tại địa bàn địa phương;
2. Công an;
3. Bộ đội biên phòng;
4. Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chủ tịch UBND xã/phường, trưởng công an phường và chiến sĩ Công an nhân dân có vai trò quan trọng nhất trong việc lập hồ sơ vụ việc và quyết định mức phạt ở cơ sở. Bộ đội biên phòng và Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thể xử lý những dạng vi phạm như truyền bá thông tin, hình ảnh nhằm kích động hành vi BLGD hoặc xử lý hành vi BLGD tại khu vực biên giới.

Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Khi xảy ra hành vi vi phạm, theo quy định của Nghị định 110, Chủ tịch UBND xã/phường, trưởng công an phường và chiến sĩ Công an nhân dân có trách nhiệm xác định hành vi vi phạm cụ thể và xác định theo mức phạt thì mình có thẩm quyền xử phạt hay phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền cao hơn.

Quy định tại khoản 17 Điều 1 của Pháp lệnh 2008 và Nghị định số 128/2008 quy định cụ thể thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND xã/phường, trưởng công an phường và chiến sĩ Công an nhân dân. Ví dụ:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương do mình quản lý, có thể quyết định áp dụng xử phạt vi phạm về phòng chống BLGD cụ thể như sau

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;
3. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

Trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt cấp xã được xác định theo nguyên tắc sau đây:

- Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã/phường, trường công an phường và chiến sĩ Công an nhân dân, thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;
- Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt, thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt;

Nếu các hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì quyền xử phạt thuộc Chủ tịch UBND cấp xã ở nơi xảy ra vi phạm.

## **Mục 2: Xử phạt hành chính trong các vụ việc BLGD**

### **2.1. Tiếp nhận và xử lý vụ việc**

Phát hiện hành vi BLGD

Vụ việc BLGD được các cơ quan chức năng phát hiện thông qua một số nguồn thông tin như đã được đề cập trong mô-đun 5. Sau khi phát hiện, cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét có xử lý hành chính và việc xử lý có thuộc thẩm quyền của họ hay không.

Điều 18 Luật phòng, chống BLGD quy định người phát hiện BLGD phải kịp thời báo tin cho cơ quan công an nơi gần nhất hoặc UBND cấp xã hoặc người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi xảy ra bạo lực. Trường hợp ngoại lệ là nhân viên y tế và nhân viên tư vấn khi thực hiện nhiệm vụ của mình có trách nhiệm giữ bí mật thông tin về nạn nhân (theo khoản 3 Điều 23 và khoản 4 Điều 29 của Luật)

Điểm a khoản 1 Điều 5 của Luật phòng, chống BLGD quy định rằng nạn nhân BLGD có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình. Quy định này giúp Chủ tịch UBND cấp xã và những người liên quan khác có thẩm quyền để xác định có vi phạm hành chính xảy ra hay không.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND cấp xã có thể cân nhắc bất kỳ yêu cầu nào khác của nạn nhân (như tại khoản 1 Điều 5) trong khi quyết định có áp dụng xử phạt hành chính hay không. Như đã trình bày ở mô-đun 5, sự nhạy cảm trong cách xử lý của cơ quan có thẩm quyền với nạn nhân là quan trọng đối với tất cả các vụ việc do tính chất phức tạp của BLGD. Cách chính quyền xử lý với nạn nhân có tác động quan trọng đến việc nạn nhân có hợp tác và có đưa ra các “yêu cầu” hay không. Mặc dù ý kiến của nạn nhân là quan trọng nhưng chính quyền cần nhớ rằng họ đang xử lý vi phạm đối với pháp luật nhà nước và không thể coi là vấn đề riêng tư của gia đình.

Có thể có trường hợp vụ việc BLGD được xử lý bằng pháp luật hình sự nhưng bị đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án khi đã truy tố. Nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì phải lập hồ sơ vụ vi phạm và đề nghị xử phạt hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 63 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

Thu thập và củng cố chứng cứ

Theo quy định tại Điều 55 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, khi phát hiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền phải kịp thời lập biên bản. Trong biên bản về vi phạm hành chính phải ghi rõ các chi tiết của vi phạm, họ tên của người vi phạm, nạn nhân và người chứng kiến. Biên bản này không chỉ quan trọng trong việc xác định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính mà còn là căn cứ quan trọng nhất để xác định là vi phạm hành chính đã xảy ra và phải áp dụng hình thức xử phạt nào.

Tuy nhiên, để đảm bảo có một quyết định có căn cứ đầy đủ và chính xác, cơ quan có thẩm quyền thường phải thu thập thêm các văn bản và chứng cứ khác. Chứng cứ có thể bao gồm hồ sơ tài liệu về thương tích của nạn nhân, tổn hại về tâm lý cũng như tác động tiêu cực của những hành vi bạo lực này đối với gia đình và xã hội<sup>3</sup>.

Chứng cứ có thể là báo cáo giám định thương tích, biên bản, lời khai, vật chứng, hung khí hoặc những vật dùng để thực hiện hành vi bạo lực. Chứng cứ có thể được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau như thành viên trong gia đình, hàng xóm, cơ sở y tế.

Chứng cứ phải được thu thập nhanh chóng và bảo quản cẩn thận. Mô-đun 5 đã đề cập chi tiết đến cách bảo vệ chứng cứ tại hiện trường xảy ra hành vi bạo lực. Nếu không kịp thời thu thập chứng cứ thì rất có thể người phạm tội không phải chịu trách nhiệm về hành vi bạo lực của mình. Nếu chứng cứ bị phá hủy, bị mất hoặc hư hại thì rất có thể không chứng minh được hành vi bạo lực. Chứng cứ vật chất và chứng cứ chứng thực là rất quan trọng trong các vụ án về BLGD vì trong nhiều trường hợp nạn nhân không muốn hợp tác với chính quyền. Mô-đun 5 đã giới thiệu chi tiết về tâm lý hành vi của nạn nhân. Ngoài ra liên quan đến chứng cứ, pháp luật Việt Nam cũng quy định rằng cơ quan chức năng không thể chỉ dựa vào lời khai của nạn nhân để xác định rằng hành vi BLGD đã xảy ra, do vậy cần phải đảm bảo thu thập được đầy đủ các chứng cứ khác nữa.

Chứng cứ liên quan đến hành vi BLGD phải được phân loại và đánh giá một cách khoa học. Sau khi có đánh giá ban đầu về chứng cứ có thể phải lên kế hoạch thu thập thêm chứng cứ khác.

BLGD là một vấn đề nhạy cảm. Vì nhiều lý do khác nhau mà nạn nhân, người thân hoặc hàng xóm không muốn tố cáo hành vi BLGD. Họ có thể cảm thấy xấu hổ hoặc có thể sợ thù phạm. Do vậy trong khi nói chuyện với nạn nhân, cán bộ chính quyền cần hiểu rõ nguyên nhân của BLGD và cần phải kiên nhẫn, nhạy cảm. Ngoài ra, các chứng cứ vật chất như hồ sơ tài liệu chứng minh thương tích của nạn nhân là rất quan trọng. Khi phát hiện hành vi BLGD, cơ quan có thẩm quyền cần nhanh chóng xác định và thu lại các chứng cứ vật chất.

Khi thu thập chứng cứ, cơ quan có thẩm quyền cần lưu ý đến sự an toàn của nạn nhân và tìm ra căn cứ pháp lý để buộc người có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Trong nhiều trường hợp, BLGD đã xảy ra một thời gian dài rồi mới bị phát hiện. Tình trạng bạo lực thường gia tăng cùng với thời gian. Mặc dù không thể đoán chắc lúc nào thì bạo lực có thể gia tăng tới mức gây chết người nhưng cơ quan có thẩm quyền vẫn phải đánh giá về nguy cơ đó như mô tả ở mục 7.2 của mô-đun 5. Để tiến hành đánh giá đó đòi hỏi phải thu thập được đầy đủ mọi chứng cứ. Do vậy các cơ quan có thẩm quyền cần thu thập chứng cứ và lập biên bản mọi vụ việc mà họ biết để phản ánh chân thực quá trình BLGD xảy ra để có thể áp dụng các biện pháp phù hợp để phòng ngừa bạo lực trong tương lai một cách hiệu quả.

Khi cơ quan có thẩm quyền nhận được hồ sơ vụ vi phạm như quy định trong Điều 63 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, họ sẽ xem xét chứng cứ và tài liệu để xác định có dấu hiệu vi phạm hành chính hay không. Cơ quan có thẩm quyền có thể cần nhắc xem có cần thu thập thêm chứng cứ trước khi xử phạt vi phạm hành chính.

Xác định người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Sau khi phát hiện, lập biên bản hành vi vi phạm và thu thập các chứng cứ ban đầu để xác định có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống BLGD, cán bộ tiếp nhận và thụ lý hồ sơ cần xác định hình thức xử phạt nào cần áp dụng đối với tình huống đó để biết mình có đủ thẩm quyền xử phạt hay không.

Nếu thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền phải chuyển ngay hồ sơ cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để điều tra và truy tố theo quy định của Điều 62, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

<sup>3</sup> Tác động tiêu cực đối với xã hội là truyền bá quan niệm xã hội tiêu cực

## 2.2. Biện pháp đình chỉ và ngăn chặn vi phạm hành chính trong tương lai

Sau khi xác định rằng vụ việc BLGD là hành vi vi phạm hành chính, cơ quan có thẩm quyền cần áp dụng biện pháp để đình chỉ và ngăn chặn bạo lực tái diễn. Các biện pháp này được quy định trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Luật phòng, chống BLGD. Các biện pháp này là nhằm kịp thời bảo vệ nạn nhân, chấm dứt bạo lực và/hoặc giảm thiệt hại do bạo lực gây ra.

Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính quy định một số biện pháp ngăn chặn hành chính như sau:

- Tạm giữ người vi phạm theo thủ tục hành chính
- Khám người theo thủ tục hành chính;
- Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính;
- Khám nơi cất giấu tang vật theo thủ tục hành chính.

Luật phòng, chống BLGD quy định những biện pháp sau đây để đình chỉ và ngăn chặn vi phạm hành chính tái diễn:

- Biện pháp cấm tiếp xúc, tức là cấm người có hành vi BLGD đến gần nạn nhân; sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác để có hành vi bạo lực với nạn nhân.
- Đưa nạn nhân đi cấp cứu.

Luật phòng, chống BLGD cũng quy định những thủ tục cần thực hiện khi áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc. Để thực hiện biện pháp cấm tiếp xúc thì nạn nhân BLGD phải có yêu cầu và biện pháp này được áp dụng trong trường hợp hành vi BLGD gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của nạn nhân<sup>4</sup>. Nạn nhân có thể yêu cầu áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc theo 2 cách:

1. Chủ tịch UBND cấp xã nơi xảy ra bạo lực gia đình có thể quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc trong thời hạn không quá 3 ngày;
2. Toà án đang thụ lý hoặc giải quyết vụ án dân sự có thể quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc trong thời hạn không quá 4 tháng.

Điều 9 của Nghị định 08 quy định rằng công an là một trong những cơ quan có thẩm quyền để gửi đơn yêu cầu UBND ra quyết định cấm tiếp xúc. Công an có thể có đơn yêu cầu khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Có giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về việc khám và điều trị thương tích do hành vi BLGD gây ra;
- Có dấu vết thương tích trên cơ thể nạn nhân có thể nhận thấy rõ bằng mắt thường hoặc có dấu hiệu rõ ràng về hoảng loạn tinh thần của nạn nhân BLGD;
- Có chứng cứ chứng minh có sự đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc tính mạng của nạn nhân BLGD.

Các biện pháp trên không nằm trong quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các quy trình thủ tục của hệ thống tư pháp hình sự được mô tả trong mô-đun 7.

Giám sát thực hiện quyết định cấm tiếp xúc của toà án

Chủ tịch UBND xã/phường, trưởng công an phường và cán bộ Công an có một vai trò quan trọng trong việc giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc (khoản 2 Điều 21 của Luật phòng, chống BLGD). Ngoài ra, những cán bộ này có thể áp dụng biện pháp xử lý nếu thủ phạm vi phạm biện pháp cấm tiếp xúc. Vi phạm quyết định cấm tiếp xúc của UBND là vi phạm hành chính và có thể bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo quy định của Nghị định 08.

Tạm giữ người gây BLGD

Chủ tịch UBND xã/thị trấn và trưởng công an phường có quyền quyết định tạm giữ người có hành vi BLGD theo thủ tục hành chính. Nghị định 19<sup>4</sup> sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tạm giữ người theo thủ tục hành chính. Tạm giữ người theo thủ tục hành chính được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

<sup>4</sup> Nghị định số 19/2009/NĐ-CP ngày 19/02/2009

- Cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng hoặc gây thương tích cho người khác.
- Cần phải thu thập, xác minh những tình tiết quan trọng để làm căn cứ cho việc quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính.
- Người có hành vi BLGD vi phạm quyết định cấm tiếp xúc của Chủ tịch UBND cấp xã.

Quyết định tạm giữ và điều kiện để chấm dứt tạm giữ phải tính đến sự an toàn của nạn nhân và những người khác liên quan trong gia đình, xã hội và các quan hệ khác và phát huy tác dụng ngăn chặn những hành vi bạo lực tiếp theo.

Khi có căn cứ để cho rằng tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu huỷ thì chiến sỹ Cảnh sát nhân dân, Bộ đội biên phòng, nhân viên Hải quan đang thi hành công vụ được quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cũng như khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật (khoản 2 Điều 46, khoản 2 Điều 47 và khoản 2 Điều 48 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính).

Khác với trường công an phường, trường công an xã không được quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo vệ. Khi trường công an xã phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống BLGD thì phải lập tức báo cho Chủ tịch UBND xã/thị trấn trừ khi có căn cứ để cho rằng tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu huỷ.

### 2.3. Thủ tục xử phạt

Luật phòng, chống BLGD không quy định chi tiết về thủ tục phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống BLGD. Do vậy cần áp dụng các thủ tục được quy định trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

Người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt trong thời hạn được quy định tại Điều 56 của Pháp lệnh. Nếu để quá thời hạn mà không ra quyết định xử phạt thì người có thẩm quyền xử phạt được xác định là có lỗi.

Đối với trường hợp đã ra quyết định xử phạt, nếu sau đó phát hiện hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì người đã ra quyết định xử phạt phải huỷ quyết định đó và chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

Nếu nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt. Việc xử lý vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng. Tuy nhiên trong phòng chống BLGD, người có thẩm quyền trong một số trường hợp phải xác định ai là người tấn công chính. Nếu cả hai người đều bị xử lý hành chính thì có thể tổn thương cho nạn nhân, làm nạn nhân giảm mong muốn tìm kiếm giúp đỡ trong tương lai và làm tăng nguy cơ xảy ra thương tích nghiêm trọng, thậm chí gây chết người. Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm.

Người có thẩm quyền có thể ra quyết định xử phạt theo thủ tục đơn giản đối với những vi phạm không nghiêm trọng. Thủ tục xử phạt đơn giản được áp dụng với những trường hợp không có tình tiết phức tạp đòi hỏi tiếp tục làm rõ hoặc hình thức xử phạt là cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 200.000 đồng. Tuy nhiên theo quy định của Nghị định 110/2009/NĐ-CP thì các vi phạm trong lĩnh vực phòng chống BLGD không áp dụng thủ tục xử phạt đơn giản.  
(Điều 54 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 19 của Nghị định. 128/2008/NĐ-CP)

### 2.4. Phạt tiền

Cùng với cảnh cáo thì phạt tiền là hình thức xử phạt hành chính phổ biến cho những vi phạm hành chính lần đầu.

Văn bản pháp lý cần tham khảo: Chương VI Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính; Chương IV Nghị định 128/2008/NĐ-CP ngày 16/12/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh trên; Chương III Nghị định 110/2009/NĐ-CP ngày 10/12/2009 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống BLGD.

Thủ tục phạt

Nếu vi phạm thuộc mức phạt tiền đến 200.000 đồng thì người có thẩm quyền có thể áp dụng thủ tục đơn giản.

Nếu vi phạm thuộc mức phạt tiền trên 200.000 đồng thì người có thẩm quyền có thể phạt theo thủ tục có lập biên bản. Theo quy định của Điều 55 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản. Biên bản lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm một bản. Nếu vụ vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì người đó phải gửi biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt

Người vi phạm phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Nếu người vi phạm không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành

Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt

Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính quy định các biện pháp cưỡng chế (Điều 66) và thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế (Điều 67). Thủ tục thi hành các biện pháp cưỡng chế được quy định trong Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005.

Những người không chấp hành quyết định phạt sẽ bị áp dụng một số hình thức cưỡng chế, bao gồm cả tạm giữ người.

### **Mục 3: Các biện pháp khác liên quan tới vi phạm hành chính**

Trong lĩnh vực phòng chống BLGD, có một số biện pháp xử lý hành chính khác có thể áp dụng khi mức độ bạo lực chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Đó là các biện pháp:

- (i) Giáo dục tại xã, phường, thị trấn;
- (ii) Đưa vào cơ sở giáo dục;

Các biện pháp này được quy định tại Điều 23, 24 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 43 của Luật phòng chống BLGD.

#### **3.1 Xác định các biện pháp xử lý hành chính khác đối với những người thường xuyên có hành vi BLGD**

Người thường xuyên có hành vi BLGD đã được góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư mà trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày áp dụng biện pháp này vẫn có hành vi BLGD nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Người có hành vi BLGD đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà tiếp tục thực hiện hành vi BLGD nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục; đối với người dưới 18 tuổi thì có thể bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Thẩm quyền, thời hạn và thủ tục thực hiện các biện pháp như giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục hoặc đưa vào trường giáo dưỡng thực hiện theo quy định về xử lý vi phạm hành chính.

### 3.2 Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác

	<b>Giáo dục tại xã, phường, thị trấn</b>	<b>Đưa vào trường giáo dưỡng<sup>5</sup></b>	<b>Đưa vào cơ sở giáo dục</b>
<b>Cơ sở pháp lý</b>	Điều 21 của Nghị định quy định biện pháp và các Điều từ 70 đến 74 quy định thời hạn và thủ tục.	Điều 22 của Nghị định quy định thẩm quyền và các Điều từ 75 đến 83 quy định thời hạn và thủ tục.	Điều 23 của Nghị định quy định thẩm quyền và các Điều từ 84 đến 92 quy định thời hạn và thủ tục.
<b>Thẩm quyền</b>	Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền quyết định và giám sát người vi phạm tại nơi cư trú.	Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
<b>Đối tượng áp dụng liên quan tới vụ việc BLGD</b>	1. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự; 2. Người từ đủ 12 tuổi trở lên nhiều lần có hành vi vi phạm về BLGD, trong đó có gây rối trật tự công cộng 3. Người trên 55 tuổi đối với nữ và trên 60 tuổi đối với nam thực hiện hành vi BLGD xâm phạm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, vi phạm trật tự, an toàn xã hội có tính chất thường xuyên nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự (khoản 2, Điều 25 của Pháp lệnh)	1. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng quy định tại Bộ luật Hình sự; 2. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng quy định tại Bộ Luật Hình sự mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định; 3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi nhiều lần thực hiện hành vi vi phạm trong đó có gây rối trật tự công cộng mà trước đó bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định.	Người thực hiện hành vi xâm phạm tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài, vi phạm trật tự, an toàn xã hội (bao gồm cả BLGD) có tính chất thường xuyên nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định.
<b>Thời hạn áp dụng</b>	Từ ba tháng đến sáu tháng	Từ sáu tháng đến hai năm	Từ sáu tháng đến hai năm

#### Trình tự và thủ tục

##### a) Giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Chủ tịch UBND cấp xã tự mình theo đề nghị của một trong các cơ quan, tổ chức sau đây quyết định việc giáo dục tại xã, phường, thị trấn:

- Trường Công an cấp xã;
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã;
- Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị dân cư ở cơ sở.

Chủ tịch UBND cấp xã cũng có thể quyết định việc giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên cơ sở hồ sơ, biên bản về hành vi vi phạm pháp luật của đối tượng do cơ quan Công an cấp huyện, cấp tỉnh cung cấp

Trước khi quyết định việc giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức cuộc họp gồm Trưởng Công an cấp xã, đại diện Ban Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội cùng cấp có liên quan, đại diện dân cư ở cơ sở, gia đình của người được đề nghị giáo dục để xem xét việc áp dụng biện pháp này.

<sup>5</sup> Trường giáo dưỡng là những trường trong đó người chưa thành niên được học văn hoá, học nghề, lao động và sống dưới sự giám sát của nhà trường.

Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp nói trên, Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, quyết định việc giáo dục tại xã, phường, thị trấn Tuỳ theo từng đối tượng mà Chủ tịch UBND cấp xã quyết định giao người được giáo dục cho cơ quan, tổ chức, gia đình quản lý, giáo dục.

Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực kể từ ngày ký và phải được gửi ngay cho người được giáo dục, gia đình đó, Hội đồng nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày quyết định có hiệu lực, cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục phải tổ chức cuộc họp để thi hành quyết định đó đối với người được giáo dục. Tuỳ từng đối tượng được giáo dục mà cuộc họp có sự tham gia của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, cơ quan Công an, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn thanh niên ở cơ sở, nhà trường và gia đình người được giáo dục.

Sau cuộc họp, cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục có trách nhiệm giúp đỡ, động viên người được giáo dục trong cuộc sống, giúp đỡ họ tìm kiếm việc làm hoặc đề xuất với UBND cấp xã tạo điều kiện, tìm kiếm việc làm cho người được giáo dục.

Mỗi tháng một lần, cơ quan, tổ chức, gia đình được giao nhiệm vụ quản lý, giáo dục có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã về việc thi hành quyết định; nếu người được giáo dục có tiến bộ rõ rệt thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm quản lý và ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức có liên quan, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Khi người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã chấp hành xong quyết định thì Chủ tịch UBND cấp xã cấp giấy chứng nhận cho người đó.

#### b) Đưa vào trường giáo dưỡng

Chủ tịch UBND cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ gửi Chủ tịch UBND cấp huyện. Cơ quan Công an có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cùng cấp trong việc thu thập tài liệu và lập hồ sơ.

Trong trường hợp đối tượng do cơ quan Công an cấp tỉnh, cấp huyện trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức độ truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng thì cơ quan Công an đang thụ lý phải xác minh, thu thập tài liệu, hồ sơ gửi Chủ tịch UBND cấp huyện.

Một Hội đồng tư vấn về việc đưa vào trường giáo dưỡng sẽ được Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập. Hội đồng gồm Trưởng Công an, Trưởng phòng Tư pháp, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em cấp huyện; Trưởng Công an là thường trực Hội đồng tư vấn. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng tư vấn có trách nhiệm xem xét hồ sơ và tổ chức cuộc họp để xét duyệt hồ sơ. Hội đồng tư vấn làm việc theo chế độ tập thể, kết luận theo đa số. Các ý kiến khác nhau phải ghi vào biên bản cuộc họp kèm theo báo cáo trình Chủ tịch UBND cấp huyện.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định việc đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Hội đồng tư vấn. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và phải được gửi ngay cho người được đưa vào trường giáo dưỡng, cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó, cơ quan Công an cấp huyện, Hội đồng nhân dân cấp huyện và UBND cấp xã nơi người đó cư trú

Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan Công an cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với gia đình hoặc người giám hộ đưa người phải chấp hành quyết định vào trường giáo dưỡng. Thời hạn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng được tính từ ngày người phải chấp hành quyết định được đưa đi trường giáo dưỡng.

Khi người được đưa vào trường giáo dưỡng đã chấp hành xong quyết định thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng cấp giấy chứng nhận cho người đó và gửi bản sao giấy chứng nhận cho Cục trưởng Cục quản lý trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, Chủ tịch UBND cấp huyện nơi đã ra quyết định, UBND cấp xã nơi người đó cư trú và cho gia đình người đó.



### c) Đưa vào cơ sở giáo dục

Đối với người có hành vi BLGD cần đưa vào cơ sở giáo dục thì Chủ tịch UBND cấp xã nơi người đó cư trú xem xét, lập hồ sơ gửi Chủ tịch UBND cấp huyện. Cơ quan Công an có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cùng cấp trong việc thu thập tài liệu và lập hồ sơ.

Trong trường hợp đối tượng do cơ quan Công an cấp huyện, cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục, thì cơ quan Công an đang thụ lý phải xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ gửi Chủ tịch UBND cùng cấp.

Một Hội đồng tư vấn sẽ được Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập. Hội đồng gồm Giám đốc Công an, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh; Giám đốc Công an là thường trực Hội đồng tư vấn. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng tư vấn có trách nhiệm xem xét hồ sơ và tổ chức cuộc họp để xét duyệt hồ sơ. Hội đồng tư vấn làm việc theo chế độ tập thể, kết luận theo đa số. Các ý kiến khác nhau phải ghi vào biên bản cuộc họp kèm theo báo cáo trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định việc đưa vào cơ sở giáo dục trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Hội đồng tư vấn. Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và phải được gửi ngay cho người bị đưa vào cơ sở giáo dục, cơ quan Công an cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và UBND cấp xã nơi người đó cư trú.

Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan Công an cấp tỉnh có trách nhiệm đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở giáo dục. Thời hạn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục được tính từ ngày người bị áp dụng biện pháp này được đưa đi cơ sở giáo dục

Khi người bị đưa vào cơ sở giáo dục đã chấp hành xong quyết định thì Giám đốc cơ sở giáo dục cấp giấy chứng nhận cho người đó và gửi bản sao giấy chứng nhận đến Cục trưởng Cục quản lý trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, Chủ tịch UBND cấp tỉnh nơi đã ra quyết định và UBND cấp xã nơi người đó cư trú.

### **Những cân nhắc khi xử lý vụ việc BLGD**

Công an và cán bộ UBND - những người có thẩm quyền theo quy định của luật trong việc xác định có xử lý vi phạm hành chính hay không - phải thực hiện đúng quy trình thủ tục của pháp luật mà mô-đun này đã trình bày. Họ có trách nhiệm điều tra triệt để mọi nghi vấn về BLGD và đảm bảo thu thập đầy đủ các chứng cứ trước khi quyết định có áp dụng pháp luật hành chính hay không, và nếu có thì hình thức xử lý nào là phù hợp.

Quan hệ tình cảm thân thiết giữa người vi phạm và nạn nhân càng làm tăng thêm tính phức tạp của vụ việc so với những vi phạm hành chính khác khiến cơ quan có thẩm quyền phải cân nhắc kỹ. Cơ quan có thẩm quyền phải phân tích một cách có nguyên tắc và ra quyết định cho phù hợp với quy định pháp lý. Đặc biệt cơ quan có thẩm quyền cần phải tránh đi theo con đường dễ dàng và có ít sự phản đối.

Do tính phức tạp của BLGD, người có thẩm quyền cần lưu ý những điểm sau khi cân nhắc hành động của mình:

- Cần tìm hiểu có quá trình BLGD từ trước hay không. Như đã nêu trong mô-đun 1, BLGD thường là tập hợp những hành vi mang tính chu kỳ và độ nghiêm trọng tăng dần. Do vậy nhất thiết phải hỏi nạn nhân về quá trình bạo lực từ trước tới nay, kiểm tra hồ sơ trong quá khứ của người gây bạo lực và ghi lại đầy đủ các vụ việc BLGD được trình báo.
- BLGD thường có cả yếu tố thể chất và tâm lý, vì vậy không nên chỉ tập trung vào thương tích thể chất của nạn nhân. Nên hỏi nhiều câu hỏi hơn nữa.
- BLGD cần được chính quyền coi là vấn đề nghiêm trọng và xử lý nghiêm khắc. Nếu không xử lý gốc rễ của vấn đề thì bạo lực vẫn cứ tiếp diễn. Nghiên cứu cho thấy nếu không được can thiệp, BLGD sẽ gia tăng cả về tần suất và mức độ nghiêm trọng.

- Cần phải đối xử với những phụ nữ là nạn nhân một cách tế nhị. Nếu được tôn trọng và được lắng nghe một cách tin tưởng thì sẽ có thêm nhiều phụ nữ dám trình báo với chính quyền.
- Phải buộc người gây bạo lực chịu trách nhiệm thông qua các biện pháp bị xử lý phù hợp và nhất quán. Biện pháp xử phạt phải tương xứng với độ nghiêm trọng của vi phạm, qua đó cho thấy việc người chống bạo lực với vợ là một vấn đề xã hội nghiêm trọng bị chính quyền lên án và xử lý bằng những biện pháp rõ ràng. Hành vi BLDĐ diễn ra nhiều lần phải bị xử phạt nặng hơn. Người gây bạo lực cũng phải chịu trách nhiệm khi vi phạm các quyết định xử phạt hoặc quyết định cấm tiếp xúc và không được phép biện hộ cho hành vi bạo lực của mình. Trách nhiệm của người gây bạo lực cũng phải thể hiện thông qua việc giáo dục để người này sửa đổi hành vi vi phạm.
- Dù áp dụng biện pháp xử lý hành chính nào thì nạn nhân cũng phải được hỗ trợ trong quá trình đó. An toàn của nạn nhân phải là ưu tiên số 1.

**MÔ-ĐUN 6**  
**HỆ THỐNG TƯ PHÁP HÌNH SỰ VÀ CÁC VỤ ÁN BLGĐ**



**UNODC**

**United Nations Office on Drugs and Crime**



## Mô-đun 6

### Hệ thống tư pháp hình sự trong việc giải quyết các vụ án BLGD

#### Mục đích:

Kết thúc phần này, học viên có thể:

- Hiểu được sự cần thiết phải tôn trọng quyền và lợi ích của mỗi phụ nữ trong quá trình tư pháp hình sự.
- Xác định được những rào cản trong hệ thống tư pháp hình sự làm ảnh hưởng đến khả năng của người phụ nữ khi tiếp cận hoặc giành được công bằng cho mình trong các vụ BLGD.
- Hiểu được vai trò của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong việc bảo vệ nạn nhân và người làm chứng trước và trong quá trình xét xử.
- Xây dựng các chiến lược và giải pháp để vượt qua những rào cản trong hệ thống tư pháp hình sự, tích cực tháo gỡ những rào cản đó và phối hợp với những cán bộ khác khi có thể.

*Lưu ý: Mục đích của mô-đun này KHÔNG phải là nhằm giải thích chi tiết những phức tạp, rắc rối trong hệ thống tư pháp hình sự của Việt Nam. Trái lại, mục đích của mô-đun là nêu bật một số vấn đề và vướng mắc mà cán bộ tư pháp hình sự có thể gặp phải khi giải quyết các vụ BLGD và gợi ý một số ý tưởng, kỹ năng để xử lý những vướng mắc đó.*

#### Mục 1: Khái quát về hệ thống tư pháp hình sự trong giải quyết các vụ án BLGD

##### 1.1 Quy trình tư pháp hình sự

Hệ thống tư pháp hình sự có một vai trò quan trọng trong việc giải quyết vấn đề BLGD, đảm bảo rằng BLGD cũng được xử lý nghiêm khắc như với các loại tội phạm bạo lực khác. Hệ thống tư pháp hình sự có thể giúp bảo vệ nạn nhân và gia đình họ, ngăn chặn những hành động bạo lực tiếp theo bằng việc bắt thủ phạm phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình cũng như gửi một thông điệp đến toàn xã hội rằng BLGD là không thể dung thứ và vụ bạo lực xảy ra không hoàn toàn do lỗi của nạn nhân. Nạn nhân phải tiếp cận được với cơ quan toà án, được hướng dẫn, trợ giúp và nhất là được bảo vệ khi tham gia vào quá trình tố tụng hình sự.

Từ trước tới nay, hệ thống tư pháp hình sự chủ yếu tập trung giải quyết những vụ BLGD rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng như giết người hoặc gây thương tích lớn phải điều trị tại bệnh viện hoặc bạo lực xảy ra thường xuyên trong quá khứ, đã xử lý hành chính nhưng vẫn tái diễn. Ngay cả khi xảy ra vụ việc gây cho nạn nhân hậu quả nghiêm trọng thì tỷ lệ bỏ lọt tội phạm cũng khá cao. “Bỏ lọt tội phạm” ở đây nói tới việc các vụ bạo lực được xử lý bị bỏ qua dẫn khi đi qua các khâu trong hệ thống tư pháp hình sự, từ trình báo với công an, đến điều tra vụ việc, buộc tội nghi phạm, truy tố, kết án và tuyên án.<sup>1</sup> Nghiên cứu của UNODC đối với 900 phụ nữ là nạn nhân của BLGD ở Việt Nam cho thấy hầu hết các vụ việc trình báo với công an đều không dẫn đến kết quả là thủ phạm bị kết án. Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ thủ phạm bị buộc tội sau khi bị tố giác tới công an là rất thấp, chỉ 12%.<sup>2</sup> Điều này có nghĩa là 81% các vụ việc mà nạn nhân trình báo công an nhưng thủ phạm không bị buộc tội. Trong số 46 vụ việc được đưa ra xét xử thì chỉ có 8 vụ thủ phạm bị kết án. Qua kết quả này, chúng ta có thể thấy rằng hệ thống tư pháp vẫn chưa xử lý BLGD một cách nghiêm khắc. Theo nghiên cứu nói trên thì trong 100 vụ BLGD chỉ có 1 vụ thủ phạm bị kết án.

Các vụ án hình sự về BLGD là một thách thức đối với các cán bộ tư pháp hình sự bởi nhiều lý do. Mối quan hệ tình cảm và sự thân thiết giữa thủ phạm và nạn nhân tạo nên những phức tạp cho công tác điều tra và truy tố - việc này thường không có trong các trường hợp bạo lực do người lạ gây ra. Nhiều nạn nhân thông báo cho công an chỉ với mong muốn ngăn chặn bạo lực chứ không muốn thủ phạm bị truy cứu trách nhiệm hành chính hoặc hình sự. Một số nạn nhân có thể không hợp tác khi cán bộ điều tra đến hiện trường hoặc khi vụ án được đưa ra xét xử.

<sup>1</sup> Johnson, Holly, Ollus, Natalia, Nevala, Sami, “Bạo lực đối với Phụ nữ: Một Quan điểm Quốc tế” (Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển (RCGAD) ở Hà Nội và Viện Châu Âu về phòng chống tội phạm (HEUNI), 2008).

<sup>2</sup> “Nghiên cứu về chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự dành cho nạn nhân BLGD ở Việt Nam” do UNODC thực hiện với sự hợp tác của Trung tâm Phụ nữ và Phát triển, Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển (RCGAD) ở Hà Nội và Viện Châu Âu về phòng chống tội phạm (HEUNI) ở Helsinki.

Hiểu biết về tính chất chu kỳ của BLGD và sự gia tăng mức độ nghiêm trọng có thể giúp các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử nhận thức được đầy đủ vai trò quan trọng của họ trong phòng ngừa bạo lực tái diễn. Mô tả vai trò của hệ thống tư pháp hình sự trong các vụ án BLGD, một công tố viên của Mỹ nhận xét: “Chúng ta phải nhận thức được rằng thành công thực sự không phải là truy tố được kẻ giết người mà là phòng ngừa được vụ giết người. Không phải là để giam giữ thủ phạm mấy chục năm mà là chấm dứt bạo lực để không phải lo có đủ chỗ trong tù cho những thủ phạm gây ra BLGD”.<sup>3</sup> Ngay cả những vụ việc gây thương tích ở mức độ nhẹ cũng phải bị xử lý nghiêm túc.

Có hai nguyên tắc chính cho hoạt động của hệ thống tư pháp hình sự là:

1. Đảm bảo an toàn cho nạn nhân;
2. Đồng thời truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với thủ phạm về hành vi của mình.

Trách nhiệm pháp lý của thủ phạm là hình phạt phù hợp và thống nhất dành cho hành vi bạo lực, bao gồm cả việc truy cứu trách nhiệm của thủ phạm về bất kỳ hành vi vi phạm các quy định về bảo lãnh hoặc lệnh cấm tiếp xúc; và không chấp nhận biện minh cho hành vi bạo lực.

## 1.2 Vai trò của các cơ quan tư pháp hình sự trong phòng chống BLGD

### Cơ quan điều tra

Cơ quan điều tra nằm ở tuyến đầu của hệ thống tư pháp hình sự. Nhiệm vụ của họ là phòng ngừa và xử lý tội phạm, duy trì trật tự xã hội và thực thi pháp luật. Các cơ quan điều tra theo Bộ luật tố tụng hình sự gồm có (Cơ quan Cảnh sát điều tra thuộc Bộ Công an, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra hình sự thuộc Bộ Quốc phòng, Cơ quan An ninh điều tra thuộc Bộ Quốc phòng, Cơ quan điều tra thuộc Viện kiểm tra nhân dân tối cao và Viện kiểm sát quân sự trung ương). Cơ quan Cảnh sát điều tra được chia làm 3 cấp: cấp Trung ương (cấp Bộ), cấp tỉnh và cấp huyện. Thông thường, các vụ án BLGD được cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện tiếp nhận điều tra. Cơ quan điều tra hình sự có nhiệm vụ điều tra triệt để mọi vụ việc bạo lực; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả các bên liên quan trong quá trình điều tra.

Điều tra viên, thông qua giải quyết các vụ việc BLGD, có một vai trò quan trọng trong việc cải thiện cuộc sống cho những người phụ nữ. Vai trò đó thể hiện một phần ở cách thức họ xử lý vụ việc và áp dụng các biện pháp bảo vệ người phụ nữ ngay sau vụ việc, trước và trong phiên tòa cũng như tương lai sau này. Điều tra viên có thể giúp nạn nhân dễ dàng tiếp cận các dịch vụ như nhà tạm lánh, tư vấn và trợ giúp pháp lý, thể hiện sự tôn trọng và tế nhị với nạn nhân nữ, hỗ trợ nạn nhân trong việc tái hiện (nhớ lại) và trình bày các tình tiết của vụ án, áp dụng các biện pháp hiệu quả để bảo vệ nạn nhân.

### Thực tiễn tốt – các đội điều tra liên ngành

Một số nước đã thành lập các đội liên ngành: cán bộ điều tra cộng tác với cán bộ tư vấn, cán bộ xã hội, nhà tâm lý, đại diện hợp pháp của nạn nhân hoặc những ai có thể thực hiện hỗ trợ đặc biệt cho nạn nhân cũng như cán bộ điều tra.

Một số nước cũng đã xây dựng trong lực lượng cảnh sát những đơn vị đặc biệt gồm cảnh sát được đào tạo chuyên sâu để xử lý các vụ BLGD và bạo lực tình dục.

### Viện kiểm sát

Kiểm sát viên đóng một vai trò quan trọng trong việc thực thi pháp luật. Họ là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự của cơ quan điều tra và tòa án nhân dân. Khi tôn trọng và tuân thủ quy định của pháp luật, họ góp phần xây dựng một hệ thống tư pháp hình sự vô tư và công bằng để bảo vệ công dân.

Viện trưởng và Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định phân công Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng đối với vụ án hình sự. Viện trưởng và Phó viện trưởng có nhiệm vụ giám sát toàn bộ vụ án, bao gồm xem xét lại các quyết định của kiểm sát viên thụ lý vụ án nhằm đảm bảo các quyết định đó tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Kiểm sát viên thụ lý vụ án có quyền kiểm sát việc

khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra. Để thực hiện được công việc này, kiểm sát viên có thể triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; kiểm tra việc bắt, tạm giữ và tạm giam. Tại phiên xét xử, kiểm sát viên đọc cáo trạng, quyết định của Viện kiểm sát liên quan đến việc giải quyết vụ án; hỏi, đưa ra chứng cứ và thực hiện việc luận tội; phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, tranh luận với những người tham gia tố tụng tại phiên tòa; kiểm sát các bản án, quyết định của Tòa án. Các kiểm sát viên trực tiếp thụ lý có thể xin ý kiến chỉ đạo và chịu sự hướng dẫn của Viện trưởng và Phó viện trưởng Viện kiểm sát.

Kiểm sát viên, cũng như các cán bộ khác trong hệ thống tư pháp hình sự, có thể chịu ảnh hưởng của văn hoá truyền thống ở địa phương. Do vậy, họ có thể quan niệm BLGD là một vấn đề riêng tư của gia đình và chỉ nên đưa ra hệ thống tư pháp hình sự để giải quyết khi có thương tích rất nghiêm trọng. Một số nước đã áp dụng chính sách tố tụng như chính sách “không đình chỉ vụ án” để thay đổi quan điểm phổ biến lâu nay của kiểm sát viên rằng một số dạng BLGD đối với phụ nữ không phải là tội phạm. Những chính sách như vậy có tác dụng nâng cao nhận thức của người gây bạo lực và cộng đồng xã hội rằng BLGD là không thể chấp nhận được, tuy nhiên cũng có lo ngại rằng chính sách đó sẽ không quan tâm tới nguyện vọng hoặc yêu cầu của nạn nhân.

Kiểm sát viên thụ lý các vụ án BLGD có nhiệm vụ khó khăn là phải dung hòa giữa sự an toàn của nạn nhân với mục tiêu kết án được thủ phạm. Trong một số trường hợp, việc tham gia vào quá trình tố tụng có thể làm tăng nguy cơ nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe và tinh thần của người phụ nữ. Nạn nhân có thể bị chống ngược đãi nhiều hơn khi ra làm chứng tại phiên tòa xét xử người chồng. Các nạn nhân của nạn bạo lực tình dục có thể bị chấn thương tâm lý nặng hơn khi phải trả lời tại phiên tòa. Do đó, các kiểm sát viên phải đối mặt với những quyết định khó khăn khi giải quyết các vấn đề phức tạp nêu trên của BLGD.

#### **Thực tiễn tốt – những cơ quan kiểm sát chuyên biệt**

Cuộc họp nhóm chuyên gia của Liên hợp quốc về các thực tiễn tốt trong luật pháp liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ tháng 5/2008 đã nêu một thực tiễn tốt là thành lập các cơ quan kiểm sát chuyên biệt. Kiểm sát viên trong các cơ quan này được đào tạo chuyên sâu về BLGD và có kỹ năng cần thiết để truy tố các vụ án BLGD. Trong các cơ quan này có thể có cán bộ các chuyên ngành khác như cán bộ hỗ trợ nạn nhân và nhân viên y tế. Ngoài việc tiến hành truy tố theo pháp luật hình sự thì đôi khi các cơ quan này cũng hỗ trợ nạn nhân yêu cầu các lệnh bảo vệ. Một thực tiễn tốt khác là cho phép nạn nhân quyền lựa chọn làm việc với nữ kiểm sát viên.

#### **Thẩm phán**

Thẩm phán được phân công giải quyết, xét xử vụ án đóng một vai trò rất quan trọng trong việc xử lý BLGD. Thẩm phán ra những phán quyết tác động tới cuộc sống của nạn nhân, thủ phạm, trẻ em và có thể cả các thành viên khác trong gia đình. Khi xét xử các vụ án hình sự, thẩm phán có thể bảo vệ và đảm bảo sự tôn trọng với nạn nhân, đảm bảo trình tự tố tụng và quyết định một bản án thích đáng đối với người phạm tội. Thông qua các phán quyết, các thẩm phán gửi một thông điệp rõ ràng tới cộng đồng rằng BLGD đối với phụ nữ là không thể dung thứ.

Chánh án Tòa án nhân dân quyết định phân công một thẩm phán giải quyết, xét xử vụ án. Khi thực hiện công việc này, Chánh án tòa án nhân dân cần đảm bảo rằng các thẩm phán chủ tọa phiên tòa xét xử các vụ án BLGD có đầy đủ kiến thức và được tập huấn bài bản về cách xét xử các vụ án BLGD. Các thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm phán có thể ra một trong các quyết định: quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung, quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án.

Khi ra các quyết định trên, việc nhận thức rõ tính chất phức tạp và nguyên nhân bên trong của BLGD, hậu quả tác động của BLGD đối với nạn nhân và phản ứng của nạn nhân đối với quy trình tố tụng hình sự là rất quan trọng. Ví dụ, khi thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án, nhất là do người bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, thì việc hiểu rõ lý do vì sao nạn nhân muốn rút lại yêu cầu khởi tố vụ án sẽ giúp cho thẩm phán có những trợ giúp cần thiết để nạn nhân theo đuổi vụ án hoặc có thể giúp động viên nạn nhân tiếp tục tham gia vào quá trình tố tụng. Các thẩm phán cần đưa ra các quyết định kịp thời. Sự chậm trễ có thể làm gia tăng rủi ro cho nạn nhân, đặc biệt khi bị cáo được tại ngoại. Hơn nữa, việc trì hoãn có thể làm giảm ý chí tham gia tố tụng của nạn nhân. Quyết định kịp thời của các thẩm phán có thể hạn chế những trì hoãn không đáng có.

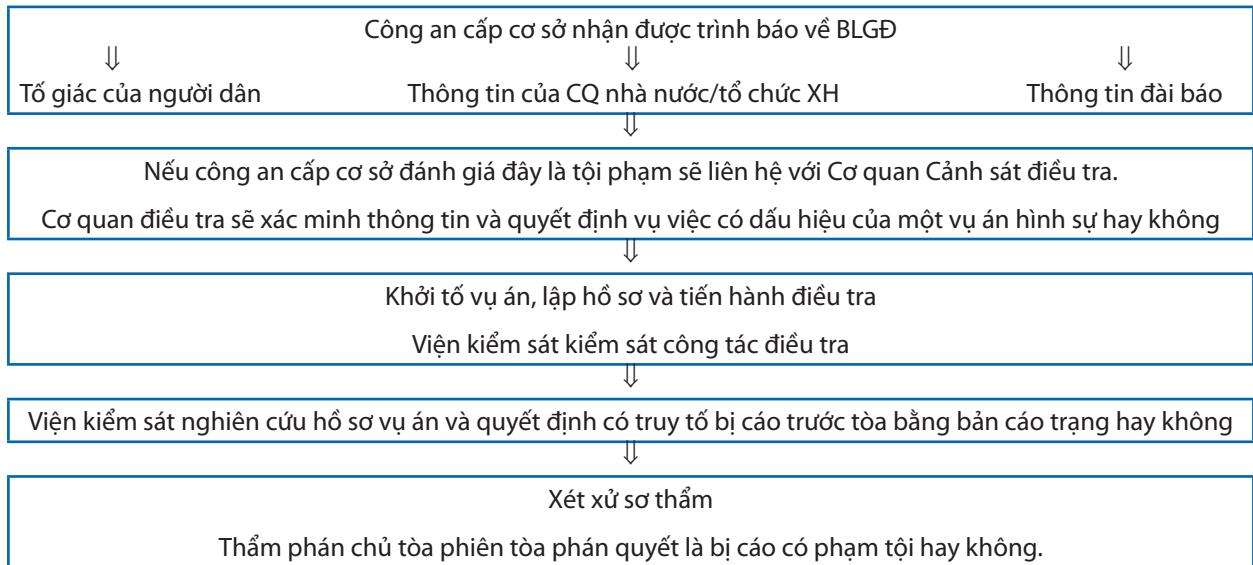
## Tòa án

Hội thẩm được phân công xét xử vụ án và Thư ký Tòa án cũng giữ một vai trò quan trọng để nâng cao năng lực của tòa án trong việc hỗ trợ nạn nhân tham gia quá trình tố tụng hình sự. Họ có thể góp phần cải thiện tiếp cận của người dân với tòa án, giúp liên lạc thông suốt giữa các nhánh khác nhau của tòa án, nâng cao hiệu quả trong thủ tục xét xử và tạo ra môi trường an toàn cho nạn nhân và người làm chứng.

<b>Hệ thống tư pháp hình sự – Tổng quan về các cơ quan tố tụng</b>		
<b>Điều tra</b>	<b>Kiểm sát/Truy tố</b>	<b>Xét xử</b>
<b>Cơ quan Cảnh sát điều tra</b>	<b>Viện Kiểm sát nhân dân</b>	<b>Tòa án nhân dân</b>
<p><b>Thuộc Bộ Công an</b> Thụ lý điều tra các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng và phức tạp thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh nhưng xét thấy cần trực tiếp tiến hành điều tra</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p><b>Thuộc Công an cấp tỉnh</b> Điều tra các vụ án hình sự liên quan đến các loại tội phạm được mô tả ở trên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và các loại tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra cấp huyện nhưng xét thấy cần phải trực tiếp tiến hành điều tra</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p><b>Thuộc Công an cấp huyện</b> Điều tra các vụ án hình sự liên quan đến các loại tội phạm quy định ở Chương XII đến Chương XII Bộ luật hình sự khi những tội phạm này thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện, trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao và cơ quan an ninh điều tra</p>	<p><b>Viện kiểm sát ND tối cao</b> Thực hành quyền công tố và kiểm sát tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự của Tòa án nhân dân tối cao</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p><b>Viện kiểm sát ND cấp tỉnh</b> Thực hành quyền công tố và kiểm sát tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đối với các vụ án hình sự khi các vụ án này thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p><b>Viện kiểm sát ND cấp huyện</b> Thực hành quyền công tố và kiểm sát tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đối với các vụ án hình sự khi các vụ án này thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện</p>	<p><b>Tòa án nhân dân tối cao</b> Giám đốc việc xét xử của Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp để bảo đảm việc áp dụng pháp luật được nghiêm chỉnh và thống nhất.</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p><b>Tòa án nhân dân cấp tỉnh</b> Tiến hành xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự mà tội phạm không thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện hoặc các vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án trực thuộc nhưng lấy lên xét xử</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p><b>Tòa án nhân dân cấp huyện</b> Tiến hành xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự mà tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, trừ các các tội phạm sau đây:  a/ Tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia  b/ Tội phạm phá hoại hòa bình, chống lại loài người, tội phạm chiến tranh  c/ Tội phạm được quy định tại điều 93, 95, 96, 172, 216, 217, 218, 219, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 263, 293, 294, 295, 296, 322 và 323 thuộc Bộ luật hình sự.</p>



### 1.3 Tổng quan về quy trình tư pháp hình sự trong giải quyết vấn đề BLGD



Mặc dù BLGD là một vấn đề phổ biến và đã được nghiên cứu nhiều nhưng phụ nữ vẫn gặp phải nhiều khó khăn khi tìm sự hỗ trợ từ hệ thống tư pháp hình sự. Để phòng chống BLGD có hiệu quả, các điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán cần phải hiểu được những rào cản trong hệ thống tư pháp hình sự khiến nạn nhân bị cản trở khả năng tiếp cận công lý.

#### Mục 2: Tiến hành điều tra vụ án hình sự

##### 2.1 Sự tham gia của Cơ quan điều tra

Có 5 căn cứ để cơ quan Cảnh sát điều tra khởi tố vụ án BLGD:

1. Tổ giác của công dân;
2. Tin báo của cơ quan, tổ chức;
3. Tin báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;
4. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trực tiếp phát hiện dấu hiệu của tội phạm;
5. Người phạm tội tự thú.

Viện kiểm sát, Tòa án cũng có thể nhận được trực tiếp thông tin về vụ án hình sự liên quan đến BLGD thông qua nhiều nguồn khác nhau. Đó có thể là thông tin từ nạn nhân, các cá nhân, cơ quan, tổ chức, ví dụ Hội Phụ nữ hoặc các tổ chức phi chính phủ. Các Viện kiểm sát, Tòa án cần ngay lập tức phải chuyển các thông tin trình báo về BLGD đến Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền.

Khi đến hiện trường hoặc khi tham gia giải quyết vụ việc, cơ quan điều tra cần:

- Xác định là có vụ việc phạm tội hay là thông tin không chính xác.
- Xác định nạn nhân và người làm chứng.
- Thu thập và bảo quản các loại chứng cứ có liên quan.
- Xác định nguyên nhân, hậu quả, phương thức, thủ đoạn và địa điểm của vụ phạm tội.
- Xác định thủ phạm và những người khác có liên quan.
- Khi cần thiết, xác định căn cứ khởi tố vụ án hình sự.
- Lập hồ sơ vụ án.
- Phòng ngừa hậu quả tiếp theo (xảy ra đối với nạn nhân và những người khác có thể bị ảnh hưởng như trẻ em).

## 2.2 Công tác điều tra: Những cân nhắc đối với vụ án BLGD

Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra đều có vai trò trong điều tra vụ án hình sự. Kiểm sát viên có thể đề ra những yêu cầu điều tra cụ thể với Cơ quan Cảnh sát điều tra, có thể trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra và thậm chí có thể kiến nghị Cơ quan điều tra thay thế điều tra viên trong một số trường hợp cụ thể. Kiểm sát viên cũng kiểm sát các quyết định của Cơ quan điều tra.

Trong giai đoạn điều tra vụ án, Cơ quan điều tra có thể ra một số quyết định như sau:

- Khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can.
- Quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn, như bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản để đảm bảo
- Quyết định truy nã bị can, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, xử lý vật chứng;
- Quyết định trưng cầu giám định, quyết định khai quật tử thi.
- Kết luận điều tra và quyết định truy tố bị can.
- Quyết định tạm đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định phục hồi điều tra.

Viện kiểm sát có nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật; phê chuẩn, không phê chuẩn đối với các quyết định nêu trên.

Khi điều tra vụ án BLGD, khởi tố vụ án hình sự cũng như thực hiện công tác kiểm sát điều tra, kiểm sát viên và điều tra viên luôn phải tuân thủ các quy định trong Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tuy nhiên, cán bộ điều tra và kiểm sát viên phải lưu ý rằng bạo lực trong gia đình khác với các hành vi bạo lực hoặc đe dọa bạo lực khác. Không bao hàm đầy đủ trong định nghĩa pháp lý, nhưng BLGD có các yếu tố kiểm soát, áp chế và thao túng được coi là mục đích chính của người gây ra bạo lực. Các dạng bạo lực thể chất, tinh thần và các dạng bạo lực khác chỉ đơn giản là công cụ để đạt được mục đích chính nêu trên. Bạo lực tái diễn theo chu kỳ và không đơn giản chỉ là những cơn giận dữ bột phát mặc dù nó có thể tạo ra ấn tượng bên ngoài như vậy và làm cho những cán bộ không được tập huấn đầy đủ và hiểu rõ động cơ của BLGD có thể bị ngộ nhận.

BLGD không chỉ là tội phạm chống lại cá nhân nạn nhân mà là tội phạm chống lại nhà nước và là nỗi lo của cả cộng đồng. Các điều tra viên và kiểm sát viên cần có tinh thần trách nhiệm để xử lý một cách kiên quyết và triệt để các tội phạm liên quan đến BLGD, đảm bảo an toàn cho nạn nhân và bắt thủ phạm chịu trách nhiệm trước pháp luật. Thông qua những can thiệp hiệu quả từ sớm, họ có cơ hội quý báu để ngăn chặn các vụ BLGD tái diễn, thậm chí gây chết người.

Có một số điểm mà điều tra viên và kiểm sát viên cần cân nhắc khi điều tra và kiểm sát các vụ án BLGD:

- **Tích cực truy cứu tất cả các vụ việc hình sự**

Đảm bảo rằng tất cả các vụ việc có tội phạm xảy ra đều phải được xử lý kiên quyết và triệt để để phòng ngừa bạo lực tiếp theo xảy ra trong tương lai.

Các vụ án BLGD cần phải được xử lý càng sớm càng tốt để khỏi ảnh hưởng đến sự an toàn của nạn nhân. Ngay sau khi vụ việc xảy ra thì nạn nhân thường có quyết tâm hợp tác cao hơn một thời gian sau đó, khi thủ phạm đã có thể tái kiểm soát nạn nhân. Ngoài ra, chậm trễ tiến hành xử lý có thể làm tăng nguy cơ bạo lực tái diễn và có thể trở nên nghiêm trọng hơn.

- **Đảm bảo rằng tất cả các chứng cứ đều được thu thập**

Thông thường, BLGD bao gồm một tập hợp hành vi chứ không chỉ là một sự việc đơn lẻ. Các điều tra viên và kiểm sát viên cần đảm bảo rằng tất cả thông tin liên quan đến quá trình bạo lực từ trước tới nay đều được thu thập.

Các điều tra viên và kiểm sát viên cũng không nên cho rằng lời khai của nạn nhân là cách duy nhất chứng minh tội phạm trước tòa. Trái lại cần cân nhắc xem có tài liệu nào, có liên quan hoặc không liên quan đến lời khai của nạn nhân, có thể hỗ trợ việc truy tố vụ án.

Công tác điều tra phải đảm bảo khách quan, toàn diện và thu thập được đầy đủ chứng cứ, ví dụ như có đầy đủ lời khai nhân chứng, các bức ảnh về thương tích và hiện trường vụ án. Thông qua sử dụng triệt để các chứng cứ khác đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập thay vì chỉ dựa vào lời khai của nạn nhân, kiểm sát viên có thể làm giảm nguy cơ nạn nhân bị thủ phạm trả thù và tăng khả năng điều tra và truy tố thành công.

- **Cần cân nhắc xem việc xử lý vụ án theo các thủ tục đơn giản có thật sự phù hợp với bản chất của các vụ việc BLGD không**  
Bạo lực trong gia đình khác hẳn với các loại tội phạm bạo lực khác. Như đã đề cập ở trên, BLGD thường không chỉ là một sự việc đơn lẻ mà chính quyền cơ sở đã tham gia ngăn chặn, giải quyết mà là một hệ thống các hành vi vi phạm pháp luật. Thậm chí những hành động bạo lực đã được cán bộ công an đánh giá sơ bộ là ít nghiêm trọng thì cũng phải được xem xét lại một cách nghiêm túc. BLGD thường bị coi nhẹ vì tồn tại một quan niệm sai lầm coi đây là “chuyện riêng tư”.
- **Đảm bảo hỗ trợ cho nạn nhân trong suốt quá trình điều tra**  
Động cơ thúc đẩy BLGD, quyền lực và sự kiểm soát của người chồng bạo lực đối với vợ thường tác động đến mức độ hợp tác của nạn nhân trong quá trình tố tụng hình sự. Các kiểm sát viên cần đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra chuyển nạn nhân tới các dịch vụ hỗ trợ hoặc trực tiếp kiểm sát viên phải thực hiện công việc này.
- **An toàn cho nạn nhân và con cái họ là những vấn đề tiên quyết**  
Các kiểm sát viên cần đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra thực hiện đánh giá và phát hiện các nguy cơ đe dọa sự an toàn của nạn nhân để tìm biện pháp khắc phục.
- **Nghiên cứu các vụ việc hoặc thủ tục pháp lý có liên quan khác**  
Các điều tra viên và kiểm sát viên cần nghiên cứu xem có các vụ việc liên quan, đang hoặc sắp được giải quyết theo thủ tục pháp lý, ví dụ như theo Luật Hôn nhân Gia đình hoặc các thủ tục khác như quyết định cấm tiếp xúc hay không.

### 2.3 Công tác thu thập chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành

► Xem mục 4 của mô-đun 4 về tổng quan và bảng kiểm liên quan đến các dạng và nguồn chứng cứ đặc trưng trong các vụ án BLGD

Thêm một số chú ý về vấn đề chứng cứ:

- Nhiều biện pháp được khuyến nghị điều tra đối với các vụ BLGD cũng là những biện pháp mà Cơ quan Cảnh sát điều tra vẫn áp dụng khi điều tra những tội phạm như trộm cắp hoặc cố ý gây thương tích. Tất cả các biện pháp điều tra đối với những tội phạm nêu trên cũng cần được áp dụng để thu thập chứng cứ trong các vụ BLGD.
- Công tác điều tra càng trở nên đặc biệt quan trọng khi pháp luật cho phép kiểm sát viên tiếp tục xử lý vụ án ngay cả khi nạn nhân muốn rút đề nghị khởi tố hoặc không muốn ra làm chứng trước tòa. Khi không có nạn nhân ra làm chứng thì những chứng cứ khác là yếu tố quyết định có truy tố thành công hay không.
- Chụp ảnh có thể là một phần quan trọng của công tác điều tra. Cán bộ điều tra cần chụp ảnh căn phòng, nhất là khi có tài sản bị hư hỏng hoặc căn phòng bị lộn xộn vì vụ việc. Chụp ảnh thương tích nạn nhân cũng quan trọng. Ít nhất một trong các bức ảnh chụp thương tích cần lấy khuôn mặt nạn nhân để phục vụ mục đích nhận dạng.
- Các thương tích trong các vụ BLGD có thể không xuất hiện ngay. Thứ nhất, một số thương tích phải mất mấy ngày mới nhìn rõ. Ví dụ, các vết thâm tím và dấu vết bóp cổ có thể không nhìn thấy trong 3-4 ngày sau khi bị tấn công. Nếu có thể, cán bộ điều tra nên có kế hoạch gặp lại nạn nhân để chụp ảnh thương tích trong vòng 3-4 ngày sau khi vụ việc xảy ra. Thứ hai, thủ phạm có thể cố ý gây thương tích cho nạn nhân ở những chỗ có quần áo che khuất hoặc ở những chỗ mà nạn nhân ngại không muốn cho người

lạ kiểm tra. Thứ ba, nạn nhân có thể không tiết lộ nguyên nhân gây ra thương tích của họ do lo sợ bị thủ phạm trả thù. Các cán bộ điều tra thụ lý vụ án nên chú ý tới những thương tích xuất hiện không phù hợp với lời giải thích của nạn nhân.

### **Chiến lược mẫu của Liên hợp quốc**

7(b) Trách nhiệm chính trong việc khởi tố là của cơ quan kiểm sát chứ không phải là của những phụ nữ là bị bạo lực.  
7(f) Chứng cứ về những hành vi bạo lực, lạm dụng, lén theo dõi và bóc lột trước đây do người phạm tội gây ra đều được xem xét tại phiên tòa theo đúng quy định của luật pháp hình sự nước sở tại.

## **Mục 3: Quyết định khởi tố vụ án hình sự**

### **3.1 Quyết định của Cơ quan điều tra về khởi tố vụ án hình sự**

Trong các vụ án BLGD có nhiều trường hợp nạn nhân không sẵn sàng cung cấp thông tin hoặc không mong muốn xử lý hình sự. Sự miễn cưỡng của nạn nhân trong việc điều tra vụ án thường bị cơ quan công an và cán bộ điều tra hiểu nhầm là nạn nhân không quan tâm mong muốn điều tra và vì vậy họ cũng chẳng cần phải điều tra và truy tố vụ án làm gì. Hiểu được lý do vì sao một số nạn nhân tỏ ra miễn cưỡng như vậy, cảnh sát điều tra có thể có cách tác động để nạn nhân có thái độ hợp tác. Một số nạn nhân có thể miễn cưỡng tham gia tố tụng vì sợ bị thủ phạm trả thù, bị gia đình hoặc cộng đồng xa lánh, hoặc phải sống một mình nếu người gây bạo hành bị cưỡng chế ra khỏi nhà. Trong trường hợp này, cán bộ điều tra cần đặc biệt quan tâm trấn an nạn nhân và có các biện pháp cụ thể để bảo vệ nạn nhân. Có thể là đưa nạn nhân đến nhà tạm lánh, đề nghị ra quyết định cấm tiếp xúc đối với thủ phạm nếu điều kiện hoàn cảnh và các quy định pháp luật cho phép, cùng với nạn nhân xây dựng kế hoạch an toàn của cá nhân họ.

Sự miễn cưỡng của nạn nhân có thể xuất hiện ở những giai đoạn khác nhau của quá trình điều tra và truy tố. Nghiên cứu chỉ ra rằng những người có điều kiện tiếp xúc từ sớm để trợ giúp nạn nhân, như tư vấn viên và người đại diện luật pháp, có thể khuyến khích sự hợp tác của nạn nhân.

#### **Thực tiễn tốt:**

Nhóm Diana ở Tây Ban Nha là đơn vị đặc biệt được thành lập trong lực lượng cảnh sát địa phương để giải quyết các vụ bạo lực trên cơ sở giới. Để tránh việc tiếp tục gây tổn thương cho nạn nhân, đơn vị này thực hiện hỗ trợ chuyên biệt và liên tục cho nạn nhân. Vì vậy thay vì phải làm việc với nhiều cảnh sát khác nhau - những người có thể không hiểu rõ toàn bộ tình hình của nạn nhân, họ được hỗ trợ bởi một nhóm những cảnh sát được đào tạo chuyên biệt về các vấn đề cụ thể phải giải quyết. Nhận thức được những động cơ cụ thể và ảnh hưởng của tội phạm dạng này đến đời sống của nạn nhân đã giúp xác định những tiêu chí của biện pháp can thiệp đối với BLGD là: khẩn cấp, kể cận, và liên tục.

Bộ luật Tố tụng Hình sự Việt Nam quy định những vụ án về các tội phạm được quy định tại khoản 1 các điều 104, 105, 106, 108, 109, 111, 113, 121, 122, 131 và 171 của Bộ luật hình sự chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại hoặc của người đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất, ví dụ khoản 1 Điều 104 khi tỷ lệ thương tật dưới 31%. Cần lưu ý là khi tỷ lệ thương tật trên 31% tức là một vụ tấn công nghiêm trọng về thể chất đã xảy ra, trong đó tính chất tội phạm đã rõ ràng và Cơ quan Cảnh sát điều tra cần tiến hành điều tra mà không cần yêu cầu của nạn nhân. Trong những trường hợp đòi hỏi phải có yêu cầu của nạn nhân để khởi tố vụ án, cán bộ điều tra phải tiến hành điều tra thu thập chứng cứ một cách chuyên nghiệp và cho nạn nhân thời gian để quyết định có muốn khởi tố hay không. Ngoài ra, cơ quan Cảnh sát điều tra cũng cần xác định xem có hay không những tình tiết để có thể khởi tố theo các tội danh mà theo quy định của Bộ luật Hình sự thì không cần có yêu cầu của người bị hại, ví dụ tội phạm được quy định tại điều 151. Cơ quan Cảnh sát điều tra cần lưu ý rằng các hình thức xử lý hành chính là không cần sự đồng ý của nạn nhân và vì thế có thể áp dụng thay cho việc điều tra vụ án hình sự khi nạn nhân không yêu cầu, dù họ đã được tư vấn.

Trong những trường hợp không cần đến yêu cầu của nạn nhân (ví dụ Điều 151 của Bộ luật Hình sự), cán bộ điều tra phải giải thích cho cả nạn nhân và thủ phạm hiểu rằng việc khởi tố vụ án hình sự và tiến hành điều tra tội phạm là theo quy định của pháp luật (vì có dấu hiệu của tội phạm), và chỉ có điều tra viên hoặc kiểm sát viên mới có quyền thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự. Điều này là nhằm giải quyết lo ngại về việc thủ phạm sẽ trả thù nạn nhân nếu tin rằng hành động của nạn nhân đã khiến anh ta bị khởi tố hình sự hoặc xử lý hành chính.

#### Thực tiễn tốt

Một số nước thực hiện truy tố không phụ thuộc vào quyết định của nạn nhân và có chính sách truy tố bắt buộc khi có chứng cứ chứng minh tội phạm. Trong trường hợp đó cảnh sát cần tiến hành điều tra tỷ mỉ tất cả các vụ án về BLGD và bắt thủ phạm. Những nước thực hiện chính sách này tin rằng đây là vì lợi ích lớn nhất của nạn nhân và chính sách này sẽ khiến nạn nhân an toàn hơn trong tương lai.

### 3.2 Kết luận điều tra vụ án của Cơ quan Cảnh sát điều tra gửi Viện kiểm sát

Tương tự như ghi chép của điều tra viên, kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra gửi Viện kiểm sát phải được viết rõ ràng và tỷ mỉ:

- Vụ việc gì đã xảy ra.
- Có những ai liên quan (bị can, nạn nhân, người làm chứng và điều tra viên).
- Thời gian xảy ra.
- Địa điểm xảy ra.
- Nguyên nhân xảy ra. *Lưu ý: Cơ quan Cảnh sát điều tra cần thận trọng khi báo cáo về lý do xảy ra vụ việc, nếu không có thể tạo ra ấn tượng là đang đổ lỗi cho nạn nhân về vụ việc bạo lực xảy ra.*
- Xảy ra như thế nào.
- Chứng cứ thu được là gì, do ai thu được, bằng cách nào, đã xử lý thế nào

Kết luận điều tra vụ án liên quan đến BLGD xảy ra có thể kèm theo các tài liệu sau:

- Bản ghi/đánh máy lại lời khai của nạn nhân, người làm chứng, người bị tình nghi.
- Bản photo kèm theo của các bản tự khai của nạn nhân, người làm chứng và người bị tình nghi.
- Chi tiết tất cả chứng cứ được thu thập và do ai thu thập.
- Tất cả các ảnh chụp hoặc sơ đồ đã vẽ.
- Chi tiết về quá trình vi phạm từ trước đến nay, tất cả các quyết định của tòa án có liên quan, các lệnh cấm tiếp xúc.
- Bản đánh giá rủi ro/đe dọa, nếu có.

Kiểm sát viên sẽ nghiên cứu hồ sơ vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển đến để xác định có đầy đủ căn cứ truy tố hay không. Họ cần phối hợp chặt chẽ với các điều tra viên để đảm bảo rằng tất cả các chứng cứ có giá trị đã được thu thập từ các nguồn khác nhau và được các kiểm sát viên xem xét. Sau khi xem xét chứng cứ một cách kỹ càng, Kiểm sát viên cần ra quyết định càng nhanh càng tốt và đảm bảo rằng các vụ án được chuyển sang tòa án mà không bị những chậm trễ không đáng có.

Một số nước có tỷ lệ bỏ lọt khá cao của các vụ án về BLGD đối với phụ nữ, tức là các vụ bạo lực được xử lý cứ bỏ qua dần khi đi qua các khâu trong hệ thống tư pháp hình sự. Nghiên cứu chỉ ra rằng điều tra sơ sài sẽ dẫn đến thiếu các chứng cứ cần thiết và vì vậy sẽ lệ thuộc vào lời khai và quyết tâm theo đuổi vụ việc của nạn nhân. Kiểm sát viên cần đảm bảo rằng tất cả các chứng cứ có giá trị phải được thu thập đầy đủ.

Sau khi đã nghiên cứu kỹ lưỡng hồ sơ vụ án, kiểm sát viên có thể báo cáo đề xuất một trong các quyết định sau:

- Đưa vụ án ra xét xử nếu có đủ căn cứ.
- Chuyển vụ án lại để điều tra bổ sung (Vi một số lý do như thiếu các chứng cứ quan trọng mà bản thân Viện kiểm sát không thể tự bổ sung; hoặc có căn cứ để truy tố bị can theo một tội danh khác; hoặc có sai sót lớn trong trình tự, thủ tục tố tụng hình sự, như không có chữ ký của bị can trong các bản cung).
- Kiểm sát viên có thể tự tiến hành điều tra bổ sung, nếu cần, mà không cần chuyển vụ án lại cho Cơ quan điều tra. Việc này có thể bao gồm lấy thêm lời khai từ những người làm chứng.

- Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án. Điều này có thể xảy ra trong các trường hợp khởi tố theo yêu cầu người bị hại và nạn nhân rút lại đề nghị truy tố ngay trước phiên tòa. Kiểm sát viên cần phải đảm bảo rằng nạn nhân không rút lại đề nghị truy tố vì bị cưỡng bức, đe dọa.

### 3.3 Báo cáo vụ án – đánh giá lại các chứng cứ

Chứng cứ – Chứng cứ của nạn nhân và chứng cứ chứng thực

Để đảm bảo vụ án được xét xử thành công ngay cả khi nạn nhân không hợp tác, kiểm sát viên cần cân nhắc các chứng cứ độc lập với lời khai hoặc chứng thực cho lời khai của nạn nhân. Kiểm sát viên nên đặt vấn đề xem có thể xét xử vụ án mà không cần có mặt của nạn nhân. Điều này có thể thực hiện được nếu các chứng cứ chứng thực, bổ sung khác có đầy đủ.

Lời khai của nạn nhân về vụ án xảy ra là một loại chứng cứ nhưng không phải là chứng duy nhất để chứng minh tội phạm. Kiểm sát viên cần tích cực thu thập các chứng cứ khác. Ví dụ, bạn bè, hàng xóm hoặc một đứa trẻ có thể có mặt gần đó và có thể cung cấp chứng cứ trực tiếp về những gì đã nhìn thấy hoặc nghe thấy. Trong một số tình huống, bạn bè, hàng xóm hoặc trẻ em có thể làm chứng về những gì người khác kể lại cho họ (đây gọi là chứng cứ được thuật lại). Những thông tin trực tiếp hoặc gián tiếp này có thể cũng là những thông tin cơ sở quan trọng cho phép kiểm sát viên xác định được tội danh. Trong các trường hợp khác, có thể có những chứng cứ y tế (ví dụ ghi chép của bác sỹ ở địa phương hoặc phòng khám cấp cứu) hoặc các bức ảnh về thương tích của nạn nhân có thể sử dụng là chứng cứ. Trong một số ít các trường hợp, kiểm sát viên có thể sử dụng chứng cứ về nhân thân xấu của thủ phạm như tiền án, tiền sự, phê bình trong cộng đồng hoặc bị cảnh cáo, để góp phần chứng minh tội phạm trong quá trình truy tố, xét xử được đúng đắn, chính xác.

#### Thực tiễn tốt

Hội nghị nhóm chuyên gia của Liên hợp quốc đã công nhận một thực tiễn tốt về lập pháp cho phép truy tố thủ phạm khi vắng mặt nạn nhân trong các vụ án bạo lực đối với phụ nữ, khi nạn nhân không có khả năng hoặc không mong muốn cung cấp chứng cứ.

Chứng cứ chứng thực là gì?

Chứng cứ chứng thực là những chứng cứ khác có thể tin cậy được ngoài lời khai của nạn nhân để chứng minh có vụ việc xảy ra như mô tả của nạn nhân. Các chứng cứ đó có thể bao gồm:

- Bản báo cáo của cán bộ công an
- Lời khai của hàng xóm
- Lời khai của một người làm chứng trực tiếp khác (có thể là trẻ em)
- Ghi âm của cuộc điện thoại gọi đến số khẩn cấp 113 hoặc 115
- Ghi chép của công an về thương tích (có sự tham gia của cán bộ y tế)
- Chứng cứ y tế
- Ảnh chụp thương tích và hiện trường
- Thiệt hại về tài sản được công an ghi chép lại
- Hồ sơ về các vụ việc trước đây, tiền án, tiền sự hoặc những lần hòa giải

BLGD thường xảy ra trong bối cảnh riêng tư, đôi khi nạn nhân có thể là người chứng kiến duy nhất. Điều này có nghĩa là trừ khi thủ phạm thừa nhận lỗi hoặc vụ án có chứng cứ hỗ trợ rất thuyết phục, nếu không nạn nhân vẫn phải cung cấp chứng cứ. Nạn nhân không hợp tác có thể do sợ hãi, do gán bó về tình cảm hoặc trung thành với thủ phạm. Xử sự một cách tế nhị và tôn trọng nạn nhân có thể khuyến khích nạn nhân tham gia quá trình tố tụng và nội dung này sẽ được trình bày chi tiết hơn tại mục 5 của mô-đun này.

Khi xem xét lời khai của nạn nhân trong hồ sơ vụ án, kiểm sát viên cần lưu ý rằng một số đơn tố cáo về BLGD phải mất một thời gian mới được gửi đi do lo sợ trả thù hoặc bị đe dọa hoặc do một số lý do khác. Không nên suy luận tiêu cực về điều này và cũng không nên để nó ảnh hưởng đến việc đánh giá độ tin cậy trong lời khai của nạn nhân.

Hành vi quá khứ và tính trung thực trong lời khai của bị can

Kiểm sát viên cần xem xét tất cả các chứng cứ và những biện hộ có thể có khi xem xét hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên không nên chỉ tập trung vào hành vi của nạn nhân mà cần tìm hiểu chi tiết về những hành vi sai trái trước đây của bị can nếu có, để đánh giá xem những chứng cứ này có thể được sử dụng trong vụ án hay không.

- Bị can có tiền án, tiền sự liên quan đến bạo lực không?
- Bị can có hành vi và thái độ thế nào khi bị bắt giữ?
- Bị can có thừa nhận tội không?
- Có vụ việc BLGD trước đây chưa được xử lý không? Bao gồm cả những vụ việc xử lý vi phạm hành chính, góp ý phê bình trong cộng đồng dân cư và hòa giải?
- Chứng cứ về nhân thân xấu của bị can?

Khi xem xét các chứng cứ, kiểm sát viên cần tìm hiểu độ trung thực trong lời khai của bị can như một phần của việc xem xét, đánh giá chứng cứ buộc tội. Kiểm sát viên cần lưu ý:

- Lời khai của bị can có hợp lý không?
- Có dấu hiệu thương tích khi bị bắt giữ không (đây là những vết thương khi tấn công như vết xước ở khớp ngón tay hay vết thương do chống cự?)
- Có sự mâu thuẫn trong lời khai của bị can không?

### Chứng nhận thương tích

Chứng cứ về thương tích trong hồ sơ bệnh án hoặc chứng nhận giám định có thể là một phần quan trọng trong toàn bộ chứng cứ để khẳng định lời khai của nạn nhân. Tuy nhiên kiểm sát viên cần lưu ý, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng một trong những rào cản lớn nhất mà nạn nhân BLGD có thể gặp phải khi đi tìm công lý là yêu cầu về trình tự, thủ tục hoặc yêu cầu phải có chứng nhận tỷ lệ thương tật do Hội đồng giám định pháp y Nhà nước kết luận để làm chứng cứ. Nhiều nước có yêu cầu chứng nhận thương tật của nạn nhân trước khi tiến hành xét xử vụ án. Một số nước khác có thể không cần những thủ tục pháp lý này - những thủ tục khiến phiên tòa phải phụ thuộc rất nhiều vào chứng nhận thương tật chính thức để chứng minh vụ việc BLGD.

#### Thực tiễn tốt

Hội nghị nhóm chuyên gia của Liên hợp quốc đã công nhận một thực tiễn tốt về lập pháp cho phép không cần đến chứng cứ y tế và pháp y để buộc tội thủ phạm.

Tại Việt Nam, để buộc tội cố ý gây thương tích (Điều 104 Bộ luật Hình sự) thì cần đến chứng nhận thương tích. Điều 104 nêu 4 nhóm thương tích xác định theo tỷ lệ thương tật và các khung hình phạt tương ứng: (i) dưới 11%; (ii) từ 11% đến 30%; (iii) từ 31% đến 60% và (iv) từ 61% trở lên. Chứng nhận thương tật được cấp sau khi có kết quả trưng cầu giám định thương tật chỉ rõ tỷ lệ thương tật và sau đó sẽ được các kiểm sát viên và thẩm phán xem xét để quyết định áp dụng khoản nào trong Điều 104.

Một vấn đề đáng quan tâm về việc sử dụng chứng nhận thương tật để đánh giá mức độ nghiêm trọng của thương tích là chứng nhận thương tật thường chỉ ghi nhận một vụ việc đơn lẻ. Nó không đánh giá tác động của các thương tích lặp đi lặp lại trong một thời gian dài hoặc đánh giá những thương tích về tâm lý. Hơn nữa, tại thời điểm giám định y khoa, mức độ thương tích có thể chưa thể hiện đầy đủ. Ví dụ, bóp cổ là một trong những thương tích phổ biến nhất nhưng thường bị bỏ qua trong các vụ BLGD. Các nghiên cứu gần đây đã chỉ ra khả năng có thể dẫn đến chết người của loại thương tích này. Não bị tổn hại do thiếu ô-xy, nạn nhân có thể bị đột quỵ, sẩy thai hoặc chết trong vài tuần. Những dấu hiệu ban đầu của bóp cổ, có thể bao gồm sự thay đổi giọng nói, khô khè, khó nuốt, khó thở, trầy xước, da cổ đổi màu, các vết hằn ở da, lười sung, vỡ mao mạch ở mắt; có thể không coi là có tỷ lệ thương tật trên 11%.

Một vấn đề khác liên quan đến chứng nhận thương tật là những cán bộ y tế thực hiện giám định có thể không được tập huấn về cách làm việc với nạn nhân BLGD. Họ có thể có những quan niệm sai lầm về nạn nhân BLGD như đã đề cập ở mô-đun 3. Nếu họ tin rằng người vợ “lười biếng” hoặc “lắm điều” làm kích động chồng thì suy nghĩ ấy có thể làm ảnh hưởng tới kết quả đánh giá, làm giảm tỷ lệ thương tật trong những trường hợp đó. Chỉ có tòa án mới có quyền tuyên bố một người là có tội hay không có tội chứ không phải là các cán bộ y tế.

Ở Việt Nam, không phải tội danh nào về BLGD cũng cần đến chứng nhận tỷ lệ thương tật là một tình tiết định tội.  
Ví dụ:

- Điều 151 – Ngược đãi hoặc hành hạ ông, bà, cha, mẹ, vợ chồng, con cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình – yêu cầu phải chứng minh được “hậu quả nghiêm trọng”. Hậu quả nghiêm trọng không chỉ nói đến là các thương tật về thể chất mà còn là các thương tích về tâm lý/ tình cảm.
- Điều 103 – Đe dọa giết người – phải có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện;
- Điều 121 – Tội làm nhục người khác – yêu cầu có chứng cứ về việc “xúc phạm nghiêm trọng” danh dự, nhân phẩm người khác.

Trong luật không quy định bắt buộc phải có giấy chứng nhận của một cơ sở y tế chuyên khoa tâm thần để chứng thực những thương tích về tâm lý. Tuy nhiên trên thực tế người ta vẫn cần có giấy chứng nhận điều trị tâm lý hoặc chứng nhận điều trị y tế. Hồ sơ bệnh án có lẽ là đủ để chứng minh sự cần thiết phải điều trị y tế đối với trường hợp có thể để lại hậu quả tâm lý. Ví dụ trường hợp người vợ bị bỏ đói hoặc khát. Trong một số trường hợp, dư luận xã hội cũng đủ để khởi tố vụ án, như vụ người chồng nhốt vợ vào chuồng chó để làm nhục vợ, khiến dư luận hết sức căm phẫn.

#### Chứng thực của chuyên gia

Kiểm sát viên có thể khuyến khích sử dụng chứng thực của chuyên gia trong các vụ án BLGD. Các chuyên gia có thể giúp tòa án hiểu thêm động cơ của BLGD, những thủ đoạn về quyền lực, kiểm soát và động cơ của việc ngược đãi. Các chuyên gia có thể hỗ trợ tòa án bằng cách giải thích các hành động của nạn nhân khi nạn nhân tiếp tục, thay đổi hay bỏ cuộc hoặc có sự chậm trễ trong trình báo hoặc do dự trong việc có đề nghị truy tố thủ phạm. Việc sử dụng các chứng thực của chuyên gia trong các vụ án BLGD cần phải tuân thủ theo các quy định về trình tự thủ tục của Việt Nam.

Kiểm sát viên có thể cần nhắc những vấn đề sau khi đặt câu hỏi cho chuyên gia:

- Quyền lực và sự kiểm soát đối với nạn nhân.
- Sự bỏ cuộc, phủ nhận và giảm nhẹ - hiện tượng xảy ra với nhiều nạn nhân, nhưng không phải tất cả.
- Sự lẫn lộn yêu và sợ của nạn nhân tại toà án, khi thủ phạm xin lỗi và hứa sẽ không tái phạm.
- Tập trung vào tác động của hành vi ngược đãi của bị cáo đối với nạn nhân.

#### Bảng kiểm về chứng cứ và các vấn đề

Các vấn đề cần cân nhắc	Quyết định/Ghi chú	Ngày ghi nhận thông tin
<b>1. Các thông tin cần thiết từ công an</b>		
Mối quan hệ từ trước tới nay		
Các vụ việc trước đây		
Có chứng cứ/sự sẵn sàng cung cấp chứng cứ của nạn nhân		
Ảnh hưởng của vụ kiện đối với trẻ em		
Trẻ em đã ở đâu khi vụ việc xảy ra		
Thu xếp của gia đình hiện nay và thông tin/nhận định của công an về quan hệ trong tương lai		
Khả năng tái diễn		
Nhận định về sự an toàn của nạn nhân và trẻ em, nếu có		
Đánh giá rủi ro chính thức, nếu có		
Thông tin từ các cơ quan khác, như nhà tạm lánh		
Nhu cầu về các biện pháp đặc biệt		
Lệnh cấm tiếp xúc		



Các vấn đề cần cân nhắc	Quyết định/Ghi chú	Ngày ghi nhận thông tin
<b>2. Chứng cứ</b>		
Ảnh chụp hiện trường, chụp thương tích, ảnh chụp lần sau của thương tích		
Hồ sơ bệnh án, chứng nhận giám định thương tật		
Lời khai của nạn nhân, bao gồm cả bản viết tay và trình bày miệng		
Lời khai của người làm chứng		
Lời khai của bị can, gồm bản tự khai và biên bản hỏi cung do công an ghi chép lại		
Các loại hung, vũ khí thu được		
Quần áo rách và dính máu thu được		
Các báo cáo trước đây của công an hoặc báo cáo về vụ việc		
Tiền án		
Tiền sự		
Bản thỏa thuận hòa giải		
Ghi âm cuộc gọi 113/cấp cứu		
Thư từ và ghi chép của thủ phạm, nếu có liên quan		

### 3.4 Xác định khả năng truy tố tội phạm

Ở Việt Nam, về nguyên tắc thì Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố dựa trên các tài liệu, chứng cứ đã được công an điều tra làm rõ hoặc do các công dân cung cấp. Kiểm sát viên có một số quyền chủ động khi thực hiện nhiệm vụ này, có cân nhắc xem có đủ chứng cứ để truy tố không và truy tố về tội danh nào. Khi thực thi quyền tự quyết của mình, kiểm sát viên cần phải tiến hành những phân tích mang tính nguyên tắc và ra quyết định phù hợp với khung pháp lý do Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định. Trong các vụ án BLGD có những vấn đề xã hội phức tạp, kiểm sát viên cần tránh những quyết định bột phát thiếu suy nghĩ và tránh những con đường dễ dãi, ít gây tranh cãi.

BLGD xảy ra ở nhiều mức độ, nhưng chỉ những hành vi được xác định là tội phạm quy định trong Bộ luật Hình sự mới bị truy tố. Ví dụ, khi thủ phạm sử dụng bạo lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực và có căn cứ xác định việc đe dọa sẽ trở thành hiện thực, hành vi bạo lực này có khả năng bị coi là tội phạm. Trái lại, bạo lực tình dục và kinh tế, thường rất phổ biến trong những mối quan hệ bạo lực, lại không bị truy tố vì nó thường không đến mức để được coi là cấu thành tội phạm.

Việc truy cứu những hành vi được xác định là tội phạm một cách kiên quyết và triệt để sẽ góp phần hiệu quả vào việc phòng chống BLGD. Việc bắt thủ phạm phải đối mặt với các hậu quả mà hành vi bạo lực đã gây ra chính là bắt họ phải chịu trách nhiệm pháp lý. Nó thay đổi quan niệm của cộng đồng khiến người ta hiểu rằng những hành vi này thực sự là tội phạm, là không thể chấp nhận và không thể dung thứ.

Lời buộc tội trong các vụ án BLGD cần phản ánh tính nghiêm trọng của hành vi, bất kỳ tình tiết về sự chủ mưu hoặc quyết tâm thực hiện tội phạm trong hành vi của thủ phạm, động cơ có thể chứng minh của thủ phạm và tính chất nghiêm trọng của các thương tích gây ra cho nạn nhân. Cần lựa chọn những lời buộc tội sao cho vụ việc được tái hiện một cách đơn giản và rõ ràng.

## Bản cáo trạng

Bản cáo trạng phải ghi rõ ngày, giờ và địa điểm xảy ra tội phạm; phương tiện, mục đích và động cơ thực hiện tội phạm; hậu quả và các tình tiết quan trọng khác; chứng cứ chứng minh tội phạm của bị cáo; các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sơ yếu lý lịch của bị cáo và các tình tiết quan trọng khác của vụ án.

Kết luận của bản cáo trạng phải ghi rõ tên của tội phạm đã thực hiện và các điều, khoản cụ thể của Bộ luật Hình sự cần được áp dụng.

Sau đây là một số ví dụ về các dạng hành vi có thể xảy ra trong các vụ án BLGD và có thể cấu thành tội phạm hình sự hoặc phải xử lý vi phạm hành chính. Một hành vi cụ thể có cấu thành tội phạm hoặc vi phạm hành chính hay không là phụ thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh của vụ việc cụ thể. Do vậy cần xem những ví dụ này như chỉ dẫn nói chung.

Ví dụ về hành vi	Điều luật có thể áp dụng	Những yếu tố cần cân nhắc
Bạo lực thể chất, có hoặc không có sử dụng hung khí, đấm, tát, đẩy, đá, húc đầu và túm tóc	Điều 104 Điều 151	<b>Điều 104 - Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác</b> Khoản 1 bao gồm 2 trường hợp: (i) tỷ lệ thương tật từ 11-30%; và (ii) dưới 11% nhưng có một tình tiết tăng nặng như gây cố tật nhẹ cho nạn nhân; phạm tội nhiều lần đối với cùng một người; có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm. (2) tỷ lệ thương tật từ 31-60% hoặc từ 11%-30% nhưng có một tình tiết tăng nặng nêu trên. (3) tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc từ 31-60% nhưng có một tình tiết tăng nặng nêu trên. <i>Lưu ý: kiểm sát viên không cần cân nhắc đến những gì mà thủ phạm viện dẫn về vợ mình như “nói nhiều”, “lười” hoặc “ghen tuông” như lý do làm tinh thần thủ phạm bị kích động mạnh, hòng giảm tội danh xuống như ở điều 105.</i> <b>Điều 151 - Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình</b> Cần chứng minh có sự ngược đãi hoặc hành hạ, gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính về hành vi này mà còn tái phạm.
Giết người	Điều 93	<b>Điều 93 (1) – Tội giết người</b> (b) Giết phụ nữ mà biết là có thai. (q) Vi động cơ đê hèn (giành quyền lực và kiểm soát cuộc sống của người vợ) <i>Lưu ý: kiểm sát viên không cần cân nhắc đến những gì mà thủ phạm viện dẫn về vợ mình như “nói nhiều”, “lười” hoặc “ghen tuông” như lý do làm tinh thần thủ phạm bị kích động mạnh, hòng giảm tội danh xuống như ở điều 95.</i>
Đe dọa giết người	Điều 103	<b>Điều 103 – Tội đe dọa giết người</b> Đe dọa của người chồng đối với người vợ trong các vụ BLGD có thể tới mức “có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện”.
Bức tử	Điều 100	<b>Điều 100 – Tội bức tử</b> BLGD lặp đi lặp lại có thể tới ngưỡng được coi là “đổi xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc vào mình”.

<b>Ví dụ về hành vi</b>	<b>Điều luật có thể áp dụng</b>	<b>Những yếu tố cần cân nhắc</b>
Bạo lực dẫn đến chết người	Điều 104 (Khoản 4) Điều 98	<b>Khoản 4 Điều 104 - Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác</b> Điều khoản này quy định về trường hợp thủ phạm cố ý gây thương tích dẫn đến chết người. <b>Điều 98 – Tội vô ý làm chết người</b> Trường hợp người gây bạo lực đánh vợ nhưng không cố ý làm chết.
Bạo lực dẫn đến xảy thai	Điều 151 Điều 104	<b>Điều 151 - Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình</b> Việc gây xảy thai được coi là “gây hậu quả nghiêm trọng”. <b>Điều 104 - Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác</b> Kiểm sát viên cần xem xét tỷ lệ thương tật của việc xảy thai.
Bóp cổ, xiết cổ, làm ngạt thở	Điều 104	<b>Điều 104 - Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác</b> Khoản 1 bao gồm 2 trường hợp: (i) tỷ lệ thương tật từ 11-30%; và (ii) dưới 11% nhưng có một tình tiết tăng nặng như gây cố tật nhẹ cho nạn nhân; phạm tội nhiều lần đối với cùng một người; có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm.
Bóp cổ, xiết cổ, làm ngạt thở	Điều 151	<b>Điều 151 - Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình</b> Cần chứng minh có sự ngược đãi hoặc hành hạ, gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính về hành vi này mà còn tái phạm.
Đập phá đồ đạc, ví dụ bát đĩa	Điều 143	<b>Điều 143 - Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản</b>
Cưỡng bức tình dục, hiếp dâm	Điều 111, 112 Điều 113, 114 Điều 104 Điều 151	<b>Điều 111 và Điều 112 - Tội hiếp dâm</b> Thủ phạm dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ Điều 113 và Điều 114 - Tội cưỡng dâm Thủ phạm dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu <b>Điều 104 và 151</b> Bạo lực tình dục có thể khép vào tội cố ý gây thương tích và ngược đãi.
Cưỡng ép kết hôn	Điều 146	<b>Điều 146 - Tội cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ</b> Cần phải chứng minh một trong những tình tiết: cưỡng ép kết hôn; cản trở kết hôn hoặc cản trở duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải.

Ví dụ về hành vi	Điều luật có thể áp dụng	Những yếu tố cần cân nhắc
Nhốt người nào đó trong phòng hoặc trong nhà, không cho ra ngoài, hoặc không cho đi làm	Điều 130 Điều 123	<b>Điều 130 – Tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ</b> <b>Điều 123 - Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật</b>
Gây áp lực đối với nạn nhân/người làm chứng để “rút để nghị truy tố” hoặc không cung cấp chứng cứ	Điều 132	<b>Điều 132 - Tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo</b> Khoản 2 của điều này quy định trường hợp trả thù người khiếu nại, tố cáo.
Bạo lực tâm lý, nhục mạ, chửi bới	Điều 121	<b>Điều 121 – Tội làm nhục người khác</b> Áp dụng trong trường hợp “xúc phạm nghiêm trọng” nhân phẩm, danh dự của người khác”. Xúc phạm nghiêm trọng có thể bao gồm việc nhục mạ vợ tại nơi công cộng như lột quần áo hoặc phỉ báng vợ tại nơi công cộng.

### Xác định thủ phạm chính khi quyết định tội danh

Trong một số trường hợp, kiểm sát viên có thể phải xác định ai là người cầm đầu hoặc thủ phạm chính. Những trường hợp phòng vệ chính đáng trước hành vi bạo lực và lạm dụng thì không bị truy tố hình sự. Khi cả hai đối tượng bị bắt tại hiện trường vụ án BLGD thì việc bắt giữ cả hai sẽ làm tổn thương nạn nhân, khiến nạn nhân giảm mong muốn tìm kiếm trợ giúp tiếp theo, tăng khả năng tái diễn tội phạm ở mức độ nghiêm trọng hơn kể cả giết người, và ảnh hưởng tới khả năng truy tố vụ án thành công.

### Chỉ dẫn về thương tích trong khi tự vệ gây ra

Những người có hành vi phòng vệ thông thường sẽ thừa nhận có sử dụng bạo lực nhưng không biết gọi đó là gì.

Một người đang bị tấn công hoặc sắp bị tấn công có thể nhận ra rằng mình không thể địch lại với bên gây bạo lực và thường sử dụng hung khí hoặc đồ vật để cân bằng lại. Cần ghi nhớ rằng bản năng tồn tại cơ bản của con người dựa trên tư duy “chiến đấu và bỏ chạy”.

Hãy để ý đến những vết thương trên người thủ phạm do việc nạn nhân tự vệ gây ra:

- Các vết xước ở mặt trên của bàn tay, cổ tay hoặc cánh tay
- Các vết xước trên mặt và cổ
- Vết răng cắn ở mặt trong cánh tay (cho thấy khả năng bị bóp cổ từ phía sau)
- Các dấu hiệu bị giật tóc
- Các thương tích ở háng hoặc do bị đá

### Kiểm sát viên nên cân nhắc các vấn đề sau khi xem xét lại hồ sơ vụ án:

- Các tố cáo trước đây về BLGD.
- Tương quan về mức độ nghiêm trọng của thương tích gây ra cho mỗi người.
- Những thương tật có thể xảy ra sau này đối với từng người.
- Có người nào phải tự vệ không.
- Hiện trường vụ án – hiện trường vụ án có phù hợp với lời khai của các bên không, lời khai có phù hợp với các chứng cứ không.
- Chứng cứ và lời khai của các bên.
- Đồ đạc của ai bị phá hỏng.
- Bạo lực nói chung.

### **Kiểm sát viên cũng cần yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra cung cấp các thông tin:**

- Tương quan về thể chất – ai có thái độ gây gổ và tầm vóc cơ thể của 2 bên so với nhau.
- Quá trình bạo lực từ trước tới nay.
- Lời khai của người làm chứng.
- Những lời thốt ra và lời khai tự phát.

## **Mục 4: Các biện pháp ngăn chặn phù hợp**

### **4.1 Các biện pháp ngăn chặn**

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án có thể áp dụng những biện pháp ngăn chặn khác nhau trong quá trình tố tụng hình sự. Bộ luật Tố tụng Hình sự Việt Nam quy định có các biện pháp ngăn chặn như sau:

- Bắt bị can, bị cáo để tạm giam; bắt người trong trường hợp khẩn cấp; bắt người phạm tội quả tang; bắt người đang bị truy nã;
- Tạm giữ;
- Tạm giam;
- Cấm đi khỏi nơi cư trú;
- Bảo lãnh;
- Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm.

Cơ quan điều tra có trách nhiệm xác định lý do bắt và xác định người bị bắt đã phạm tội. Viện kiểm sát có quyền quyết định phê chuẩn, thay thế, hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn và gia hạn tạm giam; và kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam bị can, bị cáo.

### **4.2 Những tình tiết cần cân nhắc**

Khi quyết định có cần áp dụng các biện pháp ngăn chặn hay không, điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán cần cân nhắc các tình tiết sau đây:

- Khả năng bạo lực sẽ tiếp diễn;
- Các chứng cứ vật chất là cơ sở kết luận có tội phạm xảy ra;
- Bất kỳ sự tấn công nào xảy ra khi có mặt của cán bộ công an hoặc điều tra viên;
- Có căn cứ để cho rằng bị can sẽ gây khó khăn cho quá trình điều tra, truy tố hoặc xét xử;
- Vụ việc bạo lực đã từng xảy ra hay không;
- Nạn nhân có lo sợ về bạo lực tiếp theo hay không và căn cứ để lo sợ;
- Quan điểm của nạn nhân về khả năng người bị tình nghi sẽ chấp hành quyết định cho tại ngoại, đặc biệt là quyết định cấm tiếp xúc;
- Người bị tình nghi có nghiện rượu, ma túy hoặc có bệnh về thần kinh hay không;
- Chi tiết về những lần bị buộc tội về BLGD, bản án, quyết định xử lý hành chính, biên bản hòa giải và thoả thuận đạt được;
- Đã từng vi phạm các quy định khi được cho tại ngoại hoặc các lệnh khác như lệnh cấm tiếp xúc;
- Đánh giá rủi ro - việc này do công an tiến hành;
- Quan điểm của điều tra viên và kiểm sát viên về sự an toàn của nạn nhân và con cái họ.

Không cần cân nhắc các tình tiết sau:

- Tình trạng hôn nhân;
- Quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất;
- Hứa miệng rằng bạo lực sẽ chấm dứt;
- Người bị tình nghi tuyên bố rằng chính nạn nhân đã kích động hoặc làm cho bạo lực kéo dài;
- Trạng thái tình cảm của nạn nhân;
- Các thương tích nhìn thấy và không nhìn thấy;
- Phủ nhận của bất kỳ bên nào về vụ việc BLGD;
- Các bên thể hiện quan điểm đây là vấn đề riêng tư;
- Quan điểm cho rằng bắt giữ cũng không dẫn đến kết án;
- Hậu quả về tài chính của việc bắt giữ xảy ra đối với bất kỳ bên nào;
- Đặc điểm về dân tộc, văn hóa, xã hội, chính trị hoặc nghề nghiệp của nạn nhân hoặc người bị tình nghi;
- Việc sử dụng rượu hoặc ma túy hoặc cả hai thứ của một bên hoặc cả hai bên;
- Cảm nhận về sự tự nguyện hợp tác của nạn nhân vào quá trình truy tố thủ phạm.

Ở giai đoạn điều tra ban đầu, có thể nạn nhân chưa có quyền chính thức yêu cầu khởi tố vụ án nên điều tra viên cần tiến hành điều tra, đồng thời cung cấp thông tin và hỗ trợ nạn nhân để họ có thời gian quyết định có yêu cầu khởi tố bị can hay không. Việc thủ phạm bị bắt hoặc tạm giam sẽ giúp loại bỏ sự kiểm soát và quyền lực của thủ phạm đối với nạn nhân và hạn chế khả năng thủ phạm đe dọa nạn nhân.

Trước phiên xét xử, kiểm sát viên và tòa án cần lưu ý rằng thủ phạm thông thường sẽ tìm cách duy trì sự kiểm soát đối với nạn nhân trong quá trình truy tố. Hiệu quả của sự duy trì kiểm soát này liên quan trực tiếp đến mức độ tiếp cận của thủ phạm đối với nạn nhân. BLGD có thể gây chết người và có nguy cơ nạn nhân bị thương tích nghiêm trọng hoặc bị giết sẽ lên cao nhất khi họ ly thân với thủ phạm.

Toà án có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn như tạm giam hoặc cho tại ngoại với một số điều kiện như cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo. Chủ tọa phiên tòa có thẩm quyền áp dụng hoặc thay đổi các điều kiện cho tại ngoại trước khi vụ án xét xử, còn chánh án, phó chánh án tòa án có thẩm quyền áp dụng hoặc thay đổi các biện pháp ngăn chặn.

Trước khi áp dụng các quyết định bắt, tạm giam, bảo lãnh, cho đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để tại ngoại, những người tiến hành tố tụng cần chú ý đảm bảo an toàn cho nạn nhân. Ví dụ, khi quyết định cho bị cáo tại ngoại trước khi xét xử, thẩm phán cần đảm bảo rằng các điều kiện cho tại ngoại có tính đến sự an toàn của nạn nhân và phòng ngừa các hành vi bạo lực tái diễn. Nạn nhân cũng cần được thông báo kịp thời về các quyết định cho tại ngoại.

## **Mục 5: Tiến hành phiên tòa**

### **5.1 Các vấn đề trước khi xét xử**

Nếu có đủ căn cứ để mang vụ án ra xét xử, kiểm sát viên sẽ chuẩn bị bản cáo trạng và chuyển hồ sơ vụ án đến tòa án có thẩm quyền xét xử. Hồ sơ bao gồm tất cả các tài liệu về quá trình giải quyết vụ án, các biên bản lấy lời khai, vật chứng, chứng cứ, kết luận điều tra và bản cáo trạng.

Khi xem xét hồ sơ vụ án, thẩm phán chủ tọa phiên tòa cần lưu ý rằng bạo lực trong gia đình khác với các dạng bạo lực khác. Động cơ của BLGD là quyền lực và sự kiểm soát và tính chất lặp đi lặp lại của bạo lực có thể khác với quan điểm của các thẩm phán về những chứng cứ “điển hình” thông thường của các vụ án hình sự. Ví dụ, nạn nhân của bạo lực do người lạ gây ra thường có thái độ hợp tác và mong muốn các hành vi trái pháp luật đối với họ phải bị trừng trị. Trong các vụ BLGD, nạn nhân nữ thường không hợp tác hoặc có xu hướng giảm nhẹ bạo lực trong lời khai. Những phản ứng khác nhau đối với bạo lực có thể khiến lời khai của nạn nhân rất khác nhau.

Việc xem xét chứng cứ của thẩm phán

Các thẩm phán có thể đảm bảo để quá trình điều tra và thu thập chứng cứ có tính đến nhu cầu và quan điểm riêng của các nạn nhân BLGD và đảm bảo tuân thủ chuẩn mực trong thu thập chứng cứ để có thể thu được những chứng cứ có giá trị. Cũng như kiểm sát viên, thẩm phán cần lưu ý rằng nạn nhân BLGD có thể có những trạng thái cảm xúc rất khác nhau khi cung cấp lời khai. Thẩm phán cần nghiên cứu hồ sơ để tìm những chứng cứ chứng thực và chứng cứ về những hành vi bạo lực, lạm dụng hoặc bóc lột của thủ phạm trước kia.

Khi xem xét các lời khai của nạn nhân, thẩm phán cần lưu ý rằng có thể có một thời gian trì hoãn từ khi bạo lực xảy ra đến khi nạn nhân quyết định trình báo. Sự chậm trễ này không phải là hiếm trong các vụ BLGD. Nạn nhân có thể sợ bị kỳ thị, bị bề mặt hoặc sợ mọi người không tin, sợ bị trả thù, có thể lo lắng do phụ thuộc về tài chính vào chồng, không tin tưởng hoặc không hiểu biết về hệ thống tư pháp hình sự. Đáng tiếc là ở nhiều nước, các chuyên gia tư pháp lại cho rằng sự chậm trễ này có nghĩa là nạn nhân không đáng tin cậy. Tòa án không nên có bất kỳ kết luận tiêu cực nào về việc nạn nhân chậm trình báo. Cụ thể là thẩm phán khi đánh giá mức độ đáng tin cậy của nạn nhân thì không nên dựa vào việc trình báo muộn để có kết luận bất lợi cho nạn nhân.

Khi xem xét lời khai của bị cáo và của nạn nhân, thẩm phán nên lưu ý rằng đó không phải là chứng cứ duy nhất để chứng minh vụ án. Thẩm phán cần cân nhắc kỹ những chứng cứ khác hiện có.

- Lời khai từ các nguồn khác. Ví dụ, bạn bè, hàng xóm hoặc một đứa trẻ có thể có mặt gần đó và có thể cung cấp chứng cứ trực tiếp về những gì đã nhìn thấy hoặc nghe thấy. Trong một số tình huống, bạn bè, hàng xóm hoặc trẻ em có thể làm chứng về những gì người khác kể lại cho họ (đây gọi là chứng cứ được thuật lại). Những thông tin trực tiếp hoặc gián tiếp này có thể cũng là những thông tin cơ sở quan trọng cho phép thẩm phán xác định được tội danh.
- Cũng có thể có chứng cứ về nhân thân xấu của bị can, ví dụ đã bị kết án hoặc cảnh cáo, có quá trình bạo lực trong quan hệ gia đình và báo cáo về các vụ việc trước kia.
- Có thể có thông tin từ các cơ quan khác như nhà tạm lánh.
- Có thể có các quyết định khác của tòa án hoặc UBND như quyết định cấm tiếp xúc.
- Có thể có ghi chép của công an về những lời nói tự phát hoặc lời khai miệng của nạn nhân và bị cáo tại hiện trường.
- Ghi chép của công an cũng có thể cho biết có hung khí tại hiện trường, có quần áo bị rách hoặc dính máu, hoặc có đồ đạc bị đập phá.
- Ảnh chụp thương tích của nạn nhân hoặc hiện trường của tội phạm có thể sử dụng làm chứng cứ.

### **Việc xem xét bản cáo trạng của thẩm phán**

Thẩm phán sẽ nghiên cứu bản cáo trạng và xem xét việc áp dụng các tội danh liên quan được quy định trong Bộ luật Hình sự. Một số vấn đề cần cân nhắc bao gồm:

- Đảm bảo để các lời buộc tội không cần cân nhắc đến những gì mà thủ phạm viện dẫn về vợ mình như “nói nhiều”, “lười” hoặc là anh ta “ghen”. Do đó tội phạm quy định ở điều 104 (cố ý gây thương tích) không nên giảm thành tội phạm ở điều 105 hoặc tội phạm quy định ở điều 93 (giết người) giảm thành tội phạm ở điều 95 vì những biện minh này.
- Nếu ban đầu bản cáo trạng buộc tội ở điều 104 (cố ý gây thương tích) và hồ sơ vụ án có ghi yêu cầu của người bị hại đề nghị rút lại yêu cầu khởi tố bị can, thẩm phán cần xem xét xem việc khởi tố có cần đến sự đồng ý của người bị hại không. Ví dụ, nếu tỷ lệ thương tật trên 31%, vụ án vẫn phải được đem ra xét xử. Nếu tỷ lệ dưới 31% và cần có sự đồng ý của nạn nhân để khởi tố theo điều 104 (khoản 1 và khoản 2), thẩm phán có thể cân nhắc quyết định thay đổi tội danh trong cáo trạng sang các tội danh khác như Điều 151 (tội hành hạ hoặc ngược đãi vợ, chồng), Điều 103 (tội đe dọa giết người), Điều 130 (tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ) hoặc Điều 121 (tội làm nhục người khác), nếu có chứng cứ thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm trên.

### **Xem xét các vấn đề khác trong hồ sơ vụ án**

Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm phán có thể được thông báo rằng vụ án đã được giải quyết và biên bản giải quyết sẽ được đưa vào hồ sơ. Thẩm phán nên xem xét lại việc giải quyết một cách cẩn thận để đảm bảo rằng các bên liên quan tham gia giải quyết một cách tự nguyện. Các thẩm phán nên lưu ý về động cơ của bạo lực và ảnh hưởng của nó đối với sự an toàn của nạn nhân và “sự đồng ý” của nạn nhân đối với việc hòa giải; sự mất cân bằng về quyền lực trong các buổi hòa giải và sự đe dọa của thủ phạm trước và trong các buổi hòa giải. Các thẩm phán cũng cần đặt câu hỏi: liệu hòa giải có phải là giải pháp phù hợp khi BLGD đã diễn ra trong một thời gian liên tục.

Hồ sơ vụ án có thể có những yêu cầu khác nhau của những người tham gia vào quá trình tố tụng hình sự. Đó có thể là một yêu cầu của nạn nhân xin rút lại hồ sơ vụ án hoặc của kiểm sát viên đề nghị đình chỉ vụ án nếu nạn nhân đã xin rút lui. Trong trường hợp đó, thẩm phán chủ tọa phiên tòa cần tìm hiểu để hiểu thấu đáo lý do vì sao nạn nhân lại xin rút lại vụ án trước khi cân nhắc về phương án lựa chọn. Thẩm phán cần xác định xem nạn nhân có bị gây sức ép hoặc vì sợ mà rút lại hoặc không đồng ý đề nghị xử lý nữa. Thẩm phán cần phân tích tất cả thông tin hiện có để có thể xác định tính chân thực của việc rút lui hoặc hủy bỏ đó.

### **Trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thể trả lại hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được; khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác; hoặc khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Khi thẩm phán quyết định trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung thì phải thông báo cho Viện kiểm sát về những nội dung cụ thể yêu cầu bổ sung và lý do yêu cầu điều tra bổ sung. Viện kiểm sát hoặc Tòa án chỉ có thể trả lại hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung không quá 2 lần. Vì thế, quyết định yêu cầu điều tra bổ sung cần phải được cân nhắc thận trọng và toàn diện.

Thủ tục này phản ánh trách nhiệm của thẩm phán là đảm bảo rằng tất cả các vụ việc BLGD đã được điều tra triệt để và hoạt động điều tra đã tôn trọng quyền và nhu cầu của các bên liên quan.

## **5.2 Các vấn đề liên quan đến phiên tòa**

### **Trình bày nội dung vụ án tại phiên tòa**

Kiểm sát viên được phân công thụ lý vụ án trình bày bản cáo trạng tại phiên tòa và sau đó sẽ có cơ hội hỏi những người tham gia phiên tòa sau khi thẩm phán đã xét hỏi từng người. Kiểm sát viên phải đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến và đề nghị của bị cáo, người bào chữa và những người khác tham gia tố tụng cũng như trả lời các câu hỏi do thẩm phán nêu ra.

### **Hỏi bị cáo tại phiên tòa**

Trước tiên bị cáo trình bày ý kiến về bản cáo trạng và những tình tiết của vụ án. Hội đồng xét xử sau đó có thể hỏi thêm về những điểm mà bị cáo trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn. Việc xét hỏi phải khách quan, tôn trọng quyền được bào chữa và phẩm giá của tất cả những người tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử không nên biện minh hoặc bào chữa cho những hành vi ngược đãi của bị cáo đối với vợ mình cũng như bày tỏ cảm thông đối với lời giải thích của bị cáo về bạo lực.

Hội đồng xét xử cũng cần xem xét tất cả các chứng cứ khác một cách cẩn thận, bao gồm các lời khai và chứng cứ vật chất trong hồ sơ vụ án cũng như ghi chép về những lời nói hoặc phát biểu tự phát của bị cáo và những ghi chép của công an tại hiện trường.

Khi hỏi bị cáo, kiểm sát viên cần lưu ý rằng không thể có sự biện hộ nào đối với bạo lực, những lời biện minh hoặc tìm cách làm giảm tính nghiêm trọng của vụ việc của bị cáo cần bị phản đối một cách mạnh mẽ.

### **Hỏi người bị hại tại phiên tòa**

Các thẩm phán và kiểm sát viên cần phải lưu ý rằng người bị hại trong vụ án BLGD có thể xử sự không giống người bị hại trong các tội phạm về bạo lực khác. Nhìn chung, người bị hại mong muốn giành được công lý, được chứng minh rõ ràng và được bồi thường. Một số phụ nữ bị bạo lực cũng mong muốn những điều này nhưng phần đông nạn nhân BLGD có thể lại không mong muốn. Nạn nhân có thể gọi công an đến nhà để ngăn chặn bạo lực nhưng không muốn chống mình bị bắt hoặc bị kết án. Nạn nhân có thể chỉ mong muốn dẫn giải người chồng ra khỏi nhà trong một đêm để chấm dứt cơn khủng hoảng lúc đó. Có nhiều lý do khiến cho nạn nhân không mong muốn và/hoặc không thể tham gia vào quá trình tố tụng.

Nạn nhân có thể tin rằng:

- Hệ thống tư pháp hình sự sẽ không truy cứu trách nhiệm của thủ phạm;
- Bạo lực có thể sẽ tự chấm dứt hoặc chấm dứt nhờ tư vấn;
- Sẽ không có ai tin họ;
- Sẽ tốt hơn cho con họ khi có cả bố lẫn mẹ;
- Bạo lực và ngược đãi là do lỗi của họ;
- Gia đình họ có thể tan vỡ nếu thủ phạm bị kết án;
- Họ không thể tự lo về tài chính nếu không có thủ phạm ở bên.



Nạn nhân có thể đã làm lành với thủ phạm hoặc thấy lo rằng mình phải chịu trách nhiệm về việc thủ phạm có thể phải nhận một án tích hoặc phải đi tù.

Nạn nhân có thể sợ hãi:

- Thủ phạm sẽ tiếp tục làm hại hoặc giết họ nếu họ tham gia vào quá trình tố tụng.
- Thủ phạm sẽ làm hại các thành viên khác trong gia đình, con cái hoặc những người thân khác.
- Thủ phạm sẽ trả thù họ.

Thủ phạm có thể:

- Gây trở ngại để nạn nhân không xuất hiện tại phiên tòa (giam giữ, giấu các thông báo được gửi đến qua thư tín, xóa các tin nhắn liên quan đến vụ án...).
- Trực tiếp hoặc gián tiếp đe dọa nạn nhân.
- Gây áp lực lên bạn bè và gia đình để thuyết phục nạn nhân không tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên và thẩm phán khi hiểu được lý do này thường tránh để quan hệ với nạn nhân trở nên đối lập. Nạn nhân thường phản ứng một cách tích cực đối với cách tiếp cận chủ động, cảm thông, quan tâm đến những lo lắng của nạn nhân. Cách đối xử của Viện kiểm sát và tòa án có thể giúp nạn nhân lấy lại được sức mạnh và sự tự tin đã mất do bị ngược đãi.

### **Chứng thực của chuyên gia**

Kiểm sát viên có thể đề nghị thẩm phán cho phép tòa được nghe trình bày của các chuyên gia khi xét xử các vụ án BLGD. Các chuyên gia có thể giúp tòa án hiểu thêm động cơ của BLGD, những thủ đoạn về quyền lực, kiểm soát và động cơ của việc ngược đãi. Các chuyên gia có thể hỗ trợ tòa án bằng cách giải thích các hành động của nạn nhân khi nạn nhân tiếp tục, thay đổi hay bỏ cuộc hoặc có sự chậm trễ trong trình báo hoặc do dự trong việc có truy tố thủ phạm. Việc sử dụng các chứng thực của chuyên gia trong các vụ án BLGD cần phải tuân thủ theo các quy định về trình tự thủ tục của Việt Nam.

### **5.3 Những cân nhắc khi kết án**

Việc nghị án phải được thực hiện một cách đầy đủ, toàn diện. Các chứng cứ đã được xem xét và Hội đồng cân nhắc có tội phạm xảy ra hay không, ai thực hiện hành vi phạm tội và cần áp dụng hình phạt nào. Khi nghị án phải có biên bản ghi lại các ý kiến và quan điểm được trình bày và thảo luận về từng vấn đề một.

Hình phạt cho hành vi BLGD chống lại phụ nữ phải tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội phạm. Việc kết án cần cho mọi người thấy rằng việc người chồng đối xử bạo lực đối với vợ là một vấn đề nghiêm trọng trong xã hội và tòa án, thông qua mức án, lên án việc đánh đập vợ và ngăn chặn khả năng tái phạm của thủ phạm cũng như những người đàn ông khác. Các vụ việc lặp lại của BLGD là phổ biến và nhiều nước đã có quy định là lạm dụng các thành viên trong gia đình được coi là tình tiết tăng nặng và làm tăng mức án tương ứng.

Việc kết án nên xem xét đến tiền sử của hành vi bạo lực, bản chất của mối quan hệ và ảnh hưởng đến nạn nhân và con cái. Thẩm phán nên xem xét quá trình bạo lực từ trước tới nay cũng như các lệnh cưỡng chế và kết quả giải quyết vụ việc trong quá khứ, việc tuân thủ các lệnh và kết quả giải quyết vụ việc đó. Một vài vấn đề mà tòa án cần xem xét trước khi tuyên án:

- Tòa án phải xác định những tình tiết đặc biệt trong mối quan hệ giữa các bên và vì thế khi người đàn ông gây thương tích cho vợ hoặc bạn tình thì hành động bạo lực của anh ta đối với nạn nhân là một sự lạm dụng tín nhiệm và là tình tiết tăng nặng.
- Hành vi tấn công này sẽ tạo ra sự lạm dụng quyền lực và kiểm soát, sự tổn thương của phụ nữ càng tăng lên do hoàn cảnh tình cảm và tài chính và họ thấy khó lòng thoát ra.
- Mối quan tâm chính phải là ngăn ngừa và răn đe chung.
- Cải tạo và ngăn ngừa cá nhân cụ thể là vấn đề quan trọng thứ hai

Tòa án cũng cần xem xét những yếu tố:

- Vụ hành hung là tương đối nhẹ về bản chất.

- Vụ hành hung là sự kiện đơn nhất.
- Có những tình tiết cho thấy sự cần thiết có mức án sao cho không tác dụng tiêu cực đối với khả năng duy trì gia đình.
- Tiền án, tiền sự về bạo lực.
- Có chủ mưu hoặc được lên kế hoạch từ trước không.
- Có sử dụng vũ khí không.
- Con cái có chứng kiến cảnh hành hung hoặc có mặt khi xảy ra vụ việc không.
- Hành vi phạm tội xảy ra tại nơi riêng tư trong gia đình.
- Không có sự ăn năn.
- Say xỉn khi phạm tội

Nếu có phạt tiền, thẩm phán cần xem xét:

- Áp dụng phạt tiền đối với thủ phạm có gây nên khó khăn về tài chính cho nạn nhân và con cái không.
- Việc phạt tiền cần kết hợp với điều trị và giám sát thủ phạm.

Tòa án cũng cần xem xét pháp luật có cho phép yêu cầu thủ phạm bồi thường cho nạn nhân không.

### **Mục 6: Kỹ thuật làm việc với nạn nhân**

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng nạn nhân BLGD thường bị thương tổn lần thứ hai, tức là sự thương tổn không phải do tác động trực tiếp của hành vi tội phạm mà do xử sự của các cơ quan hoặc cá nhân đối với nạn nhân. Đối xử với nạn nhân một cách tế nhị và tôn trọng sẽ không chỉ tôn trọng các quyền của nạn nhân mà còn góp phần giúp cho công tác truy tố và xét xử được thành công.

#### **6.1 Những vấn đề mà kiểm sát viên cần cân nhắc**

##### **Tiếp xúc ban đầu đối với nạn nhân**

Cách tiếp cận hiệu quả của Kiểm sát viên là tiếp xúc sớm với nạn nhân. Kiểm sát viên cũng nên tránh đổ lỗi cho nạn nhân về vụ bạo lực, cung cấp cho nạn nhân thông tin về quy trình tiến hành phiên tòa và vai trò của nạn nhân như là người làm chứng. Những hành động này có thể giúp phá vỡ cảm giác bị cô lập của nạn nhân và khiến nạn nhân tin rằng Viện kiểm sát có thể giúp chấm dứt tình trạng bạo lực đối với mình. Kiểm sát viên nên bảo vệ nạn nhân tránh bị hỏi những câu xâm phạm quá sâu hoặc làm xấu hổ nạn nhân tại phiên tòa, trừ khi những câu hỏi đó là cần thiết và lý do để hỏi đã được giải thích.

##### **Cách tiếp cận hiệu quả**

- Tiếp xúc với nạn nhân ngay từ đầu khi tiếp nhận vụ án.
- Giành thời gian để giải thích cho nạn nhân về các bước của quá trình tố tụng
- Giải thích về vai trò của nạn nhân như một nhân chứng trong quá trình tố tụng.
- Cung cấp thông tin về những cơ quan có thể bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân, như nhà tạm lánh, trung tâm tư vấn pháp lý.
- Giúp nạn nhân liên hệ với những cơ quan này.
- Không phán xét hoặc đổ lỗi cho nạn nhân mà giải thích rằng cả hai bên có chung một mục đích – đó là chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ.

Mặc dù sự tham gia ý kiến của nạn nhân là quan trọng nhưng quyết định cuối cùng có truy tố hay không, truy tố về tội gì vẫn là quyết định của kiểm sát viên. Kiểm sát viên cần nhớ rằng những hành vi đang được xem xét là tội phạm chứ không phải vấn đề riêng tư của gia đình. Tuy nhiên, họ cũng cần lưu ý rằng nạn nhân có thể có những lo lắng chính đáng về sự an toàn của mình. Kiểm sát viên cần đề nghị áp dụng bất kỳ biện pháp gì cần thiết để bảo vệ nạn nhân trong trường hợp đó.

### **Xử lý đối với trường hợp nạn nhân xin bãi nại**

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu nạn nhân muốn bãi nại hoặc rút lại lời khai của mình sau khi cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát hoặc sau khi kiểm sát viên đã chuyển hồ sơ và bản cáo trạng sang tòa trước khi phiên tòa diễn ra? Đôi khi nạn nhân sẽ đề nghị công an và/hoặc kiểm sát viên không tiếp tục quá trình tố tụng nữa và từ chối cung cấp chứng cứ. Nạn nhân có thể rút lại lời khai của mình trước phiên tòa. Nếu xảy ra điều này, kiểm sát viên cần hỏi nạn nhân để hiểu được nguyên nhân của việc bãi nại hoặc rút lời khai trước khi quyết định có hành động gì. Kiểm sát viên cần xác định xem liệu có phải nạn nhân bị gây sức ép hoặc bị đe dọa mà phải bãi nại hay không.

Để hiểu rõ hơn về vụ án này và những nguyên nhân đằng sau việc bãi nại, kiểm sát viên có thể lấy thông tin từ Cơ quan Cảnh sát điều tra, bao gồm các thông tin:

- Có quá trình ngược đãi từ trước đến nay không;
- Gần đây có ly thân không;
- Có quá trình gây quấy rối từ trước đến nay không;
- Có đang tiến hành các thủ tục ly hôn hay không;
- Bị can có tiền sử bệnh tâm thần không;
- Bị can đã bao giờ đe dọa nạn nhân hoặc con cái dưới một hình thức nào đó hay chưa;
- Liệu gia đình nạn nhân có gặp khó khăn nghiêm trọng về tài chính không;
- Bị cáo có việc làm không;
- Nạn nhân có bị phụ thuộc về tài chính vào bị cáo không;
- Bị cáo có tiền án tiền sự không;
- Bị cáo có nghiện rượu hay ma túy không;
- Tại sao nạn nhân xin bãi nại;
- Việc bãi nại xảy ra khi nào và trong hoàn cảnh nào;
- Bị cáo có sử dụng hoặc đe dọa sử dụng hung khí đối với nạn nhân hoặc con cái không;
- Bị cáo có chuẩn bị hung khí không.

Mục đích của việc hỏi và thu thập thông tin là:

- Xác định tính chân thực trong việc bãi nại;
- Hiểu rõ động cơ của việc bãi nại;
- Đánh giá độ tin cậy của nạn nhân với tư cách là nhân chứng;
- Trấn an và động viên nạn nhân tiếp tục tham gia vào quá trình tố tụng;
- Thông báo cho nạn nhân những điều kiện liên quan để bị cáo được bảo lãnh tại ngoại;
- Chắc chắn rằng nạn nhân đã biết về các dịch vụ hỗ trợ tại cộng đồng;
- Thông báo cho nạn nhân biết về vai trò của kiểm sát viên trong công tác tố tụng và đề xuất hình phạt đối với người phạm tội.

Các kiểm sát viên cần nhận thức về bản chất của BLGD, về quyền lực và sự kiểm soát của thủ phạm đối với nạn nhân và cần làm tất cả những gì có thể để hỗ trợ nạn nhân trong quá trình tố tụng hình sự; động viên nạn nhân tham gia vào quá trình tố tụng và cung cấp những chứng cứ tốt nhất.

- Hỏi nạn nhân xem cần hỗ trợ gì trong quá trình tố tụng.
- Cảm xúc của nạn nhân thế nào khi phải đối mặt với bị can tại phiên tòa? Biện pháp gì để hạn chế tối đa sự tiếp xúc này?

Nếu nạn nhân vẫn từ chối tham gia kể cả khi được động viên thì kiểm sát viên có một số phương án lựa chọn. Cần xác định xem liệu có thể tiếp tục vụ án mà không cần sự tham gia nạn nhân, có thể chuyển lời khai của nạn nhân cho cảnh sát mà không cần sự có mặt của nạn nhân hoặc có đủ chứng cứ khác để tiến hành tố tụng mà không cần lời khai của nạn nhân? Một quyết định khó khăn với kiểm sát viên là có nên có yêu cầu nạn nhân tham gia phiên tòa hay không vì việc đó có thể khiến nạn nhân bị ảnh hưởng và bị tổn thương trong lúc ra tòa.

Khi xác định các bước tiếp theo, kiểm sát viên cần xem xét:

- Tính chất nghiêm trọng của tội phạm;
- Mức độ thương tích của nạn nhân cả về thể chất lẫn tinh thần;
- Có sử dụng vũ khí không;
- Bị cáo có đe dọa gì tiếp theo;

- Việc hành hung là có kế hoạch không;
- Con cái họ có chứng kiến (nhìn hoặc nghe thấy) sự việc xảy ra không;
- Ảnh hưởng (cả về thể chất lẫn tinh thần) đến con cái trong gia đình;
- Khả năng tái diễn sự việc;
- Hiện trạng quan hệ giữa nạn nhân với bị cáo và đánh giá về tính bền vững;
- Ảnh hưởng của việc tiếp tục truy tố, dù nạn nhân không muốn truy tố, đối với mối quan hệ này;
- Quá trình quan hệ (đặc biệt là nếu có bạo lực trước đó);
- Tiên án tiền sự của bị can (đặc biệt là về bạo lực).

Những thông tin nền tảng là rất quan trọng để kiểm sát viên đưa ra quyết định tốt nhất - làm thế nào xử lý được vụ án khi nạn nhân đã rút yêu cầu truy tố. Trong những trường hợp mà yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại là yếu tố bắt buộc theo quy định tại điều 105 của Bộ luật Tố tụng Hình sự thì kiểm sát viên cần cân nhắc xem có thể áp dụng những tội danh khác, không đòi hỏi có yêu cầu của người bị hại, ví dụ như điều 151 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên cũng phải xem xét trong những vụ án đó có cần hoặc có thể áp dụng các biện pháp bảo vệ nhân chứng hay không, nhất là khi nạn nhân không muốn tiếp tục tham gia tố tụng do sợ hãi và do bị can đe dọa. Nếu kiểm sát viên nghi ngờ rằng nạn nhân đang bị gây sức ép hoặc dọa dẫm phải rút lại tố cáo, họ có thể đề nghị cảnh sát điều tra bổ sung. Việc điều tra có thể xác định thêm tội danh khác ví dụ quấy rối, đe dọa nhân chứng hoặc xác định được các điều kiện cho bảo lãnh tại ngoại đã bị vi phạm. Trong trường hợp đó, kiểm sát viên cần xem xét chứng cứ và quyết định có cần buộc tội thêm không.

#### Thông tin cung cấp cho nạn nhân

Nạn nhân cần được thông tin thường xuyên về diễn biến của vụ án và có cơ hội đưa ra các kiến nghị. Thiếu thông tin có thể khiến nạn nhân hiểu sai về quá trình tố tụng và khiến nạn nhân thấy bị đe dọa và sợ hãi. Ví dụ, nếu thủ phạm được bảo lãnh tại ngoại mà không thông báo cho nạn nhân thì nạn nhân sẽ không thể tự bảo vệ an toàn của mình và các con.

Một trong những nguyên nhân chính khiến các vụ án BLGD bị bỏ lọt là thiếu sự liên hệ giữa kiểm sát viên và nạn nhân. Liên hệ sớm với nạn nhân và chuyển gửi ngay nạn nhân đến các cơ sở hỗ trợ nếu có là rất cần thiết đối với an toàn của nạn nhân và việc truy tố vụ án thành công. Viện kiểm sát nên thông tin cho nạn nhân về tất cả quy trình thủ tục, tốt nhất là có trao đổi để tư vấn đầy đủ cho nạn nhân về những phương án lựa chọn khác nhau trong từng bước của quá trình tố tụng. Cần duy trì việc liên lạc với nạn nhân cho đến khi vụ án kết thúc. Việc cung cấp đầy đủ thông tin có liên quan đến an toàn của nạn nhân. Kiểm sát viên cần gặp gỡ nạn nhân ở giai đoạn đầu của quá trình tố tụng, vào thời điểm cụ thể mà kiểm sát viên thấy phù hợp. Điều này có thể giúp kiểm sát viên có được những quyết định chắc chắn hơn về bất kỳ vấn đề nào của vụ án và giúp nạn nhân có được thông tin trong suốt quá trình tố tụng.

#### Công tác bảo vệ và các vấn đề bí mật

Trước phiên tòa, nếu có căn cứ cho rằng bị cáo đe dọa hoặc xâm phạm cuộc sống, danh sự, nhân phẩm của nạn nhân hoặc sự an toàn của người thân nạn nhân và việc này làm cản trở quá trình xét xử thì thẩm phán thụ lý vụ án có thể báo cáo Chánh án hoặc Phó Chánh án ra quyết định tạm giữ bị can theo quy định tại điều 80 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Nếu kiểm sát viên biết được điều này thì cần thông báo ngay cho tòa án.

Kiểm sát viên phải bảo vệ bí mật những thông tin về nạn nhân. Tất cả tài liệu của tòa án khi công khai với công chúng và thủ phạm thì cần thận trọng khi nhắc đến nơi ở của nạn nhân nếu nạn nhân không còn ở chung với chồng. Viện kiểm sát nên giữ bí mật những thông tin liên quan đến việc điều tra vụ án khi áp dụng các biện pháp bảo vệ nạn nhân. Điều này bao gồm cả việc không để lộ thông tin cho báo chí, công chúng về nhân thân, cuộc sống của nạn nhân.

### 6.1 Các vấn đề cần được tòa án cân nhắc

Thẩm phán, cũng như các kiểm sát viên, phải hiểu được sự phức tạp trong cách cư xử của nạn nhân trong các vụ án BLGD. Những thẩm phán hiểu tâm lý nạn nhân BLGD sẽ dễ dàng đối thoại tích cực với các nạn nhân trong phiên tòa xét xử. Những nạn nhân có được sự thoải mái tại phiên tòa sẽ cung cấp được chứng cứ tốt hơn.

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa khi lên kế hoạch thu thập thông tin tại tòa sẽ chuẩn bị những nội dung cần hỏi nạn nhân và những người làm chứng khác và chuẩn bị các câu hỏi để hỏi nạn nhân trong phiên xét xử. Khi hỏi nạn nhân BLGD cần cân nhắc các vấn đề như sau:

- Tránh quan hệ đối lập với nạn nhân. Nạn nhân thường phản ứng một cách tích cực trước cách tiếp cận chủ động, cảm thông, quan tâm đến những lo lắng của nạn nhân.
- Cách đối xử của thẩm phán có thể giúp nạn nhân lấy lại được sức mạnh và sự tự tin đã mất do bị ngược đãi. Sau khi bị bạo lực, các nạn nhân thường cảm thấy bị cô lập khỏi thủ phạm, gia đình và cộng đồng.

Một điều quan trọng cần lưu ý là các hành động của thẩm phán có thể khiến những phụ nữ bị bạo lực cảm thấy bị tổn thương thêm lần nữa. Nếu thẩm phán đổ lỗi cho người phụ nữ về bạo lực xảy ra hoặc hỏi các câu hỏi không liên quan và riêng tư khiến nạn nhân xấu hổ, cảm giác như mình là tội phạm thì nạn nhân có thể sẽ không tìm kiếm giúp đỡ trong tương lai khi bạo lực tái diễn. Thẩm phán cũng cần tránh phạt lỗi nạn nhân vì đã từ chối ra làm chứng hoặc tham gia tố tụng.

### **Các biện pháp hỗ trợ việc cung cấp chứng cứ của nạn nhân**

Xuất hiện tại tòa, bị yêu cầu trả lời câu hỏi và đối mặt với thủ phạm có thể gây nên chấn thương tình cảm cho nạn nhân của BLGD, nhất là trong những vụ án hiếp dâm hoặc bạo lực tình dục. Nhiều nạn nhân nữ thấy sợ thủ tục xét xử tại tòa án hoặc cảm thấy lo lắng khi đứng trước tòa. Các biện pháp làm giảm bớt sự sợ hãi này là rất quan trọng để đảm bảo quyền được tôn trọng của phụ nữ cũng như nâng cao chất lượng các chứng cứ do họ cung cấp tại phiên tòa.

Ở Việt Nam, hội đồng xét xử có thể quyết định xét hỏi nạn nhân trong phiên tòa kín. Tòa án có thể quyết định “xét xử kín” nếu cần bảo vệ sự riêng tư của nạn nhân (quy định tại Điều 18 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Việc không công khai quá trình xét xử có thể bảo vệ nạn nhân khỏi bối rối xấu hổ và cả sự đe dọa khi nạn nhân tham dự phiên tòa và cung cấp chứng cứ.

Ở Việt Nam, các biện pháp sau đây có thể được áp dụng để hỗ trợ việc cung cấp chứng cứ của nạn nhân:

- Bố trí chỗ ngồi của nạn nhân trong phòng xử án xa chỗ ngồi của bị can cũng như người nhà của bị can. Hoặc có thể đảm bảo nạn nhân không ở cùng phòng vào cùng một thời điểm với thủ phạm hoặc sử dụng thiết bị ghi hình.
- Khi nạn nhân khai, cấm bị cáo hoặc người nhà thể hiện các hành động đe dọa. Cấm sử dụng điện thoại di động trong phòng xử án.
- Bố trí một phòng khác cho nạn nhân, chỉ khi nào cần khai báo trước tòa thì mới vào phòng xử án. Dẫn bị cáo ra ngoài trước khi nạn nhân vào để không cho nhìn thấy nhau. Sau đó lời khai được đọc trước tòa.
- Không hỏi những câu hỏi làm cho nạn nhân bối rối hoặc không liên quan trực tiếp đến vụ án.

### **Giải quyết vấn đề nạn nhân vắng mặt**

Sự tổn thương có thể khiến nạn nhân vắng mặt tại phiên tòa và điều này cần được dự tính trước. Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định rằng sự tham gia tại phiên xét xử khi được triệu tập là bắt buộc do vậy trong trường hợp có sự vắng mặt của người tham gia tố tụng, hội đồng xét xử sẽ thảo luận có nên hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử có thể quyết định tiến hành phiên tòa nếu thấy rằng sự vắng mặt không ảnh hưởng đến kết quả phiên tòa. Hội đồng xét xử cũng có thể quyết định hoãn phiên tòa nếu thấy rằng nạn nhân vắng mặt do có lý do hợp lý.

### **Các vấn đề bảo vệ**

Trước phiên tòa, thẩm phán chủ tọa phải có kế hoạch bảo vệ phiên xét xử. Các phiên tòa cần chú ý đến việc công tác bảo vệ nạn nhân và sự an toàn của họ khi tham gia phiên xét xử. Tòa án có thể phối hợp với công an triển khai phương án bảo vệ và phòng ngừa bị cáo hoặc người thân của bị cáo liên hệ với nạn nhân. Nếu có căn cứ xác định rằng bị cáo đe dọa hoặc xâm phạm cuộc sống, danh dự, nhân phẩm của nạn nhân hoặc người thân và điều này có thể gây cản trở quá trình xét xử, thẩm phán thụ lý vụ án có thể báo cáo Chánh án hoặc Phó Chánh án ra quyết định tạm giam bị cáo theo điều 88 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tòa án tiến hành phiên xét xử cần coi sự an toàn của nạn nhân là một ưu tiên. Nạn nhân phải cảm thấy an toàn khi cung cấp chứng cứ và cảm thấy được bảo vệ trong trụ sở tòa án. Tòa án cũng cần hỗ trợ nạn nhân trong việc đảm bảo an toàn tại cổng vào và khu vực đợi, tránh xa bị cáo. Nếu có thể và thấy cần, cán bộ tòa án có thể mời tư vấn hoặc trợ giúp pháp lý để hỗ trợ nạn nhân tại phiên tòa. Nạn nhân có thể đề nghị công an hộ tống đến và đi khỏi tòa án. Tất cả tài liệu của tòa án khi công khai với công chúng và thủ phạm thì cần thận trọng khi nhắc đến nơi ở của nạn nhân nếu nạn nhân không còn ở chung với chồng. Việc cung cấp thông tin về phiên xét xử không được tiết lộ thông tin về nhận dạng, địa chỉ, các bức ảnh hoặc đời sống riêng tư của nạn nhân.





CỤC CHÍNH TRỊ - HẬU CÁN CẢNH SÁT PCTP - BCA



VỤ PHÁP LUẬT HC & HS - BTP

Cơ quan phòng chống Ma túy và tội phạm Liên Hiệp Quốc  
41A Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (+84 - 4) 39388437; Fax: (+84 - 4) 38220854; Website: [www.unodc.org](http://www.unodc.org)